

Tác Giả và Tác Phẩm

Trần Hoài Thư (I)

Tiểu sử

Tên thật Trần Quý Sách. Sinh ngày 6.12.1942 tại Đà Lạt.

Tác phẩm

Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang - Ngọn cỏ ngậm ngùi – Con đường
Ra biển gọi thầm - Ban Mê Thuật ngày đầu ngày cuối - Về hướng mặt trời lặn
Thủ Đức gọi ta về - Mặc niệm chiến tranh - Thơ Trần Hoài Thư.



tranh Đinh Cường

Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2
Một thời... – Lê Văn Thịnh – 4
Đôi mắt người Sơn Tây – 6
Người lính trong văn Trần Hoài Thư - Nguyễn Vy Khanh – 10
Đối thoại với một trung đội trường thám kích? – Đỗ Kh - 16
Bài văn định mệnh – 18
Tuổi trẻ, nước mắt...trong truyện Trần Hoài Thư - Nguyễn Lệ Uyên – 21
Người lính sưu tập....qua vương đời “Ô Cửa” – Lâm Hào Dũng - 31
Về thăm quê của Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Yến Lan và Võ Phiến - 37
Sống để viết - Nguyễn Thị Hải Hà - 40
Phỏng vấn nhà văn Trần Hoài Thư – Phạm Cao Hoàng – 50
Một bia mộ cho dòng văn học đô thị - 56

Phụ đính I :
Chùm thơ Trần Hoài Thư

Phụ đính II :
Gò bồi bên kia sông - Ở một nơi trên Trường Sơn
Làng xóm buồn thiu - Bệnh xá cuối năm – Chiến tranh
Những cơn mơ cuối năm - Đêm trăng này nghỉ mát ơ đâu

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Tên thật Trần Quý Sách, sinh năm 1942 tại Đà Lạt, hiện cư ngụ tại New Jersey, Hoa Kỳ.

1964: Giáo sư Trường Trung học Trần Cao Vân, Tam Kỳ. Khởi sự viết văn, truyện ngắn đầu tay: *Nước Mắt Tuổi Thơ* đăng trên tạp chí Bách Khoa, Sài Gòn.

Cộng tác với các tạp chí: Bách Khoa, Văn, Thời Tập, Vấn Đề, Khởi Hành, Ý Thức, ...

1966: Nhập ngũ khóa 24 SQTĐ Thủ Đức. Nhận giải thưởng Sinh Viên Sĩ Quan Báo Chí xuất sắc của Khóa 24.

Trung đội trưởng thám kích Đại đội 405 TK/SĐ 22 BB.

Phóng viên chiến trường tại QĐ4.

1975: Tù "cải tạo" 4 năm.

1980: Vượt biển, định cư tại Hoa Kỳ.

Viết truyện đăng trên các tạp chí Nhân Văn, Hồn Việt, Dân Quyền, Diễn Đàn, Sóng, Văn Học, Quê Mẹ, Đồi Mới.

2001: Cùng các bạn văn chủ trương tạp chí Thư Quán Bản Thảo và thành lập Cơ sở xuất bản Thư Quán in lại các tác phẩm văn học miền Nam trước 75.

Tác phẩm đã xuất bản:

Trước năm 1975:

1968: *Nỗi Bơ Vơ Của Bà Ngựa Hoang*, (Truyện, Nxb Ý Thức)

1970: *Những Vì Sao Vĩnh Biệt*, (Truyện, Nxb Ý Thức)

1971: *Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi*, (Truyện, Nxb Ý Thức,

1974: *Một Nơi Nào Để Nhớ*, (Truyện, Nxb Con Đường)

Sau năm 1975:

Truyện:

- Ra Biển Gọi Thầm (Tập truyện, 1995)
- Ban Mê Thuật Ngày Đầu Ngày Cuối (Tập truyện, 1997)
- Về Hướng Mặt Trời Lặn (Tập truyện, 1998)
- Đại Đội Cũ, Trang Sách Cũ
- Thế Hệ Chiến Tranh (Tập truyện)
- Đánh Giặc Ở Bình Định
- Đêm Rừng Tràm
- Hành Trình Của Một Cỗ Trắng
- Mặc Niệm Chiến Tranh (Tập truyện)
- Thủ Đức Gọi Ta Về (Hồi ức).

Thơ:

- Thơ Trần Hoài Thư (Tập thơ, 1998)
- Qua Sông Mùa Mận Chín (Tập thơ)
- Tháng Bảy Hành Quân Xa (Tập thơ)
- Phố Xa (Tập thơ)
- Ngày Vàng (Tập thơ)
- Ổ Cửa (Tập thơ)
- Quán (Tập thơ, 2008)
- Xa Xứ (Tập thơ, 2010)

Trần Hoài Thư đã nghỉ hưu. Ông vẫn cư ngụ tại tư gia ở New Jersey. Trong năm sáu năm gần đây, ông cùng một vài người bạn (Phạm Văn Nhân, Trần Bang Thạch...) chủ trương Thư Quán Bản Thảo, một tạp chí không định kỳ, đồng thời dựng lên nhà xuất Thư Quán do chính Trần Hoài Thư in ấn, đóng cắt, phát hành. Người con duy nhất của ông, Trần Quý Thoại đảm nhiệm phần mỹ thuật (trình bày, vẽ bìa). Nhà xuất bản Thư Quán đã in, phát hành một số tác phẩm quý như: *Quanh Quẩn Chuyện Đồi* (truyện của Trần Bang Thạch), *Hương Sắc Mong Manh* (thơ Hoài Khanh), *Một Mình Như Cánh Lạ* (thơ Hạc Thành Hoa), tập truyện của Y Uyên...v...v... Trần Hoài Thư vừa là nhà văn, vừa là nhà thơ, ông gây dựng nhà xuất bản bỏ túi này in rất nhiều thơ và sách tưởng như không bao giờ có thể nhìn lại thấy được sau năm 75 như: Y Uyên, Nguyễn Bắc Sơn, Linh Phương, Lữ Quỳnh, Văn Miền Nam, *Thơ Lục Bát Miền Nam*, *Thơ Tinh Thời Chiến*. Riêng *Thơ Tinh Thời Chiến* có khoảng 200 nhà thơ trẻ...

Nhóm đã cố gắng sưu tầm và mang lên net "Di sản Văn Học Miền Nam" trước 1975. "Thơ Miền Nam Thời Chiến" là bộ sưu tập gom góp lại từ 263 thi sĩ, trải qua bao nhiêu cuộc biến thiên, bao nhiêu lần phần thư khốc liệt. Có một thời, thơ Miền Nam đã bị những âm mưu xóa nhòa trong văn học sử để thay vào đó là những cây bút sống chui rúc trong rừng trong bụi hay những người từ miền bắc trở vào đội danh cải lốt. Những người chủ trương Thư Quán đã khởi đi trong tro tàn để sưu tập cho được những chân dung thi sĩ đã một thời tạo nên những sinh hoạt văn chương đẹp đẽ và nhiều thời đại tính.

Từ đây là những chuyến đi đi về về thư viện Đại học Cornell, Library of Congress dài thăm thẳm, qua đồi, qua đèo trập trùng, cùng tuyết rơi mịt mù. Nhiều lần, một mình trong đêm, giữa xa lộ đầy ánh đèn xuôi ngược, hay qua dốc đèo hiu quạnh, có khi lạc qua một thị trấn quờ quạng tìm lối ra, không phải *đi năm phút đã về chốn cũ* mà cả năm cả tháng, Trần Hoài Thư đã đi tìm Vũ Hữu Định ở đây. Từ những chồng tạp chí cũ cao ngất, cứ lật và cứ lật miệt mài. Nơi nào có cõi thơ họ Vũ trú ngụ? Tạp chí nào, số nào, trang giấy nào có tên Vũ Hữu Định dù chỉ một hai bài? Cuối cùng thì Trần Hoài Thư, ông đã tìm ra Vũ Hữu Định.

Với tổng số 80 bài, trong đó có tập thơ in trong nước có 45 bài. Nhóm Thư Quán đã sưu tầm và in lại thơ Vũ Hữu Định để tặng bằng hữu, trong tinh thần lai cáo di sản văn học miền Nam. Đọc thơ Vũ Hữu Định, thấy nỗi ngậm ngùi, lại càng thấy công việc của Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân là một việc khổ công nhọc sức.

Một thời... Lê Văn Thiện



Trước kia tôi đọc hầu hết các truyện ngắn của Trần Hoài Thư, nhưng nay chỉ còn giữ được ba truyện: Qua bao dâu bể, Trong cuộc chơi lớn quay cuồng và Giông bão. Những cuốn sách, tờ báo khác gì những chiếc lá. Nhưng trong số đó tôi thích nhất truyện Một chiều cuối năm, đăng trên Bách Khoa số 361, ngày 15.1.1972. Tôi thích, do nó nói đến một thị trấn miền núi giống Kontum vào thời kỳ 1968-1971 lắm biến động.

Truyện như vở kịch ngắn. 4 nhân vật. Một hồi 3 cảnh. Bối cảnh là một thị trấn cao nguyên. Chàng, nhân vật chính, rời khỏi thành phố biển (giống Tuy Hòa) với hai tay trắng, không địa vị, danh vọng, tình yêu; chỉ đem theo vài cuốn sách, một khăn lau mặt và một bàn chải đánh răng. Anh bạn thân tặng chàng ít tiền, một cái áo ấm và tiễn chàng ra bến xe. Anh dặn dò: “Lên trên ấy mây sẽ thấy, gió, mưa và đất đỏ. Những ngày cuối năm lạnh tàn bạo... Mây ráng giữ mình. Nay là giai đoạn cuối của cuộc chiến. Tao nghe tin hòa bình sắp đến. Thế nào sang năm cũng hòa bình”. Chàng muốn ứa nước mắt: “Tao nhớ lời mây... Nhưng biết làm sao bây giờ?”. “Ít nhất mây nên nghĩ rằng phải sống, phải còn lại sau khi ngưng tiếng súng”. Đơn giản, dễ hiểu, chân tình và buồn, cảm nhận được nỗi trống vắng hoang mang của những người trong cuộc. “Chàng liên tưởng đến vị trí của mình trong những ngày sắp đến. Trước mặt chàng, thành phố chưa mở mắt. Màu tranh tối tranh sáng lấp lửng trên những khóm bàng. Gió xào xạc. Mấy con chó tìm ăn bên những thùng rác”. Trước mặt chàng là phố núi.

Cuối năm 1968, lần đầu tôi đến Kontum... Còn tám ngày nữa hết năm. Lạnh, mới 4 giờ chiều đã lạnh. Bầu trời lúc nào cũng đen đặc mây, ngẫu đục như nước sông mùa lũ. Tuần vừa qua chúng tôi nằm trong rừng sâu, gần Pleime. Chẳng đánh đấm gì, nhưng mệt, bần thần, bằng lăng như xem một phim đen, vừa quái đản, vừa ảo... Nằm vòng ngoài, giữ an ninh cho một tiểu đoàn khác thu dọn chiến trường. Nơi này vừa diễn ra một trận đánh lớn, mùi đạn bom chưa phai. Chiến trường có gì đâu để thu dọn? Không còn tiếng súng. Mũ sắt mũ vải lẫn lóc bên suối, cạnh những hốc đá. Hai chiếc trực thăng nằm chổng gọng giữa trảng tranh. Những chiếc ba lô rách bươm. Dây điện thoại giăng mắc chằng chịt. Một hang đá đầy bông băng, máu khô. Những chiếc cẳng thương đan bằng dây mây vấy máu. Những mảnh vụn súng Nga súng Mỹ vương vãi... Cây cao trên dưới hai chục mét, mới 3 giờ chiều đã hết nắng, 5 giờ đã tối. Đêm dài. Dài nhưng không mộng mị. Ngủ chập chờn nên khó gặp mộng. Vắng lặng, như chỗ không người. Lâu lâu lại nghe một cành cây bị thương chuyển mình, rơi ào xuống đất. Gần sáng, ở đồi bên cạnh, có con chim lạ kêu to, thẳng thốt, như người ngủ mơ: “Yêu dấu, yêu dấu”. Bọn lính nói chim Lào đấy, nó kêu: Xương máu, xương máu! Mê muội, xương máu gì? Đứa nào vay máu xương?

Nhiều ngày tôi không tắm giặt. Tới bữa thì ăn, không biết đói. Đánh nhau, không lạ. Tôi đã thấy tận mắt hàng trăm cái chết, kiểu chết của hai bên, của dân thường. Nhưng đây, trên vùng rừng cháy nám đặc sệt mùi khói bom này, cảnh tượng dữ dội kinh dị vẫn làm tôi choáng. Xong việc, trực thăng bốc chúng tôi ra Kontum, chờ xe đưa về Cheo Reo... Sắp tết, nhưng thị xã đìu hiu này chẳng có tí chút dấu hiệu xuân nào. Chợ đồ nát từ đầu năm Mậu Thân vẫn đứng đó, còn nguyên đồ nát, tường xám đen, cột chằng chịt dấu đạn, mái tôn cong vênh. Người đi đường vật vờ. Xe nhà binh chạy trong bụi. Tiêu điều như các thị trấn hoang dã trong những phim cao bồi

Mỹ... Vào tiệm sách nhỏ gần chợ, tôi mua một tập thơ Phạm Thiên Thư, một cuốn sách dịch Krishnamurti. Lạ, sau những gì đã thấy trên núi, mình vẫn ăn uống, nói cười, đi dạo phố, đọc sách triết! Tôi và hai người bạn vào quán cà phê, ngồi ở đó đến 2 giờ sáng. Lạnh ác, về nằm ở hiên trường không ngủ được đâu. Hai chiếc xe tăng bắn cảm canh xuống lòng sông dưới chân cầu ở đầu nam thị xã.

Cái máy cũ phát ra: “Hát trên những xác người” lạnh lẽo như kính cầu, nghe thê thiết. Đùng, đùng, xe tăng bắn xuống sông. Một anh bạn bảo em tiếp viên: “Thay bài khác đi em ơi, thăm quá! Không ai còn nước mắt đâu...” Bất hạnh cho ta. Ta thấy, ta biết nhiều quá. Thấy và biết những thứ lẽ ra không nên có trên đời. Ai sản xuất, đạo diễn vở kịch lớn này? Trời chăng? Có phải là kịch? Ta làm diễn viên trong thời gian dài, mệt nhoài, chán ngấy... Bom đạn, tang tóc, máu xương. Những con người an phận, bất lực, cam chịu. Những đồi núi tanh bành, lở loét. Những xóm làng thất thần, xơ xác... Có người gọi đây là cuộc chơi. Hơi lạ. “Cuộc chơi” rộng lớn, đẫm máu, đậm đặc mùi tử khí, nửa hư nửa thực. Mà ta và bạn ta thì trẻ, trong sáng, hầu hết chưa vợ, chưa đến tuổi 25. Gọi là “chơi” nhưng chết là thực, mất mát là thực, đau đớn là thực, thương tật là thực. Có điều, mãi về sau, hai ba mươi năm sau, những kẻ sống sót mới rõ: Những hình ảnh ta thấy hôm nay sẽ cứ còn mãi, mới nguyên trong trí ta... Đó là bất hạnh lớn nhất. Chàng của truyện ngắn Một chiều cuối năm, còn trẻ, cỡ tuổi tôi dạo ấy, 21. Chàng kể chuyện, giọng buồn, bình thản, dừng dừng như nói về người khác. Qua đó, tôi thấy lại Kontum của mình nhìn lại bóng hình xưa của mình, vốn đã lặn sâu vào trong ký ức... Đến thị trấn núi, hai ngày cuối năm, chàng ở khách sạn. Bơ vợ, không bạn bè, không người thân, túi chỉ còn ít tiền. Khi xài hết số tiền đó, chàng đói. Đói, thèm cái ăn trong đêm giao thừa. “Chàng chẳng còn xu nào để ăn một bữa cơm lót dạ. Suốt ngày chàng ôm bụng đói, nằm trên giường nệm, thở dài... Thị trấn lên đèn. Tiếng hát từ rạp chiếu bóng vẳng đến với bài hát quen: Anh sẽ ra đi về miền cát nóng, nơi có quê hương mịt mù thuốc súng. Anh sẽ ra đi về miền mệnh mỏng. Cơn gió cao nguyên từng đêm lạnh lùng”. Giọng vẫn nhẹ nhàng, nhiều lúc như những lời thăm thì trữ tình, nhưng truyện bị vây bọc trong một không gian u ám, tù đọng, xám ngoét. Có một thời như thế, và thời ấy đã qua từ khuya. Nó để lại gì? Nó đem đến gì? Đã hai thế hệ, vẫn còn hàng ngàn vấn đề, câu hỏi chưa giải quyết, chưa trả lời; cứ nằm ì ra đó, tươi rói, mới tinh. Chúng nằm trên mặt đất, vắt vẻo trên ngọn cây, giăng mắc trong mây trời trông dị hợm, đen đúa, quái đản như một loại Na Tra suy dinh dưỡng, không thay đổi, tật nguyên, không lớn... Tật nguyên là bất hạnh...

Vật đổi sao dời (nói theo giọng xưa), đã hơn 40 năm tôi và Trần Hoài Thư không gặp nhau. Nghe đâu, qua Mỹ, Thư học thêm, có bằng cấp, sống ổn định. Ở đây, tôi làm nông, gấn bó với ruộng đồng, ổn định. Tôi không than van, oán trách (oán trách ai đây, trời chăng?). Than thở vô ích, nó chỉ làm suy nhược con người. Điều quan trọng (và kỳ quặc), tôi luôn nghĩ mình may mắn... Tôi nằm trong cái ao làng. Tôi ngao du, ca hát, bơi lội thỏa thích ở đó. Đúng hên. Như lời người bạn của Trần Hoài Thư căn dặn trong Một chiều cuối năm, tôi đã sống, trụ lại tới ngày ngưng tiếng súng, thấy tự do hòa bình, được biết mặt mafia mới ranh ma, vô liêm, quỷ quyệt, biết hồ hởi xóa đói, biết phát triển xuất khẩu lao động tui nhục... Cuối năm 2007, kỷ niệm trong 30 năm vất vả, tôi làm thơ:

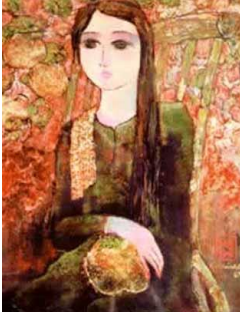
*Sau 30 năm về cầm cuốc
Ta đã thành Nhân Dân*

Đây là kiểu nói bóng bẩy thực ra “ta” đã nhân dân từ 60 năm trước. Thế đấy, “nhân” là người, thành người dân Việt chân chính! Tốt, nói gì thì nói, trước hết phải là con người, đừng biến tướng thành thứ chó hai chân biết mang giày, đeo cà vạt, đau lòng tổ tiên! (Lời bình của Kim Thánh Thán: Chó mang bộ óc và đôi mắt chó, nên lắm lúc nó không biết nó chó. Thương lắm thay!)... Gay go. Nhiều người thích bàn về vô thường, chính tà, trầm luân, nhân quả, hư không, cơ duyên. Phán khởi và xóa đói. Hồn ai nấy giữ. Gian manh và đê hèn. Gieo gì gặt nấy... Đã

ngoài ba mươi năm, trong tiềm thức tôi, chim Lào vẫn khắc khoải: Xương máu, xương máu! Lẽ nào đổi máu xương lấy mọi rợ bần hàn?

Điều đáng nói: Làm sao để khi ra đời là người, đến chết vẫn người, đừng thành mafia cướp ngày, thành chó hai chân biết mang giày đeo cà vạt.

Đôi mắt người Sơn Tây



Đôi mắt người Sơn Tây
U ẩn chiều luân lạc
(Quang Dũng)

Trước ngày ngưng bắn, là một phóng viên mặt trận, tôi vẫn thường theo các đoàn quân vượt qua giòng kinh Vĩnh Tế để làm những phóng sự chiến trường ngoại địa. Vào một ngày đầu tháng chạp, tôi mang máy ảnh, sỏ tay theo một chi đội thiết vận xa M13 về giải tỏa áp lực địch tại một quận lỵ nằm trên con đường số một nối từ Neakluong đến thủ đô Nam Vang. Buổi tối có mưa sục sùi, cùng với người bạn cũ nằm đêm tại một đồng không mông quạnh, chúng tôi cùng nhắc lại những buổi chiều ở Bonard, Mai Hương. Bạn tôi cũng kể về những ngày dài nơi xứ lạ này. Trời tối như mực đến nỗi cách nhau vài thước, cũng không thể nhận diện được. Thình thoảng vài trái sáng được bắn lên từ phía rặng núi, soi cả thình không trong vài giây phút rồi tắt lịm.

Người bạn bỗng nói:

-Có bao giờ anh nghĩ rằng ở giữa vùng đất lạ lẫm này lại có một người nữ như trong một bài thơ của Quang Dũng ?

Tôi hỏi:

-Có phải là Đôi Mắt Người Sơn Tây ?

-Vâng.

Rồi bạn vừa đốt thuốc rồi kéo cao cổ áo lạnh. Cơn mưa đã dứt, nhưng khí lạnh đã bốc đầy trời. Bạn lại dục:

-Trước khi tôi kể câu chuyện, mời anh thử một chút rượu cho ấm . Rượu mang từ quê nhà đấy...

Tôi nghe lời bạn. Hớp rượu làm nòng cả châu thân. Như những giọt hạnh phúc nho nhỏ trong vùng đất gằm gừ tai họa. Chúng tôi bây giờ chỉ còn những cơn mơ, chẳng cần để ý gì đến những ngoại cảnh, đến những tiếng nổ thình thoảng nổi lên cắt xé cả lòng đêm tịch mịch. Chúng tôi cũng chẳng cần bận tâm gì đến những tín hiệu phát ra từ chiếc máy siêu tầng số bên cạnh. và lời bạn tiếp tục:

-Rồi ngày mai, tôi sẽ đưa anh tới một quán nghèo giữa quận lỵ. Anh sẽ gặp một thiếu phụ trẻ. Hy vọng anh sẽ một nguồn cảm hứng để viết.

-Người thiếu phụ ấy có liên quan gì đến chúng ta không?

-Có. Liên quan đến tất cả chúng ta. Nhất là anh.

-Tại sao?

-Anh là một phóng viên.

-Phóng viên không phải là thầy tướng số.

-Vâng. Nhưng tôi tin nơi anh có điều kiện và khả năng hơn tôi.

Tôi cười:

-Thôi, tôi chịu thua rồi. Anh kể tiếp về người thiếu phụ Miên ấy đi.

-Không phải Miên là người VN.

-...?

Bạn tôi vắt mẩu thuốc xuống ruộng nước rồi tiếp tục nhấp khẻ hớp rượu. Đêm nặng và đầy sương. Xung quanh chúng tôi là tiếng dạ trùng, ếch ương ếch nhái vang lên não nột. Thỉnh thoảng chúng tôi còn nghe cả tiếng "phụp" của trái sáng được bắn lên từ đâu đó. Giọng bạn ấm:

-Bởi thế tôi mới gọi là Đôi Mắt Người Sơn Tây. Vâng, thật không ngờ, hai mươi năm về sau từ khi có bài thơ của Quang Dũng, tôi mới thấy được đôi mắt ấy. Anh còn nhớ không, những câu thơ đẹp như thế này:

Bạn đọc trầm trầm:

Em ở Sài Gòn chạy giặc về

Tôi từ chinh chiến đã ra đi

Cách biệt bao ngày quê bất bại

Chiều xanh không thấy bóng Ba Vi

...

Đôi mắt người Sơn Tây

U uẩn chiều luân lạc

Buồn viễn xứ khôn khuây...

Thú thật, tôi không phải là nhà thơ. Tôi chỉ là người yêu thơ. Nhưng khi gặp nàng, nhìn đôi mắt nàng, tôi phải bàng hoàng. Cám ơn nhà thơ Quang Dũng đã cho tôi hiểu thế nào là một đôi mắt Sơn Tây...

Giọng bùi ngùi, người bạn kể lại:

-Khi đơn vị tôi đến K., thì bọn tôi nhào vào chợ để tìm mua vài vật dụng cần thiết. Riêng tôi, tình cờ ghé lại một quán ven đường và người chủ quán đã làm tôi ngạc nhiên hết sức. Da nàng trắng nuột, gương mặt thật thùy mị, mũi thanh tú, và nhất là đôi mắt nàng. Khi nhìn lên đôi mắt ấy, có chút gì buồn vơi vơi, có chút gì như lệ long lanh anh ạ. Trong khi xung quanh nàng, màu da vàng mật, thì màu da nàng lại trắng nõn bạc như một bông hoa hiếm lạ. Tuy vậy, tôi cứ nghĩ nàng là một người Miên một trăm phần trăm. Bởi cách ăn mặc, giọng nói của nàng, bởi cung cách của nàng. Và tôi đã bập bẹ vài tiếng Miên học lóm được. Nhưng sau đó tôi bỗng nhiên nghe được hai tiếng Việt *thưa ông*. Càng ngạc nhiên hơn nữa, là giọng Bắc chính cống, không pha trộn, rất rõ và rất êm. Anh hẳn biết ở xứ này, tìm được một người đồng hương đã là khó, mà người ấy lại là người Bắc thì lại càng khó hơn. Nhất là quê hương tôi là miền Bắc.

-Nàng nói gì không?

-Nàng hỏi quê mình dạo này ra sao? Bên mình hòa bình chưa? Nàng bảo nàng nhớ nhà quá. Còn tôi, tôi hỏi gốc nàng ở đâu, tại sao lưu lạc ở đất này...

-Nàng bảo sao?

Nàng kể nàng sinh tại Sơn Tây. Rồi nàng tấm tức khóc. Sau đó chồng nàng xuất hiện. Nàng chắc sợ một điều gì đó nên giả vờ vui, rồi nói tiếng Miên huyền thuyên. Tôi muốn hỏi thêm nhưng lệnh đơn vị ban xuống là đơn vị phải di chuyển gấp. Thành ra tôi chẳng biết thêm gì về lai lịch nguồn gốc của nàng...

-Quả câu chuyện anh kể như một cơn mơ...

-Vâng, anh nói đúng. Nhiều khi nghĩ lại tôi nghĩ đời như cơn mơ. Cơn mơ về một đôi mắt...

-Đôi mắt người Sơn Tây...

-Vâng đôi mắt người Sơn Tây. Mà nếu không có cơn mơ ấy chúng ta sống không nổi. Anh thấy không. Giữa lúc ở nhà, người ta đang sống phè phỡn, đang bình an cùng giấc ngủ không bị quấy rầy, đang làm tình, thì bọn này đang có mặt ở giữa đồng không, xung quanh là những thiết vận xa bao bọc, trời thì mưa sục sùi...Sống như thế này nếu không có những cơn mơ thì chắc phải điên khùng...

Bạn biết không. Có khi tôi mơ đất nước hòa bình. Có khi tôi mơ trở thành cánh chim bay về thành phố. Có khi tôi mới có một phép lạ trở thành Tôn Ngộ Không, bắt tất cả những tên đồ tể chiến tranh bỏ vào chung một phòng để chúng đánh nhau cho dân đỡ khổ. Và bây giờ tôi mơ về một đôi mắt...

-Vâng, thật tội nghiệp cho chúng ta vì chúng chỉ là những giấc mơ không bao giờ trở thành sự thật.

Một trái sáng lại òa vỡ, tôi thấy mắt người bạn trở nên xa vời:

Người bạn tiếp tục nói:

-Tôi là một kẻ rất yêu thích thơ văn. Tôi cũng thường xuyên theo dõi tình hình sinh hoạt văn học nghệ thuật. Có một điều tôi rất ngạc nhiên là trong khi người ngoại quốc lấy Việt Nam làm đề tài, những nhà sản xuất phim, những phóng viên kỹ cựa hay những nhà văn nổi tiếng đều bay qua VN tìm chất liệu, thì mình lại đi ca ngợi tung hô mấy loại sách dịch như Một Thời Để Yêu và Một Thời Để Chết của Remarque hay Lolita hay Love Story...Đất nước mình có biết bao nhiêu đề tài cho những ông nhà văn nhà thơ, tại sao lại cứ đi vay mượn. Có phải dân tộc mình có thói quen là nô lệ tinh thần hay không. Cứ nghĩ là mấy ông Tây ông Mỹ là mấy bậc thầy, cần phải học ở mấy ông ấy..Xin lỗi tôi có cái nhìn hơi chua chát nhưng không nói ra thì ầm ức lắm. Vào sáng hôm sau, cả đơn vị lên đường. Tôi theo thiết vận xa của người bạn. Chiến tranh nơi nào cũng vậy. Cũng tan thương, đổ nát... Khi chúng tôi tiến qua một khu ruộng mía, người dân quì trên bờ ruộng, lạy chúng tôi. Làm sao mà tài xế có can đảm mà cán bừa vào đám mía non ấy. Cả một dân tộc hiền hòa với những ngôi Chùa mái cong vút lên mây ẩn hiện đằng sau những khóm dừa, khóm thốt nốt. Những ngôi nhà sàn trong sóc, còn thờ khói. Đám con nít thấy chúng tôi cười ngây thơ.

Trong gió, chừng như nghe cả mùi đất, mùi thơm rơm và cả mùi ngây ngây của luống cà mới vỡ. Có những cánh én khác đuôi theo thiết vận xa, giỡn đùa với những đường nước mà bánh xích đã cà và tạo nên. Bầu trời thật xanh. Có ai nhắc đến Tết. Gần đến Tết rồi anh em ơi. Giọng nói mang vào lòng những đứa con của chiến trường những nhớ nhung tràn ngập. Thấy họ càng thương họ. Những phận đời tuổi trẻ chưa biết hưởng thế nào là hương vị thanh xuân, nếu có, chỉ là những ước mơ, nhưng nhớ tội nghiệp.

Và đúng như lời bạn nói, buổi trưa cả đơn vị đóng quân ngay tại trung tâm quận K. Người bạn đã nháy tôi và cả hai tìm đến chiếc quán bên đường. Tôi nhận sự mê hoặc bởi gương mặt thanh tú, sống mũi dọc dừa, màu da trắng nuột của người đàn bà. Nàng quả là một bông hoa lạ thường ở cõi khô cằn này. Tuy nàng mặc chiếc xà rồng đã bạc màu, những ngón tay bàn chân của nàng đã in dấu gian khổ lắm than, nhưng người ta vẫn tìm ở nàng một vẻ đẹp nổi bật vượt lên khỏi một tập thể dân quê nghèo nàn và khổ cực xung quanh. Và đôi mắt của nàng, thật khó diễn tả. Thấy như thể cả trời u uẩn, đầy nước mắt. Tôi chỉ biết ngồi yên như bị đôi mắt ấy hớp hồn rồi. Tự dưng tôi cảm thấy thương nàng hết sức. Chỗ của nàng không phải chỗ này. Chỗ của nàng ở bên kia biên giới có cùng màu da tiếng nói, có ao nhà, vườn rau, bà con lân láng.

Nắng đã lớn, tươi tắn cả khu chợ quận. Người bạn giới thiệu tôi bằng tiếng Việt:

- Đây là người bạn của tôi .

Tôi nói chào cô. Người thiếu phụ cũng cúi đầu đáp lễ. Tôi nhận ra đôi vai nàng mềm quá .

Người bạn lại nói tiếp:

- Hôm qua cô kể cho tôi nghe nửa chừng . Tại sao thế ? Để đáp lại câu hỏi của người bạn,nàng chỉ nói :

Các ông không hiểu hoàn cảnh của em đâu.

Đôi mắt của người thiếu phụ chột hoe đỏ. Nàng nói giọng sững lệt:

- Thấy các ông em bỗng nhớ đến quê nhà. Đã mười mấy năm em xa nhà. Thưa ông, từ đây qua bên ấy có xa không ?

Người bạn trả lời:

- Quê mình chỉ cách nơi này non 15 cây số, đường bộ chỉ mất nửa tiếng đồng hồ nếu đi xe...

- Thế sao ? Em không hề biết.

- Chứ cô không bao giờ nghe nói đến quê nhà hay sao?

- Dạ thưa không.

Rồi nàng lại hỏi:

- Không biết giờ này bên đó nóng hay lạnh, trời có hay mưa không ?

- Bên nhà trời đã bắt đầu có những cơn rét cuối năm. Có nơi mai đã bắt đầu nở. Thiên hạ đã bắt đầu ăn Tết...

- Thế ư. Gần đến Tết rồi ư ?

Đôi mắt của người thiếu phụ sậm buồn. Nàng nói như khóc:

Không ngờ em lại là kẻ mất quê hương. Các ông không biết hoàn cảnh của em đau lòng lắm.

Nàng lại tẩm tức khóc. Tôi tìm cách khơi mào câu chuyện:

- Cô có thể kể ra được không ?

Nàng gạt đầu. Gạt nước mắt, nàng kể lại cuộc đời của nàng. Từ một quê nhà xa lắc xa lơ ở ngoài Bắc tên là Sơn Tây. Từ những ngày đầu tiên theo cha mẹ di cư vào Nam, quanh quần dưới rừng lá cao su, chưa bao giờ nghĩ đến một ngày rời xa cái thế giới mà người mộ phu gọi là đồn điền. Nàng kể về những chiếc xe tải mỗi ngày chạy khắp đồn điền để chở những thùng mủ trắng về nhà máy. Ở đâu? Nàng chỉ nhớ lại những tiếng chuông buổi sáng chủ nhật, từ gác chuông nhà thờ bằng ván tạp với ông linh mục già, hàm râu trắng xóa, đội chiếc beret đen, lúc nào cũng tươi cười và luôn luôn phát bánh kẹo cho lũ trẻ trong đồn điền. Ở đâu? Nàng không biết. Nhưng nàng nhớ rõ những cảnh cơ hàn của người dân phu cạo mũ, gồm đủ hạng người: Thượng, Miên và Việt. Và chúng tôi liền đoán ra đó là đồn điền Lộc Ninh cũng nên.

Rồi tai họa bỗng dưng bủa xuống như một trận bão lửa kinh hoàng. Trận chiến từ đâu kéo về, chọn ngay đồn điền làm nơi giao tranh, ròn rã suốt cả tuần lễ. Nhắc đến đây, tuồng như đôi mắt của nàng là cả một bầu trời sẫm thẫm. Hai dòng lệ lăn trào trên má. Tuy buổi trưa trời đầy nắng lửa, hàng cây bên đường đứng bất động như tôi nghe tuồng như có một cơn gió lạ thổi qua, rồi một đám mây buồn bã đậu lại trong hồn người như thể một phiến băng giá. Buổi trưa hôm nay, trong một quán lạ ở xứ người, có những kẻ cùng xa nhà gặp nhau mà nước mắt rưng rưng. Em xa nhà, tôi xa quê, em bỏ đi, tôi cũng bỏ đi, hai đàng. Đôi mắt người Tây Sơn. U uẩn trời luân lạc. Buồn viễn xứ khôn khuây. Hôm nay có một người của xứ Sơn Tây gặp lại người lính đồng hương, để nói về một kiếp đời bất hạnh. Đầu nhà bên kia đường có giàn hoa giấy vàng tươi thắm dưới ánh nắng mặt trời nhưng ở nơi này có một bông hoa tội nghiệp đang khóc cho hoàn cảnh của mình.

Sau đó... nàng kể tiếp. Suốt cả tuần lễ trong đồn điền, bố mẹ em tìm cách thoát ra ngoài. Vào khoảng tối, bố em kêu em mang một bọc đồ quần áo ra ngoài. Rồi dặn em phải theo kỹ bố. Nhưng mới đi khoảng chừng 100 thước, thì pháo lại nổ ầm ầm. Em không còn thấy bố thấy mẹ em nữa. Em khóc. Em cứ chạy bừa. Vừa chạy vừa kêu bố kêu mẹ. Các anh cũng biết trong đồn điền cây cối san sát, đường nào cũng như đường nào... Em cứ nhắm mắt mà đi, vừa đi vừa kêu bố. Lúc ấy em mới có 10 tuổi...

Cho đến khi trời sáng thì em không còn đủ sức đi nữa. Em cứ bò, vù bò vừa run vì trời sớm thì rét lắm. May em gặp một gia đình người Miên tốt bụng. Họ mang em về đất Miên. Từ đó em sống đến bây giờ...

Cho đến lúc này em cũng không biết bố mẹ em còn sống hay đã chết nữa...

Tiếng kêu của nàng như làm nhói cả tim tôi. Tôi nói với nàng :

-Cô có thể cho tôi biết tên bố mẹ cô, khi về lại quê nhà tôi sẽ cố thăm dò giúp cô...

May ra, khi trở lại nơi này, tôi sẽ mang theo tin mừng.

Trên không bỗng hiện ra một đàn chim én, những cánh chim báo hiệu mùa xuân đã cận kề.

Tôi nghĩ là tôi có thể giúp nàng được. Bởi vì tôi là một phóng viên. Bạn bè tôi làm ở các tòa soạn, và đài phát thanh. Tôi sẽ nhờ họ.

Nhưng tôi sẽ không bao giờ có dịp về chốn cũ ấy nữa. Hiệp định ngưng bắn đã không cho phép tôi ngược dòng kinh Vĩnh Tế ấy nữa. Món quà xuân cho người thiếu phụ xa xăm kia cũng không có dịp trao tận tay. Tin mừng cũng hoài công không đến. Thỉnh thoảng tôi cũng có dịp đến bên này bờ kinh, nhưng đến để nhìn qua bên kia bờ, trên cánh đồng bao la xanh màu mạ, trên những hàng thốt nốt, rặng núi thẳm trong mây mà liên tưởng về một hình bóng cũ. Ở đấy, có người thiếu phụ trẻ đồng hương đang trải qua những tháng ngày mòn mỏi bất hạnh. Ở đấy có một đôi mắt mà chúng tôi gọi là đôi mắt người Sơn Tây, đang hướng về quê nhà vì nỗi buồn viễn xứ.

Còn riêng tôi, đứng trên bờ kinh bên này, mà cứ ngỡ là đang đứng ở một điểm chấm cuối cùng. Tôi sẽ không bao giờ được nhìn lại một đôi mắt buồn vơi vơi ấy nữa.

Người lính trong văn Trần Hoài Thư Nguyễn Vy Khanh

1.

Văn học Việt Nam từ nửa thế kỷ nay có thể nói là một văn học chủ yếu chiến tranh: chiến tranh chống thực dân 1945-54, chống cộng trong Nam và chống "Mỹ ngụy" ngoài Bắc 1954-1975, chống chủ nghĩa ngoại nhập, chống độc tài tranh đấu cho dân chủ, tự do từ ngày 30-4-1975, ở trong cũng như ngoài nước. Trong cuộc chiến 1954-1975, "văn học" chống "Mỹ ngụy" điều động bởi Hà-Nội từ các nhà văn bộ đội và các xưởng viết văn từ Bắc vào đến Trường Sơn, Cục "R", đã sản xuất nhiều hình ảnh lính bộ đội hoặc "giải phóng" hăng say với lý tưởng "đuổi Mỹ" và cứu người miền Nam đang bị "ngụy" và thực dân mới ... bóc lột, cơ cực (!). Những người lính có khi được gọi là "thanh niên xung phong" này đầu óc được thông tin Nhà Nước bơm đầy hận thù, chấp nhận sinh Bắc tử Nam, bắn giết, phá "địch", không tâm hồn tư riêng, quên gia đình và bản thân, vv. Vì nhu cầu tuyên truyền chính trị, người lính bộ đội và giải phóng thường được mô tả theo cùng một khuôn rập. Trong Văn Học Việt Nam Chống Mỹ Cứu Nước, Viện văn học của Hà nội đã ... tự hào tổng kết:

"Văn học của chúng ta trong những năm chống Mỹ đã làm đúng những lời căn dặn đó của Đảng. (...) Chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội là hai mảng đề tài lớn nhất trong những năm này, mặc dù đề tài trên đã chiếm vị trí hàng đầu. (...) Chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã trở thành một nội dung tư tưởng chủ yếu của văn học trong những năm chống Mỹ, và những anh hùng, chiến sĩ trên các lãnh vực đã trở thành những nhân vật chính mà các tác phẩm văn học đã miêu tả. (...) Trường đào tạo các nhà văn trẻ vẫn tiếp tục mở hết khóa này đến khóa khác. ..." (1)

Bên này vĩ tuyến 17, báo chí, xuất bản phẩm tràn ngập những hình ảnh chiến sĩ cộng hòa gan dạ, yêu nước, bảo quốc an dân. Họ là bảo hiểm cho người hậu phương, là an ninh nơi thôn làng, là giải cứu cho những vùng địch tạm chiếm. Người lính cộng hòa được các nhà văn thơ Nguyễn Đạt Thịnh, Nguyễn Mạnh Côn, Nhất Tuấn, Hà Huyền Chi, Tô Kiều Ngân, Hồ Minh Dũng, Văn Quang, vv tâm lý chiến hóa cũng như lãng mạn và thi vị hóa. Những anh hùng ca được nuôi dưỡng suốt cuộc chiến.

Nhưng cuộc chiến càng kéo dài, người lính càng trở nên cô đơn, bi quan và dăm chiêu dưới các ngòi bút của Thế Uyên, Dương Nghiễm Mậu, Thảo Trường, Ngô Thế Vinh, Phan Nhật Nam, Nguyễn Vũ,... hoặc trần trọc không lối thoát đến độ phải đối kháng hoặc phản chiến như Ngụy Ngữ, Trần Hữu Lục.

Đó là vì miền Nam Cộng hòa chế độ tự do dân chủ, do đó bên cạnh những hình ảnh chính thức, đã có những người lính bạt mạng như Nguyễn Bắc Sơn:

"... Kẻ thù ta ơi, những đứa xâm mình
Ăn muối đá và điên say chiến đấu
Ta vốn hiền khô, ta là lính cậu
Đi hành quân, rượu để vẫn mang theo
Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo
Xem chiến cuộc như tội trời ách nước
Ta bắn trúng người, vì người bạc phước
Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi
Vì căn phần người xui khiến đó thôi
Suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí
Lũ chúng ta sống một đời vô vị
Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau..."
(Chiến tranh Việt Nam Và Tôi)

Chiến tranh chấm dứt vào cuối tháng tư 1975 nhưng văn học chiến tranh vẫn tiếp diễn ở hai mặt trận trong và ngoài nước. Trong nước, vì nhu cầu chiến thắng và thống nhất, một nền "văn chương cách mạng" hậu giải phóng được chính thức phát động. Nào là biên khảo, nhận định, hồi ký, truyện ngắn dài, truyện trinh thám, vv cập nhật vai trò những người lính "cách mạng, giải phóng" và bôi đen những người lính phe đối nghịch bị lãnh đạo và đồng minh lừa dối bỏ rơi và nay đang tàn tạ trong các trại học tập. Người "chiến thắng" đặt nặng việc phá hủy văn hóa Việt Nam Cộng Hòa. ghi cả trong nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV (1976) nhiệm vụ phải "quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng và văn hóa thực dân mới" ở miền Nam (2).

Ở hải ngoại, một nền văn học lưu vong được hình thành. Đây sẽ là một văn học Miền Nam nối dài với những đặc điểm của hoàn cảnh mới của dân tộc. Chiến tranh 1954-75 tàn cuộc vì cờ gian bạc lận. Miền Nam bị các thế lực ngoại bang cấu kết bức tử, bị lương tâm nhân loại mù quáng vì tuyên truyền, bỏ rơi. Người lính cộng hòa bị bức tử nhưng chưa chết, được người bỏ xứ phục hồi dưới nhiều hình thức. Một dòng văn chương hoài niệm được bắt đầu và kéo dài tới cả hôm nay, dài về thời gian hơn cả những hoài niệm của cuộc di cư 1954. Các truyện thơ về người lính, của người lính, lần lượt xuất hiện ngay từ những năm đầu lưu vong và đều đặn hơn từ những đợt vượt biển, đoàn tụ gia đình (ODP) và gần nhất là HO cựu tù cải tạo. Nhưng phải đợi đến đầu thập niên 1980, các nhà văn thơ từng khoác quân phục Cộng hòa góp mặt càng đông đảo và đáng kể như Cao Xuân Huy (Tháng Ba Gãy Súng), Nguyễn Ý Thuận, Luân Hoán, Thái Tú Hạp, Khánh Trường, Nguyễn Vũ, Hoàng Khởi Phong (Ngày N+), Phạm Huấn, Hà Huyền Chi, Nguyễn Tấn Hưng, vv.

Hình thức thứ hai là các hồi ký lao tù từ những năm đầu thập niên 1980 : Đại Học Máu của Hà Thúc Sinh, Đáy Địa Ngục của Tạ Ty, Cùm Đở của Phạm Quốc Bảo, vv. Người lính thua trận. Những đấu trí vô vọng, những đầu óc một chiều ngoan cố dù đã thắng trận cờ. Những cảnh đời khốn cùng, những con người hèn hạ ! Phần lớn các hồi ký cải tạo nói chung không đi xa hơn những ký sự, chuyện đời.

Bên cạnh những hoạt động văn chương, còn có những bài báo, các truyện kể, những đỉnh chính tranh luận về những trận đánh và một số biến cố lịch sử, càng xa cuộc chiến càng mãnh liệt, trên các báo chí hội đoàn và thương mại. Nói chung, người ta nói và viết nhiều đến những sĩ quan cao cấp, về những cử chỉ anh hùng hoặc thối nát, tầm thường của họ mà ít nhắc nhở đến những người lính thấp nhỏ hơn; họ có chết hoặc bỏ chạy cũng ít ai nói tới.

Hình ảnh người lính đã theo chừng ấy giai đoạn trôi nổi với cuộc chiến, lúc nào cũng hào hùng

vĩ đại, nhưng cũng có những người lính rất tầm thường, đáng thương vì là nạn nhân của những thư hùng bạo lực, của những mưu đồ tranh chấp. Những người lính tầm thường hơn nhưng tâm tư phức tạp: có người vì lý tưởng, nhưng một cách thực tế họ đã chiến đấu vì tình đồng đội, vì nghĩa "thầy trò", vì màu cờ sắc áo của binh chủng.

2.

Những người lính của Trần Hoài Thư đặc biệt có tất cả các đặc tính vừa kể. Anh đã viết về những người lính có thật, những cái sống thực thường nhật, những cái anh đã sống; đã lăn lộn với bom đạn, anh đã sống cái tang thương của bom đạn, và anh đã đưa kinh nghiệm đó vào văn chương. Trong bài này chúng tôi giới hạn ở các truyện ngắn (anh còn là một nhà thơ) anh đã viết ở hải ngoại từ 1980 tức từ khi anh vượt biển đến Hoa Kỳ, đã được xuất bản trong tập Ra Biển Gọi Thầm (3) hoặc đã xuất hiện trên các tạp chí văn học và cộng đồng ở Bắc Mỹ. Tác phẩm của anh xuất hiện đều đặn trên nhiều báo chí ở khắp Bắc Mỹ kể cả mạng lưới thông tin internet.

Ra Biển Gọi Thầm gồm 20 truyện ngắn, ngoại trừ bốn truyện đã đăng báo trước 1975 và được viết lại, phần lớn được viết vào những năm gần đây, có bốn truyện duy nhất có ghi chú ngày viết thì đều là 1995. Các tác phẩm Trần Hoài Thư viết về người lính nhìn chung, như một tiếng nói của lương tâm, một nhức nhối của tiềm thức, một hoài niệm về một quá khứ gần đó mà đã xa, về chính tuổi trẻ bị đánh mất, về những bạn bè, những mối tình đổ vỡ, đau khổ và những cảnh đời trái ngang.

Điểm trội bật trong các truyện là cái nhìn của anh như một người lính về cuộc chiến, một cái nhìn không lạc quan về một chiến trường bi thảm, ngoài lẽ tiếng nói của chính quyền, ...

Trước 1975, anh đã nghĩ:

" Tôi đang viết về một thảm kịch, cho con cháu chúng ta trong tương lai, để sau này khi lớn lên chúng sẽ hiểu về cuộc chiến này. Đêm qua, cả làng bên sông, nơi mà bọn tôi đã đến và gìn giữ, sau đó bàn giao lại cho nghĩa quân và xây dựng nông thôn, đã bị pháo dập. Dịch kéo về cả đại đội chọc thẳng vào làng. Từ lâu những người bên kia đã coi cái làng như một cái gai cần phải nhổ bằng bất cứ giá nào. Những người ngồi ở Sài Gòn hay Hoa thịnh Đốn thì muốn coi ngôi làng như một thành công trong chính sách bình định phát triển. Nhưng đó chỉ là lý thuyết. Họ đã ngu xuẩn để hiểu về kế hoạch bảo vệ dân làng về lâu về dài. Một trung đội nghĩa quân làm sao đủ sức che chở cả ngôi làng. (...) Tôi đã đến cùng với bãi hoang tàn để hiểu rõ hơn về sự thật của cuộc chiến. Cuối cùng cũng vẫn là dân vô tội. Rõ ràng chúng ta đã bị thua. Chúng ta đã đến với họ, mang lại niềm tin cho họ, nhưng chúng ta không thể bảo vệ họ... " (Nhật Ký Hành Quân, tr. 129).

Cuộc chiến đã khiến con người đánh mất phẩm giá, trở thành biện minh dễ dãi cho mọi hành động : "Chiến tranh, tôi phải cảm ơn nó, để tôi có thể dẹp bỏ hết những sự ghê tởm , khinh bỉ cái quá khứ rục rữa của tôi. Chiến tranh đã giúp cho tôi thấy rõ rằng mọi sự là vô nghĩa, là hư vô. Đừng bận tâm và thắc mắc. Đừng tự ái và ghê tởm. (...) Xã hội này thối nát này phải cảm ơn chiến tranh..." (Cuộc Sống Tôi, Những Vì Sao Vĩnh Biệt, tr. 105).

20 năm sau, trong Thư Về Người Đồng Đội Cũ Sau 25 Năm Thất Lạc, Trần Hoài Thư có dịp nhìn lại cuộc chiến:

"Tôi viết đến đây, bằng tất cả sự bình an của chính mình , sau hơn hai mươi năm, về một cuộc chiến kỳ lạ, vô ích, phi nghĩa phi nhân. Lúc này, chúng ta có quyền thẩm định về giá trị của chiến tranh và lịch sử. Nhưng tôi không thể bình an khi cái cuồng điên kia đã trở thành thú tính. Họ rõ ràng hơn chúng ta. Bởi vì họ có cả một khối thép thành trì bên ngoài và khối thép cắm thù bên trong đầu óc, và con tim họ. Còn chúng ta thì cô đơn. (...) Chúng ta đã chiến đấu trong nỗi cô đơn và quả cảm. Và chết cũng quả cảm và cô đơn. Như bao nhiêu đứa con của một đại đội bộ binh. Như bao nhiêu người trẻ tuổi không may sinh vào một nơi đầy bao nhiêu tai ương lớn lao nhất của quả địa cầu" (tr 74).

Người lính Trần Hoài Thư đáng tội, chỉ vì anh có suy nghĩ, biết nhìn thấy những bất nhân và bất

công, những tâm địa và tư cách của những kẻ cùng chiến tuyến:

"Tôi đã vùng vẫy. Tôi đã thét gào. Tôi mang kính cận dày, cột dây thung sau gáy để nhảy trực thăng, nhảy điều hâu trong khi con cái những kẻ quyền lực trốn lính hay ở hậu cứ. Xin các ngài đừng lên mặt dạy đời trong khi các ngài chưa biết thế nào là máu thấm vào áo trận. Cũng xin các người bên kia đừng chửi tôi là lính đánh thuê, đánh giặc mướn trong khi tôi mời các người từng điếu Pall Mall. Tôi là tôi. Tôi làm chủ lấy tôi. Tôi quyết định lấy đời tôi" (Nha Trang, tr. 174-175).

Phần nộ, cô đơn, sau một trận đánh hình như tất cả đội ngũ đều chết, người lính đó quyết định bỏ ngũ. Anh lý luận : "Kẻ đào ngũ trái lại phải là một tay lính chiến đấu cô độc nhất, bởi vì nó chẳng có đội ngũ. Cứ xem tôi là kẻ hèn, nhưng có biết bao kẻ hèn hơn tôi. Mướn áo lính để tiến thân. Chưa bao giờ ra mặt trận một ngày mà hùng hổ la gào. Nghe tiếng súng nổ thì sồn đái. Thách có tay nào mang kính 8 độ đi thám báo..." (Thư Về Người Đồng Đội..., tr. 77). Trong Kẻ Đào Ngũ (4), Trần Hoài Thư đã tả hoàn cảnh và tâm trạng của người bỏ ngũ. Sống sót sau một trận giao chiến địch tràn ngập, anh thiếu úy trung đội trưởng thám kích bộ binh bị thương nặng ở vai và ngực, xuất viện ra, chân chườm phấn uất, đã lựa chọn sống nhờ sống chui không ra trình diện lại đơn vị. Áp lực người cha, người con không muốn mang tiếng bất hiếu năm tháng sau phải ra trình diện, bị giáng cấp và ra đơn vị tuyển đầu khác.

Một cuộc chiến huynh đệ tương tàn, trớ trêu, khó hiểu. Hai người yêu nhau cùng lớn lên ở cùng một địa phương mà rồi mỗi người phải một chiến tuyến, người yêu theo cộng sản như Hồng cô gái quán cà phê mê thơ văn chàng trong Vết Thương Không Rời, như Quỳnh người nữ quyết tử viên sau trở thành cô giáo quận lỵ Tuy Phước trong Tháng Bảy Mưa Ngâu, vv. Hoặc như hai cha con theo cường điệu của cuộc chiến, ngày kia phải đối đầu nhau trên cùng bãi chiến, trong Người Anh Hàng Xóm. Một chiến tranh tàn bạo, bắn làm là chuyện thường tình giữa hai lần đạn, nhưng tại sao nạn nhân lại là một đứa trẻ 12 tuổi (tr. 128), vv. Người lính có suy nghĩ, có con tim nhiều khi đã phải thả thanh niên trốn quân địch đang trốn về nhà làm ruộng, nhưng biết đâu lại là VC nằm vùng, sẽ đi đắp đê, gài mìn, ...!

Vết Thương Không Rời kể chuyện trung đội thám kích xuống đồi đột kích một đêm mưa gió như đến "tử bốn cõi âm binh", mà lại là vùng quê ngoại của thiếu úy Tân. Toán quân anh đi giải cứu quê cũ của anh nhưng địch không lẽ lại là cả ngôi làng. Khi mục tiêu đã đạt, địch đã bị giết thì hóa ra là những cán bộ gái thường ngày ở quận lỵ vẫn liếc mắt đưa tình với mọi sĩ quan. Càng đi sâu vào cuộc chiến, người lính đó biết lịch sử có những bước đi khắc nghiệt, có những khoảng cách của định mệnh xa mà gần, gần rồi xa như nhịp cầu Ô Thước mà anh đã phải chấp nhận. Tháng Bảy Mưa Ngâu đưa hai người yêu nhau đến gần nhưng rồi mãi mãi xa, vì giày oan nghiệt ý thức hệ đối nghịch và nay người quê nhà người lưu xứ xa xôi !

Người lính Trần Hoài Thư không lý thuyết cao siêu, không siêu tưởng. Trong cái tương đối của đời lính, anh chỉ đi tìm hạnh phúc cho cuộc đời, đi tìm và khi tưởng có được, anh dựng xây một tình yêu, muốn dừng lại, "sẽ không còn phóng đảng, bụi đời" . Sau những ngày chạm trán với kẻ thù, với tử thần, bị dồn nén, dĩ nhiên người lính có những phóng đảng, hoang đường. Trong Sỏi Đá Ngậm Ngùi sáng tác mới nhất (24-9-96) (5), ứng chiến ở một vùng đồi Bình Định nơi đó có tháp Chàm, nơi đó chàng "tơi tả trong những khu rừng khỏ sai", người sĩ quan độc thân đưa người người yêu đi thăm căn cứ. Sau đó mỗi lần đi phục kích, chàng "không quên giả vờ vào nhà em, xin gáo nước lạnh" bên kia sông Tuy Phước. Mẹ cô gái đã từ gọi "thiếu úy" đến "cậu" rồi "cháu", ba chàng đánh điện tín hứa sẽ vào đi hỏi, tưởng hạnh phúc sắp đến gần, nhưng định mệnh cả dân tộc ập đến với sự sụp đổ tức tưởi của miền Nam Cộng Hòa, nói chi đến chuyện cá nhân. Hãy nghe tiếng buồn của người lính cộng hòa :

"Em, người sắp làm vợ của anh cũng mất. Anh bị bắt làm tù binh, để sau đó bị giải từ trại tù này qua trại tù khác, để không có thì giờ mà nhớ lại một người thân yêu cũ, đến buổi cuối cùng, thấy bóng em nhỏ nhoi cô cút ở bên kia sông. Tạm biệt hay là vĩnh biệt. Không bao giờ anh dám nghĩ đến dưới đôi giày trận, những hạt cát vô tình lọt vào trong giày, mà đau nhức suốt đời. Sỏi cát ngậm ngùi. Tiếng hát cất lên từ một người cô phụ hay tiếng u uất thống thiết từ

những người yêu nhau muốn gần nhau mà phải vĩnh biệt chia xa."

Một cuộc chiến buồn thảm, đó có thể là lý do tại sao các chuyện tình của người lính Trần Hoài Thư không bao giờ có đoạn cuối vui và ... bình thường. Không chết giữa hai lần đạn thì cũng chết vì hải tặc, lầy chồng Mỹ, bật tin, vv. Trước những giây phút đẹp của những cặp tình nhân dù họ là kẻ thù, người lính phải trực diện với kẻ thù đó vẫn hơn một lần chứng tỏ còn có tình người, có tâm hồn. Trong Viễn Thám, trung đội thám kích đang săn tin về một đơn vị Bắc quân mới xâm nhập vùng Trường Sơn, đã không ngờ gặp một cặp bộ đội đang hát bên bờ suối. Quân thù đó nhưng người lính đã không bắn. "Tôi không thể chơi cái trò dã man như vậy. Tôi muốn người thanh niên kia, ít ra, có một giờ phút vĩnh cửu (...) Tiếng hát như nói lên những điều tâm nín từ những con tim của tuổi trẻ Việt Nam.... Tiếng hát như dậy khỏi mồ, bạt cả gió, khiến rừng như thể im phăng phắc lá như thể thôi lay động trên cành. Và ít ra, tôi vẫn còn hiểu rằng, mỗi người đều có trái tim. Và trái tim thì lúc nào cũng sống vĩnh cửu" (6).

Trong các truyện của Trần Hoài Thư, người đọc thường gặp lại một số hình ảnh, địa danh và nhân vật quen thuộc vì thường là chuyện đời lính của chính tác giả. Những Quy Nhơn, Huế, Tuy Phước, Đà Nẵng và Cần Thơ (ít hơn). Những đồng đội Nha, Minh, Năm Râu, những người lính Thượng Lương Văn Tướng, Y Đạo, Nay Lat, vv. Còn nhân vật xưng tôi thường là Ba Cận Thị hoặc thiếu úy Tân. Những người đồng đội "huynh đệ chi binh" như anh tà lợt: "Ông thầy, ở đây có lá giang, ông thầy nghỉ để em nấu canh lá giang với thịt hộp cho ông thầy ăn" (6). Ngoài những người đồng đội, Trần Hoài Thư còn viết về những cấp chỉ huy. Dĩ nhiên anh có nhắc đến những "Mặt Trời" thường chỉ tới thị sát khi mặt trận đã xong, gắn huy chương, vỗ về, cả những nhấn nhủ, đòi hỏi trước mỗi chiến dịch, công tác. Anh cũng viết về những nhũn của các cấp chỉ huy, những hại việc nước và chính nghĩa chung ! Nhưng đặc biệt khi viết về hai tướng Lê Văn Hưng, Nguyễn Khoa Nam (Khi về Nữ Ớc) và "đại bàng" Hạnh (Nha Trang), ngòi bút của anh trở nên thiết tha, cảm động, đầy tình người ! Hãy nghe những lời của tướng Hưng - trong truyện là hồn ma quanh quất ở công viên Nữ Ớc:

"Ta rất thương đứa con gái đầu lòng của ta. Vì ta mà nó khổ. Bây giờ nó cận thị nặng hơn cả chú em nữa. Nhà nó bây giờ chỉ có mỗi bề 4 mét, mưa thì nước ngập quá đầu gối, không có cả nhà vệ sinh. Nhưng căn nhà lại nằm trong kế hoạch giải tỏa. Tương lai nó không biết ở đâu nữa". (...) "... nhờ chú em nhắc lại những người còn mến ta. Cái nắm đất chôn ta đã bị san bằng rồi. Cả cây trụ đèn dùng để làm dấu mộ ta cũng bị đào nhỏ rồi. Ta lạnh lắm. Từ lâu ta không có hương lửa..." (tr. 99-100)

Đó là cái bể bàng u uất của những kẻ đầu đàn có lương tri, họ đã thành nhân dù đã không thành công. Và còn nhiều cái bể bàng khác với người lính của Trần Hoài Thư. Bể bàng của những ngày cuối của chiến tranh. Trong hai truyện khác mới viết gần đây, Thị Trấn Lửa (7), Ngày Cuối Tại Một Thị Trấn (8), anh tả tình cảnh bi đát của hồi kết thúc cuộc chiến, những người lính bị rơi vào bẫy, bị bỏ rơi với định mệnh của cả dân tộc. Trong Thị Trấn Lửa, đám tàn quân cản đường tiến của Bắc quân trong khi cấp chỉ huy bỏ chạy. "Tội này ai gây nên. Lịch sử này ai gánh chịu. Những người lính của tôi, họ ít học, người gốc nông dân, người gốc Thượng, gốc Nùng, người bị bắt đi quân dịch, họ đâu có tội gì để gánh cái khối đá tảng của lịch sử. Những người có trách nhiệm bây giờ ở đâu, sao máy thì bật tằm không một lời thăm hỏi. Hay họ đã chạy trốn rồi (Mà quả vậy, sau này tôi được biết ông trung đoàn trưởng và toàn ban tham mưu của ông đã đào tẩu hồi nửa đêm)". Tiếp viện chờ không thấy, đám tàn quân bất ngờ bị pháo kích, họ trở thành "những con mồi tội nghiệp. Làm sao chúng tôi biết là thị xã TĐ đã mất từ lâu, và tên sĩ quan trong trung tâm hành quân mà chúng tôi liên lạc để báo cáo, để hy vọng, để đặt hết bao nhiêu nương cấy, chính là tên địch nằm vùng đã ra lệnh pháo dập xuống đầu chúng tôi".

Ban Mê Thuật, Ngày Đầu Ngày Cuối (9) là anh hùng ca về một đại đội trinh sát. Từ ngày 10 đến 17 tháng 3-1975, diễn ra trận đánh anh dũng nhưng cô đơn, một trận đánh cuối cùng của đại đội trinh sát tăng phái cho trung đoàn 53 bộ binh. Những người lính dũng cảm làm tròn nhiệm vụ bảo vệ phi trường Phụng Dực và bản doanh trung đoàn khi tình hình chiến sự đang nghiêng về thua hơn là thắng. Đại đội cầm cự được bảy ngày đối đầu với quân cộng sản Bắc Việt chính

quy đông gấp nhiều lần về số quân và tiếp vận. Trong khi họ chiến đấu cô đơn thì ban tham mưu và trung đoàn trưởng bỏ chạy, cũng như những sĩ quan khác quân xa đã nhắm hướng phi trường. Nhưng tất cả đã muộn màng...! Sự dũng cảm của 70 người lính không cứu được Ban Mê Thuột đã bị tràn ngập. Phần còn lại cho những người lính là con đường rút, tưởng may có thể trú thân ở chi khu Lạc Thiện nhưng bị "địch giả bạn để cài đơn vị vào cái bẫy oan nghiệt", đành rút vô rừng và lạc vào mật khu Khuê Ngọc Điền! Đã vậy những người lính cô đơn sống sót còn bị đồng bào vùng tạm chiếm nhìn như ... tội phạm chiến tranh !

Tàn cuộc chiến, bị bỏ rơi, người lính không lâu sau còn bị kẻ chiến thắng gian trá bắt tù đầy, biệt xứ và bị trả thù. Đi lính là để trả nợ non sông, nhưng tháng tư 1975, người lính còn phải trả nợ cho những sai lầm của lãnh đạo, chỉ huy. Người Và Quỉ là cảnh thiên đường học tập, người thì điên, người chịu đựng, người căm phẫn. Trong tuyệt vọng, lương tâm người lính có dịp được thử thách.

Học tập ra, người lính thua cuộc sống lây lất ngay trong quê hương đất nước anh đã bị thương đổ máu, mất cả tuổi trẻ để bảo vệ. Anh lính cộng hòa trở thành Người Bán Cà Rem Dạo vẫn giữ được cái kiêu hãnh của con người trước xảo trá : anh từ chối vào Hội nhà văn thành phố, dù sẽ được chế độ mới cho một số quyền lợi. Anh lính sẽ trốn đi, chấp nhận xa quê hương. Đời sống lưu đày nơi xứ người khó khăn, cô đơn. Tuổi trung niên, người lính di dân phải làm lại cuộc đời, học tiếng nói, học nghề. Để cho con cháu, cho mai sau! Người lính bị ép bỏ cuộc chơi, "tủi như người không có quê hương", có lúc phải chạm trán với những người bản xứ thiên tả, kỳ thị. Rồi những người thân quen, bạn bè và đồng đội cũ sẽ tái hội với người lính. Những mất mát và hạnh phúc còn lại. Nỗi đời cô đơn xa xứ ấy được Trần Hoài Thư ghi lại qua các truyện Thư Về Người Đồng Đội Cũ Sau 25 Năm Thất Lạc, Người Về Trăm Năm, Ở Một Nơi Nào Rất Xa, Cho Con Mùa Tụu Trường, Bên Này Dòng Hudson, Đất Khách (10), Người Bị Thua Cuộc (11), vv. Người lính phải xa xứ nhưng vẫn có cái nhìn rộng lượng như đối với một nữ sinh viên VN du học con cán bộ cao cấp, trong Một Nơi Nào Rất Xa. Có lẽ anh mong một ngày kia khi bụi mờ quá khứ lắng bớt, sự thật về sinh mạng dân tộc, về một giai đoạn lịch sử sẽ được những thế hệ đi sau không phải nhìn với những lăng kính, sẽ hiểu rõ hơn.

3.

Trần Hoài Thư có những tác phẩm về người lính rất thành công và cảm động như Bãi Chiến, Khi Về NỮ Ước, Tháng Bảy Mưa Ngâu, Trong toàn bộ, truyện về người lính của anh là những hoài niệm, ưu tư, khắc khoải, những cay đắng hoài nghi, nhưng cũng là những chân dung những người lính thật, có lửa có lòng, có tốt có xấu, nhưng vượt trên tất cả là thân phận của những con người bị đày đọa, hy sinh, lừa dối. Khác với những hồi ký của các lãnh tụ, tướng lãnh, tác phẩm của Trần Hoài Thư là những đau khổ anh hùng của những người lính vô danh, những tâm tư của một thế hệ trẻ bị nung nấu vào chiến tranh.

Các truyện của Trần Hoài Thư về người lính cũng là truyện của chính anh, từ những mối tình, đời lính - anh là trung đội trưởng thám kích bộ binh vùng hai (đại đội 405 Thám kích sư đoàn 22 BB), những lần bị thương, rồi đào ngũ trốn ở Nha Trang và Phan Rang viết hàng loạt truyện và thơ đăng trên Bách Khoa, Văn, Văn Học, ... đến chuyện phải tái trình diện, bị giáng lon chuyển sang sư đoàn 23 ở Ban Mê Thuột rồi chuyển về quân đoàn 4 làm phóng viên chiến trường.

Chân dung người lính của anh sẽ góp phần giúp các thế hệ trẻ hơn hiểu hơn về một cuộc chiến, về một thế hệ, những nạn nhân. Người đọc có cảm tưởng anh còn muốn những người hôm qua là địch đối đầu ở trận chiến có cái nhìn trung thực hơn về người lính cộng hòa. Anh đã tự hứa viết giùm những người không thể viết, không thể nói, những người mang áo lính cộng hòa bị bỏ quên. Dù anh thú nhận không thể viết hết những gì chiến tranh đã gây nên nhưng chúng ta hy vọng anh đã lay động được lương tâm con người; biết đâu những tên đồ tể của chiến tranh sẽ cải tà quy chính (!), về với con người, lòng người, xây dựng những cuộc sống an bình và hạnh phúc ! Hơi thừa nếu cho rằng nhà văn Trần Hoài Thư có cái can đảm của người

lính thám kích. Thật vậy, anh đã dám nói lên những sự thật đau lòng của chiến tranh, của những người cùng chiến tuyến, dám nói khác những tiếng nói chính thức mà nhiều người đã nhắm nghe ! Như anh đã thổ lộ đâu đó anh tự hào là người đã nghe trái phá nổ, do đó anh hiểu mãnh lực của trái phá như thế nào!

Đối thoại với một trung đội trưởng thám kích? Đỗ Kh.

Tôi nghe các bạn Tây ba lô kể (nhưng chưa được mắt thấy) là một dạo ở Việt Nam có bán áo thun đề “Tôi không muốn mát xa – Tôi không muốn có gái – Tôi không muốn Lonely Planet – Tôi không muốn Nỗi buồn chiến tranh” (*I don't want massage / I don't want short time / I don't want Lonely Planet / I don't want the Sorrow of War*). Đây là phiên bản địa phương của tứ tuyệt thịnh hành vào những năm 90 tại Bali do du khách ba lô Úc sáng tác để tránh bị trẻ em xa mẹ làm phiền mồi mọc cả ngày. Nhưng đến nay tôi mới được thấy cái áo thun “Chủ ý thấy rõ – Đối trá – Phóng đại – Căm thù hằn học” của cựu trung đội trưởng thám kích **Trần Hoài Thư** mặc cho tác giả Bảo Ninh.

Tôi đồng ý với Trần Hoài Thư là một số chi tiết ông nêu ra phải làm người đọc miền Nam “phì cười” tuy không buồn cười bằng chuyện vượt biên bằng tàu sang thẳng đến New York (!) cầm vàng 9999 mua xe con và lái một mạch đến Cali (tôi nhớ là của Nguyễn Thị Âm, nếu có sai nhờ bạn đọc mách giùm)! Tuy nhiên, có phải vì vậy mà nên vội cho là Nguyễn Thị Âm chủ ý xuyên tạc cộng đồng hải ngoại lái xe không có bằng, tiểu sử tin dụng không được tốt và không được ngân hàng cho vay tiền mua xe? Nếu đi vào tiểu tiết, li chi cho đến cùng thì ngay thiếu úy thám kích VNCH Trần Hoài Thư cũng không hoàn toàn chính xác chứ đừng nói gì bộ đội Bảo Ninh. Khi cho biết nhiệm vụ của thám báo là lẩn tránh giao tranh, càng kín càng tốt, để chu toàn công tác và bảo toàn cái mạng trong vùng địch thì Trần Hoài Thư không sai vào đâu nhưng khi viết ra đó là đặc tính của tất cả lính trinh sát, biệt kích, viễn thám v.v... thì tôi nghĩ là một quân nhân kinh nghiệm như ông trở thành một ngòi bút lơ đãng tí xiu, lại đúng là điều ông trách ở Bảo Ninh. Ông phải biết là 90% các đơn vị gọi là trinh sát, thám báo trong 90% trường hợp được sử dụng là không phải để dò xét âm thầm trong tuyến địch mà được dùng như là lực lượng trừ bị của đại đơn vị, sư đoàn, liên đoàn, tiểu khu... để đối phó với những tình huống đặc biệt. Tức là mở đường, đóng tiền đồn, giữ cánh phải, lấp tuyến trái, đoạn hậu gì đó, tiếp viện, tăng viện, giải cứu, phá vòng vây linh tinh. Đây chẳng phải là bài viết cho ban quân sự bộ quốc phòng để mà trung thực đúng mức hay chính xác hoàn toàn và đó cũng không phải là tiêu chuẩn của tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh*.

Trong những lỗi lầm của tiểu thuyết này được Trần Hoài Thư liệt kê, “ám ảnh thám báo” theo tôi chẳng là chủ ý gì hết mà là ưu tư thường xuyên của bộ đội vào B. Một sĩ quan biệt kích dù phát biểu “Việt cộng sợ 2 điều. Một là B52 và hai là biệt kích 81”. Đây dễ hiểu vì hai điều này là một, biệt kích là người gọi B52, không pháo, hải pháo, trọng pháo gì đó và bảo mật đóng quân, di chuyển là điều kiện an toàn của các đơn vị và cán binh bộ đội. Sự ám ảnh này vẽ vờ thành hình ảnh râu ria, lực lượng và tàn bạo của người lính thám báo miền Nam trong cuộc chiến. Phía miền Nam ghét thẳng gài mìn, đặt chông, bắn sẻ, phía miền Bắc hận thẳng biệt kích thám báo trinh sát. Đây là thực tế của chiến trường, ăn bom hay đạp bẫy là thực tế tàn bạo, chẳng phải là chủ ý mưu toan gì ráo.

Lỗi phong hàm trung úy cho trưởng toán thì một người từng đi học tập cải tạo (?) như Trần Hoài Thư cũng phải rõ hơn là một người nhanh chân chạy trước như tôi. Quân đội nhân dân không có cấp “chuẩn” trong hàng sĩ quan mà có thêm cấp “thượng”. Thượng tướng miền Bắc là

trung tướng miền Nam và trung tướng hay trung úy miền Bắc là thiếu tướng hay thiếu úy miền Nam. Đây là vấn đề tương đương quân hàm, chẳng có gì phải gọi là phóng đại, đối trá nghiêm trọng. Quân đội miền Nam thời Đệ nhất Cộng hoà chỉ có tướng 2 sao (thiếu tướng) mà không có tướng 1 sao (theo mẫu của quân đội Pháp), về sau có thêm chuẩn tướng mà cấp tá thì lại không có chuẩn tá. Hàng dưới thì có hạ sĩ, trung sĩ, thượng sĩ mà đại sĩ với lại chuẩn sĩ thì không (hai hàm cuối này có lẽ chỉ dành cho nhà văn), thảo nào bộ đội Bảo Ninh chẳng lúng túng. Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, đài BBC (và người Anh) gọi là Air Vice Marshall, ở trong rừng Bảo Ninh có mở đài nghe được chắc đã gọi ông này là Phó Thống tướng Không quân. Thì ông cũng có râu, nhưng nghe đâu tàn bạo thì là đối với phụ nữ.

Tới nữ cảnh sát Ban Mê Thuật bắn tới viên đạn súng lục cuối cùng thì phải nhận là buồn cười đối với người miền Nam quen gọi cảnh sát dã chiến (theo âm của miền Nam) là cảnh sát giả chết (đại khái như nhân dân tự vệ thành nhân dân tự vận). Đây thì chữ “phóng đại” của Trần Hoài Thư phong cho Bảo Ninh mới xứng đáng thật sự! Nhưng ở Ban Mê Thuật vào 75 thì cũng có lý do. Trong tháng 3 tại đây, trung đoàn 53 Bộ binh VNCH, lực lượng tiểu khu Đắc Lắc (địa phương quân, nghĩa quân), cảnh sát quốc gia đã chống cự mãnh liệt (ngoan cố) với 12 trung đoàn quân đội nhân dân có chiến xa, đại pháo. Sau khi thành phố thất thủ, các khu trù mật kế bên chỉ còn nhân dân tự vệ mà QĐND cũng phải mất vài ngày để thanh toán nốt. Chuyện đàn bà súng ngắn có đồn đại trong quân bộ đội và thêu dệt cũng từ thực tế của chiến trường này. Chỉ tiếc, Bảo Ninh không nghe nói đến việc cũng chính xác là tư lệnh sư đoàn 23 Lê Trung Tường đã điều đại đội *trình sát* của liên đoàn biệt động quân chỉ để đánh thoát cho vợ con ông còn kẹt tại tư gia và rút liền sau đó để mang theo gia đình ông an toàn! Hẳn cách dùng quân quí khốc này đã khiến bộ chỉ huy miền Bắc phải hoang mang một lúc. Dù sao, nếu có phụ nữ nào bắn hết 6 viên súng ngắn ở Ban Mê Thuật thì nhất định không phải là bà tướng nói trên.

Phần của Bảo Ninh là vậy, còn chán lắm rồi nhưng phần của Trần Hoài Thư vẫn phải nói tiếp. “Có tên lính nào cách kẻ địch vài bước (nhắc lại: vài bước) quạt M16 mà sợ đến độ té đái trong quần” thì tôi không biết. Kinh nghiệm sống (chết) trên thì tôi không có, nhưng trên trò chơi vi tính online thấy địch càng gần là tôi vẫn luống cuống quạt hụt ngay. Giờ trở đi, nếu con tôi có chê là bố hoang mà bắn không trúng thì cảm ơn Trần Hoài Thư, tôi đã có cách trả lời, đấy là tao nhân đạo mà tha chết cho nó đấy, mà biết gì! Thảo nào khi đăng biệt kích 81, chỉ cần nhìn mặt là tôi đã bị loại. Nhân tiện, nói đến băng đạn M16, thưa trung đội trưởng, nó chứa 30 viên. Nhân vật Kiên của Bảo Ninh không có vừa đi vừa đếm đến 30 đâu, bộ đội rằng đen mã tấu không có bằng tú tài đếm được đến 10 là đủ giỏi, ở đây ông nhà văn dùng chữ nghĩa mà nói 30 viên tức là bắn hết một băng đạn đấy.

Thời tôi đi lính Cộng hoà (74-75) lương binh nhì của tôi là 15.500 đồng. Hối suất USD chính thức vào lúc đó là 135 đồng nhưng chỉ được dành cho những việc chính thức như chuyển ngân du học, và có giới hạn. Hối suất chợ đen, nghĩa là hối suất thông dụng, là 1 USD ăn 300 đồng. Khẩu phần ăn của tôi, quân đội khấu trừ 180 đồng/ngày, 5.400 đồng/ tháng, còn lại, tôi được lãnh 10.100 đồng. Như vậy, người lính Cộng hoà được nuôi ăn theo hối suất chính thức là 1,33 USD/ngày, theo hối suất chợ đen là 0,60 USD/ngày. Kể đến lương chưa trừ tiền cơm thì là 3,82 USD/ngày theo giá chính thức hay 1,72 USD/ngày theo giá chợ đen. Xin nói rõ, hưởng hối suất chính thức là một đặc quyền, thí dụ những gia đình có con em du học được hưởng hối suất này, vẫn có người bán lại để hưởng sự khác biệt. Các tù binh cộng sản được nuôi 4, 5 đô la một ngày theo Trần Hoài Thư thì hối suất nào tôi không rõ và cũng không rõ có ai được hưởng sự sai biệt trên hay không ^[1]? Đẳng nào thì cũng vẫn hơn người lính và một chế độ đối xử với tù binh tốt hơn người lính thì còn phải hỏi tại sao bại trận, lính của họ ai cũng mong sớm được làm tù binh để tăng lương! Chuyện mời Việt cộng hút thuốc Ruby cũng là Bảo Ninh nói phét nốt. Phần tôi, mỗi kỳ có hàng quân tiếp vụ, được mua Ruby là tôi bán lại ngay tại chỗ để ra ngoài mua Bastos giá có một nửa, mời tù binh chắc tôi chỉ mời thuốc vẫn là rộng rãi rồi, ĐM

dám chề chặc, tôi giọng cho báng súng vô họng.

Chê sơi tóc ra làm bấy nhiêu điều, tôi chỉ muốn nói là tôi nghĩ rằng Bảo Ninh trung thực, với chính ông và với đồng đội của ông là điều tối thiểu. Viết trung thực, khen và chê về phía của ông, ông đã làm đúng cảm và đúng với lương tâm, còn viết có trung thực về sĩ quan thám báo (ăn nói lịch sự và có học^[2]) là việc của Trần Hoài Thư, Bảo Ninh không thể làm thay thế một cách chính xác được. Sân nhà ai người nấy quét, chỉ có như vậy thì mới có thể mong đối thoại, nghĩa là trao đổi và chia sẻ ở thời điểm cũng đã chậm trễ này là đã 30 năm.

© 2005 talawas

Bài văn định mệnh

“Tôi hiểu rằng con đường văn chương là con đường đầy tai họa không phải lót hoa trải thảm. Nó mang đến cho gia đình và bản thân sự bất an. Vì văn chương đã dựa vào sự thật. Cái sự thật mà tuổi trẻ của chúng tôi không thể nói lên tiếng nói, trừ tiếng hấp hối trên bãi chiến trường, trong phòng cấp cứu.”

Tôi là một con ngựa bất kham. Ngày nhỏ, mẹ tôi đã không có thì giờ để huấn luyện tôi, bắt tôi bỏ vào chuồng, kèm cương cho tôi khởi chạy, trái lại bà để tôi lêu lổng cùng những đám mây hay như con dê mèn phiêu lưu trong cuốn sách của Tô Hoài mà cô Hồng Ân đã bắt học trò cô phải đọc. Bây giờ tôi lại bị đẩy vào một chuồng lớn hơn, khắc khe hơn, bảo thủ hơn, phong kiến hơn mà ba là một người tiêu biểu đại diện.

Xứ Huế lại buồn, buồn không thể tả. Mưa ử dột dầm dề suốt ngày. Trời thì sương muối, sương mù sáng đến trưa, che cả sông Hương. Và mùa gió thì gió cắt da cắt thịt. Lại thêm những thành quách cũ mờ nhạt nổi hiện như những nghĩa trang vua chúa đầu hiu.

Càng ngày tôi càng phản kháng, nổi loạn. Tôi mang dép Nhật, để tóc dài. Mà hồn và trí thì muốn nổi loạn. Tôi tôn sùng cụ Trần Tế Xương, Cao Bá Quát. Tôi si mê nhân vật Alexis Zorba the Greek.

Ba tôi quá buồn vì tôi. May mà tôi học tạm khá. Toán luôn luôn xuất sắc. Kỳ thi nào tôi cũng đậu kỳ đầu. Ai cũng nghĩ tôi học hành chăm chỉ, không biết gái là gì, cô đơn, sợ bạn bè và suốt ngày chỉ miệt mài trong thư viện.. Nào ai biết, bên trong tôi, nỗi buồn tuổi trẻ đến rưng rưng. Chiến tranh cận kề, tiếng nổ cũng cận kề. Những tín hiệu càng lúc càng đánh về, mỗi ngày qua những đài ngoại quốc. Mỗi ngày, trang nhật báo đầy tin chiến sự. Cả thế giới đã nhìn vào nước tôi và khóc dùm nước tôi. Lệnh Tổng động viên đã ban hành. Một lứa tuổi được lệnh trình diện. Rồi một ngày nào đó đến phiên lứa tuổi của tôi. Chắc chắn phải vậy.

Có những buổi chiều chỉ còn tôi với lòng thư viện rộng mênh mông và lặng lẽ. Trong khi bên ngoài ánh nắng chiều đã hắt lên giàn hoa giấy từ phía trường Jeanne D'Arc và trên mặt lộ những lá ngâu, lá điệp đuổi nhau bay theo gió... Lúc ấy những con tính theo nỗi chán chường mà trở thành một số zero buồn bã.

Như chiều nay, trang báo của tạp chí Time mở ra. Trận đánh Bình Giả vẫn đang tiếp diễn. Thêm một tấm hình làm đau xót cả thế giới. Đứa bé gái bị thương vừa chống gậy vừa khóc giữa nền gạch vụn và lửa bốc đằng sau. Tấm hình chụp để nhìn chứ không để nghe. Đối với kẻ không cận kề với chiến tranh, không nghe tiếng đạn bom, thì bức hình chỉ mang đến sự hãi hùng, kinh hoàng qua tuổi thơ vô tội, qua chiếc miệng gào khóc, qua đôi mắt tột cùng sợ hãi và

đau thương. Còn tôi, tôi còn nghe cả tiếng nổ, còn thấy được thể nào là nỗi bất hạnh của những đứa bé không cha không mẹ. Em kêu mẹ, kêu ba hay là em kêu lương tâm loài người ? Rồi sau đó, em ở đâu?

Lòng tôi muốn nói, muốn chia sẻ. Tôi nghĩ đến những hình ảnh cũ, trong viện mồ côi Hòn Chồng, nơi tôi có mặt gần hai năm trời. Một giai đoạn lịch sử đã qua, nhưng nỗi bất hạnh vẫn là bất hạnh cũ. Và tự dưng, tôi viết. Viết về một thảm kịch tuổi thơ. Nước mắt tuổi thơ.

Tôi không bao giờ mơ ước thành nhà văn. Nhưng chiều hôm ấy, tôi đã bỏ vào phong bì, và liền mạng gửi về tòa soạn báo tạp chí Bách Khoa. Bởi lẽ nó là tạp chí độc nhất mà tôi có thể tìm được tại thư viện Xavier này. Tôi muốn mang nước mắt ấy cho người đọc khắp nơi. Tôi xin làm một tiếng khóc để khóc cho em bé trên trang báo này.

Nước mắt ấy đôi khi trở thành định mệnh. Vợ tôi sau này luôn luôn nói về bài văn này trước khi gặp tôi. Nàng cũng đã khóc. Khóc nước mắt. Để rồi từ đó, những giọt lệ ấy đã theo tôi trên khắp ngã đường lành lành. Từ người tình đến người chinh phụ.

Và đó là định mệnh. Đó là lý do tôi có thể nói tôi xuất thân từ lò báo Bách Khoa.

Tôi đã may mắn chọn đúng chỗ.

Bởi vì, không thể ngờ, tạp chí Bách Khoa đã đi bài của tôi. Xúc động, đọc cả chục lần. Nhưng mà, những phần bôi đen thâm như mảng tang chế. Tôi đã viết thật, vì tôi đã thấy và đã sống ở trong cô nhi viện, vì tôi cũng đã từng nín thở nằm ép dưới đáy giường, phản, để tránh đạn. Tôi đã khóc tuổi thơ của tôi vì chiến tranh. Bây giờ tôi khóc cho tuổi thơ của các em tôi. Nhưng người ta đã tàn bạo đục, cắt, bôi, xóa viện cố làm lợi cho địch.



NGHĨ ĐƯỢC. BỞI LÃ TÔI DỪNG TÊN THẬT. NGƯỜI TA MÁCH LẠI ÔNG. ÔNG RÀY TÔI DỮ DỘI. ÔNG NÓI CÁI NGHỀ NÀY CHỈ THƯƠNG MÂY KHỐC GIÓ, NGHÈO MẶT RỆP, KHÔNG CÓ DANH GIÁ GÌ. ÔNG SỢ TÔI XAO LÃNG HỌC HÀNH NÊN THI HỒNG CHĂNG.

SỰ THẬT, XÉT CHO CÙNG, BA TÔI CÓ LÝ.

TÔI HIỂU RẰNG CON ĐƯỜNG VĂN CHƯƠNG LÀ CON ĐƯỜNG ĐẦY TAI HỌA KHÔNG PHẢI LÓT HOA TRẢI THẨM. NÓ MANG ĐẾN CHO GIA ĐÌNH VÀ BẢN THÂN SỰ BẤT AN. VÌ VĂN CHƯƠNG ĐÃ DỰA VÀO SỰ THẬT. CÁI SỰ THẬT MÀ TUỔI TRẺ CỦA CHÚNG TÔI KHÔNG THỂ NÓI LÊN TIẾNG NÓI, TRỪ TIẾNG HẤP HỐI TRÊN BÃI CHIẾN TRƯỜNG, TRONG PHÒNG CẤP CỨU.

CŨNG VÌ TÔI ĐI VÀO CON ĐƯỜNG VIẾT VĂN ẤY, MÀ BA TÔI BUỒN KHỔ VÌ TÔI KHÔNG ÍT.. TÔI ƯA NƯỚC MẮT. PHẢI, TÔI CHÍNH LÀ CON NGỰA ÔN DỊCH. NGÀY TRƯỚC, TÔI ĐÃ GÂY KHỔ, GÂY BUỒN CHO MẸ. VÀ BÂY GIỜ CHO BA.

TÌNH THƯƠNG CỦA ÔNG NGẬP LỤT TRÊN THÂN THỂ TÔI. ÔNG LÀ MẸ TỪ TÂM. ÔNG LÀ ÔNG THÁNH HIỀN HÀO QUANG SOI RỌI CẢ CUỘC ĐỜI NGỠ NHƯ TÀN TẠ CỦA TÔI. ÔNG ĐÃ QUẠT CHO TÔI BAO NHIỀU ĐÊM, HẾT TAY PHẢI QUAY TAY TRÁI, ĐỂ TÔI ĐƯỢC MÁT. VÀ CẢ NHỮNG GIỌT LỆ TỬ CỰC NHƯ CỨNG ĐẦY Ở CUỐNG HỌNG

1) Văn chương viết bằng công cụ của đời sống.

2) Văn chương viết bằng công cụ của đời sống. Văn chương viết bằng công cụ của đời sống. Văn chương viết bằng công cụ của đời sống.

Ba biết được. Bởi lẽ tôi dùng tên thật. Người ta mách lại ông. Ông rày tôi dữ dội. Ông nói cái nghề này chỉ thương mây khốc gió, nghèo mặt rệp, không có danh giá gì. Ông sợ tôi xao lãng học hành nên thi hồng chăng. Sự thật, xét cho cùng, ba tôi có lý.

Đời ông đã quá khổ. Ông không muốn tôi khổ như ông. Ông muốn tôi phải đỗ đạt, ra đời có bằng cấp và chức phận.

Nhưng từ cái bài văn định mệnh ấy, tôi bị chất càn sa ma túy là văn chương hành hạ. Tôi đã lỡ ném thử, và đã bị chất độc thấm vào máu huyết.

Nó làm tôi ngất ngư. Tôi xao lãng việc học hành. Tôi bỏ qua cơ hội khi trường đại học sư phạm Huế cho phép thu nhận những sinh viên có chứng chỉ dự bị Toán hay Toán Lý Hóa vào thẳng năm thứ hai. Đó là dịp tốt nhất để được hoãn dịch. Và đó cũng là cơ hội tốt để kiếm một cô vợ mỹ miều xinh đẹp, khỏi cảnh "người qua nhà tôi mỗi ngày bốn bận/nón che ngang nên chẳng thấy tôi buồn" (thơ của Phan Nhự Thức).

Tôi hiểu rằng con đường văn chương là con đường đầy tai họa không phải lót hoa trải thảm.

Nó mang đến cho gia đình và bản thân sự bất an. Vì văn chương đã dựa vào sự thật. Cái sự thật mà tuổi trẻ của chúng tôi không thể nói lên tiếng nói, trừ tiếng hấp hối trên bãi chiến trường, trong phòng cấp cứu.

Cũng vì tôi đi vào con đường viết văn ấy, mà ba tôi buồn khổ vì tôi không ít.. Tôi ưa nước mắt. Phải, tôi chính là con ngựa ôn dịch. Ngày trước, tôi đã gây khổ, gây buồn cho mẹ. Và bây giờ cho ba.

Tình thương của ông ngập lụt trên thân thể tôi. Ông là mẹ từ tâm. Ông là ông thánh hiền hào quang soi rọi cả cuộc đời ngỡ như tàn tạ của tôi. Ông đã quạt cho tôi bao nhiêu đêm, hết tay phải quay tay trái, để tôi được mát. Và cả những giọt lệ tử cực như cứng đầy ở cuống họng

không thoát ra được, vì phải sống giữa loài ngựa quỉ. Ấy vậy, tôi không lạy ông, lại bắt ông lạy tôi:

- Tao lạy mày, đừng viết nữa.

Tôi sa ngã rồi. Văn chương ơi..

Không phải riêng ba tôi nói lạy tôi mà còn người con gái mà tôi lỡ yêu đầu đời cũng lạy tôi.

Đừng xây dựng nhân vật nữ giống như Quỳnh nữa. Đừng có nói truyện văn chỉ là hư cấu, và nhà văn là ông vua có quyền tối thượng để hành hạ tôi nữa.

Trời ơi, khi tiếng thì thầm mà miệng không thể nói ra, thì văn chương sẽ thay dùm để nói hộ dùm tim mình. Khi tôi không có ai trên đời này, mẹ cha anh em bạn hữu, thì chỉ có em làm côi nương tựa, sao em lại trách tôi.

Em bắt tôi phải điên khùng. Em khiến cái kiêu ngạo của tên thanh niên bị lép vế, trở thành số không. Và cái tự ái của hắn càng bốc cao ngùn ngụt. Em cười cười nói nói, đọc kinh nhắm mắt dụ dằng làm sao. Em mang áo màu lam đi lễ chùa qua nhà tôi ngày rằm mỏng một khiến tôi phải nín thở, trời ơi, đến độ phải thuộc lòng câu thơ của một thi sĩ nào đó: em đi dáng mỏng như là gió, phơi tuổi vàng ta trên ngọn cây, và ghen đến cả ông trụ trì. Em không hiểu con tim tôi không phải là một cái máy bơm máu. Nó còn hơn thế nữa. Đang yên ngủ bỗng nhiên một hôm nào bị đánh thức như ba hồi trống dục. Nó đòi được yêu. Tui không thể cứ nhảy hoai một điệu buồn bã như vậy. Tui phải vùng dậy, cách mạng. Tui phải đòi quyền sống. Tui phải yêu ai cứ bảo là yêu. Ghét ai cứ bảo là ghét.

Em làm sao hiểu có biết bao nhiêu trang giấy tôi đã chung thủy với một nhân vật Quỳnh không, hỡi em hiền như ma soeur mà sao tâm như là gỗ đá ?

Vâng, thì tôi sẽ vì em mà xa.

Tôi đã lỡ dại dột sa vào tình yêu, cũng như sa vào văn chương.

Thôi thì chỉ có cách là bỏ vào Saigon.

Để em xa một tay du thủ.

Để mẹ ba em không còn nhìn thấy một tên phản thầy, phản đạo, mất dạy, du côn.

(Trích Cảm Tạ Văn Chương, đang viết)

Tuổi trẻ, nước mắt, máu, và nụ cười ưu uất trong truyện Trần Hoài Thư Nguyễn Lệ Uyên

Trần Hoài Thư đến với văn chương rất sớm, sớm hơn truyện ngắn đầu tay *Nước Mắt Tuổi Thơ* đăng trên tạp chí Bách Khoa năm 1965. Và nếu phân chia các giai đoạn văn học miền Nam theo cách của Võ Phiến (xem Văn Học Miền Nam, tập tổng quan, nxb Văn Nghệ, Hoa Kỳ 2000) thì Trần Hoài Thư được xếp vào (*Những Cây Bút Trẻ*, theo cách gọi thời đó) giai đoạn 1964-1975 giai đoạn mà chiến cuộc bắt đầu bùng nổ dữ dội. “*Tháng 8-64, sau vụ tàu Maddox bị tấn công, Mỹ oanh tạc miền Bắc, trực tiếp nhảy vào vòng chiến...Đầu năm 1968 miền Bắc mở cuộc tấn công nhân dịp tết, hi sinh ngót nửa quân số, đánh khắp các tỉnh lỵ và thành phố lớn để gây tiếng vang đến tận Mỹ. Sau vụ tết Mậu Thân, lại một vụ Mùa Hè Đỏ Lửa, quân miền Bắc vượt giới tuyến tràn vào...*” (Võ Phiến, sđd, trg 255-256).

Với một bối cảnh như vậy, hầu hết nguồn tài nguyên nhân lực ở cả hai miền đều đổ dồn vào cuộc tranh chấp dưới mỹ từ ý thức hệ. Hàng lớp lớp thanh niên lên đường. Lên đường và ngã

xuống. Nước mắt và máu và khăn tang, lên đường và *xương trắng tràn lan khắp núi rừng!* để sau đó có một Hoàng Yên Trang tử trận ở vùng sinh lầy Chương Thiện; một Nguyễn Phương Loan bỏ mình trên Đăk Tô, Kon Tum; một Y Uyên chết thảm ở đồi Nora dưới chân núi Tà Lơn, Phan Thiết... là những tiêu biểu của thế hệ nhà văn trẻ trong thời loạn ly 1964-1975.

Trong hàng hàng lớp lớp những bất hạnh, đau thương không cùng đó, có đầy đủ những thanh niên ở các lớp trước sau terminales, ở các giảng đường, là những công chức cùng hàng ngàn thanh niên nông dân, lao động khác. Những Phan Nhật Nam, Thảo Trường, Du Tử Lê, Trang Châu, Thế Uyên, Dương Kiên, Lê Văn Thiện, Hà Thúc Sinh, Lâm Chương, Hồ Minh Dũng, Lê Bá Lăng, Luân Hoán... không đếm xuể, không phải là những trường hợp riêng biệt. Nó là những tử số đông đảo quay cuồng trong mẩu số chung khổng lồ: *Chiến Tranh!* Những tử số ấy không phải để chung tay xây dựng đất nước mà bỗng chốc trở thành nguồn nhân lực quan trọng, cung cấp cho cỗ máy nghiền thịt xương một cách phi lý và đơ bản nhất trong lịch sử dân tộc.

Trần Hoài Thư nằm trong số đó. Từ một giáo sư toán ở trường trung học Trần Cao Vân, Tam Kỳ, ông đã phải từ giã đồng nghiệp, học trò, viên phấn, bảng đen, nhập ngũ khoá 24 SQTB Thủ Đức, để làm một cuộc *góp phần đông đảo* cho sứ mệnh thiêng liêng và đẹp đẽ kia, được sử dụng như những tấm đệm lót cho mưu đồ tranh giành quyền lực của hai miền Nam – Bắc. Anh em miền Nam và anh em miền Bắc lên đường. Anh em trên núi và anh em dưới biển vung mã tấu súng đạn bắn nhau: Đó là những bất hạnh và bi thảm nhất của dân tộc mà chúng ta đã phải đưa vai gánh chịu. Nhưng, trong những bất hạnh và bi thương kia, các nhà văn trẻ miền Nam chưa hề nghĩ và viết những gì xảy ra quanh mình theo *đường một chiều*, mà ngược lại: *“...cho đến khi lớn lên, đầu óc đã tạm đủ để suy xét thì khổ một nỗi, hệ thống tuyên truyền của VNCH lại có giá trị phản tuyên truyền nhiều hơn là tuyên truyền”* (Cao Xuân Huy, tựa, Tháng ba gãy súng). Dẫn tự sự này của nhà văn quá cố Cao Xuân Huy để thấy rằng các nhà văn trẻ miền Nam khi cầm súng ra mặt trận không phải là không có ý thức về vị trí, hành động và trách nhiệm trong cuộc chiến không do mình chọn lựa, trước sự tồn vong của dân tộc và sự lừa mị của những kẻ cầm quyền!

Với những khả năng, sự tinh táo, mẫn tiệp và ý thức, về trách nhiệm như vậy của lớp trui trẻ, Trần Hoài Thư không thoát ra. Ông bước tới và chấp nhận vị trí chiến đấu oan nghiệt nhất mà không kêu gào, phẫn nộ. Ông bình thản bước tới, nhập cuộc với trò chơi súng đạn: Ông được phiên chế vào Đại đội 405 Thám kích Sư đoàn 22/BB với chức vụ Trung đội trưởng. Đây có lẽ là trường hợp kỳ cục nhất trong quân sự VNCH. Bởi vì với mức cận thị 7 độ thì ông có thể giải ngũ hoặc xếp loại 2, nghĩa là không phải tác chiến. Đằng này không những ông phải cầm súng như bao nhiêu chiến binh khác, mà còn cầm súng ở một đơn vị luôn đối mặt với sự sống và cái chết rất mong manh, chỉ trong đường tơ kẽ tóc (!?). Phải chăng đây là định mệnh vạch sẵn cho ông, cầm sẵn trong tay sự sống chết có thể nhìn thấy rất rõ ràng? Nói chuyện với Du Tử Lê, ông thản nhiên: *“Không thể ngờ chỉ trong vòng hơn ba năm, tôi đã trải qua hai trào Đại đội trưởng ở đơn vị Thám kích. Xin giải thích rõ, chỉ vùng II, mới có Thám Kích. Nó được thành lập do sự đòi hỏi của chiến trường miền núi. Cần người có kinh nghiệm chằng những về chiến trường, mà còn thông hiểu tiếng thiểu số. Đa số những người lính này, gốc Thượng và Nùng. Sau thêm những người Kinh được tuyển chọn từ các trung đoàn...”* (dutule.com) . Đó là một đơn vị mà: *“tính mệnh của mọi cấp trong Đại đội/ Thám kích như “chỉ mảnh treo chuông” mỗi một khi được sử dụng. Ai vào thám kích mà ra khỏi được, không chết, ít nhất cũng mang theo vài chiếc theo trên mình.”* như qua bài viết của Văn Nguyên Dưỡng nguyên cựu trưởng phòng 2/SĐ22BB. (Tạp chí Thư Quán Bản Thảo số 46 tháng 4-2011)

Nhưng chính trong thời gian đơn vị ông đóng quân ở cầu Bà Gi (Bình Định) lại là thời gian ông viết được nhiều nhất: Hàng chục truyện ngắn và thơ của ông đều đặn xuất hiện trên các tạp chí văn nghệ Sài Gòn. Ông viết dễ dàng còn hơn đưa ly rượu lên miệng: Viết dưới hầm; trùm poncho dưới giao thông hào, bật đèn pin để viết; viết trong lúc dừng quân, trong quán cà phê;

viết khi chân, ngực băng kín trong quân y viện... nghĩa là ông có thể viết trong bất kỳ tư thế, không gian và thời gian nào ông cảm thấy mạch văn đang có dấu hiệu chảy trào ra khỏi con người ông, trườn qua cây bút và mảnh giấy tựa như con suối nghiêng dòng nước trong xanh chảy ca hát cùng mùa xuân.

Tôi vẫn luôn tự hỏi và tự trả lời, rằng tại sao trong khoảng cách sống chết cận kề bên nhau mà ông vẫn tỉnh táo để viết truyện, làm thơ, không phải loại tầm tầm, mà luôn gây ấn tượng mạnh cho người đọc? Bút lực mạnh mẽ chẳng? Là một con tầm theo đúng nghĩa rút ruột nhả tơ chẳng? Hay hơn thế nữa, tài năng vượt giới hạn? Không, theo tôi, tất cả là một trong Trần Hoài Thư. Đọc lại *Nỗi bơ vơ của bảy ngựa hoang* xuất bản năm 1968, *Những vì sao vĩnh biệt* năm 1970 hay những truyện ông viết ở xứ người, vẫn một chất giọng, tâm cảm ẩn đầy những cảm xúc chân thật. Chính tâm hồn và trái tim nhạy cảm nơi ông khi chạm vào đời sống, như một khúc xạ sống động, giúp cho ông có cái nhìn lung linh đa chiều. Nôm na, là ông sống (theo nghĩa rộng) hết mình với ngoại cảnh và nhân vật của ông. Ông và chúng đã hoà tan vào nhau để tạo ra những khúc đồng vọng đầy ắp cả "thế giới ta bà" quanh mình. Thứ đến, trong một truyện ngắn của ông (quên mất tên), có một đoạn có thể giải thích tại sao ông viết, tinh táo để viết: "*Anh đang viết, cuống cuồng hồi hả. Anh sợ sẽ không còn dịp để viết thêm được nữa*". Đó là cái chết như cái bóng chập chờn, lay lắt sát bên ông, rình rập bên cạnh ông!

Và, hơn hết, tuổi thơ của Trần Hoài Thư không suôn sẻ như bao đứa trẻ khác: gia đình ly tán, phải sống mấy năm trong trại mồ côi Nha Trang, có vẻ như khiến trái tim và tâm hồn ông trở nên nhạy cảm hơn khi nhìn ra thế giới bên ngoài. Điều này khiến người đọc dễ nhận ra trong hầu hết những truyện ngắn của ông, từ bối cảnh đến nhân vật, lời thoại luôn có chất giọng nghẹn ngào nhưng không rên rỉ, than oán, chỉ còn lại là sự hiện hữu cái bóng chông chênh của chính mình. Những sự vật, khung cảnh ông miêu tả, thường cô độc, trơ trọi; hoặc giữa sự thanh thoát tưởng như đang bước trên đường trăng thì liền sau đó người đọc chợt khám phá ra nỗi cô đơn chảy tràn, đau xoáy, như hai đoạn văn dẫn sau đây: "*Tôi đã rót đầy cốc rượu mạnh. Chai rượu chơ vơ giữa bàn tiệc, không ai màng đến. Nhưng chỉ có một mình tôi. Tôi nốc vào. Cho say một chút. Cho ấm đời thêm một chút. Cho tuổi mình lai láng thêm một chút. Cho tôi can đảm thêm một chút... Không có trăng sao thì tôi sẽ tưởng tượng một bầu trời trăng sao, để tôi còn nhớ về một đêm nào ở Huế*" (Người về trăm năm).

"*Người bạn nhỏ Péry. Người bạn nhỏ xa cách ngàn trùng. Mùa hoa muông đã lại, mùa hoa cà phê đã nở, mùa hoa cúc rừng đã báo hiệu dưới ánh nắng tháng hè, nhưng đối với tôi, lúc này, những mùa ấy là những mùa kỷ niệm đau đớn nhất đời người*" (Thị trấn cà phê hoa, Thời Tập số 23 ngày 15 tháng 4 năm 1975).

Đây là hai truyện ngắn viết trong khoảng thời gian cách xa nhau đến 20 năm, một hoài nhớ về mối tình lỡ, và truyện kia là bối cảnh vùng đất cao nguyên, tình cờ gặp cô gái Thượng. Cái đẹp đến bất ngờ với ông trộn lẫn vào thời điểm lửa đạn lan rộng, khiến giọng văn của ông luôn có chút tức tưởi, tấy lên nỗi đau xé lòng.

Thời thơ ấu, ông đã không có cái may mắn, hạnh phúc bé nhỏ, nhưng khi lớn lên, bước vào đời, ông cũng không tìm đâu ra chút thanh thản, bình yên. Đời đối với ông luôn là những xô đẩy vật vờ. Có thể ví thân phận ông như chiếc lá bị cuốn trôi, nhấn chìm trong dòng nước xoáy mùa lũ. Sự tàn khốc, khốn cùng kia như một định mệnh đã an bài, đã đóng đinh câu rút cuộc đời ông. May và rủi là hai khái niệm vô hình trên bình diện chữ nghĩa. Còn với cá nhân ông, nó đã cụ thể hoá bằng hình hài có tay có chân, mặt mũi; thậm chí cả đến gào thét, phẫn uất. "*Nhưng ba không biết, con đang ở trong thế hệ trẻ tuổi mà ba đã kết án. Ba không biết tuổi trẻ của con đang nổi loạn, bất mãn, thao thức. Tuổi trẻ của con đầy những xấu xí, giành giật từ ý thức. Ba đã chối bỏ ý thức. Nhưng còn con. Qua sách vở con đọc, qua lịch sử mà con đã sống và lớn lên, qua xứ Huế mà con đã cô đơn, qua tình yêu mà con đã vấp phải, qua mấy bức tường thành mà con bị giam hãm*" (Bên trời)

Sau biến cố 75, những người như ông đều chịu chung số phận của “những kẻ trừng giới” nhưng không thông dong ca hát như khi Tô Đông Pha thuở xưa trên đường đi biếm trích (từ Lĩnh Nam qua Hoàng Châu, Quảng Châu, Lô Sơn), mà là những xiềng xích, gông cùm:

“- Nhưng còn anh, không ai sẵn sóc anh?”

-Anh là tù nhân rồi, cần gì sẵn sóc. Có cảnh vệ quản giáo và cả trung đoàn bảo vệ cho anh rồi” (Đà Nẵng quê em).

Cảnh xiềng xích kia, qua lời thoại, người đọc không tìm đâu ra vẻ hần học, than oán, đau thương, đổ lỗi. Cả 23 từ thốt ra từ cửa miệng nhân vật Anh một cách bình thản, như chân dung của gã lữ hành cô độc, lầm lũi bước về phía khốn luy. Và chỉ chừng đó thôi, cũng đủ vẽ ra trọn vẹn cảnh sống ở trại trừng giới rồi, người đọc dẫu khó tính đến đâu, theo tôi, không thể đòi hỏi gì hơn. Chỉ chừng đó. Đọc và tưởng tượng. Đọc và rợn người, đau xót cho thân phận những tù binh như ông. Câu nói của anh chàng tù binh kia, đọc lướt có vẻ bình thường như bao câu nói bình thường khác. Nhưng ngừng một lát, nghỉ hơi một chút, lắng nghe những con chữ xộc xệch thẳm vào trí não, tôi thấy có cái gì đó, sần sệt, nhão nhoét. Nó tràn trệ một cách thâm thẳm. Mà còn hơn cả thâm thẳm nữa, nó đọng gần đến sự nứt toát, tự huỷ như những chiếc hầm tự huỷ bốc mùi. Bốn năm trong trại tù giam, hẳn nhiên ông phải gánh chịu và chứng kiến lắm cảnh đau đớn, ê chề, và không ít những tủi nhục. Đó là một ông Giang hoá điên: “*Người đàn ông, bây giờ, như một con thú quái dị, dù y vẫn có hai chân và bộ phận sinh dục. Y trần truồng, đầu tóc như thể một ổ rạ ổ rơm trên ấy chỉ rận, đất, cát làm đùn làm lũy. Đôi mắt sâu hun hút, hình như chẳng còn nhìn ra đôi võng mô. Cả thân thể y thì khô đét, trơ những khúc ba sườn. Y vẫn cố gắng la:*

- Tại sao bọn mày lại bắt tao? Tao là Hoàng Minh Giang, Trường Chinh ngày xưa còn sợ tao...

- Thôi đủ rồi, chúng tôi lạy ông. Bọn nó đến kia kia...

- Tao là bạn của Hồ Chí Minh, tại sao bọn mày không nể tao hả?” (Người và Quỷ)

Sau điên là bệnh tật, là đói khát, là những gì ngoài đời không ai tưởng tượng nổi. Chỉ có thể xảy ra trong thời điểm đó, ở khung cảnh đó, nơi chỉ có một thế giới duy nhất trên trần gian mới có: trại trừng giới! Ở đây, chất người tự hạ thấp xuống và miếng ăn được nâng lên cao. Nhân phẩm và đạo đức như cái pitton sút ốc: “*Thịt. Ông liên tưởng đến miếng thịt nướng bốc mùi thơm ngậy mà nước miếng như chực tuôn trào. Lần đầu tiên nhai miếng thịt chuột cống, miệng ông vẫn còn lợm khi nhớ đến những mảnh da loét đỏ lôm hay sần sùi những vết ghẻ lở. Nhưng bây giờ, ông đã khám phá, bên trong lớp lông xám xịt và hôi thúi là cả một thức ăn tuyệt diệu. Khối cản nhỏ lông, cứ thui từ từ, lớp da sẽ bóc ra, để lộ lớp mỡ trắng. Ông sẽ xé ra từng miếng nhỏ, vừa chấm muối vừa nhai thật chậm rãi. Lúc ấy hình như những bắp cơ của ông cũng chuyển động theo. Và máu trong người ông hình như cũng chảy mạnh”* (Người và quỷ).

Đọc đoạn văn trên không khiến chúng ta buồn nôn mà gần như một thứ men rượu cồn lan toả rất nhanh trong cơ thể khiến ta say, không phải cái say cơ học mà say bởi dậy men chua xót, đau đớn đến bùi ngùi như có kẻ cầm lưỡi dao bén ngọt lóc từng mảnh da thịt trên người, từng lát, từng chút một!

Hầu hết những truyện ngắn của Trần Hoài Thư đều có loại men khác thường đó, chỉ riêng mình ông mới sở hữu một cách tài hoa, đến nỗi sau khi đọc bản thảo “Nhật ký hành quân”, từ quân y viện gửi về, thư ký toà soạn Văn quyết định làm một số đặc biệt về những cây bút trẻ, và dưới truyện ngắn này, ông Trần Phong Giao nhận xét: “*Nhật ký trên được viết tại quân y viện, sau lần bị thương thứ hai. Mặc dù bị cận thị rất nặng, Trần Hoài Thư hiện vẫn đang chiến đấu trong một đơn vị thám sát miền duyên hải Trung phần. Trong văn có nghẹn ngào hơi rượu, nhưng người đọc tinh ý chắc sẽ còn bắt gặp nhiều hơn thế nữa...*” (Văn, số 114).

Điều mà ông Trần Phong Giao gọi là “*nghẹn ngào hơi rượu*” chính là sự bất lực của con người trước một thực tế phi lý và phũ phàng nhất. Và ở bất kỳ truyện nào, những nhân vật của ông dường như cũng đều quay quắt trong cảnh khốn cùng đó: Tiếng nấc nghẹn ngào tiếc nuối trong mối tình đổ vỡ, cảnh lênh đênh giữa đại dương mệnh mông mà tiếng sóng vỗ nghe như tiếng

rên thảm của những người phụ nữ bị hãm hiếp trước mắt những người đàn ông bị bắt trói, đánh đập. Hay những xao xác nơi xứ người khi gặp lại đồng đội cũ, với cô bạn Trung Hoa vừa mới quen trong lớp học...

Truyện viết về chiến tranh cũng thế. Không hề thấy ông gán những nụ cười lên mỗi các nhân vật ông tạo ra, nếu có cũng chỉ là nụ cười méo xệch như nhân vật Năm Râu, Ba Cận Thị, Y Dao, Nay Lát... như trong truyện Thư về người đồng đội cũ sau 25 năm thất lạc: "*Lúc này, chúng ta có quyền thẩm định về giá trị của chiến tranh và lịch sử. Nhưng tôi không thể bình an khi cái cuồng điên kia đã trở thành thú tính. Họ rõ ràng hơn chúng ta. Bởi vì họ có cả một khối thép thành trì bên ngoài và khối thép cãm thù bên trong đầu óc, và con tim họ. Còn chúng ta thì cô đơn. Qua xứ Mỹ anh đã hiểu về nỗi cô đơn ấy. Chúng ta đã chiến đấu trong nỗi cô đơn và quả cảm. Và chết cũng quả cảm và cô đơn. Như bao nhiêu đứa con của một đại đội bộ binh*". Thay vì những đồng đội cũ liên lạc được với nhau, ôm nhau mừng tủi, thì ông lại đẩy bút pháp của mình qua ngã hồi tưởng về những trận đánh năm xưa ở Đắk Tô, Buôn Ma Thuột, Gành Ráng... với những thầy người cháy đen, cong queo... và tan hàng... và tù binh! Những truyện ngắn trước kia, ngay ngoài mặt trận cũng vậy, ông viết y như những thước phim hành động rất thật, rất sống động: Nhân vật Tôi chính là ông, người chỉ huy Trung đội Thám Kịch, trong tình thế cả Trung đội bị phục kích, bị chết và bị thương gần hết, kể cả ông. Ông đã chiến đấu bên cạnh những người lính của mình, trong hoàn cảnh, đến sỏi đá cũng nát như nhừ cám ở Trung đội, để cuối cùng phải thốt lên những lời tuyệt vọng, đau đớn, phi lý nhất: "*Quá hèn!*":

"... Ngồi nghe họ nói nhiều về anh, nhớ anh rung rung nước mắt. Làm sao tôi quên, anh mặc bộ đồ rằn, vác trên vai thằng lính bị thương, chạy như bay... nhìn rõ ràng anh té xuống, hai tay buông ra và nằm sấp. Thiếu úy Chấn chết... một vợ năm con. Tôi thì quá hèn. Hèn. Đến thằng truyền tin, bị thương ở chân và tay, không lết nữa, tôi cũng chả khiêng được, như lời kêu cứu của nó vào buổi trưa địa ngục. Tôi khóc... Hường ơi, rán bò sau bụi, lết đi... Tao cũng bị thương, xích ra bị bắn... Mà xem, xung quanh đâu có ai. Luông bị thương, Phong bị thương, tao nữa... Tao ra thì bị bắn. Nó canh sẵn...

-Đ.m. Thiếu úy!

Tôi úp mặt vào đất sỏi, khóc như đứa trẻ" (Nhật ký hành quân, Văn, số 114).

Biết làm sao hơn trong tình cảnh bi thảm như vậy. Sự bất lực đã trở thành hèn nhất. Nhưng chính cái hèn nhất đang bao phủ khắp người, có được lời ra, thừa nhận rằng tôi hèn nhất hay cố tình cất giấu, biện minh để giữ bề ngoài trách nhiệm trước đồng đội mới là điều đáng nói? Đây là sự hy sinh cao cả và đây là trốn chạy chính là nỗi dằn xé tâm can đến "nghẹn ngào hơi rượu" như ông Trần Phong Giao nhận xét ở trên.

Trở lại với trốn chạy và hy sinh, hèn nhất và can đảm cùng trách nhiệm của người chỉ huy ngoài mặt trận khi "*Tôi úp mặt vào đất sỏi, khóc như một đứa trẻ*" sau khi nghe thuộc cấp ngắc ngoải la lên: "*Đ.m. Thiếu úy!*" tôi chắc đã có hàng ngàn trường hợp như vậy ngoài chiến trường, như nhân vật Trần Viết Gián của Lê Văn Thiện trong truyện ngắn *Trong lớp khói màu*: Nhân vật ấy bị thương, ngã xuống chỉ cách đồng đội mấy bước chạy từ lè đường, nhưng không cứu được. Lớp khói màu bắn ra muện màng, chỉ có thể vẫy bực lấy thi thể đồng đội, để sau đó anh ta không bị bắn bồi đến nát ngừu ra thôi. Trách ai?

Có đọc *Tháng ba gãy súng* và phân tựa tập hồi ký này của Cao Xuân Huy, mới thấy hết nỗi đau đớn của Trần Hoài Thư "*khóc như một đứa trẻ con*". Ông viết: "*Chúng ta thua không phải vì kẻ địch mạnh mà vì trong hàng ngũ chúng ta có quá nhiều kẻ phản bội và hèn nhất. Chính vì lòng thù hận sự hèn nhất và vô trách nhiệm của cấp chỉ huy nên hình ảnh và diễn tiến những ngày cuối cùng trước khi cả Lữ đoàn tan rã và bị bắt bởi hơn một Đại đội du kích VC...*" (Cao Xuân Huy, Tháng ba gãy súng).

Sự vô trách nhiệm và hèn nhát của những ông tướng chỉ huy của Cao Xuân Huy và nhân vật Tôi của Trần Hoài Thư khác nhau xa. Vì vậy, khi dẫn ra, không cố ý so sánh, mà trên hết là để nhìn lại một cách rõ ràng bộ mặt nhếch nhác của cuộc chiến tương tàn từ nhiều góc độ khác nhau, lớn nhỏ khác nhau... ở đó có một Đại đội quái dị Thám kích 405 với một nhiệm vụ cũng quái dị là đẩy các binh lính vào tử lộ?

Đã đành, có rất nhiều nhà văn miền Nam viết về chiến tranh, nhưng mỗi người mỗi vẻ. Bộ mặt chiến tranh trong những tác phẩm của Phan Nhật Nam mang đậm tính chiến đấu, của Thế Uyên có chút bi hài chua xót, của Trang Châu thì chùng mịch, Y Uyên thì lạnh lùng... Với riêng Trần Hoài Thư, cái mạch văn ngắn, dồn dập khiến người đọc phải nín thở, giống những thước phim quay nhanh để người xem luôn phải dán mắt vào màn ảnh, bởi diễn biến luôn thay đổi: *“Tiếng đạn trọng pháo vẫn tiếp tục câu đi dưới bầu trời nắng lửa. Chiếc cầu Nam Ô quần quai dưới bánh xích chiến xa. Những chiếc xe quân đội tiếp tục chuyển quân về hướng Bắc. Không gian mịt mù khói và bụi. Mặt trận vẫn miệt mài. Không dám nhớ nhưng vẫn nhớ. Không dám nghĩ nhưng vẫn nghĩ. Nghĩ gì, nhớ gì. Những tín hiệu cứ đánh về. Binh đoàn Bắc quân xe tăng đại pháo. Những đoàn xe Nga xô theo đường mòn HCM tiếp tục chuyển quân về miền Nam. Những tin tình báo cho biết có một cuộc tập trung tại ngã ba biên giới. Nghĩ gì nhớ gì. Trực thăng không còn ưu tiên, phân lực mỗi mòn chờ đợi, pháo binh bắn yểm trợ cầm chừng... Thế giới đã quay lưng. Mùa mưa và mặt trận. Vòng kiểm soát thu hẹp. Làng xóm cũng thu hẹp. Thành phố vẫn ăn chơi. Đài Hà Nội vẫn gào vẫn thét. Quân đội ta trung với đảng hiếu với dân... Hay là thời điểm cuối cùng của một trận chiến. Hay là người khôn còn sống, người dại ra đi. Hay là bắt đầu cho một cơn đại hồng thủy để Thượng Đế động lòng bảo ông Noah đóng tàu cứu độ. Bởi vậy, anh phải về chờ chiếc tàu của ông Noah. Rồi anh sẽ dẫn em đi, bến bờ sẽ bỏ lại, sống thêm trăm năm như người tiên sử”* (Đà Nẵng quê em).

Ông quan sát thật kỹ, suy ngẫm thật kỹ bộ mặt gớm ghiếc và tàn nhẫn của chiến tranh, nên đôi khi, có vẻ như ông vừa là người trực tiếp tham dự, vừa là kẻ bàng quang đứng bên lề ngắm nhìn một cách sắc gọn: *“Như con chó tật nguyên của đại đội này. Nó cũng tự biết dù phải sống ở một nơi khác - bình an cách mấy- nhưng làm sao nó thấy được những người chủ đã để dành cho nó từng miếng bánh, miếng cơm, đã dẫn nó xuống đồi săn thỏ săn chồn. Bởi vì, ít ra nó đã tìm được mái nhà”* (Đà Nẵng quê em).

Trong chiến tranh luôn có sự phi lý và điên rồ. Nhưng càng phi lý và điên rồ hơn khi mà cấp chỉ huy ngồi đầu đó, ở những nơi an toàn, có máy điều hoà, một tay bưng ly rượu champagne, tay kia cầm chiếc que inox chỉ lên sa bàn, điều khiển trận đánh cách xa họ đến hàng chục, thậm chí hàng trăm cây số. Sự thật ngoài mặt trận và cái giả tưởng trên sa bàn được họ đánh đồng rồi ra lệnh; cấp dưới phải tuân lệnh: *“Rõ ràng đây là một cuộc thí quân. Họ ra lệnh chúng tôi phải chiếm đồi với M16, và lựu đạn, trong khi địch ẩn núp trong những hang kiên cố, với lợi thế là thấy rõ chúng tôi, còn chúng tôi thì như những kẻ đui mù. Họ không hiểu chiến trường chó má này vì họ ở trên trời hay ở đằng sau. Họ làm sao hiểu chúng tôi làm sao có đủ khứu giác của lũ chó săn để có thể đánh hơi địch hay có đôi mắt thần để biết địch đang làm gì. Chúng tôi chỉ biết tuân lệnh, không cần biết địch đã dọn sẵn mìn, chờ chúng tôi có mặt là đại liên hai bên sườn nổ xuống như mưa để cả bọn ngã nhào lẫn lộn đủ kiểu mà bị thương mà chết. Tư ơi! Thế nào cũng có quân tiếp viện. Tôi đã cố an ủi thằng bạn trung đội trưởng trung đội bốn. Nhưng Tư cứ một chặp lại rên rĩ. Cả hai chân tao, bụng tao bị trúng đạn. Trời ơi, tao đau quá. Tao chịu không nổi. Cho tao một viên đạn. Tao van mày hãy bắn tao đi. Nó van tôi, van một thằng bạn”* (Chiến tranh).

Kết quả của cái gọi là chiến tranh, là đánh nhau ấy là gì? Chết. Những cái chết vô duyên, tức tưởi cùng nỗi đau nát ruột của những người sống sót: *“Thiếu úy ơi, thiếu úy tại sao không giữ gìn chồng em để anh phải chết thảm như vậy hả thiếu úy. Anh ơi, sao anh lại bỏ mẹ con em. Anh chết gì mà thảm quá hở anh”. Chị rống lên. Thằng bé cũng khóc thét. Tôi mất hết bình tĩnh. Bây giờ tôi có ý nghĩ là làm loạn. Tôi điên khùng chụp súng chạy ra ngoài, nhắm phía ngọn đồi chó đẻ và bắn cuồng điên...”* (Chiến tranh).

Trong hồi ký Tháng ba gãy súng của Cao Xuân Huy, ông đã phẫn nộ với cấp chỉ huy ở đâu đó vì cái kiểu điều động di tản chiến thuật một cách ngớ ngẩn, khiến cả Lữ đoàn TQLC bị vây đánh tơi tả, tự chết nước (tranh nhau ra tàu, lộn vào bờ), tổn thất gần hết ở cửa biển Thuận An trong những ngày cuối cùng, thì ở Chiến Tranh của Trần Hoài Thư cũng có cái không khí tựa tựa như vậy. Một đảng là toàn cảnh một đảng là cận cảnh nhưng đều có kết cục bi thảm vì “*họ không hiểu chiến trường chó má này!*”

“Chiến trường chó má” của Trần Hoài Thư thật phức tạp: Ta, địch, đồng bào ruột thịt đều lẫn vào nhau, gần gũi nhau. Chỉ mới hôm qua thôi còn gặp nhau, thân mật, thì hôm sau đã là phía bên kia, chết banh ruột như Lài trong Nhật ký hành quân. Đến thiên tài quân sự cỡ Napoléon có sống dậy điều khiển cuộc chiến này hẳn ông cũng giơ tay bắt lặc: Bởi họ là đồng bào của ta, mũi không cao, mắt không xanh, tóc không vàng, cùng một giọng nói, làm sao phân biệt, như sự mô tả đến trần trụi sau đây: “*Lính bắt một nhóm người gồm ông già, bà già, đàn bà và trẻ con từ dưới hầm lên. Nhóm người khốn khổ đang ngồi trên nền gạch khóc lóc. Bên họ là những gói vải lớn hay va li thiếc. Tôi bảo lính khám đồ đạc của họ. Mụ đàn bà có chiếc va li thiếc, run rẩy không cho lính mở. Hấn tức mình đá và chửi: Đến đâu, đàn ông thanh niên không có, sao mụ lại có bầu. Chồng mụ nhảy núi phải không? Tôi nhìn suốt các gương mặt. Các gương mặt đang vươn lên từ những đống tro tàn, đang co ro nhúm cùng những đôi mắt van lơn sợ hãi*” (Nhật ký hành quân).

Và từ sự bắt lặc, chuyển đến trạng thái giận dữ: “*Vâng, tôi không thể hiểu. Tôi hét, giận dữ: Tại sao đồng bào lại ở đây, hờ hờ. Đồng bào không biết đây là vùng oanh kích tự do hay sao?*”.

Chính những người dân vô tội kia, trong thời điểm đó, hoặc chấp nhận bên này hoặc bên kia, không có sự chọn lựa thứ hai. Nhưng ở bên nào thì cũng đưng mặt những bất toàn, để sau đó là những cô đơn, ưu uất vây chặt lấy cuộc sống trước mặt, như ông già Tư chèo đò: “*Trong khi bom đạn đuổi đàn con cháu của ông ra những cánh đồng lúa để giết nhau, thì ông vẫn còn ngồi lại để mỗi ngày ra bờ sông nghe tiếng gọi đò*” (Khu chiến, Văn số 181, năm 1971).

Tất cả chỉ vì nguyên cớ: “*Núi đã vô tình quyến rũ một lớp người. Sông cũng đã mang đi một lớp người, về bên kia sông, về thành phố. Anh đi lính. Dì Quít thì làm gái bán bar, và chị Thanh thì lạc loài đâu đó sau khi người chồng tử trận*”.(Sông Cái, Văn năm 1971)

Mệt mỏi, tuyệt vọng đan xen giữa những niềm hy vọng, mơ ước nhỏ bé đều là tâm trạng chung cho tất cả mọi người trong thời điểm khắc nghiệt nhất của lửa đạn trùng trùng, không phân biệt là thường dân, binh lính bên này hay bên kia, ngoại trừ những kẻ cầm đầu luôn miệng hô hào “*Bình Long anh dũng, KonTum kiên cường, Bình Định... đốt cháy cả dãy Trường Sơn...*”.

Nhưng những ước mơ nhỏ bé long lanh sáng như hạt sương ban mai của người lính trận liệu “*có về được không?*”. Câu hỏi có vẻ tầm thường này, dường như ông đặt ra vấn đề lương tâm cho những người cao nhất: “*Con sông Gò Bồi, vẫn yên chảy. Anh bỏ súng xuống, nhìn con đường mà anh bảo vệ hằng ngày, mà nghĩ đến một buổi mai nào đó, anh có thể trở về bình yên nơi chốn cũ bằng một chuyến xe lam, để thăm lại ngôi giáo đường có cần an ten cao vút, có những nhánh sù, khô tróc vỏ nổi lên trên nền trời mây trắng. Không biết anh có về được không?*” (Gò Bồi bên kia sông).

Như viết ở trên, hiếm khi bắt gặp những nụ cười trong truyện Trần Hoài Thư; có chăng cũng chỉ là những nụ cười bọt nhạt, móp méo. Đó là những nụ cười không hình dạng, chói với, chấp chờn như từ tầng sâu địa ngục trồi lên, thọc tay kéo nhếch môi ra: cười như mếu! Duy nhất, tôi đọc được trong truyện Viễn Thám và khám phá ra ông có một nụ cười thật trọn vẹn, nụ cười của hạnh phúc vô bờ, mà ngay từ thuở ấu thơ đến giờ ông mới hé lộ ra, như thể một loài hoa hiếm quý trăm năm mới nở một lần. Một nụ cười đẹp tựa bức tranh La Joconde, như đôi môi thuần khiết của Đức mẹ Đồng trinh, mang đầy chất nhân văn. Đọc kỹ đoạn văn này, tôi tự hỏi, nếu tất cả Trăm con trên Núi dưới Biển đều “*có những con tim của tuổi trẻ Việt Nam*” trong thời

điểm kinh hoàng lửa đạn đó, liệu tất cả có đồng loạt bỏ súng xuống, ôm chầm lấy nhau mà khóc, mà tụi thẹn với tổ tông, hối hận để dẹp tắt đồng lửa hận thù (không do mình gây nên) cao ngút tầng xanh kia?: “*Trung đội thám kích đang sẵn tin về một đơn vị Bắc quân mới xâm nhập vùng Trường sơn, đã không ngờ gặp một cặp bộ đội đang hát bên bờ suối. Quân thù đó nhưng người lính đã không bắn. "Tôi không thể chơi cái trò dã man như vậy. Tôi muốn người thanh niên kia, ít ra, có một giờ phút vĩnh cửu (...) Tiếng hát như nói lên những điều cảm nín từ những con tim của tuổi trẻ Việt Nam.... Tiếng hát như dậy khỏi mồ, bạt cả gió, khiến rừng như thể im phăng phắc lá như thể thôi lay động trên cành. Và ít ra, tôi vẫn còn hiểu rằng, mỗi người đều có trái tim. Và trái tim thì lúc nào cũng sống vĩnh cửu"* (Viễn thám). Đó cũng là một lý do tại sao, góp một phần nhỏ, khiến sau thời gian không lâu, ông bỏ ngũ. Nhưng lý do gần nhất, như trong lá thư ông gửi về cho Mai Thảo, và tạp chí Văn Đền đăng lại khoảng đầu năm 1971, giải thích tại sao ông lại bỏ ngũ cũng như quyết định của ông trở lại quân ngũ: « *Từ Nha Trang, ... Tôi đã bỏ đơn vị. Tôi muốn có một thái độ, nhất là trong lúc này : tham nhũng, bất công, thối nát, tranh giành. Đại đội tôi chỉ 50 người. Lĩnh một số biệt phái nhà máy quan lớn. Tôi bỏ ra đi khi nghe tin Hà Thúc Nhơn chết. Tôi mong các anh để ý đến những người viết miền Trung. Tôi mong Văn Đền nói lên được nỗi khổ của chúng tôi.*

...*Bây giờ tôi chỉ còn chờ ngày ra toà. Có điều chắc chắn là tôi sẽ trở lại quân ngũ : tôi muốn như vậy.*

T.

18.11.70 (Tạp chí Văn Đền, 1971). (*)

Dẫn ra đoạn này để thấy thái độ và trách nhiệm của Trần Hoài Thư, với sự chọn lựa duy nhất lúc đó : Đào tẩu khỏi ĐĐ 405 tử thần! Chấp nhận quân lao, giáng cấp; để sau đó ông thực hiện đúng điều ông tự hứa « *chắc chắn tôi sẽ trở lại quân ngũ* ». Chưa đầy tháng sau kể từ khi nằm trong quân lao, ông lại bị tống ra SĐ23/BB và tiếp tục hành quân ở đâu đó trên ĐắkTô. Ngày ông quyết định rời bỏ ĐĐ 405 Thám kích, « *Đại Bàng* » (chính xác là nhà văn Lữ Quỳnh) đã dùng xe jeep đơn vị Quân y đưa ông qua bên kia đèo Cù Mông, vĩnh biệt chảo lửa Bình Định. Sự chọn lựa của ông cũng xuất phát từ « *những con tim của tuổi trẻ Việt Nam* ». Ông có cái lý của mình. (Và dẫu sao, nhân đây tôi cũng xin cảm ơn, dù muộn màng, đến anh bạn « *Đại Bàng* » thân thiết đã cứu sống được một nhà văn, vì nếu không, với tình hình chiến trường sôi bỏng lúc đó, biết đâu lại không xảy ra một Y Uyên, Hoàng Yên Trang... thứ hai?): “*Tôi nói với Cẩm: Anh nghĩ rồi đây chiến tranh sẽ chấm dứt. Miền Nam và miền Bắc sẽ sum họp. Mọi người sẽ ngồi lại và tha thứ lẫn nhau. Rồi em về Nha Trang. Anh cũng trở lại cùng Nha Trang. Anh sẽ xin dạy trở lại. Rồi anh sẽ xin cưới em...*” (Nha Trang).

Ông sẽ và đã không cưới được nhân vật trong truyện, nhưng có một nhân vật khác thế chỗ, trở thành nhân vật chính cho truyện dài đời ông, nâng ông đứng dậy suốt quãng thời gian còn lại, sau ngày bi thảm của dân tộc!

Nụ cười trên môi ông hiếm hoi, bởi máu ông đã đổ ra nhiều lần thế chỗ. Còn nước mắt thì trải dài suốt cả cuộc đời, từ khi xa “*người cha mặc áo lương đen*”, mẹ đưa ông vào trại mồ côi cho đến khi ra chiến trường, chứng kiến ngày tan hàng nhào nhoẹt cộng với 4 năm tù giam, vượt biển, định cư... Nhân thân ông giống như kẻ tội đồ Chúa bắt phải hứng chịu mọi tai ách. Ông có vẻ như những nhân vật “*dân Do Thái*” trước năm 1948, là gã hành khất của đời suốt từ tuổi ấu thơ đến lúc trưởng thành, là cái bóng chấp chờn, tiếng hát ma quái trên nóc tháp Hời hoang phế!

Thân phận ông là thân phận của kẻ lưu đày ngay trên quê hương mình như nhiều người khác đồng cảnh ngộ. Ra khỏi trại tù, ông lại mang một tư thế lưu đày khác, bị xô ra khỏi lễ xã hội mới, xã hội mà ở đó luôn luôn đổ kỵ, ngò vực như thể chính những con người bị đổ kỵ kia không phải là đồng bào, máu mủ.

Đó là những công chức, quân nhân bên này mà người anh em bên kia gán cho cái tên mỹ miều Ngụy quân, Ngụy quyền, may mắn được sống sót trở về từ trại giam. Hầu hết trong số họ đều phải bắt đầu lại từ đầu một cách khó khăn, tất nhiên không phải là những vị trí cũ, dẫu bọt bèo,

mà đa phần là “chạy chợ”, làm bất cứ nghề lương thiện nào, ngoại trừ những tên giả trá, trơ trẽn. “Nhân vật” của Trần Hoài Thư trong truyện Người về trăm năm cũng vậy: Bán cà rem dạo. Trong bối cảnh xã hội ngày đó, ai cũng thông cảm chia sẻ nhau về chuyện mưu sinh. Bán cà rem vẫn là một nghề kiếm sống, không ăn giết ai, không chiếm đoạt tài sản, ruộng vườn của ai, không trá hình xua đuổi người dân ra khỏi nơi chôn nhau cắt rún đi đến “thiên đường kinh tế mới” như một ngục tù thứ hai: “*Chiếc xe đạp. Thùng cà rem. Chiếc chuông đồng. Chiếc mũ rơm. Và chiếc áo lính cũ. Đó là gia tài của một kẻ trở về. Tôi sẽ mặc lại chiếc áo của một thời mà may mắn còn sót lại trong xô tử nào*” (Người bán cà rem dạo).

Nhưng, điều kỳ lạ, thay vì những que cà rem kia là một phần ngàn từng hạt gạo kiếm được trong ngày để nuôi sống vợ con, thì ông lại coi đó như là những món quà kỳ diệu cho các em bé Cần Thơ, là những phiên ảnh của tuổi thơ có quá nhiều mất mát nơi ông. Những hình ảnh và suy nghĩ ở đoạn dẫn sau không hề hư cấu. Nó thật đến hơn trăm phần trăm, khi Hạc Thành Hoa tình cờ nhìn thấy ông ở Cần Thơ trong tình cảnh này. Và lại những giọt nước mắt, nghẹn ngào, đau xót tuôn trào...: “*Tôi sẽ tặng em một cây. Một cây đậu có nghĩa lý gì. Bởi vì tôi biết người cha của em cũng như tôi, cũng mang chiếc áo lính này. Còn nữa. Còn những em bé mà tôi gặp từ Bình Minh về Phụng Hiệp, từ Tân Quới về Phong Điền, hai chân em khăng khiu, đôi mắt nai ngờ ngác, trong manh áo vá, mà đời của em bị mang thêm cái ách làm con nọ, các em cứ đến bên thùng cà rem của tôi, cứ lựa cây nào em ưa thích, cà rem đường chảy, kem chuối, kem màu... Cứ chạy theo xe tôi, cứ la hò: Ông bán cà rem cho không bọn bây ơi*” (Người bán cà rem dạo).

Thân phận của tên bán cà rem hình như cũng không yên ổn: bị gọi lên một cơ quan văn nghệ nghe thuyết giảng, phê bình và đe nẹt: “*Ngày xưa tuổi trẻ của tôi chỉ dệt bằng mơ ước. Yêu thương và tha thứ. Tôi gọi tôi gào người ta, bên này và bên kia, hãy trả lại tuổi trẻ cho chúng tôi, nhưng bây giờ chẳng có yêu thương tha thứ, mà trái lại là căm thù*” (Người bán cà rem dạo).

Đứng trước thực trạng xã hội sau ngày “giải phóng”, có quá nhiều chệch choạc ở cả hai miền, mâu thuẫn nảy sinh âm ỉ từ việc nhà cầm quyền không thực hiện đúng lời hứa “hoà giải hoà hợp” mà trước đó đã trương lên trong 10 Điểm... của Mặt Trận DTGPMNVN, khiến hàng triệu người phải bỏ nước ra đi, hàng ngàn người chìm sâu dưới “Thuỷ mộ quan”, bị hãm hiếp... Điều này giải thích tại sao nhiều trí thức, thân hào nhân sĩ phải lên tiếng. Người trong cuộc, đã bỏ hơn nửa đời người theo lý tưởng cộng sản, là bộ đội tập kết năm 1954 phải kêu lên: “*Thảm kịch của đảng cộng sản thực ra đã bắt đầu ngay từ ngày 30-4-1975. Sự bẽ bàng còn lớn hơn vinh quang chiến thắng. Hòa bình và thống nhất đã chỉ phoi bày một miền Bắc xã hội chủ nghĩa thua kém miền Nam, xô bồ và thối nát, về mọi mặt. “Tính hơn hẳn” của chủ nghĩa Mác-Lênin trở thành một trò cười. Sự tồi đờ của nó được phoi bày rõ rệt cùng với sự nghèo khổ cùng cực của đồng bào miền Bắc.*” (Châu Hiền Lý, Bộ đội tập kết năm 1954 – nguồn: hungsukien/blog).

Sau đó ông đặt ra nhiều câu hỏi tại sao. Và đây là một trong những “tại sao” kia: “*Tại sao sau khi được “giải phóng” khỏi gông cùm của Mỹ-Ngụy, hàng triệu người phải vượt biên tìm tự do trong cái chết gần kề, ngoài biển cả mênh mông?*” (Châu Hải Lý).

Trần Hoài Thư cũng như bao nhiêu người khác, có điều kiện (hoặc không) đều tìm cách trốn ra nước ngoài, bằng thuyền nan, vượt rừng qua Cambodge tới Thái Lan... Nghĩa là bằng mọi cách để không phải chịu cảnh trả thù, dần xóc, mặc dù họ biết mọi bất trắc đang nằm sẵn trong lòng tay: “*Bao nhiêu người đã không may. Bao nhiêu người đã nằm dưới lòng biển. Bao nhiêu người con gái đã bị hãm hiếp và bị bắt cóc. Mắt tôi thấy chúng thay phiên, lưng trần đen bóng mồ hôi, và có người con gái tóc dài tung tóe, nhảy ào xuống biển*” (Những ngày ở đảo).

Sau những tháng ngày khổ nạn, cuối cùng những người ra đi và may mắn cũng tìm được bến bờ tự do như mong đợi. Nhưng thực tế không phải là thiên đường dầu tự do thì dư thừa như rác thải. Mọi người rất vất vả để hoà nhập vào xã hội mới. Họ hối hả leo lên metro, bus, hối hả lái xe trên đường cao tốc; chúm đầu làm việc, làm overtime, làm như con quay, bất cứ trời giá lạnh hay tuyết phủ trắng đường: “*Đời sống Mỹ là thế đấy. Bằng mồ hôi và cả túi nhục. Nhưng mình có thể nhận được phần thưởng từ những giọt mồ hôi của mình*” (Ngày đầu ở xứ người).

Đó mới chỉ là cái riêng tư, còn xã hội, đời sống bên ngoài thì sao? Lại thêm một bi kịch thứ hai: “Đôi khi anh bắt gặp một vài người mà anh biết chắc là đồng hương, nhưng anh không dám mở miệng. Hình như họ không muốn tiếp xúc. Đó là bản chất của người Việt Nam hay là vì chúng ta đang sống trong một thời đại nghi kỵ, chia rẽ và tị hiềm” (Ngày đầu ở xứ người).

Và: “Bỗng dưng có một tên Việt Nam ngồi thu mình trong toa tàu vào một ngày đầu năm ở xứ người. Hắn cầm, điếu. Hắn có nhà nhưng không có nhà. Hắn có vợ con nhưng không có vợ con. Hắn trở về, nhưng không biết đâu là mái nhà của hắn” (Ngày đầu ở xứ người).

Bức tranh toàn cảnh này, ông vẽ ra với một giọng văn thồn thức, hoài nhớ đến nao lòng. Và hình như đây chính là phong cách của ông, văn phong của chính riêng ông. Dù sau đó ông có gặp một Chi Ming Wang, hay một cô gái Việt trong lớp học... ông luôn mơ ngóng về khung trời viễn xứ, nơi xa xôi đó đang có bầu trời xanh thẳm, tầng mây trắng bay, là mùa xuân, cành mai, nôi bánh chưng, hay hình ảnh người vợ bên thềm giếng ngày nào. Nhưng tất cả đều xa lắc. Mộng tan thì còn lại nỗi bất hạnh chổng chơ trên mặt đất trắng tuyết: “Tôi ngần ngại. Hình như có một khoảng cách vô hình ngăn chia giữa tôi và nàng. Có lẽ đầu óc tôi vẫn còn bị ám ảnh bởi lịch sử. Nhưng nàng đã nói một câu mà tôi không thể tin nổi:

- Việt Nam và Trung Quốc đều có nỗi bất hạnh chung.

Tôi thật sự xúc động. Thì ra chúng tôi cũng vẫn có cùng chung cảnh ngộ. Việt Nam, Trung Quốc, Liên Xô, Cao Miên, Cuba, và các nước Đông Âu.

Tôi nhìn thẳng mắt nàng rồi nói:

- Vâng. Cả hai” (Chi Ming Wang).

Đoạn cuối: Vâng, thế hệ chúng tôi là thế hệ bất hạnh nhất, bi thảm nhất. Tuổi trẻ chúng tôi đã hứng đủ mọi làn roi đến từ nhiều phía khác nhau. Những khuôn mặt và thân người phải oằn lưng gánh đỡ. Trong ngục tù hay bên ngoài, nơi được xưng tụng bằng nhiều mỹ từ tốt đẹp lẫn gớm ghiếc nhất trên thế gian này và cả sự cô đơn của kẻ lạc loài xa xứ, thấy đều có “nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang”. Cầm đầu chạy. Miệt mài chạy mà đường đi thì không đến!

Đoạn kết của thế hệ này sẽ vẫn phải còn thờ hồng hộc như trâu cày đồng, thờ bằng mũi, miệng, tai; thờ bằng móng đít và các đầu ngón tay chân, trên từng sợi tóc mượt đấng mồ hôi của tủi nhục, không phân biệt đó là những kẻ đang ngụ tạm quê người, hay còn ở quê nhà thờ khói chiều vi vu bên anh Cuội dưới gốc đa, ru ta những mộng mị hoang tưởng trên đời, rung bã, mết mõi, ê chề.

Trần Hoài Thư bên bờ đại dương chắc cũng vậy. Nhưng có điều may mắn hơn là bên cạnh còn có nhân vật chính của ông, lái xe đi về hơn 10 tiếng trong mưa tuyết đến thư viện Cornell để ông ngồi sau tranh thủ khâu từng tay sách. Có lúc ông tự lái, xe choài trên tuyết trơn, lật ngang đường chắc ông cũng không hay? Vợ vào shopping còn ông thì ngồi ngoài parking, tiếp tục đưa mũi kim luồn qua từng trang sách mà ông nâng niu quý trọng. Cảm ơn người chị một thời cựu mang tôi những năm tháng long đong ở Cần Thơ (trong tâm khảm, tôi luôn coi chị như người chị ruột của mình). Món bún bò Huế tôi đãi chị ở quán ông Ba Bụng, Bình Thủy khi nhận được nhuận bút, lúc đó chị kêu cay, nước mắt chị chảy. Vị cay và một chút nước mắt ngày nào như một định mệnh báo trước khi chị hỏi tôi về Trần Hoài Thư: “Em thân với ông nhà văn này, hỏi thật, ngoài đời ông có dữ dội như những nhân vật trong truyện của ông không?”.

Tôi không nhớ đã trả lời chị ra sao, nhưng giữa năm 1971, bất ngờ chị gửi thư vào quân trường Thủ Đức “...ráng kiếm cái phép về ăn cưới chị và anh Thư”. Thật trọn vẹn, thật ngọt ngào. Định mệnh đã trói chị vào nước mắt và nụ cười cùng cay đắng của Trần Hoài Thư, là thềm giếng, cành mai, và mùi thơm bánh chưng sôi ục ục trong nôi chiều giao thừa. Như vậy có nghĩa rằng, Trần Hoài Thư sẽ còn có những tác phẩm văn học để đời, mà công lớn thuộc về chị.

(Samut Prakan, Thai 20/7/2011)

Người lính sưu tập hương thơ của mùa chinh chiến cũ qua vương đời “Ô Cửa” Lâm Hảo Dũng

Trong cuộc sống chạy theo kim đồng hồ và một bản tính lục bình trôi, hôm nay, một ngày không, đọc lại “Ô Cửa”, mới thấy tâm sự của một người lính miệt mài với tay súng rất ân cần, đầy trách nhiệm. Và nơi xứ người, chàng lính ấy vẫn một lòng với quê hương đất nước, đặc biệt về thi văn của một thời qua phân mà anh cũng như những anh em khác đã bất ngờ tham dự.

Những Tuyển tập thi ca thời chiến, tôi nghĩ đã ngón biết bao thời gian, tâm trí của anh để sưu tập, chọn lọc và gởi đến bạn đọc bốn phương như một món quà, một kỷ vật của chiến tranh. Chiến tranh qua rồi, kỷ vật cũng sẽ chỉ có một lần và tàn phai theo năm tháng. Không ai kéo ngược lại thời gian để bày trò chơi súng đạn mà đoạ cuối như những đoạ phim buồn. Những tráng sĩ trẻ thời Xuân Thu, Chiến Quốc ấy đã ngủ vui trên những chiếc xe lăn và giai nhân đã sớm bạc đầu trước khi mùa giông bão kết thúc. Tang thương, chết chóc, chia lìa...

Thập niên 1960, anh là một người viết đầy sung mãn, giờ các trang báo Văn, Bách Khoa, Văn Học, Khởi Hành... đều có mặt anh. Anh viết không ngừng nghỉ, viết như sẽ không còn được viết, lý do chắc quý bạn đọc cũng nhận thức được. Giọng văn quay cuồng, hối hả như một lệnh hành quân, kín đáo như đặc lệnh truyền tin đóng dấu mật...

Tuyển tập gồm có: Dưới trời khói lửa, Tình si, Lao khổ rừng tràm, Quê nhà bỏ lại, Bạn bè, Cõi riêng.

Chúng tôi lần gỡ từng trang sách, xin mời khách giang hồ phiêu du cùng tác giả qua cánh đồng chiến tranh- Mặt trận Bình Định với những địa danh Kỳ Sơn, Bồng Sơn, Tam Quan, Phù Ly, Phù Mỹ, Dương Liễu, Đệ Đức hay lên miền núi Kontum, Pleiku và cũng sẽ không quên An Khê, đèo Mang Yang dốc ngược. Ban Mê Thuật với Buôn Hồ, Thuận Mẫn, Đơn Dương. Cái huy hiệu Tam Sơn Nhị Hà là ma lực đã đẩy anh và những tay súng khác xuôi ngược từ duyên hải về vùng cao nguyên đất đỏ. Dân Thám kích cũng như trinh sát- “Đi lần này đâu biết có lần mai.”

Bình dị như người lính miền Nam, đi chiến đấu tâm hồn trong sáng như trang giấy mới, những tư duy rất người, và những ray rức-” Trên đôi vai anh nặng nề lịch sử” nhưng may còn có em một “vàng trắng mười sáu anh giữ ở đáy ba lô “. Có khác biệt chăng nếp nghĩ của những người bên kia lẫn ranh súng đạn?

Đơn vị đối với người lính như tổ ấm phải quay về, nhất là một nơi chốn đầy kỷ niệm máu xương, một niềm vui thấy được trên môi những nụ cười con trẻ, của em thơ đời cấp sách hay lam lũ trên đồng hoặc mẹ già tuổi đời gia hơn tuổi thật.:

*“Mai lỡ chết cũng quay đầu về thành phố
Để nhớ về những ngày thuốc lá cà phê
Để nhớ về một vũng máu hôm tề...”
(Qui Nhơn trang 7)*

Tình cảm dạt dào của tác giả như dòng máu luân lưu trong cơ thể mà chúng ta mơ hồ cảm nhận, một người lính trái tim lúc nào cũng đập trước hơn tiếng cơ bầm lên nòng. Tạ từ những xóm làng, những chiến hữu, thậm chí cả tiếng gà trưa gáy lẻ loi như phần đời kỷ niệm. Cuối cùng:” Và kinh hải, trời ơi, ta vẫn còn sống sót.”. Tác giả kêu lên thẳng thốt, sừng sờ như

những ngôi nhà còn nguyên vẹn sau trận đánh kinh hoàng.

Bồng Sơn, một địa danh dễ gợi thơ cho những người muốn làm thơ. Con sông Lại mùa khô có thể băng ngang, quận đường nằm nghiêng bên cầu xe lửa. Tam Quan nhớ đời mưa, nhớ những rặng dừa cụt đầu, nhớ đường cát vào làng em dẹt chiếu. Chiếc mũ có hình sao vàng chắc vẫn luôn rình rập từng giây phút.

*“Những quán bên đường nghèo trống gió
Những cô hàng buồn như tản cư “
(Cây đa bên cầu trang 16)*

Tuyệt!. Thay vì sử dụng thêm từ “ánh mắt”, tác giả trao phần dự tưởng cho người đọc.

Có gì để tác giả ghi khắc không?. Cây đa đã diễn đạt nỗi lòng anh. Một quá khứ bị chôn vùi hay nỗi niềm chưa muốn biểu hiện, người lính mà hồn thơ toả ngập ấy rung lên những lời tha thiết, nào người:

*“Đa bám làng, tôi đi bám đất
Đất và làng, thương quá quê hương...”
(Cây đa bên cầu trang 17)*

Phải, quê hương thời chiến, đất Bình Định, những người lính trẻ “ Mang trái tim nhân đạo rất thơ ngây ” cũng dễ bị lôi cuốn vào ánh mắt mông lung nào đó?. Bóng dáng thanh niên hiếm khi gặp ở thôn làng, những mái nhà hoang chạy dọc theo quốc lộ 1 xuôi về xứ Quảng.Phù Ly, Phù Cũ đã là dấu ấn cho những ai đi không ngừng nghỉ, tay súng không rời.

Bụi phi trường Thiết Đính, bên kia Nam Hải rặng Sui Lam cao vút. Tác giả tâm sự mang mang, khi bước chân qua những ngôi chợ phiên để nghe lòng mình ấm lại, tự an ủi mình còn thấy chút yên vui vì chiến tranh nghiệt ngã mơ hồ...

Những câu:” Thì đi, đột kích trong lòng địch- Chạm tiếp nồi cơm hộ Bắc quân”, nông nghênh, hào khí đầy màu thơ. Không lãng mạn như Thâm Tâm:” Đưa người ta không đưa qua sông”, ở tác giả đưa người bằng chiếc “ băng ca”, bằng poncho úp mặt, bằng tâm thức rã rời:

*“Lịch sử cũng vô tình thế đó
Người qua sông không nhớ con đò
Những người chết không còn nhắm mắt
Người sống giờ như những hồn ma”
(Trung đội trang 23)*

Người lính miền Nam, ngoài phần được huấn luyện về kỹ năng tác chiến, chỉ huy, vũ khí, sơ lược phần chiến tranh chánh trị... Họ không bị nhào nắn bởi những hận thù, những lệch lạc về ý tưởng của người bên kia chiến tuyến. Những “ hồn đôi khi thơ ngây ấy” trải dài theo máu bụi chiến trường, tâm hồn họ vẫn thanh thản như mây trời lộng gió, như dòng sông của mùa trăng Hàn Mặc Tử, của rừng xanh đầy những tiếng chim ca, của và của những đóa hoa sim luôn nở rộ dọc đường hành quân.

*“Bắt tù binh mời điếu thuốc thơm
Để thấy miền Nam lính hiền ghê gớm”
(Ta lính miền Nam Trang 26)*

Và vẫn chấp nhận, một mặc nhiên theo lý lẽ của đời sống, nhưng hồn lính chàng luôn trĩu nặng ưu tư, đầy băn khoăn, và hồn nhiên mẫn cảm. Hỏi, nhưng không có lời giải đáp:

*“Có một nơi nào hơn ở Việt Nam
Có người lính nào bi tráng hơn lính miền Nam”
(Ta lính miền Nam trang 28)*

Mang tâm trạng “chai lì”, dưng dưng; người lính thám kích như ánh sao đêm không tỏa sáng bay trước trên bầu trời lửa đạn, mà theo anh, ở một thoáng cảm hoài, một tiếng kêu ngoài hải đảo hoang vu, bởi thuyền anh không bao giờ đến bến, một con chốt thí cô đơn. Hoa thanh bình đúng nghĩa không bao giờ có thực.

*“Thì ta ra trận, ta ra trận
Trăm lần thì cũng chuyện rong chơi
Vẫn chuyển bốc quân vào buổi sớm
Vẫn chuyển trở về không buồn vui”
(Nhảy trực thăng ở Phước Lý trang 30)*

Bài “Đồi xưa” đượm sắc màu tiếc thương, những lời tống biệt, khúc mặc niệm, chiêu hồn trong âm vang của tiếng pháo, tiếng trực thăng rền rĩ đổ quân. Đến và đi tự nhiên như ánh thuốc được khơi lên và tàn lụi.

*“Có ai như thể người binh Thượng
Ngồi khom trên bờ đá thổi kèn
(Đồi xưa trang 32)*

Cảm giác con người hẳn phải biến thiên theo thời tiết, theo cảnh trạng chung quanh, như bốn mùa xuân hạ thu đông nhưng sao có người chỉ chọn cho mình một trong bốn mùa làm ước vọng.” Cô hàng ơi, một mai tôi chết- Ai tiêu dùm ba tháng tiền lương”, chệnh choáng khiến chàng dễ bị con tim đánh thức, thương một người chiến hữu, xót một người Bắc quân:

*“Cô hàng ơi cho một ly không
Tôi rót mời một người lính Bắc
Hắn nằm banh thấy dưới hầm bí mật
Trên người vẫn còn sót lại một bài thơ”
(Một ngày không hành quân trang 34)*

Sự kiện này dẫn đến quyển nhật ký của Đặng Thùy Trâm, nếu không có những tên Ngụy rạt rào tình người, những chàng G.I. xâm lăng đầy lòng trắc ẩn, nhật ký ấy sẽ chẳng bao giờ thành quyển sách. Trang nhật ký như một chứng tích sống viết về thân phận con người trong mạng lưới chiến tranh lạnh lùng, khắc nghiệt, đôi lúc bạo tàn.

Câu: “Ai ngồi đốt thuốc bên bờ xăng- Hay lính bộ binh quạ nhớ nhà”. Mỗi tình quê quay quắt, chìm đắm xót xa, chỉ có khách đồng hội đồng thuyền mới cảm thông, chia sẻ.

Ừ nhỉ, trong cuộc chiến nở rộ những quán cà phê, những tên người con gái, chỉ loi lói một tên người: những Nhớ, những Quên, những Liên, những Thúy, còn quán nào ta gọi quán em, thôi, để người Quán Sớm để tôi vui, cô còn say giấc ngủ, tôi áo quần chờ đi rong chơi. Đoạn thơ rất thơ, ngôn ngữ bình dị nhưng nhờ sự kết hợp nhịp nhàng ở giai điệu đã khiến thơ chấp cánh:

“Năm giờ. Quán sớm không ai nói

*Cô hàng ngồi đó, buồn mông lung
Cô có chạnh lòng nơi cửa phố
Tôi trở về máu đỏ mùa xuân*

*Năm giờ. Hết phép chờ xe hốt
Từ biệt cô, từ biệt bạn bè
Từ biệt một ngày trai phóng đấng
Mai về trên núi thiếu cà phê...”
(Quán Sớm trang 44)*

Bước chân tác giả lại lang bạt kỳ hồ lên xứ Thượng đìu hiu, đầu buồn rừng, ngọn suối, vượt đèo Chư Pao, lúc yên bình chỉ là mỏm núi cao chắn gió rừng từ trại Plei'MRong thổi về thành phố Kontum. Vẫn được nghe tác giả nhắc đến “ người anh em Sao Vàng” từ Quảng Ngãi dạt về:

*“Một cốc cà phê chào buổi sáng
Chào Kontum và sông Dakbla
Dakbla len giữa tim thành phố
Mang tình em chảy ngược triền xa”
(Chào Kontum trang 45)*

Một bài tình nhẹ nhàng, đầy rung động như lời tình tự của mây và gió, dù anh đang mặc áo nhà binh, dù tháng giêng anh đang bị thương, và mùa xuân băng khuâng chợt đến..

*“Anh ở trên này, mây đùn mây
Mây anh hốt, hốt hoài không hết
Chim thì ít làm sao nghe tiếng hót
Mà em thì xa, tiếng hát cũng xa”
(Anh ở trên này, mây đùn mây trang 56)*

Trong thi tập “ Dưới trời khói lửa” này, dường như đây là lần thứ ba, chúng ta lại được nghe anh nhắc đến từ vựng đầy nhân hậu của con người. Thử hình dung những bất trắc của một đêm đột kích mà yếu tố bất ngờ đóng vai chủ động, tác giả đã trang bị cho mình những quân dụng cần thiết. Có thể, tác giả cũng tự khẩn nguyện cho mình qua làn nhang ấm hay Niệm Pháp Nam Mô, ấy thế mà nỗi băn khoăn độ lượng lại vượt lần ranh chiến tuyến:

*“Ta đang lên đường hỏi người bộ đội
Ta đang tìm người, người làm sao biết”
(Đêm đột kích trang 65)*

Những câu thơ đẹp:” Mắt mỗi đứa nhắm nghiền, u hồn khói thuốc- Đêm bên ngoài hay đêm của thanh xuân- Giọt đen cà phê, quạnh đặc linh hồn- Đôi mắt bạn bè chao ơi, buồn quá đời”-(Về với phố trang 68)

Miệt mài qua những chặng đường của đất nước được thu nhỏ lại nơi tác giả đồn trú. Linh không thể giải thích trọn vẹn, chỉ biết nhận lệnh, thi hành [nh.và](#) mùa xuân thì rất xa.

*“Bình Định quê em, đau thương tang tóc
Biết đến khi nào thấy được mùa xuân”
(Những ngày quân về những ngày quân đi trang 76)*

Lời tự thú của một người, quanh năm chỉ thấy rừng hoang, bụi đỏ, những lý luận quanh co tác giả chẳng dám luận bàn. Trong nỗi chết không rời, những gì hiện thực, nắm bắt trong tầm tay của người lính, đó mới là điều quan yếu. Ấn ức lòng tác giả đã nói thay lời cho hàng ngàn người khác cùng chung cảnh huống.

*“Anh là lính bộ binh
Giày da mòn trung thổ
Đời quần quanh sinh tử
Hầm hố pháo xung phong*

.....
*Ai dạy đạo đức kinh
Xin mời lên giảng đạo”
(Lính rừng trang 80)*

Mượt mà như suối tóc vai liễu gầy. Bài thơ thanh thoát trải dài cho đến phiên đoạn cuối. Một sợi dây đàn căng chỉ cần cơn gió thoảng cũng vang lên những cung bậc tha thiết:

*“Cô hàng tóc dài đẹp tựa hồ ly
Bình hoa nghiêng nghiêng dáng em hao gầy
Từ rừng về thành đón xe Vạn Hạnh
Một lũ bạn bè đốt sợi tình thân*

.....
*Tối lội máy đường Ngã Bảy, Ngã Năm
Đái trước cửa lầu cài then kín cổng
Cột điện máy hàng chong hàng lính khỏ
Canh giữ phố phường một lũ vinh thân
Đêm ngủ trên trần xe đồ ra Trung
Để mai lên đường, giang hồ xứ Thượng
Xa xa vọng về những tràng nổ chậm
Chiến tranh còn dài hãy cố ăn chơi”
(Về thành trang 86)*

“ Những đốt sợi tình thân, đái trước cửa lầu, giang hồ xứ Thượng, hãy cố ăn chơi” đã gây thêm ý nhị cho toàn bài, dù có cảm khái, phẫn hận, nhưng biết sao vì đời còn có câu:” Lính mà em”. Giản dị nhưng là cả một trời tai ương, thống khổ được cuộc đời ưu ái tặng dữ.

“ Xin chị đừng chờ hoài hoá đá-Kẻo buồn lòng thế hệ cháu con-(Khi qua trại gia binh trang 89)
“ hay “ Em nhìn tôi mắt đỏ- Hận thù hay van lơn- Tôi làm sao moi tim- Để lòng tôi em hiểu-(
Hành quân dưới chân đèo An Khê trang 94) hoặc “ Cái bằng làm lính khỏ miền Nam - Bằng cấp
trang 100) là những viên đá quý liên hoàn trong vòng chuỗi oan khiên của tác giả.

Người lính trẻ có hồn thơ bát ngát, có lòng độ lượng bao la, có tình yêu làm suối nguồn lai láng. Khi về thành, ngắm gái phố phường như cố tìm lại thời thanh xuân còn bỏ quên đâu đó. Vẫn mộng mơ, vẫn hồi tiếc như Phan Phụng Thạch đã viết:” Quán cà phê đốt đời anh cháy- Khói thuốc vàng tay lạnh tháng năm”.

Và với Trần Hoài Thư, phong vị thấm đẫm gia dặn, suy tư:

*“Khi trở lại ngồi trong lòng quán tối
Thuốc vàng tay và vầng trán đăm chiêu
Thế hệ chúng tôi những đứa đôi mươi*

*Hồn đã mọc những nụ buồn rất sớm
Khi trở lại, dựa lưng vào vách quán
Để giọt buồn pha đậm tuổi suy tư
Chiếc mũ rùng che nửa mặt âm u..”
(Đàn ngựa về thành trang 106)*

Tác giả chiến đấu, giữ đất, giữ quê qua ảnh hình yếu điệu thực nữ. Sự sống sẽ không là câu hỏi, nó đã hàm ý rõ nét trong những vần thơ tình quá đỗi lãng mạn của tác giả:

*“Tôi biết rằng khi xa Qui Nhơn chắc khóc
Nên tôi càng tha thiết với Qui Nhơn
Và khi máu mình đổ xuống mặt đường
Tôi mang chiến thương tạ tình thành phố
.....
Bởi có bao giờ em chịu xót thương
Bắt tôi phải trồng gốc cây si cà phê Bạch Tuyết”
(Qui Nhơn Mậu Thân trang 108)*

Sau mỗi lần tiến chiếm mục tiêu hoàn tất, những mất mát, những xót xa. Thương đồng đội sớm bỏ cuộc chơi, thương phận mình rồi sẽ về đâu? Cảm tạ đời còn hơi thở, ba lô súng đạn lại lên đường.

*“Cao điểm chiếm rồi
Vui mừng quá độ
Mà sao người truyền tin rơi lệ
Báo cáo trong tiếng mất tiếng còn
Về những thằng
Bị kiến cắn ngủ yên”
(Eo gió trang 114)*

Tâm trạng mông mang của người lính ở miền núi non, đôi khi ngẫu hứng bộc lộ tình cảm của mình như một ẩn sĩ, một kẻ lánh đời, xa thế tục. Môi trường sống đè nặng trên vai tác giả mà chất thơ tàng chứa trong hồn chất ngất như rừng Chư Prong.

*“Ta để tóc dài thì vui biết mấy
Giày rom cô, nhà sàn, sân chôn đặt bẫy
Có đất trời thì vô lượng mệnh mông
.....
Có gái thổ, trần truồng căng tràn ngực vú
Có suối ngàn, em gái mọi đùa trăng”
(Hoàng hôn trên bản địa trang 120)*

Có một lúc nào đó, thời gian ngủ quên hay thời gian đứng, tác giả chợt nhận ra mình ở một góc khuất nào đó của đời thường bị lãng quên:

*“Ngăn kéo cũ đã lâu rồi không mở
Tám hình tôi lem luốc nhìn không ra
Tôi đứng giữa những nỗi buồn lịch sử
Lẫn tự hào của tuổi trẻ hôm qua”
(Tám hình thời chinh chiến cũ trang 123)*

Thơ mộng và cũng thơ thần, chàng thám kích sư đoàn của chúng ta ơi!. Chỉ bằng ngần ấy thời sao cũng đủ để tác giả xao xuyên lẫn trong niềm trân quý: Ghé tạm trú bên đường, ly nước lạnh khát lòng ...Cuộc sơ ngộ bất ngờ đeo đuổi tác giả trong suốt mùa chinh chiến dù chẳng biết tên người:

*“Để rồi khi lặn đạn
Còn nhủ đời bao dung
Để khi sờ vết thương
Nhớ một người không biết”
(Giọt nước Cam Lồ trang 126)*

Ai nói hộ dùm tác giả những sâu lắng tâm hồn như nhạc khúc tạ từ, những bản khoả khi “ Có đôi mắt đi vào đời cả kiếp- Có làn môi cháy nóng cả tim khô”. Thờ tác giả cũng rộn ràng tiếng nhạc một mối, rã rời, đi cõng trên vai nỗi buồn không tên của Lê Uyên &Phương.

*“Tôi đào hố đào hầm chôn lầy đời tôi
Trong huyết đạo bùn lầy lên quá gối
Tôi bỏ hình em trong quần trong túi
Và đọa đày em trong giấc ngủ mộng tinh”
(Giữ dùm trang 129)*

Qua “Dưới trời khói lửa”, chúng ta nhận thức được con người đích thực, một bản lai diện mục của người thơ lính Trần Hoài Thư, đã nổi trôi, gánh chịu những đau thương nghiệt ngã của thân phận con người mong manh trong cuộc chiến. Một cuộc chiến không do chính mình quyết định, trong trạng huống mà anh đã bị phẫn thốt lên: những con chốt thí qua sông, nhưng may mắn còn neo quay về, và quê hương vẫn mịt mù khói súng. Tác giả mang trái tim rong chơi, những đột biến trong tâm não đôi khi cũng gia tăng thêm hương vị cho đời sống hay cũng đẩy lên trong lòng tác giả, một hồn thơ lồng lộng, phiêu diêu như khi ở rừng núi Tây Nguyên nhìn em gái Thượng trần trường bên suối, một hiền sĩ ẩn danh đầu đó miệt quê vùng Tuy Phước...

Tập thơ đáng được lưu giữ cho chúng ta và cho những thế hệ tiếp nối.

Tập thơ do Thư Ân Quán xuất bản tại Hoa Kỳ tháng 10 năm 2004. Trình bày và lay out: Trần Hoài Thư.

Van, BC-Can - Nov 22-2013

Về thăm quê của Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Yến Lan và Võ Phiến

1.

Không thể ngờ một ngày tôi lại có mặt giữa ba ngọn tháp buồn thiên cổ để cảm nhận thế nào là dấu vết của *Điều tàn* trong thơ Chế Lan Viên. Có lẽ tôi may mắn hơn nhà thơ họ Chế, bởi vì ông chỉ **nhìn** bóng tháp mà làm thơ, còn tôi, tôi sống với tháp, tôi ngủ trong lòng tháp, tôi được tháp che chở bảo bọc suốt gần bốn năm dài.

Hậu cứ của đơn vị tôi – đại đội 405 thám kích – nằm trên đồi Bà Gi, còn gọi là đồi Tháp Bánh Ít. Đồi có ba ngọn tháp Chàm. Theo như người địa phương cho biết, ngọn tháp ở ngay đỉnh là Tháp Vàng. Ngọn ở lưng chừng đồi là Tháp Bạc. Và ngọn ở dưới thấp nhất là Tháp Đồng. Tháp. Tháp Vàng là nơi đặt đài rada của quân đội Mỹ. Tháp Đồng là kho chứa đạn dược của đơn vị tôi. Chỉ có Tháp Bạc là trống trải, nằm ngay ở bên sân doanh trại, ngay ở cổng gác của đơn vị.

Nơi đây, ta có thể nhìn bao quát cả một khu vực quân Tuy Phước và An Nhơn. Đó là hai yếu khu mà đơn vị tôi là một trong các đơn vị chịu trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ. Đó là quê nhà của Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Yến Lan và Võ Phiến. Những tên tuổi hàng đầu của nền văn học Việt Nam.

Hành diện không, được có mặt ở vùng địa linh nhân kiệt?

Vâng, người khác thì hành diện thật. Còn tôi thì không. Tôi đang có mặt tại một nơi mà: *Về đây Bình Định ma thiêng lãnh/Mỗi bước đi rờn rợn âm hồn*. Thơ tôi đấy. Ai cũng biết là xứ Bình Định này nguyên thuộc Liên khu 5, mà có lẽ hầu hết những gia đình trong vùng đều có thân nhân tập kết. Những mật khu chỉ cách Bộ Tư lệnh khoảng trên dưới 10 cây số như Kỳ Sơn hay Háo Lễ, Tân Dân, hay xa hơn là Núi Bà... Đó là những bụi gai rất khó nhổ. Ví dụ như đồi Kỳ Sơn. Chúng tôi đã trèo lên ngọn đồi đó biết bao nhiêu lần. Nhưng sau khi rút về, thì âm binh lại tiếp tục có mặt, dùng làm căn cứ địa để chọc phá Bộ Tư lệnh Sư đoàn 22 BB. Để rồi, chỉ khổ là đám lính, đêm đêm thức trắng, giữ cho địch khỏi lọt vào vòng đai... *Dù ngại một lần rồi sẽ ngã. Ta dất đàn con nhỏ chắt chiu. Về thăm gò má thăm kênh rạch. Thăm những oan hồn đang hăm hiu...*

Tại sao lại là gò má? Bởi vì, gò má có bờ thành, có chỗ để chắn gió, có thể chắn đạn. Bởi vì gò má là chỗ đất cao, để chúng tôi khỏi bị dầm nước cả đêm, và có thể đặt lựu trên mặt đất khô ráo. Nhưng để đổi lại là cái ám ảnh của căn bệnh Hàn Mặc Tử đè nặng. Đè nặng từ hơi đất hơi sương hơi người chết, từ lòng huyết lâu năm hay mới chôn: *Ta có ông bà muôn năm cũ. Đội đất vỡ về giấc ngủ ta... Ông bà có thương một thằng lính sữa, xin đừng cho ta khỏi cùi phun*. Đó, một đêm như mọi đêm trên quê hương mà người dân Bình Định gọi là vùng đất địa linh nhân kiệt là thế đấy.

Nằm trên một nghĩa địa dưới đồi Kỳ Sơn, thuộc Gò Bồi, tôi nói với tôi, đây là quê hương của nhà thơ Xuân Diệu... Qua An Nhơn, tôi bảo lòng, đây là quê nhà của Yến Lan, tác giả bài thơ "Ông lái đò" đã được phổ thành ca khúc. Và hơn ba năm nương dưới ba ngọn tháp, tôi nhủ mình, đây là những ngọn tháp Chế Lan Viên. Ba người thơ tiền chiến này, đang ở ngoài Bắc, đang cố nặn óc để làm những bài thơ kích động đám trẻ miền Bắc sinh Bắc tử Nam để giết chúng tôi. Chỉ có mỗi một mình nhà văn Võ Phiến. Nhưng ông thì xa cách chúng tôi quá. Ông đã để *quê nhà* (nhân đề một tác phẩm của Võ Phiến) của ông cho chúng tôi bảo vệ, gìn giữ, và dung thân tại Sài Gòn rồi. Không biết ông có biết *quê nhà* của ông giờ đây những đứa trẻ của một *thời bắt trẻ đồng xanh* (tên một truyện ngắn của Võ Phiến) nay đã trở lại, và chúng tôi đang giẫm trên *quê nhà* của ông, để gìn giữ, bảo vệ, để sáng ra còn nghe tiếng trống trường vẳng lên từ chợ Huyện, chợ Dinh, hay An Nhơn Bình Định, để những chuyến xe lam bắt đầu xuất hiện trên đường, hay những ghe thuyền tấp nập trên sông Gò Bồi, cho phiên chợ sớm... Có người trong chúng tôi đã nằm xuống, tức tử, im lặng, không một lời ai điều.

Tôi cố tìm một bài văn của ông viết về đám trẻ chúng tôi, sau bài "Bắt trẻ đồng xanh", nhưng tìm không thấy. Cũng buồn chứ.

Nhưng nếu ông không viết, thì tôi viết.

Nhưng mà cần gì. Những người lính của tôi, có khi nào cảm đến tập *Văn* hay *Bách Khoa* mà đọc. Họ còn có những chuyện khác để lo sau khi hết hành quân. Vợ con, tán gái, hay nhậu nhẹt... Có lẽ tôi là người quá vị kỉ chăng.

2.

Trong dòng binh lửa, nhất là đối với người lính ở đơn vị biệt lập, mang mũ rừng thay nón sắt, mang súng nhẹ, không biết áo giáp là gì, thì mạng sống quả là đếm từng ngày.

Vậy mà tôi đã sống sót sau gần 4 năm (từ tháng 9-66 đến tháng 7-1970)!

Ai cũng bảo là tôi được may mắn. Vâng thì may mắn. Có điều sự may mắn ấy, nếu một hai ngày, thì còn có thể tin được, chứ gần 4 năm, thì thật khó tin.

Tôi không thể biết, hay không thể giải thích. Tôi không hề thuộc một câu kinh, dù của Phật hay của Chúa, trừ Nam mô A Di Đà Phật hay Amen. Tôi chẳng ăn chay hay đi xưng tội. Nhưng tôi kính sợ Thập. Kính sợ một đôi mắt nào vô hình đang có mặt trên ngọn đồi Bà Di, đang nhìn tôi. Có sống bên tháp, mới thấy được những điều linh thiêng này. Đối với tôi, tháp không còn là những tầng gạch cũ gắn chặt ngàn năm một cách vô tri nữa. Mà trái lại, chúng có linh hồn. Chúng thiêng liêng. Chúng không phải là dấu vết của sự hưng phế của một triều đại, một cơ đồ, nhưng chúng là một cõi cốt xương được kết tụ bởi những hồn oan uổng tử, bị chết thảm. Những hồn oan ấy trôi dạt trong cõi đất trời, tích lũy tại chốn này, bởi không một lời cầu siêu, không một câu kinh cho chúng siêu thoát...

Tôi đã chứng kiến cảnh sét đánh ngay vào ngọn Tháp Vàng. Nghe nói, có người lính Mỹ bị thương hay chết. Có lẽ thần linh đã trừng phạt vì tội mang ô uế vào tháp chẳng. Riêng trong đơn vị tôi, những người lính thâm niên vẫn hay kể là trước kia, cứ mỗi lần ông đơn vị trưởng mang gái lên đồi qua đêm, thì thế nào sau đó, đơn vị cũng gặp rủi không ít thì nhiều. Từ sự tin tưởng ấy, cứ mỗi lần đơn vị xuống đồi để làm những chuyến tăng phái, hay đột kích, tiếp viện, hay thám sát, tôi vẫn đứng dưới tháp mà cầu nguyện. Như ngày nào tuổi nhỏ, tôi đã lên Tháp Bà, ở cuối cầu Xóm Bóng Nha Trang để cầu khẩn cho mẹ tôi. Để rồi những phép lạ này đến phép lạ khác. Mà mỗi lần nhớ lại, phải giật mình run sợ. Có nên nhắc lại không về một buổi chiều trước khi xuống đồi để thực hiện cuộc làm ăn đêm, khi hạ sĩ nhất Ký say rượu thách thức tôi bắn y. Và tôi đã cuồng trí, mất hết bình tĩnh để nòng súng vào lưng y. Bóp cò. Vậy mà lấy có cứng ngắc! Có nên nhắc lại không, đáng ra ngày ấy là ngày không trực đại đội, có nghĩa là khỏi đi đầu, vậy mà hôm ấy, trung đội tôi được lệnh đi đầu... để rồi, thoát khỏi trận phục kích của địch! Có nên nhắc lại, chỉ trong một trận, mà khi ra quân với 6 sĩ quan, thì 4 người đã nằm xuống trong một cuộc hành quân. Có nên nhắc lại, viên đạn nào như dịu dàng cắt một mảnh thịt trên đầu vú trái, ngay ở con tim tôi. Chỉ lệch một phân thì chắc chắn tôi đâu còn có ngày ngồi ở đất Mỹ để viết những dòng chữ này! Và nhiều, rất nhiều chuyện khác, nhớ lại, để giật mình kinh sợ, mà thầm cảm tạ Ông Trên. Thương quá thân thể mình. Thương quá cuộc đời của mình. Và càng thương thì càng cảm tạ. Cảm tạ những ngọn tháp của tôi. Chúng là mái nhà của tôi. Trước khi xuống đồi, thưa Bà, xin Bà phù hộ cho con, như ngày nào còn thơ, tôi vẫn từng cầu khẩn cho mẹ tôi bớt khổ. Và khi trở về, từ xa, thấy bóng tháp mờ hiện giữa nền mây, thì lòng lại bồi hồi không tả. Nhất là những đêm trăng, với nhiệm vụ là sĩ quan tuần tra, tôi đi rào các vọng canh. Khi ấy, chắc chắn là chỉ có mình tôi một vầng trăng lạnh dãi trên đỉnh tháp. Dưới chân là nền gạch vụn nhô lên như ngôi mồ vĩ đại. Và cái bóng tháp hiu quạnh soi cùng bóng những hàng rào phòng ngự. Chính vì nỗi tin tưởng ấy, tôi không thể chấp nhận việc mang ô uế đến với tháp. Nhưng tôi không thể. Đám lính Mỹ có lối đi riêng không qua trạm kiểm soát của đơn vị. Tôi chỉ có cây viết. Và tôi đã viết truyện "Bóng Tháp", lấy từ việc sét đánh lên đài radar như là một sự trừng phạt của đấng quyền năng về tội làm tháp ô uế. Truyện đăng hai kỳ trên tạp chí *Bách Khoa*. Sở kiểm duyệt đã kết tội bài viết có lợi cho địch, bêu xấu quân đội đồng minh. Chỉ tội nghiệp cho Lê Ngô Châu, phải khổ lắm mới mang được về tòa soạn vài trăm tập và bôi đen một phần của bài văn.

oOo

Tôi vẫn còn nhớ, hình như vào khoảng năm 1969 thì phải, Bắc quân mang một lực lượng cấp tiểu đoàn tấn công vào thị trấn Đập Đá, cách đồi Bà Gi khoảng vài cây số về phía Bắc. Trong trận này, binh chủng thám kích được sự tiếp trợ của sư đoàn Mạnh hổ Đại Hàn đã tạo một chiến thắng lớn.

Lính phe Bắc chết nằm la liệt ở ruộng đồng gần Đập Đá. Đến nỗi sau trận đánh, xe ủi của quân đội Đại Hàn đã phải đào nguyên cả cái hố lớn và sâu để lấp chôn xác họ. Tôi nghe nói trên cả trăm người chết.

Và hố này gần một tháp Chăm gần khu vực giao tranh.

Có hai người hạ sĩ quan mới ra trường đã tử trận. Một cái tang đau cho gia đình thám kích chúng tôi.

Chuyện đào hố chôn xác người đã làm trí óc tôi lóe lên một đề tài về một sự tái diễn của lịch sử. Và cái nhân quả trong triết lý nhà Phật.

Nhưng chưa có dịp để hoàn thành ý nghĩ này.

Đợi đến một lần dừng quân chờ xe sư đoàn đến rước về hậu cứ, tôi mới thật sự kê giấy để viết dưới ánh đèn pin quân đội. Đêm ấy, chúng tôi nghỉ chân bên một ngọn tháp sau một cuộc hành quân gian khổ. *Điều tàn* của dân Hồi bây giờ nhường lại *Điều tàn* của dân tộc tôi. Đây là truyện thứ hai tôi viết về tháp, với tựa đề “Đêm Chiêm Thành”

(trích *Cảm tạ văn chương*)

Sống để viết Nguyễn Thị Hải Hà

Nguyễn Thị Hải Hà: Anh định nghĩa như thế nào về tác giả Trần Hoài Thư? Nếu chọn cho mình một tên gọi, anh thấy anh là ai? Nhà văn quân đội? Nhà văn Miền Trung? Hay một tên nào khác?

Trần Hoài Thư: Tôi là nhà văn sống và viết. Tôi tìm chất liệu ở con người thật của tôi. Tôi sống và viết bằng con người thật của tôi.

Dù viết nhiều về lính, nhưng nhất thiết tôi không phải là nhà văn quân đội. Tôi đã kể tôi là nhà văn sống và viết. Khi tôi ở trong quân đội, tôi viết về người lính, khi tôi đào ngũ, tôi viết về kẻ đào ngũ, khi tôi trở lại đơn vị bị giáng lon, thì viết về tâm trạng của người lao công chiến trường... Khi tôi bị thương nằm trong quân y viện tôi viết về tâm trạng người thương binh, khi tôi ở trong trại khổ sai, tôi viết về sự thật cảnh tôi vô chộp lấy thau cơm nhão nhạt chua lè dành cho chó ăn ở bên hiên một doanh trại bộ đội Bắc Việt vì quá đói ...

Tôi viết bằng chất liệu của đời sống mình. Từ chất liệu ấy, tôi xây dựng cốt chuyện, nhân vật...

Nguyễn Thị Hải Hà: Tại sao anh bị cận thị nặng mà vẫn phải đi lính?

Trần Hoài Thư: Tôi không biết. Nhưng sau này bác sỹ Nguyễn Lạng, nguyên y sĩ trưởng quân y viện Ban Mê Thuột – một độc giả của Bách Khoa và của tôi, đã cho biết là với độ kính nặng như vậy lẽ ra tôi phải được giải ngũ hoặc phục vụ tại đơn vị không tác chiến. Rất tiếc Quân y viện BMT không có hội đồng về mắt nên ông gởi tôi về Tổng Y Viện Cộng Hòa 2 lần để giám định y khoa. Cả hai lần tôi bị hội đồng y khoa bác.

Nhưng mà, không sao. Tôi có sợi dây thun lưng quần đàn bà cột vào gáy để giữ cho nó khỏi rớt.

Nguyễn Thị Hải Hà: Đi thám kích có nguy hiểm hơn đi đánh trận không? Khi anh đi đánh trận lúc mới đi lính thì bị bắn suýt chết, còn đi thám kích nhiều năm thì không bị nguy hiểm gì cả, như thế thì đi thám kích ít nguy hiểm hơn chẳng?

Trần Hoài Thư: Từ khi rời Thủ Đức tháng 8-1967 cho đến tháng 5-1970 gần 4 năm tôi chỉ phục vụ tại một đơn vị duy nhất là đại đội 405 thám kích/SĐ 22 BB.

Tưởng cần nói rõ về binh chủng thám kích.

Thoạt tiên, nó được thành lập bởi CIA từ năm 1962 với nhiệm vụ là truy tìm và phát hiện sự xâm nhập của quân Bắc Việt vào cao nguyên. Người lính phần lớn là thiếu số hoặc Thượng hoặc Nùng. Và cấp chỉ huy là sĩ quan Việt Nam, cố vấn là sĩ quan thuộc lực lượng đặc biệt Hoa Kỳ. Có tất cả 13 đại đội thám kích, đánh số từ 401 đến 413...

Sau này các đơn vị thám kích được chuyển giao đến 2 sư đoàn Bộ Binh là sư đoàn 22 BB và 23 BB. Đơn vị tôi – đại đội 405 thám kích thì trực thuộc Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 22 BB.

Trung tá Nguyễn Văn Dưỡng (tức nhà thơ Văn Nguyễn Dưỡng), trong thời gian năm 1967, 1968 nguyên là thiếu tá Trưởng Phòng Nhì /SĐ 22 BB – phòng điều động đơn vị thám kích để thực hiện những tin tức tình báo, đã viết rõ về vai trò và nhiệm vụ của đại đội 405 thám kích như sau:

“... bao nhiêu trách nhiệm nguy hiểm trong vùng địch kiểm soát, đột kích, thám kích, tiền thám hay viễn thám kể cả tăng viện và là mũi tấn công chính trong một trận đánh dữ dội, đều giao cho Đại đội Thám Kích 405. Vì vậy sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ của đơn vị này phải là quân nhân tình nguyện hoặc được chọn lựa trong thành phần có kinh nghiệm trận mạc, gan lì và nhất là sự bền bỉ chịu đựng gian khổ ở các đơn vị tác chiến khác của Sư Đoàn. Mặc dù Đại Đội Thám Kích không có trong Bảng Cấp Số của Sư Đoàn, nhưng do tính chất của nhiệm vụ khi thành lập -vì nhu cầu chiến trường-nên tính mệnh của mọi cấp trong ĐĐ/TK như “chỉ mảnh treo chuông” mỗi một khi được sử dụng. Ai vào thám kích mà ra khỏi được, không chết, ít nhất cũng mang theo vài chiếc theo trên mình. Trần Hoài Thư rời miền Trung vào miền Nam không biết được mấy Chiến thương Bội tinh...” (Nguyễn Văn Dưỡng: Định Mệnh, nguồn Internet)

Tôi xin trả lời là có hai chiến thương bội tinh dù bị thương ba lần. Có cả huy chương bạc của quân đội Hoa Kỳ (sau này tôi mới biết). Thêm hai cái bạc, một cái đồng. Đây, một Trần Hoài Thư với đôi kính cận nặng và thân hình ốm tong teo, mà:

Khi ra trận ta là thằng chết trước

Tổ quốc ghi ơn lãnh tụ đẹp lòng

Khi tìm vợ ta là thằng chạy chót

Nên khó lòng áp vợ đẹp trong chăn...

Vậy cũng được 5 cái huy chương như ai. Đừng khinh thường nhà văn trói gà không chặt nhé !

Nguyễn Thị Hải Hà: đi thám kích nhiều năm thì không bị nguy hiểm gì cả, như thế thì đi thám kích ít nguy hiểm hơn chẳng?

Trần Hoài Thư: Nguy hiểm lắm chứ. Hết trận này bị ném đạn AK, thì trận khác ném miếng lưu đạn chày. Hết may mắn này đến may mắn khác. Ví dụ lúc gặp khốn, giữa bãi đất trống tự nhiên có mòm đá nhỏ đủ che chở thân thể mình. Ôi chao đạn cứ xẹt đến như những tia lửa, trúng đá sủi bọt hết viên này đến viên khác...

Đây là bức hình triển lãm quà tặng thời chiến dành cho một nhà văn, chứng tỏ về sự may mắn này:



Rãnh sẹo trên lồng ngực chỗ trái tim, từ một viên đạn AK vào Tết Mậu Thân

Nguyễn Thị Hải Hà: Anh có nhiều khắc khoải về cuộc chiến Quốc Cộng của người Việt Nam, mà anh là người tham dự như là một người lính trận. Những điều gì anh muốn nói nhất về cuộc chiến Quốc Cộng 1954- 1975

Trần Hoài Thư: Tôi sinh trưởng và lớn lên ở thành thị, học hành thì chọn Khoa Học... Tôi không có một chút gì kinh nghiệm về CS. Khi đi lính, tôi không mang chút gì hận thù, mà chỉ nghĩ rằng, đây là bổn phận của bất cứ một người thanh niên nào... Nếu tôi ở miền Bắc thì cũng vậy thôi. Chuyện Quốc Cộng tôi ít khi bận tâm. Bờ thì giờ của tôi là rượu đàn bà và súng đạn. Và viết. Viết cuồng viết vội. Viết như chưa bao giờ được viết. Viết về giấc mơ một ngày ngưng tiếng súng, viết về tình cảnh người dân giữ hai lần đạn. Viết về những người lính của tôi. Họ quá nghèo. Quá khổ. Nhưng quá can đảm. Họ cứu tôi, công tôi khi tôi bị thương. Họ là thầy tôi giúp tôi học được những kinh nghiệm chiến trường, hay mưu sinh thoát hiểm.

Nhưng sau 1975, những ý nghĩ về cuộc chiến hoàn toàn thay đổi. Tôi thấy rõ bộ mặt của phe thù. Dối trá, ngu xuẩn, lừa bịp... Thú thật, có lúc tôi hối hận là tại sao lại không ra lệnh đốt hết nhà, giết hết đám tù binh, hay tát tai đá đít mấy con mụ có bầu mà chủ nhân đang trốn ẩn đâu đó... Nhưng mà sau đó tôi lại nhắm mắt, chấp tay. Lay Chúa, lay Phật, con cảm tạ Chúa Phật đã giúp con không gây nên tội ác...

Nguyễn Thị Hải Hà: Người đọc nên đọc kỹ phần nào ở các sáng tác trong chiến tranh của Trần Hoài Thư ? Những phần mà các nhà phê bình từ trước đến nay đã không nhìn thấy hay đã không công bằng với một tác giả lính của Miền Nam, ở đây anh có thể tiết lộ cho các độc giả Gió O như một trao đổi thân thiện?

Trần Hoài Thư: Vì tôi viết nhiều về lính nên giới phê bình nhận định vẫn xem tôi là nhà văn quân đội. Như tôi đã giải thích ở phần trên, tôi là nhà văn sống và viết. Nhà văn quân đội chỉ chuyên viết về trận mạc, màu áo trận, hay tiền đồn v.v... còn tôi, tôi đặt sống thành suy nghĩ... Chính sự suy nghĩ mới là chính.

Để ví dụ, tôi xin trích lại một đoạn trong truyện "Bệnh Xá Mùa Xuân" đăng trên tạp chí Văn trước 1975. Truyện kể về giấc mơ hòa bình ngưng bắn qua những đối thoại trao đổi của những người thương bệnh binh:

Đêm nay, lúc 7 giờ 30 phút, có kẻ mở đài B.B.C. Bản tin đầu liên quan đến tình hình VN. Giọng nói của người nữ xướng ngôn đêm nay bỗng trở nên nghiêm trọng lạ lùng. Dường như, lúc này con tim của nàng đang hòa cùng niềm vui trọng đại của đất nước nàng. Và lũ thương binh cũng vậy. Tâm hồn họ mở rộng, lồng ngực họ muốn vỡ tung. Họ ngất ngây trong một giây phút. Bởi vì họ đã biết được một sự thật. Hòa bình sẽ đến. Bóng chim bồ câu, lần này đã thấy hiện trong cõi trời nhiều nương. Họ nhìn nhau, bằng ánh mắt long lanh. Và một thẳng cụt tay thốt lên đầu tiên:

- Hai ngày nữa. Trời ơi! Chỉ còn hai ngày nữa.

Thằng vừa băng bột ở chân phụ thêm:

- Hai ngày thật dài cho mọi người.

Thằng sốt rét ném mẩu thuốc qua ô cửa:

- Nhất là những kẻ đang ở ngoài mặt trận. Đúng là những kẻ đang sống vào giờ thứ 25!

- Còn mình?

- Giờ thứ 24.

Tại sao là giờ thứ 24. Tôi muốn để người đọc suy nghĩ.

.....

Nửa đêm, cả lòng đêm bỗng dựng bị dội lên bởi những quả đạn rơi rất gần khu bệnh xá. Những tiếng la thất thanh. Pháo kích! Pháo kích! Tiếp sau là những bóng người vụt chạy ra hầm núp ngoài sân. Tên thương binh cụt chân, trong cơn bán loạn tốt độ ngỡ mình vẫn còn lành lặn như xưa, đã ào nhẩy xuống giường. Sau đó, hắn mới biết được sự thật. Hắn ôm khúc đùi rên rỉ và nằm ngay dưới nền. Hắn không còn nhận ra cặp nạng nữa. Hắn thì thào: "Các bạn ơi, giúp đỡ tôi! Các bạn ơi!" Nhưng chẳng có ai nghe tiếng van lơn của hắn cả. Họ đã có mặt trong hầm,

hoặc nằm sát xuống chân tường mà run rẩy. Chỉ có mỗi người lính già- biệt danh là Ông Già Siêu Điện, thì con mê sáng lại chọt kéo về như một trận bão lốc. Ông hét lớn:
- Siêu điện phản lực. Mồ cha quân bán nước. Nó tung ra những hình nhân như lính trinh sát. Nó chạy vào nhà thờ, giết cả thánh thần. Nó đến kia. Bớ người ta!

Hai sự kiện mà tôi dùng để làm đậm thêm cái ý mà tôi muốn chuyên chở trong truyện là : cuối cùng ngưng bắn chỉ là giấc mơ tội nghiệp!

Đó là cảnh người thương binh cụt chân cứ tưởng mình còn lành lặn như xưa. Và cảnh người lính già bị mê sáng. Cảnh tượng, tình huống có vẻ khôi hài nhưng buồn đau đến não lòng! Tôi thành thật muốn chia sẻ kinh nghiệm này. Không phải sống chưa đủ, mà còn biết đặt sống thành sự suy nghĩ nữa.

Đặt sống thành suy nghĩ. Tư thành trong cô đơn. Nhà văn Mai Thảo đã nhận xét về tôi khi ông giới thiệu truyện *Bệnh Xá cuối năm* trên tạp chí Văn. Tôi đã sống, và đã suy nghĩ. Suy nghĩ nhiều lắm. Chính vì thế mà tôi viết nhiều, rất nhiều. Hàng trăm truyện ngắn trước 1975, và bây giờ, cứ mỗi lần gõ vào bàn keyboard thì ý tưởng lại lóe trong đầu.

Sống để viết, chứ không phải viết để mà sống. Tố Hữu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Xuân Diệu, Nguyễn Tuân của một thời tiền chiến, sự nghiệp họ huy hoàng vì họ sống để viết. Còn sau 1954, thì họ viết để sống. Họ đâu có bao giờ suy nghĩ. Bởi họ đã trở thành thợ thợ, thợ văn.

Nguyễn Thị Hải Hà: Tác giả nào viết về chiến tranh Việt Nam mà anh ngưỡng mộ?

Trần Hoài Thư: Tôi thích *Tháng Ba Gãy Súng* của Cao Xuân Huy. Ông viết không cường điệu. Cái cảnh những người lính Thủy Quân Lục Chiến cùng nhau đồng loạt tự sát bằng lựu đạn trên bãi biển Thuận An quả làm tôi phải khóc. Là nhà văn, làm sao tôi có thể nói cho hết cái cảnh quá bi thiết quá anh hùng quá liêm liệt này. Người ta nhắc nhở và kính phục cái chết của các vị tướng lãnh như Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Lê Nguyên Vỹ v.v. . . nhưng hình như đã quên những người lính thấp hèn này. Họ không phải là chiến sĩ vô danh để mà nhắm mắt mặc niệm. Họ có tên tuổi, có thể bài, đơn vị số quân đàng hoàng mà.

Nguyễn Thị Hải Hà: Khi làm Thư Quán Bản Thảo anh chọn nhiều truyện ngắn và thơ trước năm 75 để in lại, xin anh cho biết anh chọn theo tiêu chuẩn nào?

Trần Hoài Thư: Những bài văn, thơ một khi đăng trên những tạp chí thời danh, các bài ấy đã được tuyển chọn khá kỹ bởi một ban tuyển đọc hay bởi một vị chủ bút nổi tiếng...

Vì Thư Quán Bản Thảo chủ trương phục hồi di sản văn chương miền Nam nên chủ trương của chúng tôi là sưu tập hơn là tuyển chọn. Bởi những tác giả ấy đã thành danh. Tôi phải cố tìm nhiều chừng nào hay chừng ấy, để thực hiện số chủ đề.

Không phải dễ dàng gì để sưu tầm bài vở. Chẳng lẽ click con chuột search Google trên Internet. Internet có một ít, nhưng có khi tam sao thất bản. Tôi cần phải đến Cornell hay Yale để sao chụp bản gốc. Không những tìm ở Văn hay Bách Khoa hay Khởi Hành mà tìm qua những lời đề nghị của thân hữu. Ví dụ khi nghe nhà nhận định Đặng Tiến đề nghị nên có thơ Hoài Lữ, tôi lại lái xe chạy đi Cornell bỏ nguyên một ngày tìm cho được mới thôi. Tôi mượn hầu như tất cả các tạp chí văn học miền Nam, đọc từng mục lục... Hay hỏi ý kiến bạn bè về những tác giả nào họ thích, rồi ghi ra, rồi tìm hay nhờ bạn bè tìm hộ.

Vì vậy, câu hỏi về tiêu chuẩn tuyển chọn tôi nghĩ nếu đặt ở Gio-O thì thích hợp, còn với TQBT thì không. Bởi lẽ chúng tôi tìm cách phục hồi di sản văn chương miền Nam, chứ không phải đi làm công việc tuyển chọn bài vở cho những tuyển tập văn thơ như thường lệ.

Nguyễn Thị Hải Hà: Những tuyển tập chọn in lại rất ít người nổi tiếng. Có những người chưa hề có tác phẩm trước năm 1975. Tại sao?

Trần Hoài Thư: Tôi là một tác giả viết văn làm thơ theo đôi giày trận. Nổi trôi từ Trường Sơn xuống tận đầm lầy Đồng Tháp Mười. Tôi nhìn bản thân mình, lấy kinh nghiệm của chính mình để mà thông cảm cùng những người cùng mang giòng máu như tôi.

Một năm hai tuần phép thường niên, lấy thì giờ đâu để mang bản thảo mình đi nộp bản, tìm nhà in, nhà phát hành. Chúng tôi đâu có ở Saigon để mà được gặp ông Nguyễn Văn Thành như nhà văn Phan Nhật Nam đã kể về lý do tại sao những tác phẩm nữ được trúng giải thưởng văn học và ngay cả tác phẩm của ông nữa được thành hình khi ông được blogger Hoàng Lan Chi phỏng vấn:

".. Ông Nguyễn Văn Thành trước kia bán sách dạo cho con nít trước chợ Tân Định. Khi khá, ông mở NXB Hiện Đại. "Đấy là một người rất giỏi" PNN nói. "Ông ta đã lobby như thế nào đó để các tác phẩm của Hiện Đại đồng loạt đoạt giải. Trong một năm, Tuý Hồng, Nhã Ca, Thụy Vũ đoạt giải thưởng 1,2,3 bộ môn văn; Du Tử Lê đoạt giải thơ với cuốn *Đời Ở Mãi Phương Đông*", PNN tiếp: "Cũng qua bàn tay ông này, *Mùa Hè Đỏ Lửa* mới thành hình vì nguyên thủy chỉ là những bài đăng rải rác ở Sóng Thần, Đời, Diều Hâu..." Ông này còn tạo nên hiện tượng *Lệ Hằng* và *Việt Hóa Nhạc Trẻ* với những bài hát như " Thuở nhỏ em với anh chơi bắn súng ben..ben.."

Nhưng mà, một tác giả có nhiều tác phẩm xuất bản chưa chắc là tác giả nổi tiếng. Ngược lại, một tác giả không có tác phẩm xuất bản cũng chưa chắc là tác giả tầm thường. Một ví dụ là thơ Vũ Hữu Định. Ai lại không nhớ những câu thơ như *Em Pleiku má đờ môi hồng/Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông...* trong *Một chút gì để nhớ...*

Một ví dụ khác là truyện dài *Cõi Đá Vàng* của Nguyễn thị Thanh Sâm do nhà An Tiêm xuất bản vào năm 1972.

Trước 1975 chẳng có ai nhắc nhở nó. Để bây giờ, nhờ một cô chủ Blog, nó mới được phục hồi. May mà Cornell còn giữ nó. Nếu không văn học miền Nam sẽ mất đi một di sản văn chương rất giá trị.

Đó là lý do giải thích tại sao chúng tôi lại chọn xuất bản những tác phẩm mà tác giả ít hay không được nhắc đến nhiều. Máy vị tên tuổi quen thuộc được nhắc nhở nhiều rồi, nên nhường đất cho những tác giả khác chứ ?

Nguyễn Thị Hải Hà: Tại sao anh lại chọn công việc in này, thời buổi này người ta xuất bản sách paperless? Sách của Thư Quán Bảo Thảo rất tiểu công nghệ. Anh có vẻ yêu nổi đẹp tuyệt vọng của sách báo trong thời gian đầu của in tờ net đang chế ngự này. Số in là bao nhiêu? Có tác phẩm nào tái bản nhiều lần không? Anh có lợi nhuận không? Nếu không được làm công việc in sách anh sẽ làm gì?

Trần Hoài Thư: Tôi bắt đầu nghĩ chuyện tự in ấn này sau khi xuất bản cuốn Ra Biển Gọi Thầm. Tôi muốn tự in lấy tác phẩm mình. Từ ý định ấy tôi bắt đầu để tâm nghiên cứu học hỏi. Càng ngày tôi càng mê đắm. Từ mê đắm tôi càng nghĩ ra những sáng kiến giúp tự động hóa công việc.

Tôi lấy ví dụ là việc xếp lần trước khi dán gáy. Cái máy tôi mua chỉ xếp một lần. Tôi chế ra mỗi lần xếp là xếp 4 lần.

Hoặc máy binding, nếu mà dùng máy mua ở thị trường, thì một lần binding chỉ một cuốn. Tôi chế ra cái máy một lần binding có thể bind 12 cuốn.

Và rất nhiều rất nhiều sáng kiến khác. Tôi có thể thực hiện mỗi ngày khoảng 40 tập Thư Quán Bản Thảo dày 300 trang mỗi cuốn.

Đối với tôi bây giờ chuyện xuất bản sách như một trò chơi quá dễ dàng. Không còn là chuyện mơ ước như ngày xưa nữa.

Vì xem chuyện in ấn như là một "hobby" nên tôi không không bận tâm đến chuyện tiền bạc. Và lại đây là phương pháp "book on demand", mình in theo nhu cầu. Tôi có thể in từ hai cuốn hoặc ba bốn trăm cuốn. Ai hỏi là tôi in.

Đa số sách tôi in dành để tặng. Nhưng người đọc họ thấy công mình bỏ ra nhiều nên họ giúp cho tiền tem tùy tâm tùy hỉ.

Đúng, thời này là thời của paperless. Chính vì vậy, ai còn nghĩ đến di sản văn chương miền Nam, nghĩ đến "paper" là tôi rất trân trọng. Được tặng một người còn tha thiết như vậy là vui lắm rồi.

Nhà tôi hay đùa với các bạn khi họ hỏi tiền bạc đâu mà anh ấy cứ tặng free hoài: “Ông ấy lấy công làm lỗ”.

Nhưng mà họ làm sao biết, tôi đã quá lòi. Thứ nhất là có một “hobby” tiêu khiển trong tuổi già. Thứ hai là được có thêm bạn vẫn còn tha thiết đến di sản văn chương miền Nam. Thứ ba là mình thực hiện được hoài bão của mình.

Vàng tiền bạc cần thật, nhưng chưa chắc mua được niềm vui mà mình mơ ước.

Nguyễn Thị Hải Hà: Có lần anh nói trong một bài phỏng vấn trước đây trên Thư Quán Bản Thảo anh nói bộ Thông Tin ở Sài Gòn kiểm duyệt cắt bỏ truyện của anh rất nhiều. Họ kiểm duyệt về điều gì? Nội dung như thế nào thì không được in?

Trần Hoài Thư: Trong một nước có chiến tranh, kiểm duyệt dĩ nhiên là một việc làm cần thiết. Ví dụ những bản tin tiết lộ bí mật quốc phòng chẳng hạn. Bởi vậy, chính quyền mới lập ra một Sở chuyên môn kiểm duyệt sách báo. Nhưng thực tế không phải vậy. Các vị “sát thủ đại hiệp” này, có khi lạm dụng quyền hành một cách đến ngu xuẩn.

Phần lớn các truyện của tôi, chiến tranh là đề tài chính. Mà chiến tranh là đồng nghĩa với bom đạn. Nhưng khi viết bom đạn, thì chữ bom bị đục, chỉ còn lại từ đạn chơ vơ.

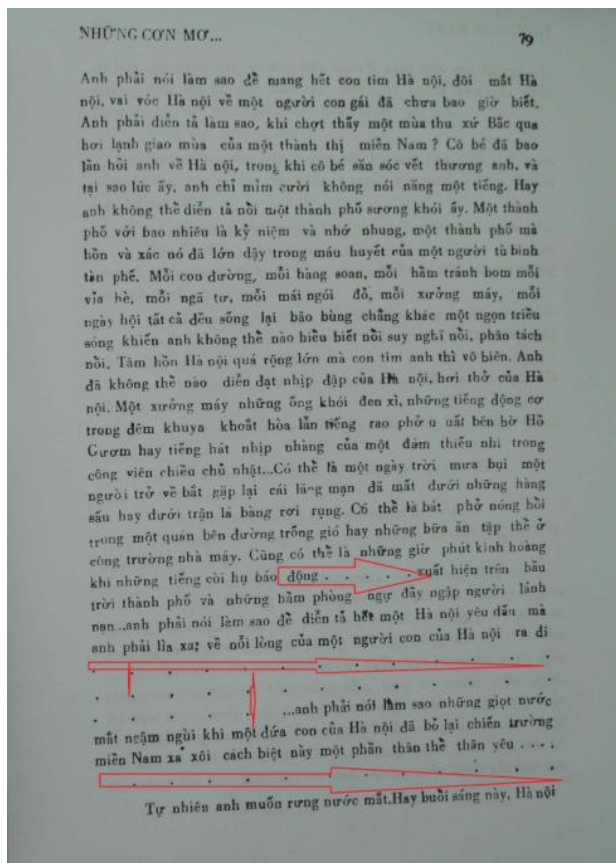
Một ví dụ khác ở trang truyện “*Những cơn mơ cuối năm*”. câu văn gốc như thế này:

..... khi tiếng còi báo động máy bay Mỹ xuất hiện trên bầu trời thành phố,

Thì bị kiểm duyệt đục ba chữ: máy bay Mỹ:

... khi tiếng còi báo động..... xuất hiện trên bầu trời thành phố,

Việc Mỹ oanh tạc miền Bắc là một việc đường chính chính, là chính sách của quốc gia, hằng ngày những tin oanh tạc, những chiếc phản lực xé toang cả bầu trời, rành rành ra đó, mà sát thủ nhà ta lại không biết, lại đục mấy chữ máy bay Mỹ ra khỏi câu, chỉ để lại những chữ xuất hiện trên bầu trời... Vậy thì đục làm gì chứ. Chẳng lẽ chim chóc xuất hiện hay sao?



Một ví dụ khác là trong một truyện ngắn của tôi trên Bách Khoa, khi viết về một buổi chiều phục kích tại một bìa làng, tôi có cho nhân vật ông Tướng – người trung đội phó gốc Nùng (tên thật là Lương Văn Tướng) vào trong truyện. Chẳng hạn “này ông Tướng, hôm nay tổ nào trực”. Tôi viết chữ Tướng với T hoa. Vậy mà ngài sát thủ lại kết tội tôi chơi xỏ một ông tướng nào đó, bôi tất cả những chữ Tướng trong bài văn !...

Kể ra như thế để các bạn hiểu về kiến thức trình độ của các ngài cán bộ thông tin Bộ Cảnh Sát (dân sự) cũng như về nỗi khó khăn của người lính viết văn chúng tôi. Chúng tôi đã chiến đấu thật sự để bảo vệ họ được ung dung ở Saigon. Và họ nhân danh sự dốt nát, để chém đâm những đứa con tinh thần của chúng tôi hết chỗ nói.

Nhưng mà không sao. Chúng tôi có cách để thoát khỏi lưỡi dao cái kéo của họ.

Đó là gửi những bài mà mình cảm thấy bị làm khó khăn cho tờ Khởi Hành – tuần báo của Hội Văn Nghệ Sĩ quân đội.

Vâng chỉ có tờ KH tôi mới có thể viết bom đạn, hay ra lệnh ông Tướng trung đội phó của tôi mà không bị bôi đen. Chỉ có tờ Khởi Hành mới dám đăng những truyện mà các báo khác không dám.

Nếu không có tờ Khởi Hành, chắc tôi sẽ không bao giờ có được truyện Bên Kia Cầu để mà in thành sách, và được trích ra một đoạn cho bài tản mạn này (Sau khi báo Bách Khoa trả lại bản thảo vì không dám đăng):

Lòng tôi bây giờ âm đạm như bầu trời mùa đông. Phải chi hai bên đánh nhau toi bời, để một bên thắng, một bên thua, phân minh, rõ rệt. Nhưng ở đây chỉ là nước mắt, khi những người đáng tuổi nội ngoại hay mẹ cha tôi lại lay tôi như mưa bắc. Thắng gì khi hai đứa con của đơn vị đã bị giết một cách vô lý mà chúng tôi vẫn không thể trả thù. Muốn trút cơn phẫn nộ lên đầu đám dân, muốn đốt hết nhà, đốt hết kho, muốn để lính bắt hết gà, hết vịt để trả thù, nhưng lương tâm không ổn. Trời ơi, trận chiến gì mà kỳ cục vậy. Dù có đại danh tướng như Napoleon cũng phải bó tay mà thôi.

Cuối cùng chúng tôi được lệnh rút quân. Chúng tôi trở lại cầu. Chúng tôi trở lại nơi hai thằng con bị kiến cắn. Máy đưa con của trung đội Một bỗng nhiên chia súng lên trời bắn chỉ thiên loạn xạ. Không thể trách họ được. Họ tức giận điên cuồng bởi vì họ không thể trả thù cho bạn họ. Và họ chỉ biết trút hết nỗi phẫn uất này lên trời. Chỉ tội nghiệp đám dân lại một phen chạy tìm nơi trú ẩn.

Có thể nói, Khởi Hành cũng là tuần báo duy nhất dám đăng những bài văn/thơ mà các báo khác không dám. Ví dụ điển hình là những bài thơ chống chiến tranh hạng nặng của Nguyễn Bắc Sơn.

Nguyễn Thị Hải Hà: Trong công việc sưu tập, anh có gặp khó khăn gì không?

Trần Hoài Thư: Có. Nhiều khi bắt mình trở thành một thám tử văn học. Mình không thể biết nguồn nào là đúng nguồn nào là sai. Lấy một ví dụ về trường hợp Phùng Thăng và Phạm Thiên Thư. Cả hai đều có pháp danh và bút danh là Tuệ Không. Khi thực hiện chủ đề về nữ dịch giả Phùng Thăng, tôi được ông Trần Xuân Kiêm nguyên là phu quân của Phùng Thăng cung cấp những bài vở do Phùng Thăng viết hay nghiên cứu. Trong đó có bài *Vang bóng Nguyễn Du*. Tạp chí Tư Tưởng, Viện Đại Vạn Hạnh, số 8 tháng 12-1970, số Chuyên đề về Nguyễn Du, tt.19-21. Nhưng bút danh này lại trùng hợp với pháp danh và cũng là bút danh của thi sĩ Phạm Thiên Thư. Sự trùng hợp này khiến những bài viết của Phùng Thăng ký dưới bút hiệu Tuệ Không cho đến nay vẫn bị nhầm là của Tuệ Không Phạm Thiên Thư!

Và mới đây, tôi vừa tìm ra bài thơ rất quen thuộc do Phạm Duy phổ nhạc, mà ai ai cũng biết là thơ Phạm Thiên Thư. Đó là bài Pháp Thân trong 10 bài Đạo Ca:

*Xưa em là kiếp chim, chết mục trên đường nhỏ
Anh làm cội băng mai, để tang em, chờ mấy thuở
Xưa em làm kiếp lá, rụng xuống lòng suối thu ...*

Nhưng trên tuần báo Khởi Hành số 24 ra ngày 9-10-1969, bài thơ này lại được ký bằng bút hiệu Phạm Văn Bình. Chắc ai ai cũng biết nhà thơ Phạm Văn Bình có những bài thơ rất nổi

tiếng, được Phạm Duy phổ nhạc chẳng hạn Mười hai tháng quân đi (hay Hành trình của anh TQLC) hoặc bài “Lời Tình Buồn” (trên NET tựa đề đổi thành Năm năm rồi không gặp)... Mặc dù, theo ý kiến cá nhân, tác giả bài thơ này phải là Phạm Thiên Thư. Chỉ có thi sĩ Phạm Thiên Thư mới mang đạo vào thơ, dù là thơ tình đi nữa. Nếu quả thật ý kiến cá nhân của tôi là đúng, tôi không biết nhà thơ Viên Linh – người chăm sóc bài vở của Khởi Hành có đính chánh chưa.



Tôi mong nhà thơ Viên Linh – người chăm sóc bài vở của tuần báo Khởi Hành trước 1975, nhà thơ Phạm Thiên Thư, nhà thơ Phạm Văn Bình – cả ba đều còn sống – làm ơn giải tỏa dùm về sự trùng hợp này. Xin cảm ơn trước.

Nguyễn Thị Hải Hà: Trong tất cả các tác phẩm anh đã in qua Thư Ấn Quán và Thư Quán Bản Thảo, nếu phải chọn 10 tác phẩm để đặc biệt giới thiệu, anh sẽ chọn tác phẩm nào, vì sao?

Trần Hoài Thư: Nếu chọn, tôi sẽ chọn:

1. *Cõi Đá Vàng* của Nguyễn thị Thanh Sâm
2. *Hoa Daffodil Thất Bím* của Nguyễn Âu Hồng. Đây là một tập truyện mỏng về tình yêu. Đẹp, rất đẹp chẳng những trong tình yêu mà còn ở chữ nghĩa. Có thể nói từ trước đến nay chưa có một tác phẩm nào viết về tình yêu dành cho mọi lứa tuổi. Từ tuổi 16 đến tuổi 80. Xin trích một đoạn kể về phút “hồi xuân” của một bà lão Mỹ 80 và một ông già người Việt :

Barbara cứ đứng một chỗ hết nhìn ông Tân lại nhìn ra khu rừng. Rồi bà nói nhỏ như thì thầm:

- Gọi tên tôi một lần nữa đi Tân

- Barbara, bà có sao không?

- Xin gọi tên tôi...

- Barbara, tôi nghĩ chúng ta nên đi vào. Ở ngoài này lâu sẽ bị cảm lạnh mất.

- Xin gọi tên tôi, dù...

- Barbara...

- Tiếng anh gọi tên tôi nghe sao dịu ngọt như anh Jack yêu quý của tôi gọi tôi lúc chúng tôi còn tuổi trẻ.

Ông Tân tưởng Barbara bị mộng du nên đặt hai tay lên vai lay cho bà tỉnh. Barbara nói, giọng mơ màng:

- Tân ơi, anh ôm tôi đi. Xin vui lòng cho tôi một vòng tay ôm.

Ông Tân hơi ngập ngừng, nhưng giọng nói và ánh mắt của Barbara van nài tha thiết quá khiến ông không dừng được. Ông bước tới một bước, vòng tay quanh người Barbara, một vòng tay Á Đông nhưng nhờ thường xuyên tập tạ nên cũng không đến nỗi quá nhỏ bé so với thân hình to lớn của người đàn bà, rồi với tất cả sức mạnh của một người làm vườn chuyên nghiệp, anh siết thật mạnh và giữ chặt thật lâu. Đây chắc là một vòng tay ôm nhớ đời. Họ đứng yên một chập, có cảm giác như quả đất cũng đứng yên. Bỗng ông Tân đâm hoảng: tấm thân đồ sộ chắc nịch của Barbara trong vòng tay ông như tan chảy, mềm dần rồi nhũn xuống như cọng bún. Ông xiềng liềng phải dựa vào một góc thông gần đó mới không bị ngã...

3. Bộ Thơ Miền Nam gồm 5 cuốn.
4. Bộ Văn miền Nam gồm 4 cuốn
5. Chiến tranh VN Và Tôi (thơ Nguyễn Bắc Sơn)
6. Vũ trụ Thơ của Đặng Tiến (tập 1 và 2)
7. Thơ Vũ Hữu Định Toàn Tập
8. Lẽ Đẽo Một Phương Qui thơ Từ Thế Mộng
9. Kỹ vật Cho Em thi phẩm của Linh Phương
10. Thư Quán Bản Thảo số 61: Hiện tượng nhà văn nữ

Nguyễn Thị Hải Hà: Vụ *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh, anh nhìn thấy cái vẻ phù phiếm của những kẻ muốn duy trì nhân quan chiến tranh theo khả năng tái chế của họ. Anh phải nói như thế nào về những người Mỹ đã bảo trợ để in tác phẩm này trong khi họ lại không bảo trợ in một tác giả lính Miền Nam.

Trần Hoài Thư: Quyển *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh sở dĩ được đón nhận nồng nhiệt là vì từ mấy mươi năm chiến tranh và chế độ CS ở miền Bắc, cửa khép kín. Nay cánh cửa ấy mở ra. Còn miền Nam, nỗi buồn chiến tranh đã được nói quá nhiều, qua các bộ môn văn học nghệ thuật trong mấy mươi năm chiến tranh.... Nhiều đến độ nhàm chán....

Một lý do chính cho sự đón nhận này là, theo những nhà nhận định, phê bình, ví dụ ông Phạm Việt Cường, ngay trên lời bạt của tác phẩm mà tôi được đọc ở Mỹ đại ý cho rằng *Nỗi Buồn Chiến Tranh* là tác phẩm trung thực nhất trong chiến tranh về Việt Nam từ trước tới nay.

Trung thực ở chỗ nào khi một toán thám báo bị bắt ngay ở trong mật khu chỉ có ba người, mà toán trưởng là một trung úy, dẫn mấy chị nuôi đi ra bờ sông rồi trản nước sau khi thỏa mãn thú tính khi vai trò thám báo là săn tin, là đột nhập mật khu địch để làm công tác tình báo, là bảo mật tối đa... Họ phải được huấn luyện thật kỹ về mưu sinh thoát hiểm.. Họ được trực thăng thả xuống địa điểm làm ăn, họ phải lội cả mấy cây số để xâm nhập mật khu. Nhiệm vụ họ là báo cáo về Bộ chỉ huy địch đông hay ít, hay kiểm chứng những nguồn tin tình báo có xác thật hay không. Nói tóm lại, là nhiệm vụ họ rất ư là nguy hiểm, chết sống trong đường tơ kẽ tóc.

Có thể là ông Phạm Việt Cường hay những nhà phê bình văn học nào đó không có kinh nghiệm về vai trò thám báo. Nhưng nếu không có kinh nghiệm thì đừng bảo là trung thực. Hay trước khi phê phán xin vui lòng tìm hiểu về vai trò thám báo (Tiếng Mỹ là highland scout hay ranger scout) trên Internet.

Đó là Bảo Ninh. Còn Hồ Anh Thái thì độc địa hơn, khi tả lại cảnh toán thám báo bắt một tù binh, mổ lấy trứng dái (tinh hoàn), nỏ lửa giữa mật khu để cùng nhau nướng nhậu. Tả gì mà tả quá khủng khiếp ghê rợn. Bộ nỏ lửa để "lạ ông tôi ở bụi này" à ?

Bây giờ lịch sử dần dần càng mở ra cánh cửa. Mà góp phần lớn là Internet và những Blog, Facebook, forum... Giới trẻ không còn bị bít bùng kiến thức và tầm nhìn như cha anh họ nữa. Vấn đề chánh là ai nói lên sự thật này, cho dù cái câu "Cửa Caesar phải được trả lại Caesar" vẫn hằng xem là câu châm ngôn. Lấy ai để tìm cái "cửa" này ?

Đó là lý do tại sao tôi viết bài đối thoại với nhà văn Bảo Ninh. Không phải chỉ riêng nhắm vào ông ta mà còn cho những người xem *Nỗi Buồn Chiến Tranh* là trung thực. Tôi chỉ có thể làm trong khả năng của tôi, còn những chuyện lớn lao khác, những câu hỏi lớn lao khác mà Gio-O đặt ra cho tôi, tôi xin được miễn trả lời, vì tôi không bao giờ nghĩ đến hay quá tầm mức hiểu biết của mình.

Nguyễn Thị Hải Hà: Người đọc nên đọc kỹ phần nào ở các sáng tác trong chiến tranh của Trần Hoài Thu ? Những phần mà các nhà phê bình từ trước đến nay đã không nhìn thấy hay đã không công bằng với một tác giả lính của Miền Nam, ở đây anh có thể tiết lộ cho các độc giả Gió O như một trao đổi thân thiện ?

Trần Hoài Thu: Sau khi Sáng Tạo chết vào năm 1961, giọng văn học chiến tranh bắt đầu thành hình, mà tạp chí Văn số 8 năm 1964 với chủ đề “thơ văn có lửa” như một dự báo về một nền văn học khác. Đó là văn học chiến tranh... Từ đó, mãi đến 1975, có biết bao nhiêu bài vở sáng tác viết về chiến tranh được xuất hiện trên các tạp chí văn học thời danh bấy giờ. Văn chương miền Nam cũng di tản từ thành thị ra ngoài các tiền đồn, các thị trấn heo hút, các căn cứ trên miền cao, hay theo bước giày trần của những người viết trẻ. Lớp người viết cho Sáng Tạo không còn viết mạnh như xưa. Thanh Tâm Tuyền bị bế tắc, chính ông thú nhận trong tạp bút “Âm Bản” đăng trên tạp chí Khởi Hành: “*Đã lâu lắm tôi không làm thơ. Có đến mười năm. Tạp thơ cuối cùng đã làm hồi 59-60...*” (tạp chí Khởi Hành số 51, năm 1970).

Sự xuất hiện của lớp nhà văn trẻ này thật rầm rộ, hầu như bút danh của họ tràn ngập chẳng những trên Khởi Hành, Văn, Bách Khoa, mà cả Trinh Bày, Văn Học, Nghiên Cứu Văn Học... Chính họ đã nuôi dưỡng những tạp chí văn học ở Saigon. Người đọc không phải vì Mai Thảo, Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam... mà mua Văn hay Khởi Hành, mà vì những tạp chí ấy đã đăng những bài vở rất gần gũi với họ.

Có điều là lớp nhà văn trẻ này ít có người có tác phẩm xuất bản để được các nhà phê bình để mắt đến. Vì sao? Vì họ, phần lớn là lính tráng, đâu có dịp để về Saigon như một số nhà văn nhà thơ ở Saigon. Vì họ, đâu có cơ hội ở Saigon như nhà văn Nhã Ca, Nguyễn thị Hoàng viết miệt viết mài. Mỗi năm ra đến 4, 5 tác phẩm. Nhưng mà, với 700 hội viên của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân đội, và trên hai trăm nhà thơ mà tôi sưu tầm cho Bộ Thơ Miền Nam thời chiến trên các báo thời danh bấy giờ, trong khi Sáng Tạo chỉ khoảng 15 người hay tối đa là 20 người.

Vậy mà có nhà phê bình nào viết về dòng văn chương này?

Trong khi dám phê bình miền Bắc thì luôn luôn xem văn học miền Nam là văn học đô thị, nô dịch, là âm mưu của đế quốc Mỹ, là chính sách thâm độc thực dân kiểu mới v.v...

Họ chỉ nhắc đến Sáng Tạo, đến những cây bút nữ, đến những tác phẩm của các tác giả ở Saigon, nhưng có mấy ai nhắc đến sự đóng góp vô cùng to lớn của những người trẻ vừa cầm viết và cầm súng ở ngoài vòng đai ?

Đó là lý do tôi kêu gọi sự công bằng.

Nguyễn Thị Hải Hà: Hẳn là anh nhìn thấy sự chiến thắng của Văn Học Miền Nam khi anh ra ngoài nước. Bây giờ người ta tìm đọc Văn Học Miền Nam như đọc những hải đăng hiếm và quý. Anh muốn nhìn thấy gì trong văn chương ở hải ngoại? Anh có lời nhắn gửi gì với những người viết bây giờ và mai sau không?

Trần Hoài Thu: Vâng, tôi đã thấy, ngày tiếp ngày tháng tiếp tháng, và năm tiếp năm. Suốt 14 năm nay qua việc thực hiện tạp chí Thư Quán Bản Thảo và việc truy tìm xuất bản hay tái bản các tác phẩm miền Nam trước 1975. Điều đáng kể nhất là mới đây, trên Blog VanViet, những người chủ trương văn đàn này đã công khai nói về sự nhầm lẫn của họ khi họ nghĩ văn chương miền Nam là văn chương đô thị. Đó là dấu hiệu bắt đầu cho một sự công nhận một cách công khai, và cũng là dấu hiệu để chúng ta có quyền nói với con cháu chúng ta trong cũng như ngoài nước về một nền văn chương của con người, vì con người, tự do, nhân bản.

Nhưng mà tìm đâu ra những di sản này để mà phục hồi để con cháu chúng ta biết thế nào là một nền văn chương đích thật. Vâng, rất giản dị. Tìm ở thư viện đại học Hoa Kỳ. Tìm ở các thư viện trong nước. Tôi nghĩ nếu ai còn tha thiết thì xin ra tay. Chứ cứ nói không thì biết đến khi nào.

Tôi: lão già mắt mờ tay run, một đàng phải chăm sóc người bạn đời chẳng may bị khổ nạn nan y, một đàng phải lo tờ báo, ở một nơi heo hút, ít người Việt, mà còn làm được thì những người

mạnh khỏe dồi dào tiền bạc dồi dào phương tiện gấp trăm ngàn lần hơn tôi, lẽ nào không làm được hay sao?
Riêng câu hỏi về văn học hải ngoại tôi nghĩ là không còn cần thiết nữa. Khi một tác giả gửi cho Gio_O với địa chỉ Yahoo.com hay gmail.com Gio_O có biết người gửi ở Việt Nam hay ở Mỹ ?

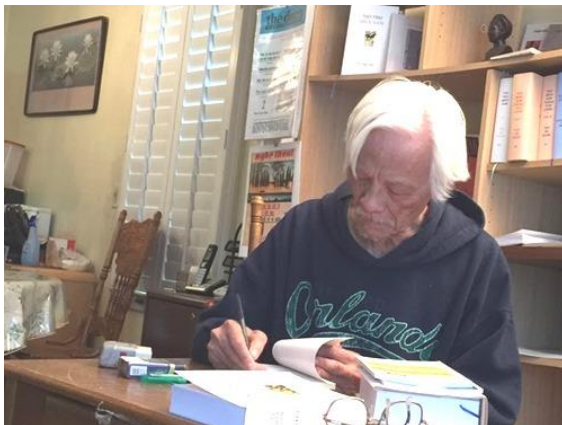
Nguồn: *Gió-o*

Phỏng vấn nhà văn Trần Hoài Thư Phạm Cao Hoàng

Gần 20 năm qua, trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt ở hải ngoại, Trần Hoài Thư là cái tên được nhiều người nhắc đến, là nhà văn/nhà thơ được nhiều người yêu mến vì công lao của ông trong việc sưu tầm và xuất bản các tác phẩm văn học miền nam 1954-1975. Bằng số tiền lương hưu ít ỏi, với sự hỗ trợ của những người có lòng với văn học miền nam, từ năm 2000, Trần Hoài Thư cùng người bạn đời Nguyễn Ngọc Yến mua máy in, thành lập nhà xuất bản Thư Ấn Quán và tạp chí Thư Quán Bản Thảo. Cho đến nay, phần lớn các tạp chí văn học dạng báo giấy ở Mỹ đã đóng cửa nhưng Thư Quán Bản Thảo vẫn tồn tại và đã phát hành đến số 75. Tủ sách DI SẢN VĂN CHƯƠNG MIỀN NAM của nhà xuất bản Thư Ấn Quán đã sưu tầm và in lại hàng trăm tác phẩm giá trị, đáng kể nhất là bộ THƠ MIỀN NAM gồm 5 tập với tổng cộng khoảng 3500 trang và bộ VĂN MIỀN NAM 4 tập với tổng cộng khoảng 2400 trang. Công việc của hai vợ chồng ngày càng có kết quả thì chuyện không may đã xảy ra cho chị Yến: tháng 1 năm 2013 một cơn tai biến (stroke) đã làm chị ngã gục, từ đó đến nay chị chỉ nằm một chỗ, không ngồi dậy được, mọi sinh hoạt cá nhân phải nhờ vào nhân viên trong nursing home và Trần Hoài Thư. Bất chấp những khó khăn, những bất hạnh đang phải chịu đựng, hiện nay một mình Trần Hoài Thư vẫn thực hiện việc in ấn tạp chí Thư Quán Bản Thảo và tủ sách Di Sản Văn Chương Miền Nam.

Bài phỏng vấn này nhằm cung cấp cho bạn đọc những thông tin căn bản và chính xác về một nhà văn/nhà thơ rất đặc biệt: Trần Hoài Thư

Phạm Cao Hoàng



*Trần Hoài Thư bây giờ
Ảnh: Phạm Cao Hoàng – New Jersey, 7 tháng
5.2017*

1. Anh Trần Hoài Thư, theo tôi biết anh có một tuổi thơ bất hạnh. Xin anh nói một chút về tuổi thơ của anh.

Trần Hoài Thư. Tôi sinh năm 1942 tại Đà Lạt. Tuổi thơ thất lạc cha, theo mẹ sống khổ cực ở Rộc Rau Muống, Nha Trang. Có một thời gian tôi sống trong cô nhi viện Bethlehem ở Hòn Chồng. Năm 1954, cha tôi tìm được tôi và đưa tôi về Huế.

2. Và chuyện học hành của anh?

THT. Ra Huế, từ năm Đệ Lục đến Đệ Tứ tôi học trường Việt Hương, Bán Công. Vì đậu trung học khá cao, tôi được phần thưởng danh dự trung học toàn quốc của TT Ngô Đình Diệm, và được nhận vào Quốc Học. Tôi học ban B. Đậu Tú Tài II vào năm 18 tuổi, lấy một vài chứng chỉ khoa học tại Huế và Sài Gòn.

3. Hình như có thời gian anh dạy học ở Tam Kỳ? Sau đó thì anh vào quân đội?

THT. Vâng, tôi dạy tại trường Trần Cao Vân, Tam Kỳ, hai năm. Giáo sư đệ nhị cấp, dạy Toán là môn chánh.

4. Thời anh ở Bình Định, anh là lính thám kích. Nhiệm vụ của anh là gì?

THT. Năm 1967, tôi nhập ngũ, khóa 24 Thủ Đức. Vì mãi lo viết báo Bộ Binh, làm thơ nên khi ra trường đậu gần chót bảng. Vì vậy, khi lên chọn đơn vị, chỉ có đại đội 405 thám kích sư đoàn 22 bộ binh là thiên hạ chừa lại.

Tôi làm trung đội trưởng và xử lý đại đội phó của đơn vị này khoảng 4 năm. Về nhiệm vụ và vai trò của thám kích, tôi xin trích lại một đoạn trong bài viết “Định Mệnh” của Nguyễn Văn Dưỡng, nguyên trưởng phòng Nhì SĐ 22 bộ binh – phòng điều động đơn vị tôi:

... Bao nhiêu trách nhiệm nguy hiểm trong vùng địch kiểm soát, đột kích, thám kích, tiền thám hay viễn thám kể cả tăng viện và là mũi tấn công chính trong một trận đánh dữ dội, đều giao cho Đại đội Thám Kích 405. Vì vậy sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ của đơn vị này phải là quân nhân tinh nguyện hoặc được chọn lựa trong thành phần có kinh nghiệm trận mạc, gan lì và nhất là sự bền bỉ chịu đựng gian khổ ở các đơn vị tác chiến khác của Sư Đoàn. Mặc dù Đại Đội Thám Kích không có trong Bảng Cấp Số của Sư Đoàn, nhưng do tính chất của nhiệm vụ khi thành lập – vì nhu cầu chiến trường- nên tính mệnh của mọi cấp trong ĐĐ/TK như “chỉ mảnh treo chuông” mỗi một khi được sử dụng. Ai vào thám kích mà ra khỏi được, không chết, ít nhất cũng mang theo vài chiếc sẹo trên mình. Trần Hoài Thư rời miền Trung vào miền Nam không biết được mấy Chiến thương Bội tinh...”
Tôi có 3 chiến thương ngôi sao đỏ do bị thương ba lần.

Trần Hoài Thư khi mới tốt nghiệp Trường Bộ Binh Thủ Đức (1967)

Nếu viết về chiến công, thành tích của đại đội, thì quá lớn. Đây là một đơn vị cấp số đại đội nhưng đã sản sinh một người được thăng cấp nhanh nhất của QLVNCH. Đó là thiếu úy Hồ Văn Hòa. Chỉ trong vòng một tháng được thăng cấp hai lần, từ thiếu úy lên trung úy nhiệm chức rồi trung úy thực thụ do chính tướng Đỗ Cao Trí gắn ngay tại mặt trận.

Nhưng đối với tôi, cây viết của tôi chỉ dành cho những người lính khổ đã giúp vị sĩ quan kia được lên lon nhanh chóng. Lính khổ. Ai cũng biết. Nhưng ít ai viết về cái khổ của họ. Lính hy sinh. Ai cũng biết. Nhưng ít ai viết về sự hy sinh to lớn của họ. Lính là anh hùng vô danh. Không phải đâu. Họ có tên có tuổi. Họ có căn cước quân nhân, có thẻ bài. Thật là buồn cười, vô danh chỉ dành cho lính còn hữu danh thì dành cho tướng cho quan...

5. Sau đó anh trở thành phóng viên chiến trường. Anh làm nhiệm vụ này ở đâu và bao lâu? Anh có thể mô tả công việc của anh trong giai đoạn này không?



THT. Tôi về miền Tây làm phóng viên chiến trường từ năm 1971 cho đến tháng 4/1975. Vẫn là những chuyến đi vào trận mạc, với máy ảnh và cây viết. Tôi đã viết nhiều truyện lấy từ chất liệu sống này.

Từ bên kia đất Miên đến vùng đầm lầy Đồng Tháp, từ những cánh điều trên đồng cỏ đến những cánh điều bị vấy máu ở sân trường tiểu học Cai Lậy...

6. *Tác phẩm đầu tiên của anh được đăng báo là năm nào và ở tạp chí nào?*

THT. Truyện ngắn *Nước mắt tuổi thơ* trên Bách Khoa có lẽ vào năm 1965 hay 1966 gì đó. Viết trên giấy học trò, và gửi đến Bách Khoa vì ở thư viện Xavie chỉ có Bách Khoa. Gửi là gửi. Nhưng không hy vọng chút nào. Vậy mà truyện lại được chọn, có ít nhất 3 trang bị bôi đen. Tôi lấy chất liệu từ cô nhi viện Bethlehem ở Hòn Chồng Nha Trang, nơi tôi có mặt gần hai năm.

7. *Anh có bài đăng trên hầu hết các tạp chí văn học uy tín ở Sài Gòn trước 1975. Anh có thể nêu một số nhận xét của anh về các tạp chí đó không?*

THT. Tạp chí Bách Khoa với ông Lê Ngọc Châu chăm sóc, là tạp chí tôi rất trân trọng. Bách Khoa cư xử với những tác giả cộng tác rất công bằng. Bài tôi viết tay, ông Lê Ngọc Châu phải dùng kính lúp để đọc, và đã bỏ vào một hồ sơ riêng chờ dịp trả lại tác giả.

Riêng Văn thì vào thời Trần Phong Giao làm thư ký tòa soạn. anh ấy rất ưu tư về sự an toàn của những người mang áo trận như chúng tôi. Anh tìm cách giúp đỡ để khỏi đi tác chiến. Mỗi lần bị thương, anh ấy cho đăng trong mục Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật rất trang trọng như thay mặt anh em mà kêu cứu dùm.

Riêng tờ Khởi Hành, dưới cái bóng của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội nên nó là nơi chúng tôi tìm đến để gửi những bài mà chúng tôi nghĩ là khó có thể đăng được ở các tờ báo khác.

8. *Trước 1975, anh đã có bao nhiêu cuốn sách được xuất bản?*

THT.

– Tập truyện *Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang* do Ý Thức xuất bản năm 1968, in bằng hình thức ronéo.

– Tập truyện *Những Vì Sao Vĩnh Biệt* do Ý Thức xuất bản.

– Truyện vừa *Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi* do Tiếng Việt xuất bản.

– Truyện vừa *Một Nơi Nào Để Nhớ* do Con Đường xuất bản (1974)

10. *Sau năm 1975 anh phải vào trại cải tạo. Ở đâu vậy, và bao nhiêu năm?*

THT. Tại trại Kiên Lương và rừng tràm Trà Tiên (gần bốn năm)

11. *Trở về, anh kiếm sống bằng cách đi bán cà rem. Anh có thể kể lại chuyện anh đi bán cà rem không?*

THT. Tôi bán cà rem trong vòng 8 tháng. Nói là bán cà rem, nhưng mỗi lần về nhà, tôi không quên dấu dưới đáy thùng vài ký gạo hay thịt heo bán lại kiếm lời.

Ta bán cà rem hê, ta bán cà rem!

Lắc chiếc chuông đồng, khua vang làng xã

Ôi những hồi chuông lâu rồi đã ngủ

Bống hôm nay, choàng dậy, ngỡ ngàng

Trên đầu ta, mây trắng thênh thang

Dưới chân ta, vòng xe nhật nguyệt

Chuông đồng leng keng, thay người đào huyết

Gọi những ma hồn trong buổi đảo điên

Ta đạp qua cầu, qua bến, qua sông

Qua những xóm làng, công trường mồ mả

Chiếc áo trận xanh, sạm mùi khói lửa

Chiếc mũ rom đan, vương miện tội tù
 Ta qua những miền thiên cổ âm u
 Ta đập vào thùng, nghêu ngao ca hát
 Ta bán cà rem hề, kem đường kem chảy
 Thêm kem oan cừu chắt ngát miền Nam
 Những con đường Nam Bắc Tây Đông
 Những trạm mọc lên chó vàng chó sói
 Hỡi sợi dây sên, mi là bạn khó
 Kết cùng ta những nỗi lênh đênh
 Ta bán cà rem hề, thì bán cà rem
 Bà con ơi, đừng nhìn ta mà khóc
 Ta đang đứng trong chuồng thú vật
 Ít ra ta vẫn là một con người
 Em bé quê ơi, nghèo lắm, phải không
 Lại đây anh tặng em một cây kem chuối
 Có phải em là con một người lính ngự
 Nên cuộc đời toàn là những cơn mơ?
 Ôi những tiếng reo giòn, ông già cà rem
 Chưa đầy bốn mươi, ta già thế đó
 Ta không buồn đâu, tóc ta bạc trắng
 Như một ông già chuyện cổ phương Tây
 Ông già Noel vào mùa Giáng Sinh
 Lắc chiếc chuông đồng phát quà phát bánh
 Ta cũng như ông đầu làng cuối xóm
 Lắc chiếc chuông đồng, phát cả trái tim

12. Anh vượt biên năm nào và đến Mỹ như thế nào? Vì sao vợ và con anh không cùng tham gia chuyến đi này?

THT. Tôi vượt biên năm 1979. Vì không có đủ tiền nên vợ tôi chấp nhận để tôi đi một mình. Ba tháng sau, vợ con tôi được một chủ tàu tốt bụng cho đi mà không phải trả tiền. Và chúng tôi đoàn tụ vào cuối năm 1979 tại Maryland.

13. Xin anh kể lại những ngày đầu ở Mỹ, việc kiếm sống, việc học hành.

THT. Những năm tháng đầu của bất cứ người tị nạn nào dĩ nhiên là vất vả. Chúng tôi ở tại một khu đầy tội ác, với giá thuê nhà rất rẻ. Đó là Logan thuộc thành phố Philadelphia, tiểu bang Pennsylvania. Mấy cửa sổ phòng thuê (lầu 2) đều đóng kín, có cả đinh mười phân làm chông. Ban ngày tôi đi học, vợ tôi đi làm. Thành con tôi đi đến trường và về nhà một mình. Tôi phải để hai cục gạch để nó có thể đứng lên mà mở cửa. Lúc này tôi là sinh viên toàn phần của đại học Spring Garden College. Ban đêm tôi là người quét dọn phòng ốc để có tiền trang trải cho cuộc sống. Có khi ở trường gọi điện thoại về thăm chừng con, thấy không ai lên tiếng, tức tức tôi phải bỏ học về nhà, thì ra nó ngủ quên không nghe chuông reng...

Tôi tốt nghiệp đại học với thứ hạng cao, gần top. Hãng AT & T đến tận trường mời những sinh viên vừa tốt nghiệp với thứ hạng cao và tôi chộp lấy cơ hội để làm việc cho hãng này tại chi nhánh của họ ở New Jersey. Đây cũng chính là lý do tại sao tôi sống ở New Jersey – một tiểu bang có ít người Việt – từ đó đến giờ.

Sau khi làm việc với AT&T, tôi ghi danh học Master về Toán Ứng Dụng tại đại học Stevens Institute of Technology. Miệt mài sau hai năm, tôi tốt nghiệp. Chính nhờ những buổi học đêm này mà tôi viết được truyện *Đêm Mơ* mà tôi rất tâm đắc.

Với cái bằng Master, AT&T cho tôi tăng một mức lương đáng kể. Tôi có thể đứng vững và vươn lên ở xứ người vì tôi đã vịn vào cha tôi:

*Lan can ba, ba thẳng lưng
Ba dạy con, chân đạp bùn mà đi
Con nhón chân, con đưa tay
Con vịn ba với cái đầu
ngẩng lên !...*

(Trích tập thơ VỊN VÀO LỤC BÁT, mới xuất bản, tháng 7.2017)

16. Công ty sau cùng mà anh làm việc là công ty điện toán IBM. Từ công ty này anh đã về hưu sớm. Vì sao vậy?

THT. Bộ phận của AT&T sau chuyển qua IBM. Tôi làm thêm khoảng 10 năm nữa ở chức vụ Dự Án Trưởng (Project Leader). Nhiệm vụ của tôi là thảo những chương trình liên quan đến security, bảo vệ công ty chống lại những hacker... Rồi bộ phận được chuyển qua Ấn Độ. Tôi không thể sang Ấn Độ làm nên quyết định về hưu non.

17. Sau khi nghỉ hưu, anh bắt tay vào việc thực hiện tủ sách DI SẢN VĂN CHƯƠNG MIỀN NAM và tạp chí THƯ QUÁN BẢN. Bằng cách nào anh có được những tư liệu văn học cho 2 công trình này?

THT. Qua thư viện Mỹ như Yale, Cornell... Yale cách nhà 2 giờ lái xe, còn Cornell cách nhà 5 tiếng. Thường thường vợ tôi giúp lái xe vì tôi dễ ngủ gục khi lái. Đường rất nguy hiểm, vì là đường núi, nhiều khi tuyết băng đông đặc. Hai lần suýt chết vì tai nạn khi đi Cornell. Tại Cornell sách báo Tiếng Việt rất dồi dào. Làm sao tưởng tượng họ có cả tờ truyền đơn chiêu hồi được lưu trữ?

Có lẽ do bản chất của giòng máu thám kích nên đam mê lĩnh. Có người cho là khủng, điên, nhưng mỗi lần nhìn những bộ sách thuộc DI SẢN VĂN CHƯƠNG MIỀN NAM, lòng dâng lên niềm vui bất ngát...

18. Về việc in ấn, anh làm thế nào để có được máy móc và giấy mực?

THT. Về máy móc thì lên Craigslist tìm. Có khi họ cho không, có khi họ bán rất rẻ. Sau khi thỏa thuận, họ cho biết địa chỉ, mình đến, với cái screw driver trong túi. Họ hỏi máy nặng cả tấn sao ông lại khiêng nổi? Tôi cười, tao biết cách. Rồi tháo máy ra, đến mức không thể tháo. Fuser, ngăn giấy, mực, assembly parts, khung... Máy anh chàng Mỹ trở mắt nhìn, ngạc nhiên. Chỉ có mực là mới có vấn đề. Lên Ebay mua, nhưng làm sao biết mực tốt hay xấu?

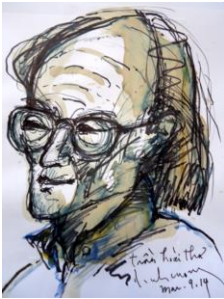
19. Chị Yến – người bạn đời của anh – đã giúp anh như thế nào trong việc thực hiện các công trình này?

THT. Y. giúp tôi lái xe khi đi xa, đóng bằng chỉ những cuốn sách dày cả ngàn trang, hay phụ với tôi khiêng những thùng giấy tôi mua với giá rẻ. Y. giúp tôi viết địa chỉ, bỏ sách báo vào phong bì, dán tem, hay nhắc tôi về những sơ xuất. Khi một người hỏi order một cuốn sách, Y. luôn luôn nói là tặng, đừng lấy tiền. Tâm Y. là tâm Phật... Mất Y. là mất cả cánh tay phải. Tôi hết chỗ vịn.

VỊN EM

*Lòng em là cả trắng rằm
Lòng tôi trắng tối như nhằm ba mươi
May nhờ tôi được dựa hơi
Nên lòng cũng nhẹ, ít nhiều hồi tâm
Bề ngoài tôi đóng vai chồng
Nhưng bên trong là con thần lẫn nghe kinh
Lời Phật em tụng hằng đêm,
Nghe chừng như thể em cầu cho tôi*

Cho tôi, bớt điếc bớt mù
 Bớt sân si, bớt dâm tà tham lam...
 Bây giờ em bỏ Quan Âm
 Tôi lên, đứng trước bàn thờ, đốt nhang
 Kia, sao bàn tay tôi run
 Tôi cần em, tôi cần em thật mà
 Vậy mà em bỏ đi xa
 Bỏ ngôi nhà, bỏ buồng thờ, đèn nhang
 Em đi để nhận đoạn trường
 Xe lăn định mệnh, chiếc giường nghiệp oan
 Hay là em chuộc dùm chồng



Chân dung Trần Hoài Thư – Đinh Cường vẽ (2014)
 Như xưa Chúa đã chuộc dùm thế gian?
 (Trích tập thơ VỊN VÀO LỤC BÁT, mới xuất bản, tháng 7.2017)



Nguyễn Ngọc Yến – người bạn đời của Trần Hoài Thư
 (chụp 2 tháng trước khi chị Yến bị stroke)
 Ảnh: Phạm Cao Hoàng

20. Xin anh nêu một số kết quả mà anh hài lòng đối với các công trình này?

THT. Trả lại sự thật và sự công bằng cho một số tác giả chưa được đánh giá, ghi nhận một cách đúng mức như Nguyễn Thị Thanh Sâm, Phùng Thăng, Hoàng Ngọc Hiền... cũng như hàng trăm tác giả mà thời ấy được gọi là *những cây bút trẻ* – những người đã có những đóng góp quan trọng cho Văn Học Miền Nam 1954-1975 qua những sáng tác được đăng trên các tạp chí văn học ở Sài Gòn như Văn, Văn Học, Bách Khoa, Văn Chương, Nghệ Thuật, Khởi Hành, Thời Tập, Ý Thức, Trình Bày, Văn Mới, Văn Hóa Nguyệt San, Tư Tưởng... Cho đến nay, Thư Quán Bản Thảo đã phát hành đến số 75. Tủ sách DI SẢN VĂN CHƯƠNG MIỀN NAM của nhà xuất bản Thư Ấn Quán đã sưu tầm và in lại hàng trăm tác phẩm giá trị, đáng kể nhất là bộ THƠ MIỀN NAM gồm 5 tập với tổng cộng khoảng 3500 trang và bộ VĂN MIỀN NAM 4 tập với tổng cộng khoảng 2400 trang.

22. Hiện nay anh có gặp khó khăn gì trong việc thực hiện các công trình của anh hay không?

THT. Rất, rất, rất khó khăn. Tôi phải lo nấu ăn để mang vào nursing home cho Y., mỗi ngày 2 lần, mỗi lần ở lại với Y. khoảng 90 phút. Khi ra về tôi vịn lan can mà lên. Cả chân tôi bị gout hành rồi thấp khớp hành, tối ngủ không được. Thêm mắt bây giờ yếu lắm.

24. Anh có dự án gì định thực hiện trong thời gian tới không?

THT. Không có. Chỉ tiếc là cuốn *Cung Oán Ngâm Khúc* đăng trên Văn Hóa Nguyệt San từ năm 1963-1970, tôi đã scan được trên 100 trang. Sách do Trần Cửu Chấn bình giải rất chi tiết, ít có tác giả nào lại làm việc một cách nghiêm túc như vậy (các tác giả bình giải Kiều, Chinh Phụ Ngâm nhưng không có *Cung Oán Ngâm Khúc*). Nhưng tiếc là microfilm nên chụp lại rất xấu, lại tốn nhiều tiền vì máy chụp chỉ thư viện địa phương mới có.

Đó mới là di sản văn chương miền Nam. Nhưng thử hỏi, ai bỏ công, bỏ sức. bỏ tiền ra mà cứu nó?

PCH. Xin chân thành cảm ơn anh Trần Hoài Thư. Mong rằng bài phỏng vấn này giúp bạn đọc biết một chút về chuyện văn chương và cuộc đời của anh và chị Yến. Anh chị đã sống một cuộc đời rất đẹp.

Virginia, 25.7.2017



Chân dung Trần Hoài Thư – Nguyễn Quang Chơn vẽ (2017)



Chân dung Trần Hoài Thư – Hoàng Ngọc Biên vẽ

Một bia mộ cho dòng văn học đô thị

Cụm từ “*văn học đô thị miền Nam*” không phải có sau 1975. Nó được xuất hiện trước 1975, từ những cây bút nhận định phê bình miền Bắc hay từ những đặc công văn hóa như Vũ Hạnh, Lữ Phương. Nó đồng nghĩa với “*văn học nô dịch*”, “*văn học đòi trụ*”, “*văn học hiện sinh*”, “*văn học thực dân kiểu mới*”, “*học đọc văn hóa*”. Nó là một mũi dùi trong số những mũi dùi tiến công mà cấp lãnh đạo miền Bắc tận dụng trong mục đích thôn tính miền Nam. Nó cũng là cái cơ ngay sau tháng 4-1975, để cả một nền văn học miền Nam bị truy diệt tận gốc, sách vở bị đốt hủy tận tình.

Chỉ cần google “*Văn học đô thị miền Nam*”, ta có thể hiểu tại sao lại có sự đồng nghĩa ác nghiệt này. Người viết này khỏi cần nhắc lại. Nhắc lại cũng thừa. Bởi ai cũng biết. Và hầu như trong trái tim của mỗi người đều có những vết chém, vết cứa rỉ máu khi nhớ lại những rừng sách vở chìm trong lửa ngọn...Mãi đến những năm gần đây, thực chất của nền văn học miền Nam trong thời chiến kia mới được các nhà phê bình, nhận định thuộc thế hệ trẻ sau này nhìn lại với một cái nhìn quay 180 độ:

“...đến thời điểm này chúng ta vẫn chưa hiểu và khai thác hết cái di sản văn học nghệ thuật nói chung hay thơ ca nói riêng của cha ông ở “khu vực” mà các nhà nghiên cứu hiện nay vẫn gọi đó là “văn học đô thị miền Nam” những năm đất nước còn bị chia cắt (– một di sản văn học được đánh giá là rất phong phú và đa dạng). Trong cái nhìn cầu thị và chân thành nhất, riêng ở chỗ này chúng ta cũng lại chưa kịp hiểu hết những tâm tư, tình cảm, những trăn trở của cha ông ta trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc trên dãy đất hình chữ S thống nhất. Một lần nữa, có thể nói, chúng ta vẫn chưa kịp hiểu hết cha ông mà đã vội hát câu “ví dầu tình bậu muốn thôi/bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu ra” rồi.”

(Nguồn Internet: Nguyễn Trọng Bình – Chưa hiểu hết cha ông thì đừng tính chuyện “soán ngôi” thơ).

Chúng ta không ngạc nhiên trước sự thay đổi quan niệm 180 độ trên. Internet đã mở ra bát ngát và mênh mông kiến thức và tầm nhìn. Những tiếng nói đòi lại quyền được viết, được nghĩ, càng nhiều và càng được lắng nghe. Đám cuồng tín giáo điều đã bị gạt ra ngoài sân chơi. Những tên tuổi mà một thời được đánh bóng, lớp trẻ xem là thần tượng, nay đã bị lột trần cái vỏ giả dối hay hèn nhát. Hoặc qua những lời thú tội ở cuối đời hoặc qua những hồi ký của người trong cuộc. Trong các đại học, những luận án tốt nghiệp về khoa văn, thấp đuốc đi tìm không còn thấy những nhà văn nhà thơ của chế độ mà trái lại là Thanh Tâm Tuyền, là Sáng Tạo, là văn chương đô thị miền Nam. Bằng chứng cho sự thay đổi quan niệm là việc cho tái bản những tác phẩm mà tên tuổi tác giả trước đây được xem là cấm kỵ với chế độ. Tuy nhiên việc cho tái bản vẫn còn dè dặt, dựa vào những tác phẩm mà nội dung thì vô thường vô phạt. Chỉ mới gần đây nhất, vào đầu năm 2013, thi phẩm “*Ngậm Thề Qua Sông*” của Phù Hư mới là một hiện tượng lạ. Những bài thơ viết về thời làm lính “Mỹ ngụy” miền Nam, có cả ba-lô nón sắt, với những câu thơ chan chứa tình người, tình yêu quê hương sống núi, tình đồng đội lại được Hội Nhà Văn tp HCM cho phép xuất bản với tất cả những lời ngợi khen nồng nhiệt!

Đây có phải là cuối cùng văn học miền Nam đã khôi phục lại danh dự? Và cũng là lúc cái mà nền văn chương tuyên huấn, chỉ thị đã bị đào thải?

Nhưng vẫn có một thứ không thay đổi. Đó là nhãn hiệu “*văn học đô thị miền Nam*”.

Hễ nhắc đến văn chương miền Nam là nhắc đến văn chương đô thị. Làm như tất cả đội ngũ người viết văn làm thơ đều được sống ở đô thị, và lấy đô thị làm xúc tác, môi trường để viết. Làm như văn chương miền Nam chỉ quanh quẩn với phòng trà, vũ nữ, ăn chơi, ánh đèn màu, hay bị tiêm nhiễm bởi những triết lý hư vô, hiện sinh, nôn mửa... Làm như văn chương miền Nam chỉ bị bao trùm bởi bóng Sáng Tạo, với Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, hay những ngòi viết nữ như Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trùng Dương, Nhã Ca, Lệ Hằng ... chỉ sống và viết ở thành thị?

Ngay cả một người viết về nhận định văn học được xem là thuộc lớp mới tiến bộ là Lại Nguyên Ân cũng đã xem nhà văn đô thị là nhà văn “*từng nổi tiếng trong văn học đô thị miền Nam trước 1975*”:

Mười năm trước, lần đầu tới một thành phố miền Trung, tôi đã tò mò muốn hỏi xem tại thành phố này liệu có còn “*nhà văn đô thị*” nào (*nghĩa là nhà văn từng nổi tiếng trong văn học đô thị*

miền Nam trước 1975) sống ở thành phố này không? Một cán bộ trong ngành văn hóa nói với tôi theo cách nói suông sã giữa những người thân quen: “Không còn ai đâu ông, ai không đi tản ra nước ngoài thì cũng đã chạy vào sống ở Sài Gòn rồi. Ông tính, siết con người ta như kiểu tuyên huấn nhà mình thì anh nhà văn cũ nào mà sống nổi ở địa phương?”

(nguồn Internet: Mênh mông chật chội, chật chội mênh mông)

Vâng, nếu hỏi có nền văn học đô thị không, tôi sẽ không ngần ngại trả lời: Có. Đó là vào những năm của thời đệ nhất cộng hòa (từ 1955-1962) lúc mà con quái vật chiến tranh chưa thật sự vỗ chụp miền Nam. Saigon vẫn là nơi dung thân của nhà văn, nhà thơ và nhà nghiên cứu cùng với Báo chí, nhà phát hành, nhà in... Đó là những năm mà Sáng Tạo được mùa. Từ số đầu xuất hiện vào năm 1956 đến số cuối phát hành vào năm 1961 không thấy một từ bom đạn, chết chóc, lửa khói. Trái lại là những cuộc thảo luận văn học nghệ thuật bàn tròn, khi thì 8, khi thì 10, khi thì 12 người. Đông đúc. Náo nhiệt như chợ Tết.

Đến nỗi Mai Thảo đã phải dành trang đầu của số đầu tiên để đội vương miện cho Saigon, gọi nó là thủ đô văn hóa của Việt Nam.

Như vậy, gọi văn học miền Nam là văn học đô thị thì cũng thấy có lý. Trong khi Mai Thảo xem SG là:

Không còn là chân tay, Sài Gòn đã là một trái tim. Những biến cố trọng đại của lịch sử đất nước từ một ngày nào đã chuyển đổi trọng tâm sinh hoạt dân tộc, và Sài Gòn đang phát triển, thay thế cho một Hà-Nội đã tàn lụi, đã nghiêm nhiên biến thành một thứ cứ điểm chính yếu quy tụ mọi thiện chí xây dựng và mọi nỗ lực đóng góp của những hoạt động, văn-hóa hiện hữu, trên mọi ngành mọi mặt...⁽¹⁾

Trong khi đó thì Vũ Hạnh dưới bút danh Cô Phương Thảo, một nhà văn mà sau này chúng ta biết là một đặc công văn hóa nằm vùng cũng vẫn xem đô thị là nơi mà văn học có mặt:

“Giữa các cù lao đô thị, giữa các tường phố cao dày rũ bóng ta gặp những văn nghệ sĩ đang đi. Họ đi về đâu?”⁽²⁾

Có nghĩa là dù hoan hô hay đả đảo, văn học miền Nam trong thời bình vẫn là văn học ở thành thị. Ít có nhà văn nào, ở tận đồng tháp mường hay tuốt trên đỉnh núi Trường sơn, hay một vùng quê hẻo lánh viết bài và gửi về đóng góp. Ví dụ Võ Hồng thì ở Nha Trang. Nguyễn Văn Xuân thì ở Đà Nẵng... Phan Du ở Huế, Quách Tấn ở Nha Trang. Họ đều sông và viết ở thành thị... Sơn Nam viết về nhà quê, nhưng ông vẫn ở ngay tại Saigon viết lách.... Saigon rõ ràng là thủ đô văn hóa. Thành thị, đô thị là nơi trú ẩn của văn học nghệ thuật miền Nam. Độc giả thì cũng vậy. Giới trí thức, có học thì có Sáng Tạo, Hiện Đại, Thế Kỷ 20. Giới ưa chính trị thì có Quan Điểm, Chỉ Đạo. Giới bình dân thì có những tuần báo hay những nhật báo với những truyện ngắn hay truyện dài kiểu feuilleton...

Có nghĩa là người viết và người đọc hầu hết đều ở thành thị.

Lúc bấy giờ, chiến tranh chỉ nghe nói bằng những tin tức không đáng quan tâm. Sáng Tạo vẫn hô hào cổ xúy cho việc làm mới văn học nghệ thuật. Cuộc thảo luận thứ tư đã gây nên nhiều bất bình vì họ đời thanh toán với thể hệ đi trước, bằng cách từ khước văn học tiền chiến. Kẻ đánh mạnh nhất là Vũ Hạnh, dùng bút hiệu Nguyễn Phủ sau đó là Cô Phương Thảo. VH cũng không nương tay một người đã chết: nhà thơ Quách Thoại:

“...Chưa có năm nào - trong khoảng thời gian 6 năm lại đây - nhiều báo văn - nghệ ra đời như thế. Một tờ Sáng Tạo cổ gượng ngoi lên sau lần ngã quy. đem cái cầu kỳ và sự lập dị làm nền giá - trị của mình. Ngoài những cuộc mạn-đàm trong nhóm về các vấn-đề văn - nghệ không dẫn đến đâu - trừ dẫn đến cái giả-tạo của sự sáng tạo - tờ báo còn tự tổ cáo một sự bết-tắc bằng cách phí công phủ nhận văn-nghệ tiền chiến và suy tôn quá đáng một nhà thơ trẻ tầm thường thỉnh thoảng mới tỏ xuất - sắc trong một đôi câu, nhưng nhờ cái chết làm cho tự - ái

của những người khen không bị thương-tổn và nhờ cái chết mà chóng . . . hiển thánh trong một tôn giáo chưa tìm đâu ra thần tượng. ⁽²⁾

Đến nỗi, Mai Thảo phải phản công qua bài viết “Con đường trở thành và tiến tới của nghệ thuật hôm nay” trên *Sáng Tạo* số 6 Bộ mới đầu năm 1961. Chưa bao giờ ông lại dùng những lời lẽ hằn học, nặng nề như thế này:

“Những khuynh hướng mới. tổng hợp thành trào lưu tư tưởng nghệ thuật mới, trào lưu đó đang hình thành rục rờ, đã bắt đầu gây những tác động mãnh liệt xấu rộng trong tâm hồn người sáng tác trong đời sống xã hội, khả năng xây dựng và hủy phá của nó đang tạo thành một đối mới, một đảo lộn chưa từng thấy trong lịch sử nghệ thuật Việt Nam, những khuynh hướng đó có thực là những trạng thái tiêu biểu cho một thứ nghệ thuật vô luân, xa đọa, phản luân lý đạo đức, vong bản, ngoại lai, phản loạn, như bọn bão thủ phản tiến hóa ở đây đang điên cuồng gào thét, đòi tố cáo trước chính quyền, đòi trừng phạt . . . , đòi đền tội trước tiền nhân hay không ? Những khuynh hướng đó có thực là hiện thân của một lớp người vô trách nhiệm, vong bản, lập dị, của những tâm hồn điên loạn, những kẻ vọng ngoại, “hiện sinh” bắt chước vô ý thức một trào lưu nghệ thuật suy đồi Tây phương hay không ? Người ta có thể nhân danh một nhà luân lý của một thứ luân lý nào đó, nhân danh đạo đức của một thứ đạo đức nào đó, nhân danh nghệ thuật (cũng được) của một thứ nghệ thuật nào đó để trả lời có. Và để đi xa hơn, lên án, đòi tố cáo, đòi trừng phạt những khuynh hướng đó như những sản phẩm tinh thần độc hại, những người chủ trương những khuynh hướng đó như những tội phạm chính trị nguy hiểm cho xã hội và chính quyền. ⁽³⁾

Làm sao ông biết VH là một đặc công văn hóa nằm vùng, gia nhập Mặt Trận Giải Phóng vào năm 1960!. Trong lúc đó, chiến tranh bắt đầu gia tăng cường độ. Mức độ xâm nhập người và vũ khí từ miền Bắc vào Nam đến mức quan ngại đến nỗi vào năm 1962, Mỹ bắt đầu dùng thuốc khai quang thả xuống đường mòn HCM. Các toán lực lượng đặc biệt Mỹ bắt đầu huấn luyện những đơn vị người Thượng để chống lại sự xâm nhập của bộ đội Bắc Việt qua ngã cao nguyên. Sỡ dĩ tôi lái qua những tin nóng chằng liên quan đến bài viết về văn học, không ngoài mục đích chứng minh là chiến tranh đã thật sự bủa chụp xuống miền Nam, ảnh hưởng từng đời sống cá nhân nói chung và văn nghệ sĩ nói riêng. Có nghĩa là chiến tranh đã không từ một ai.

Thanh Tâm Tuyên, Tô Thùy Yên, Nguyễn Sa, Du Tử Lê, Doãn Dân, Lê Tất Điều. Thảo Trường, Tạ Ty, Song Linh, Dương Nghiễm Mậu, Viên Linh. Y Uyên. . . kẻ trước người sau bị động viên. Có người thì may mắn được ở lại SG tiếp tục viết văn viết báo như Thanh Tâm Tuyên, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Sa, Tạ Ty. . . Có người phải mang ba lô về nơi heo hút và tử trận như Doãn Dân, Y Uyên, Hoàng Yên Trang, Song Linh. . .

Từ đó, từ 1962, văn học thành thị đã thấy rả rã từng mảng. Trong một bài phỏng vấn của tạp chí Khởi Hành. TTT cho biết ông không làm thơ trong 10 năm. ^(*)

Tuy nhiên chúng tôi đã sưu tầm được hai bài thơ liên quan đến cuộc chiến.

*Trời còn đêm nay còn mãi mãi
Sao như lệ ướt chưa muốn rơi
Anh ném hồn dong ngoài bãi trận
Mai Hoa Mai Hoa em*

(Tặng Phẩm)

.....

*Trong hang động vô cùng rét lạnh và cô đơn
Lô cốt thả neo giữa không trung
Trái phá nổ ngậm miệt rừng chồi, hàng dừa nước ven sông ứa sấp tới
Anh bảo: Đừng ngủ em, chống mắt lên, chờ kẻ địch*

*Đừng ngủ em, trời sắp sáng, đừng ngủ em
Anh trở xuống lần vào đám cao ướt sắc vượt đầu
Và lại nghe khúc hát mỏng như tơ sợi rét dăng ngang mặt
- Em ơi, em ơi, ngồi đây anh nhớ em.*

(Tuần gác – Văn số 18-1964 – chủ đề thơ văn Có Lửa)

Chúng tôi xin đăng lại Phần Mục Lục của số báo Văn quan trọng này:



Bìa của tạp chí Văn số 18 chủ đề
“*Thơ văn có lửa*” vào ngày 18-9-1964

- Nguyễn Quang Hiến **SỰ ANH HÙNG CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐANG SỐNG** 2
- Hoàng Yên Trang **MỘT LẦN THÔI CŨNG ĐỦ** 6
- Thế Uyên **VẤN ĐỀ** 7
- Thanh Tâm Tuyên **TUẦN GÁC** 15
- Tạ Ty **ĐỒN C.K.** 17
- Hữu Phương **MÙA BIỂN ĐỘNG** 34
- Hoàng Ngọc Liên **MỮ ĐỎ TRỜI XANH** 40
- Thảo Trường **DỌC ĐƯỜNG** 41
- Tường Linh **NIỀM VUI HÔM NAY** 51
- Phan Lạc Tiếp **NHỮNG NGÓN TAY CỦA BIỂN** 53
- Thái Tú Hạp **LÒNG MẸ** 59
- Duy Lam **NỖI CHẾT KHÔNG RỜI** 61
- Du Tử Lê **TÂM SỰ NGƯỜI LÊN MẶT TRẬN** 71
- Thanh Đào **GIẤC HỒ** 72
- Đỗ Thúc Vịnh **NƯỚC ĐỒ LƯỢNG ĐÈO** 73
- J. D. Salinger Trần Đình Phong dịch **TẶNG NÀNG ESMÉ, VỚI TÌNH YÊU VÀ LÒNG ĐỀ TIỆN**
- H.L. Nguyễn Trần **HOÀNG HÔN CHIẾN ĐỊA** 112
- Nguyễn Vũ **THƯ CON PHƯƠNG XA** 113
- Dương Nghiễm Mậu **ĐÊM TÓC RỐI** 115

Bạn tìm thử xem: Văn học đô thị ở chỗ nào? Tạ Ty viết về đồn bót. Thảo Trường ghi lại những dặm đường hành quân. Du Tử Lê thì nói hộ dùm những người lên mặt trận. Phan Lạc Tiếp thì mang chiến hạm, biển cả, và bắt trắc vào văn chương. Văn học đô thị ở chỗ nào chứ?

Có thể nói, bìa của tạp chí Văn số 18 này là tấm cáo phó cho một giọng văn học mà phía miền Bắc quen gọi là văn học đô thị bắt đầu từ 1955 và chấm dứt vào 1962. 7 năm có lẽ. Chiến tranh đã tạo nên một thế hệ khác tiếp nối, nhưng cũng tạo nên một giọng văn học khác, lầy lừng, và tấp nập vô cùng.

Sự đóng góp của thể hệ chiến tranh thật sự là to lớn và hùng vĩ. Trong khi nhà thơ Thanh Tâm Tuyên thú nhận là trong vòng 10 năm sau năm 1959, ông không làm một bài thơ nào thì chúng tôi đã sưu tầm vào khoảng 400 nhà thơ trong thời chiến, mà các sáng tác của họ đều xuất hiện trên các tạp chí thời danh bấy giờ! ⁽⁴⁾

Qua thư mục online của Thư viện trường đại học Khoa học Xã Hội và Nhân văn TP HCM (tức Đại học Văn Khoa cũ) tôi đã thực hiện một bảng thống kê về số lượng đóng góp cho văn học thời chiến từ năm 1964 đến năm 1975 của một số tác giả tiêu biểu: ba người đã xuất hiện trong thời Sáng Tạo là Thanh Tâm Tuyên, Tô Thùy Yên:

THANH TÂM TUYỀN

1. Thơ tình / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1972. – Số 210. – Tr. 2 – 6. – 5.
2. Thơ mừng năm tuổi / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1972 Số 199. – Tr. 73 – 79. – 7.
3. Anh đã đọc thẳng kinh chưa / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1970 Số 236. – Tr. 21 – 24. – 4.
4. Thảm nhũ / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1969. – Số 0. – Tr. 87 – 90. – 4.
5. Khúc thánng chạp / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1972. – Số 0. – Tr. 69 – 70. – 2.
6. Ngựa tía / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1969 Số 130. – Tr. 27 – 30. – 4.
7. Giới hạn / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1966. – Số 62. – Tr. 71 – 77. – 7.
8. Sáng chiều / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1970 Số 166. – Tr. 51 – 58. – 8.
9. Bọn ngọc / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1966 Số 135. – Tr. 94 – 97. – 4.
10. Ca tụng già vượng / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1970 Số 236. – Tr. 5 – 7. – 3.
11. Đêm gió / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1972 Số 193. – Tr. 13 – 20. – 8.
12. Phòng thủ / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1972. – Số 0. – Tr. 87 – 95. – 9.
13. Thời kỳ ca dao / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1970 Số 151. – Tr. 3 – 10. – 8.
14. Thơ mừng năm tuổi: Tết cao nguyên của đạo khò / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1972 Số 200. – Tr. 71 – 79. – 9.
15. Bóng chiếc / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1972. – Số 0. – Tr. 69 – 75. – 7.
16. Nghĩ về Thành Cát Tư Hãn, cái cờ của Vũ Khắc Khoan / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1973 Số 233. – Tr. 1 – 12. – 12.
17. Cuộc gặp gỡ / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1965. – Số 26. – Tr. 93 – 109. – 17.
18. Tuần gác / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1964. – Số 18. – Tr. 15 – 16. – 2.
19. Người gác cổng / Thanh Tâm Tuyên// Văn. – 1964. – Số 2. – Tr. 87 – 97. – 11.

TÔ THUYỀN

1. Trường Sa hành - *Tô Thùy Yên* (Văn. – 1970 Số 236)
2. Qua sông *Tô Thùy Yên* (Văn. – 1971 Số 190)
3. Tưởng tượng ta về nơi bản trạch : Quỷ xướng thi / Tô Thùy Yên// Văn. – 1972. – Số 207.
4. Hề, ta trở lại gian nhà cỏ : Quỷ xướng thi / Tô Thùy Yên// Văn. – 1972. – Số 207.
5. Chuyện tình người lỡ vận / Tô Thùy Yên// Văn. – 1971 Số 188.
6. Đấng tử / Tô Thùy Yên// Văn. – 1971 Số 190. .
7. Mòn gót chân sương nắng tháng năm / Tô Thùy Yên// Văn. – 1972. – Số 209.
8. Anh hùng tận / Tô Thùy Yên// Văn. – 1971 Số 190. – Tr. 57 – 58. – 2.
9. Nỗi kiên tâm / Tô Thùy Yên// Văn. – 1972. – Số 0. – Tr. 119 – 127. – 9.
10. Bất tận nỗi đời hung hãn đó... / Tô Thùy Yên// Văn. – 1972. – Số 208. – .
11. Chim bay biển Bắc / Tô Thùy Yên// Văn. – 1970 Số 208.
12. Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai : Quỷ xướng thi / Tô Thùy Yên// Văn. – 1972. – Số 207.
13. Bài ca lý của người cuồng sĩ : Quỷ xướng thi / Tô Thùy Yên// Văn. – 1972. – Số 207.
14. Ba trăm năm, lịch sử làm thình : Quỷ xướng thi / Tô Thùy Yên// Văn. – 1972. – Số 207.
15. Trời mưa đêm xa nhà / Tô – Thùy – Yên// Văn. – 1965. – Số 44.

NGUYỄN SA

1. ý thức và nghệ thuật / Nguyễn Sa, Trần Bích Lan// Văn học. – 1965. – Số 42
2. Cắt tóc ăn tết / Nguyễn Sa// Văn học. – 1966. – Số 54.
3. Viết về Duyên Anh / Nguyễn Sa// Văn học. – 1972. – Số 149.
4. Vết đạn / Nguyễn Sa// Văn học. – 1964. – Số 30..
5. Tạp chí văn chương năm nay / Nguyễn Sa// Nghiên cứu văn học. – 1971. – Số 6. –
6. Mười sáu Nguyễn Du / Nguyễn Sa// Nghiên cứu văn học. – 1967. – Số 0.
7. Descartes những ngày tuổi trẻ / Nguyễn Sa// Văn học. – 1970. – Số 10.
8. Descarcarles những ngày tuổi trẻ / Nguyễn Sa// Nghiên cứu văn học. – 1967.
9. Tình trạng tạp chí văn chương năm nay / Nguyễn Sa// Nghiên cứu văn học..
10. Đề tài và tác phẩm / Nguyễn Sa// Văn học. – 1965 Số 38
11. Tình trạng tạp chí văn chương năm nay / Nguyễn Sa// Nghiên cứu văn học. 1971 – Số 7.
12. ý thức và nghệ thuật / Nguyễn Sa, Trần Bích Lan// Văn học. – 1965. – Số 43
13. Lời năn nỉ / Nguyễn Sa// Tập san Văn. – 1966. – Số 49 + 50.
14. Vết đạn / Nguyễn Sa// Văn học. – 1964. – Số 29.
15. Cơn mưa mùa hạ / Nguyễn Sa// Văn học. – 1965. – Số 38.
16. Lời dặn bản thân / Nguyễn Sa// Tập san Văn. – 1966. – Số 52.
17. Xin lỗi về những nhầm lẫn dĩ vãng / Nguyễn Sa// Văn học. – 1967. – Số 79..
18. Một đoạn thư gửi Vũ Hoàng Chương / Nguyễn Sa// Văn học. – 1969. – Số 97..
19. Vết sẹo / Nguyễn Sa// Nghiên cứu văn học. – 1971. – Số 1. -
20. Phần thưởng / Nguyễn Sa// Văn học. – 1966. – Số 60.
21. Kỷ niệm, ban đêm và cà – phê / Nguyễn Sa// Văn học. – 1964. – Số 20..
22. Hỏi thăm Saigon / Nguyễn Sa// Văn học. – 1969. – Số 91.
23. Đóng cửa / Nguyễn Sa// Văn học. – 1966. – Số 53.
24. Hòa châu và huyền thoại / Nguyễn Sa// Văn. – 1965. – Số 26..
25. Chuyển khởi hành của Luân / Nguyễn Sa// Văn. – 1965. – Số 26.
26. Bao giờ / Nguyễn Sa// Văn. – 1965. – Số 42.
27. Dặn vợ sắp cưới / Nguyễn Sa// Văn. – 1965. – Số 38.
28. Định mệnh chân dài / Nguyễn sa// Văn. – 1964. – Số 16..
29. Tám phố Saigon / Nguyễn Sa// Văn. – 1964. – Số 3. .
30. Khái niệm thẩm mỹ học / Nguyễn Sa// Văn. – 1964. – Số 16.

Và 3 tác giả thuộc thế hệ chiến tranh là Luân Hoán, Mùng Mán và Trần Hoài Thư.

Cả ba đều mang bộ đồ lính. Luân Hoán phục vụ tại Sư đoàn 2, bàn chân trái bị mìn phải cưa. Mùng Mán thì Sư đoàn 1 BB tại Thừa Thiên. Và THT thì phục vụ tại một đơn vị thám kích sư đoàn 22 BB tại Bình Định. Để xem sức sáng tác của họ như thế nào:

(...)

Thống kê trên đã chứng minh về sự đóng góp rất lớn lao của những người viết trẻ mà đại đa số đều sống và viết ngoài vòng đai saigon. Họ đã viết trong hoàn cảnh và điều kiện như thế này. Vậy mà sức sáng tác của họ quả thật kinh khủng!

“...Vâng, hãy cho tôi trở về cùng những ngày tháng cũ. Chiếc bè đã đưa tôi vào dòng văn chương không phải đẹp và dịu dàng như một giấc mơ. Mà trái lại, văn chương bấy giờ là văn chương của lửa, lệ, và những gào thét, tra vấn, tử sinh. Văn chương bấy giờ là những ngày đêm trong lòng hỏa ngục, là những vết thương toé máu đờn đau, là tiếng kêu trầm thống của một thế hệ mà, nói theo ý Tolstoi, chỉ những ông già bụng phệ ký giấy tuyên chiến, còn phần chết thì dành cho bọn thanh niên. Nó là văn chương mà yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là

ghét, chứ không phải từ cửa miệng đầu môi của những lãnh tụ, đồ tể chiến tranh, hay từ những môi miệng tuyên truyền tâm lý chiến. Đó là văn chương đích thật, bởi vì từng hơi thở, từng giọt lệ, từng cay đắng, thù hận, từng nỗi buồn rầu già trước tuổi đã cấy đã hằn theo từng chữ. Chúng tôi tự hào đã nói tất cả những gì chúng tôi muốn nói, muốn nghĩ, muốn tra vấn. Chúng tôi đã tạo nên những trận sấm sét phá sập nền văn chương tháp ngà. Chất liệu văn chương của chúng tôi không phải là từ đơn đặt hàng của chế độ, hay những món hàng làm dáng du nhập từ ngoại quốc mà là sự thật bằng trái phá, bằng mồ mả oan khiên, bằng những người như chúng tôi bị nướng thiêu trong lò lửa chiến tranh...” (**)

Hay:

“Tôi đang nằm viết trong đêm. Nơi Xóm Cảnh Đền. Hòa châu thoi thóp từ một đồn bót nào trong lãnh thổ Kiên Long [Kiến Phong.] Con rồng lửa đang phun những cầu vồng đạn lửa đỏ từ trên trời xuống một trận địa. Một đơn vị bạn nào đang chạm địch đâu đây? Nhìn qua mùng dưới ánh đèn bấm chập chờn. Muối từng đàn đậu đen như thóc và bay liệng lao xao...”

Người viết thư này là nhà văn Song Linh, từng có bài đăng trên Sáng Tạo. Đoạn này được trích từ một bài đăng trên KH số 42, 1970. Sau đó, tác giả tử trận ngày 24.1.1970. (**)

Như vậy, loại văn chương được viết trên ban lô, trên thùng đạn pháo binh, trên bao cát phòng thủ, dưới hầm ẩn trú, là loại văn học gì? Có phải là văn học đô thị?

(1) Mai Thảo – Saigon thủ đô văn hóa VN. Sáng Tạo số 1 tháng 10-1956

(2) Cô Phương Thảo: Tình hình văn nghệ trong năm 1960, Bách Khoa số 97 15/1/1961)

(3) Mai Thảo: Con đường trở thành và tiến tới của nghệ thuật hôm nay, Sáng Tạo số 6 (bộ mới) tháng 12 -1960 & tháng 1-1961

(có thể đọc bản chụp gốc trên Blog: <http://tranhoaitux.wordpress.com> trong category: Sang tao)

(4) Bộ Thơ miền Nam trong thời chiến gồm 5 tập do Thư Ấn Quán xb vào năm 2009, tổng cộng khoảng 400 nhà thơ.

(*) Trong tạp bút “Âm Bản” đăng trên tạp chí Khởi Hành, nhà thơ Thanh Tâm Tuyên thú nhận: “Đã lâu lắm tôi không làm thơ. Có đến mười năm. Tập thơ cuối cùng đã làm hồi 59-60...” (tạp chí Khởi Hành số 51, năm 1970).

(**) Trần Hoài Thư – Đại đội cũ & Trang sách cũ, Thư Ấn Quán xuất bản 2009

(***) Viên Linh: Tuổi Trẻ Trong Thơ Văn Miền Nam Những Năm '69, '70, nguồn: Internet.

Phụ đính :



Chùm thơ Trần Hoài Thư

Trước giờ tiếp viện

Trần Hoài Thư là một tác giả quen thuộc đối với độc giả miền nam trước 1975 và độc giả hải ngoại sau 1975. Là một sĩ quan trong quân đội miền nam, Trần Hoài Thư đã từng trải qua những giờ phút kinh hoàng của chiến tranh. Do vậy phần lớn các tác phẩm của ông gắn chặt với đề tài chiến tranh. Bài thơ Trước giờ tiếp viện được ông viết trong thời gian ông làm trung đội trưởng một đơn vị thám kích đóng Ở Bình Định. Bài thơ ghi lại tâm trạng của ông trước giờ ra trận.

Nửa đêm keng giục, quân ra trận
Kinh động cả lòng đêm tối bưng
Nhận lấy ba ngày cơm gạo sậy
Không buồn chỉ một chút băng khuâng
Đời ta là con số không vô tận
May trên đầu còn chiếc mũ rừng
Mũ nhẹ nên coi đời cũng nhẹ
Chiến tranh. Thì cũng tựa phù vân
Người lính sao anh còn ngái ngủ
Anh có lo gì một chuyến đi
Anh có mang theo lòng thống hận
Hay là cái nghiệp buổi sinh ly
Anh có buồn không, giữa cõi đêm
Mỗi lần xuống núi, về mộng mệnh
Lên xe, bỏ lại đời thiên cổ
Bỏ trại gia binh lạnh ánh đèn
Thì đi, lầm lủi đi vô định
Ở cuối trời kia, vẫn cuộc chơi
Hỏi ông thượng sĩ Nùng, xin rượu
Cổ lai chinh chiến, kỷ nhân hồi ...

Ô cửa

Ngôi trường cũ có bao nhiêu ô cửa
Để tôi về đếm những đám mây
Tôi sẽ gọi một bầy chim sẻ nhỏ
Những con chim từ xa vắng lạc bầy
Tôi sẽ đứng như một người thiên cổ
Lớp học buồn, như từ cõi cô đơn
Thầy ngồi đó, đôi vai gầy tóc bạc
Chút ngậm ngùi, cơn nắng đọng hoàng hôn
Tôi sẽ về để biết mình bé dại
Hôm nào đây, chạy đuổi cuộc hành trình
Sông núi ấy, hai bên bờ ngăn trở
Đứa nào còn, nào mất giữa đao binh
Tôi sẽ nhớ một người tôi yêu dấu
Người nào đâu, về lại buổi hôm qua
Dấu chân nhỏ như vết hài vạn cổ
Đôi mắt nào theo mãi cuộc đời ta

Tôi sẽ nghe những hồi chuông lễ sớm
Đứng bên cầu tôi sẽ đợi chờ ai
Trong sương muối, người còn mang áo trắng
Trắng cả vùng trời, trắng cả đời trai
Tôi cũng hiểu rồi cuối cùng, thua lỗ
Khi bỏ trường tôi ra đứng bờ sông
Người bên ấy đang đợi thuyền ghé bến
Tôi bên này, mưa bắc lạnh căm căm
Dù dối lòng như cuộc đời chàng Dũng
Vì đám mây bên ô cửa gọi mời
Tôi bỏ xứ lao đầu vào binh lửa
Coi cuộc đời như một chuyện rong chơi
Và người ấy qua dòng sông sương muối
Tôi lên rừng theo dòng thác binh đao
Và người ấy theo sông về biển lớn
Tôi tội tù trả nợ kiếp bò trâu
Giờ thiếu phụ đã nằm trong lòng biển
Tôi về Đông, về Bắc, biết về đâu
Trăng thiếu phụ tôi mang vào song cửa
Cho một lần, cho vô tận thiên thu

Những ngày ở Bi Đông

Nơi anh đứng chung quanh là biển
Bên kia thâm thẳm một khu rừng
Biển với rừng phong tỏa cả Bi Đông
Làm sao em biết anh vẫn còn sống sót
Làm sao em biết khi anh mừng quá sức
Là khi phải òa như muốn khóc tủi thân
Làm một đời người mệt lả, phải không
Muốn dừng lại mà lần roi cứ quất
Nơi anh đứng, cả vạn người chen chúc
Cả vạn linh hồn, vừa thoát tử sinh
Cả vạn linh hồn bỏ lại sau lưng
Cả vạn linh hồn van xin sự sống
Nơi anh đứng, những mảnh đời lạc tấp
Như những mảnh thuyền trôi tả tạt trôi
Bi đông, Bi đông, ngày quá dài và đêm quá lâu
Anh sẽ làm gì, khi đời khánh tận
Khi anh chỉ là một tên bại trận
Giữa lúc loài người phong cho bốn chữ
sứ giả tự do

Đời xưa

Trở về đây. Tôi trở về đây
Đời xưa tôi gọi đời không hay
Ai đi bỏ lại hoàng hôn lạnh

Đỏ ối đời xưa ôm lấy mây

Tôi qua Phù Cũ, qua cầu sắt
Miếng vãi cầu rên nghiêng bánh lăn
Những chuyến xe đi về mặt trận
Ngủ ngồi đợi một chuyến ra quân

Tôi qua đèo xám mây mờ núi
Thương về đâu một lũ sáo rừng
Hôm qua đời ngập hàng trăm xác
Đạn pháo đào sâu bãi chiến trường

Có ai như thể thằng bạn cũ
Gọi máy về nhắc chuyện chị em
Chửi thề mấy tiếng trong tầm pháo
Thế hệ sinh làm thuở rồi ren

Có ai như thể người binh Thượng
Ngồi khom trên bờ đá thổi khèn
Hôm qua có những hồn ma lẻ
Lạc tìm về buồn bản cao nguyên

Có ai dưới lớp mờ hoang dã
Nằm xuôi chân mắt mở trợn trừng
Chiều nay sao mọc về phương bắc
Sao ruột lòng vắt đỏ phương nam

Cỏ tranh lớp lớp che đường dốc
Phòng tuyến buồn hiu nhuộm nắng chiều
Trận đánh cũng đi vào quên lãng
Sao còn rờn rợn những hồn xiêu...

Từ buổi ra về

Từ buổi ra về sao xuyên mãi
Một vầng trăng lạnh, một giòng sông
Giòng sông một nhánh mà hai ngã
Trăng lạnh tìm đâu để tạ lòng
Vườn em cây lá xanh chiêm mộng
Cải trở bông vàng, cuối chạp đông
Tháng chạp lợi sông còn lạnh rét
Mà trong hồn ấm cả mùa xuân
Anh bạn, chờ tôi thêm lát nữa
Để tôi còn đốt sợi chiêm bao
Tôi có một người em gái nhỏ
Đôi mắt nàng sáng cả hồ sao
Đừng nhắc đêm nay nằm nghĩa địa
Tôi còn vài phút để tôi mơ
Một giàn hoa giấy bên bờ đậu
Và người yêu, xinh đẹp lạ thường

Như vậy, tôi chỉ còn năm phút
Trời chưa vào tối, chỉ hoàng hôn
Hãy để tôi nhìn lên đôi mắt
Trước khi chia chát với âm hồn
Tôi đang níu lại, đang ghì lại
Mà hai chân vẫn chạy vẫn đi
Bỏ người con gái làng Tân Ngãi
Bỏ cánh hoa quê tuổi dậy thì
Tôi bỏ dấu chân về với cát
Bỏ mênh mông về cõi mênh mông
Bỏ những đau thương và nước mắt
Nhưng làm sao bỏ được dòng sông
Trời ơi thềm lấm, lên đồi cũ
Xem thử bên sông, khói lũng chiều
Xem thử nhà ai bông cải chạp
Có vàng như màu áo người yêu
Bây giờ tôi ở xa ngàn dặm
Xứ của muôn hoa đẹp tuyệt vời
Nhưng có hoa nào là vĩnh cửu
Có hoa nào yêu dấu đời tôi ?

Bông Châu Thổ

*Vươn giữa Trời châu thổ
Tuyệt vời những loài bông
Vươn giữa miền lụy khổ
Dịu dàng hoa từ tâm*

*Bông vàng như diên điển
Bông trắng như súng đồng
Miền Tây ơi vương trạch
Đất và người bao dung*

*Tôi là tên Lĩnh trận
Giày vệt khắp đồng bằng
Ngày dừng quân xóm nhỏ
Điên điển vàng rộ sân*

*Mẹ vo nồi gạo trắng
Em ra vườn hái bông
Nồi canh chua diên điển
Ấm chút tình non sông*

*Giờ tôi tù gánh củi
Qua vườn xưa nhà Em.
Vẫn mùa bông diên điển
Sao cả Trời buồn tênh*

*Mẹ ngồi nhìn ra cửa
Tóc bạc mỗi mơn trông*

*Em đâu rồi hỡi Mẹ
Gió chuyển mùa lập Đông.*

Với Quy Nhơn

*"... Bởi vậy tôi về nằm ngay cửa phố
Bên cây xăng ông Tề nhìn ra đầm
Tôi nói rằng tôi yêu Quy Nhơn bao nhiêu
Nên tôi điên rồ chạy đâu chạy trước
Tôi biết rằng khi xa Quy Nhơn chắc khóc
Nên tôi càng tha thiết với Quy Nhơn
Và khi máu mình đổ xuống mặt đường
Tôi mang chiến thương tạ tình thành phố..."*

Mùa nước lớn ở Trà Tiên

Bốn năm ở Trà Tiên
Tràm xanh mờ lên mắt
Mênh mông đầm lau lách
Bèo lớp lớp ngụy trang
Mùa mưa nước từ bưng
Theo kênh ào ra cửa
Rừng tràm như hoang đảo
Chỉ thấy nước mênh mông
Chỉ thấy đám tù nhân
Ngóp ngoi cùng nước lũ
Chỉ thấy trên Núi Sọ
Từ phía Làng Nhà Chung
Chiếc thập tự trăm năm...
Nhìn trần gian bi lụy...

Đêm vượt sông

Dòng sông phân tranh hai vùng thù nghịch
Đêm xuống đòi gập con nước nổi
Súng đưa khỏi đầu
Từng con một vượt sông...

Rồi, trước khi trèo ngọn Kỳ Sơn
Anh lạc trên cánh đồng trăng mênh mông
Không biết nơi nào là cõi dữ
Trên đôi vai anh nặng nề lịch sử
May mà còn em
vàng trắng mười sáu
anh giữ
ở đáy ba lô

Quán sớm

Quán sớm, cô hàng nhăn nếp lụa
Tóc còn vương vít lòng chiếu chắn
Nước sôi reo âm gian nhà chật
Bếp lửa hồng gió tạt mùa đông

Gọi cốc cà phê un khói gió
Mấy thằng râu tóc chụm thanh xuân
Vách trống, sát vào nhau đỡ lạnh
Trời ngoài kia, sương phủ mệnh mông

Năm giờ thành phố còn yên lặng
Những chuyến xe đò run rẩy qua
Con đường sương phủ hai hàng nền
Những nhánh cây khô đụng mái nhà

Năm giờ, hết phép chờ xe hốt
Từ biệt cô, từ biệt bạn bè
Từ biệt một ngày trai phóng đấng
Mai về trên ấy thiếu cà phê...

Tuổi ấu thời tôi ở Nha Trang

Tuổi ấu thời tôi ngang dọc Nha Trang
Như con đế mèn ham vui bỏ mẹ
Da tôi sạm đen ngâm hoài nước bể
Tóc hoe vàng vì nắng lửa Rừng Dương
Hồn tôi xanh, xanh rau muống Sinh Trung
Mất dư dật, mây Hà Ra Xóm Bóng
Tôi lêu lổng cùng những con khúm núm
Bởi vì Nha Trang vô hạn trò vui
Mùa hè, trên tôi, nắng lửa mặt trời
Tôi chạy mãi, hai chân trần bỏng cháy
Tôi đùa mãi, cả mùa hè năm ấy
Tìm bắt hoài, con khúm núm lủi sâu
Tôi đuổi hoài chú nhông đất đủ màu
Con chim núi cũng phải giật mình bỏ trốn
Dưới cầu Hà Ra, tôi nhào tôi lộn
Mùa vui tôi, dư dật lộc Nha Trang

Mấy mươi năm rồi, tôi không về thăm
Cơn sóng biển đã trở thành sóng nhớ
Nha trang ơi trái bàng khô vỏ
Đi đâu rồi cũng thương nhớ Nha Trang

Thu xa người

Một người đi phương Bắc
Một người về phương Nam
Lá rừng thu chưa vàng
Sao nghe buồn vời vợi
Một người đi để lại
Một người về lại mang
Mang gì, một mùi hương
Quyện trong từng mắc xích
Người đi về dưới đó
Ta đi lên trên này
Mùa thu lá chưa bay
Mà đau thêm nội cỏ
Rừng lá vàng, tía, đỏ
Phiêu du, hề phiêu du
Mùa thu ơì mùa thu
Ta trở về chốn cũ
Cầu xưa dài vô tận
Gió lọt lộng đầy xe
Sợi tóc người hôm qua
Mùi hương người bỏ đó
Chờ ai, chờ ai đấy ?
Mà sàu lên rừng cây
Mùa thu lá chưa bay
Mà hồn ta heo may

Huy chương

Khi ông già hỏi vợ cho anh
Nhấn thêm một câu nhờ em kèm kẹp
Anh bèn xuống thành, nhìn con gái đẹp
Thôi già từ mi nhé, đợc thân !
Thôi già từ những ngày tháng lông bông
Những cốc rượu đêm không bao giờ cho hết
Những bữa đói, bữa no, mà vui như tết
Những ngày hồng, ngày xám, cũng chia tay
Thôi già từ, lũ bạn chiều nay
Tự nguyện ra toà ký vào bản án
Giã từ nhé, môi son và má phấn
Những vĩa hè, những đường phố lê la
Ngày đầu tiên, vì yêu em, anh ngu
Không biết chiếc còng có con số tám
Không biết bên anh có nàng cảnh sát
Dang rộng tay mời vào cửa chung thân
Như vậy mà anh đã ở tù mấy mươi năm
Em vẫn theo anh,
không rời một bước
Em vẫn theo anh
khổ đau vui buồn hạnh phúc

Em học trường nào ghê gớm vậy em
Nhân danh ông toà tặng em huy chương ...

Eo chết

Địch cho trung đội qua eo chết
Hai bên sườn, đại liên đan nhau
Nổ. Nổ dòn.
Đất đá kêu đau
Sủi bọt,
Khói bốc lên,
Bốn bề dội vào vách xám
Một hai ba, lộn, nằm co quắp
Còn lại, vẫn ào lên, ào lên
Đừng bò! đừng bò!
Trung đội phó hét cuồng điên
Cỏ tranh bắt mỗi chày mạnh
Gió tạt, khói mù
Bốn bề khói rợp
Xé cay trên cặp mắt nở tròn
Khắp bốn bề gào thét xung phong

Cao điểm chiếm rồi
Vui mừng quá độ
Mà sao, người truyền tin rơi lệ
Báo cáo trong tiếng mất tiếng còn
Về những thằng
bị kiến cắn ngủ yên(1)

(1): tử trận

Từ biệt núi rừng

Trở lại đồng bằng xa núi thẳm
Dầm mưa Đồng Tháp nhớ Trường Sơn
Qua sông điên điển vàng bên rạch
Lại nhớ về mùa hoa Đơn Dương
Từ biệt núi rừng, vùng đất khổ
Những ngày bùn đỏ bám giày saut
Mà sao lại nhớ, cơn mưa nhỏ
Ướt tóc mềm người em Buôn Hồ
Trở lại đồng bằng, không dám nhớ
Những hầm những hố những đêm đen
Mà sao vẫn nhớ nồi cơm sống
Khói bốc cay nồng buổi đóng quân
Từ biệt núi rừng không dám nghĩ
Những rừng cháy đỏ, những đồi ma
Mà sao cứ nhớ chùm lan dại
Giữa bãi hoang tàn vẫn nở hoa

Thôi nhé Trường Sơn xin bỏ lại
Ta về châu thổ lội qua Miên
Bỏ lại trên vai hòn núi nặng
Cho những bạn bè đồng đội anh em

Đêm từ biệt Việt Nam

Lăn chiếc phuy dầu lên cá lớn
Trời ơi, ta từ biệt Việt Nam
Việt Nam. Đêm ấy đêm trừ tịch
Có những con người lại cách ngăn
Chào những đường thân, những lối quen
Những hàng cây rũ lá bên thềm
Chào cây cầu đá qua thành phố
Chào những bờ hiên, những cột đèn
Chào ai, lằm lũi trong đêm lạnh
Cơn gió giao mùa chớm lá xuân
Người về cho kịp đêm đoàn tụ
Ai lại lên đường. Ai lặng câm
Vấn biết lần đi là bỏ hết
Là phủ tay. Cháy túi. Sạch trơn
Quay nhìn lại: Em còn bóng nhỏ
Ngọn đèn vàng lạnh một dòng sông
Về đi. Em nhớ đừng ôm mặt
Rồi thấp giùm anh một nén nhang
Con có hỏi anh. Em hãy chỉ
Mây dịu dàng trôi giữa mênh mông
Về đi để tiếp đời cô phụ
Tiếp mảnh hồn khô héo nhớ nhung
Mai mòng Một, cắn răng đừng nấc
May cuộc đời tươi đẹp mùa xuân
Về đi để trả bài ma quỷ
Những đau thương cảm nín chất chồng
Em hãy lấy ngày này giỗ kỹ
Một ngày nào chim đã bắt tằm
Về đi, kéo máy tàu đã nổ
Như những người ôm ngực con tim
Trong khoang chật, nghe chùng nín thở
Anh hùng đâu. Một nỗi lặng thinh
Gió trừ tịch hú dài Bãi Giá
Đập mạn thuyền, sóng vỗ buồn tênh
Đêm vượt thoát ai ngồi nín thở
Cả quê nhà, mờ nhạt hai bên
Lăn chiếc phuy dầu lên cá lớn
Trời ơi, ta từ biệt Việt Nam
Việt Nam. Một vệt mờ xa thẳm
Một chút rưng rưng bật xé lòng
Việt Nam. Tối quá, không đèn lửa
Ta ở trên thuyền ngực vỡ toang

Một nỗi buồn như đông đặc lại
Một nỗi vui oà vỡ cả hồn
Là lúc biết mình như thoát nạn
Sáng chân trời, hồng rực vàng dương
Là lúc, thấy mình như bất hạnh
Sắp làm người không có quê hương
Là lúc lòng đứng đưng chờ đợi
Nỗi đứng đưng buồn bã lạ lùng
Như thể trong một trời chuyển động
Một giọt sương cô độc tận cùng

Cho con ngày vào trường thuốc

Năm con lên một tuổi
Ba trâu ngựa trong rừng
Ngày bè tràm đồn củi
Ngày lợp nhà đào kinh
Năm con lên bốn tuổi
Ba bỏ nhà ra đi
(Nhà đâu còn mà ở
Quê đâu nữa mà về)
Nhìn con yên giấc ngủ
Ba hôn. Lòng tái tê
Ngày con lên năm tuổi
Con bỏ bà ngoại già
Bỏ bạn bè xóm cũ
Xuống thuyền đi tìm ba
Tìm ba khi bão dậy
Tìm ba khi sóng gào
Tìm ba trời chớp lửa
Khi đêm không vì sao
Tìm ba, con run rẩy
Tìm ba, mẹ cuống cuống
Tìm ba, mẹ quì lạy
Thằng cướp đừng bắt con
Năm con lên sáu tuổi
Mẹ dẫn con đến trường
Mẹ đứng ngoài hiên cửa
Lá vàng rơi trên sân
Con ngác ngơ cõi lạ
Bạn nhỏ đã mù tằm
Nói gì con không hiểu
Cả ngày con lặng câm
Và mỗi năm, mỗi năm
Lá vàng rơi trên sân
Mẹ đứng ngoài hiên cửa
Nhìn con ngày lớn khôn
Giờ con vào trường thuốc
Mẹ ba vẫn trường đời
Sáng dây chuyền mệt mỏi

Chiều trong shop mồ hôi
Ngày lạc loài đất khách
Đêm mênh mông quê người
May còn niềm hãnh diện
Thấy con nay nên người

Ngày gặp bạn cũ

Những thằng bạn buổi hôm nào áo trận
Thoắt giờ đây: tóc đã điểm hoa râm
Khi gặp lại từ phương này quả đất
Chợt nhìn lên: giờ vàng trán đã nhăn
Trong đôi mắt mỗi mê cùng cơn áo
Có chút gì phảng phất của quê hương
Mây Đèo Cả như hôm nào dừng lại
Chiều Pleiku như buổi nọ mù sương
Thấy như thể trời Bồng Sơn mưa đổ
Chiều cuối năm quân chuyển xuống Đèo Nhông
Đường xe lửa ai ngồi chầm điệu thuốc
Áo tơi dầu che khuất dãy Cù Mông
Thấy như thể lon Guigoz cam khổ
Chút đồ ăn còn trộn với tử sinh
Nhai hối hả kíp xuống đồi đột kích
Mưa xóa dầm dề khu trại gia binh
Thấy như thể đêm qua về quận lý
Vài ba thằng trải chiếu dưới đêm trăng
Dầm trái ổi và bi đông rượu đế
Con cá khô thiều chia chút tình thân
Thấy như thể mồ hôi và nước mắt
Mặn và đau từ núi nọ rừng kia
Qua An Lão mà tao còn gọi máy
Về Phù Ly hai đứa lại xa lìa
Thấy trở lại những chuyện đời dâu bể
Hôm nào đây miệng hò hết xung phong
Trong chớp mắt, cả cơ đồ sụp đổ
Buồn gì không hỡi thể hệ long đong
Thằng ra Bắc, kêu thầy, thầy bỏ xứ
Thằng vào Nam, gọi bạn, bạn lưu vong
Sông núi ấy bao hồn ma trở dậy
Kéo nhau về, kêu thăm một mùa xuân
Những thằng bạn buổi hôm nào áo trận
Thoắt giờ đây, tóc đã điểm hoa râm
Khi gặp lại từ phương trời viễn khách
Chợt nhìn nhau, sao nước mắt lưng tròng
1981

Cuối năm bên dòng Hudson

Trở lại dòng sông này mấy bận
Bên kia thành phố đã lên đèn
Cơn mưa nhòa nhạt hoàng hôn lạnh
Chiều cuối năm trời mau tối thêm
Mưa phủ trường giang không thấy bến
Nơi này, nơi ấy như hôm qua
Con sông vẫn một vùng sương khói
Vẫn buồn theo lau lách bờ xa
Sông vẫn hát hiu con phà đậu
Vẫn bầy chim biển tiễn chiều đi
Sao sông không thấy con đò cũ
Chờ người về bên nớ bên ni
Sông vẫn mênh mông và mênh mông
Đây là đâu hay dòng sông Hương
Thèm ơ, một chuyến phà năm cũ
Một chuyến phà chở hết quê hương
Thèm ơ một chuyến phà Thừa Phủ
Chờ những người áo trắng qua sông
Có bao cô gái qua Đồng Khánh
Đề tôi còn đốt thuốc chờ mong
Thèm ơ bếp lửa đêm trừ tịch
Chiều cuối năm rồi, anh nhớ em
Nhà em bên ấy giòng sông nhỏ
Bông cải mùa xuân vàng rộ sân
Ừ nhỉ, cuối năm nơi đất lạ
Mưa mênh mông và sông mênh mông
Ừ nhỉ, hình như lòng rướm lạnh
Tiếng còi phà u uẩn hoàng hôn
Tiếng còi phà đã đục từ lâu
Phà ơ, phà ơ cho ta một góc
Ta sẽ đứng yên như người Từ Thức
Và cô đơn như cùng tận cô đơn
Như một người không có quê hương

Tuổi ấu thời tôi ở Nha Trang

Tuổi ấu thời tôi ngang dọc Nha Trang
Như con đế mèn ham vui bỏ mẹ
Da tôi sạm đen ngâm hoài nước bể
Tóc hoe vàng vì nắng lửa Rừng Dương
Hồn tôi xanh, xanh rau muống Sinh Trung
Mắt dư dật, mây Hà Ra Xóm Bóng
Tôi lêu lổng cùng những con khúm núm
Bởi vì Nha Trang vô hạn trò vui
Mùa hè, trên tôi, nắng lửa mặt trời
Tôi chạy mãi, hai chân trần bỏng cháy
Tôi đùa mãi, cả mùa hè năm ấy
Tìm bắt hoài, con khúm núm lủi sâu
Tôi đuổi hoài chú nhông đất đủ màu
Con chim núi cũng phải giật mình bỏ trốn

Dưới cầu Hà Ra, tôi nhào tôi lộn
Mùa vui tôi, dư dật lộc Nha Trang

Mấy mươi năm rồi, tôi không về thăm
Cơn sóng biển đã trở thành sóng nhớ
Nha trang ơi trái bàng khô vỏ
Đi đâu rồi cũng thương nhớ Nha Trang

Mùa nước lớn ở Trà Tiên

Bốn năm ở Trà Tiên
Tràm xanh mờ lên mắt
Mênh mông đầm lau lách
Bèo lớp lớp ngụy trang
Mùa mưa nước từ bưng
Theo kênh ào ra cửa
Rừng tràm như hoang đảo
Chỉ thấy nước mênh mông
Chỉ thấy đám tù nhân
Ngóp ngoi cùng nước lũ
Chỉ thấy trên Núi Sọ
Từ phía Làng Nhà Chung
Chiếc thập tự trăm năm...
Nhìn trần gian bi lụy...

Rồi một mai tôi phải xa Bình Minh

Rồi một mai tôi phải xa Bình Minh
Tôi không biết có một ngày trở lại
Thôi thì hôm nay, tôi xin phát mãi
Cái gia tài của một kẻ sắp điên
Rồi một mai tôi phải xa Bình Minh
Chiều nay, cho tôi xin được chào lần cuối
Gia tài của tôi, những cây kem chuối
Như những con cá chuồn nóng lạnh nhào nhê
Như những ký đường ký gạo dẫu tận đáy khe
Mỗi ngày tôi mang trở về thành phố
Chiếc thùng cà rem, gia tài tôi đó
Đã giúp một người ngẩng mặt nhìn lên
Rồi một mai tôi phải xa Bình Minh
Xa những trẻ con, đứng chờ trước ngõ
Xa những cụ già nhìn tôi mắt đỏ
Xa những cánh đồng bốc lửa mùa khô
Xa những dòng kênh, vàng đục phù sa
Xa những bến đò, bến sông, bến nước
Tôi phải đi xa, thật xa, tổ quốc
Còn lại gia tài, tôi phát mãi, rồi đi
Rồi mai này tôi phải rời xa Bình Minh
Những làng xóm xin cúi đầu từ tạ

Xin từ biệt người quen và kẻ lạ
Đẹp hết nỗi buồn đang mừng tủ, nhức đau
Khi chọn cho mình kiếp sống lưu vong
Có nghĩa là làm một tên không tổ quốc
Tổ quốc trời ơi, đâu là đất nước
Đâu là trời đất của riêng ta
Đâu là sông là núi của ông cha
Đâu là khoảnh trời cho ta dưỡng khí
Ta sợ lắm những mỹ từ lừa mị
Những vòng hoa nguyệt trá, những nhân danh
Nhưng tiếng anh hùng dũng sĩ quang vinh
Những chữ nghĩa âm vang sắc mùi giết chóc
Phản động, chó săn, Việt gian, phản quốc
Những chiếc tròng thất cổ
Những bản án không tên
Những mồ mật người, uống máu moi tim
Những bài hát bài thơ sắc mùi đồ tể
Ta sợ lắm, làm con bò gặm cỏ
Làm con trâu kéo mãi chiếc gông bừa
Ôi đất trời này, thật quá dễ thương
Đâu đâu cũng là mái nhà Thượng đế
Vâng, đâu cũng là đêm đầy tinh tú
Cũng là ngày tươi đẹp hoa xuân
Cũng nỗi buồn chen lẫn nỗi hân hoan
Cũng tiếng khóc, tiếng cười, ôi hạnh phúc
Đâu cũng là trái tim hiền thực
Đừng bắt con tôi phải học giết người
Tôi đã mất rồi, mất tuổi đôi mươi
Tôi không thể để con tôi, mất thêm lần nữa
Thôi thì già từ, già từ tất cả
Trước sau gì tôi cũng phải ra đi
Trong thùng tôi vẫn còn đầy cà rem
Xin tặng bà con chút quà lần cuối
Xin tặng bà con kem đường kem chuối
Gọi là chút tình của kẻ sắp xa.

Eo chết

Địch cho trung đội qua eo chết
Hai bên sườn, đại liên đan nhau
Nổ. Nổ dòn.
Đất đá kêu đau
Sủi bọt,
Khói bốc lên,
Bồn bề dội vào vách xám
Một hai ba, lộn, nằm co quắp
Còn lại, vẫn ào lên, ào lên
Đừng bò! đừng bò!
Trung đội phó hét cuồng điên
Cỏ tranh bắt mỗi cháy mạnh

Gió tạt, khói mù
Bốn bề khói rợp
Xé cay trên cặp mắt nở tròn
Khắp bốn bề gào thét xung phong

Cao điểm chiếm rồi
Vui mừng quá độ
Mà sao, người truyền tin rơi lệ
Báo cáo trong tiếng mất tiếng còn
Về những thằng
bị kiến cắn ngủ yên(1)
(1): tử trận

Từ biệt núi rừng

Trở lại đồng bằng xa núi thẳm
Dầm mưa Đồng Tháp nhớ Trường Sơn
Qua sông điên điển vàng bên rạch
Lại nhớ về mùa hoa Đơn Dương
Từ biệt núi rừng, vùng đất khổ
Những ngày bùn đỏ bám giày saut
Mà sao lại nhớ, cơn mưa nhỏ
Ướt tóc mềm người em Buôn Hồ
Trở lại đồng bằng, không dám nhớ
Những hầm những hố những đêm đen
Mà sao vẫn nhớ nồi cơm sống
Khói bốc cay nồng buổi đóng quân
Từ biệt núi rừng không dám nghĩ
Những rừng cháy đỏ, những đồi ma
Mà sao cứ nhớ chùm lan dại
Giữa bãi hoang tàn vẫn nở hoa
Thôi nhé Trường Sơn xin bỏ lại
Ta về châu thổ lội qua Miên
Bỏ lại trên vai hòn núi nặng
Cho những bạn bè đồng đội anh em

Con đường trăng

Tháng giêng qua làng em
Dừng quân bên hiên nhà nhỏ
Trăng lung linh trên tàn vú sữa
Xôn xao gió gọi thi thầm
Em nhìn lên bầu trời vô tận mệnh mông
Tôi kể em nghe về chùm Hạc Trắng
Tháng giêng bầu trời đầy sao lấp lánh
Con hạc bay về thăm lại quê hương
Em thấy gì không, đuôi nó dị thường
Vì sao sáng giữa hằng hà tinh tú
Vì sao sáng đang cùng nhau nhảy múa

Như cả bầu trời mở hội hoa đăng
Em nhìn lên, đôi mắt long lanh
Tôi bắt gặp thêm hai vì sao yêu dấu
Em mười lăm, hết giêng mười sáu
Tôi hứa trăng tròn trở lại thăm em

Bây giờ tôi bỏ làng cũ lưu vong
Bỏ những đêm qua vườn xưa hương cau hương bưởi
Bỏ ngọn gió thì thầm trên tàn vú sữa
Bỏ con hạc trời trở lại hằng năm
May mà tôi còn có hai vì sao xa xăm...

Tháng bảy hành quân xa

Nhà em ở bên kia sông
Anh dẫn đàn con qua ngõ
Muốn làm quen em
Không biết phải làm sao

Dân nhà binh nhựa thuốc vàng tay
Mà giả vờ đi xin nhờ tí lửa
Màu má em như thanh củi đỏ hồng
Muốn phà khói cho mơ huyền thêm
đôi mắt
Mùa chiêm, vàng bát ngát
Mái tóc em tôi vừa chớm dậy thì

Em mặc áo màu tím hoa cà
Ra ngoài bên sông gánh nước
Anh bên này sông
thấy em lòng vui biết mấy
Lính chọc quê cô ấy chờ thiếu úy kia tề

Tháng bảy hành quân xa
Xa rồi ngôi nhà ngói đỏ
Mưa mù trên chiến hào phòng thủ
Đốt điếu thuốc mà nhớ người em
Thanh củi hôm nào em hãy
để dành dùm anh
Chờ anh về mời tiếp
Để anh thấy má em au hồng như than cháy đỏ
Nghe niềm vui nở rộ
như rộn ràng lửa hát reo vui...

Theo Em

Theo em bỏ núi về châu thổ
Bỏ mán về kinh làm rể xa
Ngác ngác ngơ ngơ đờ máy ngược

Hồn mênh mộng khói cuộn sau nhà

Theo em mấy bữa quên buồn bản
Làm rẻ người Nam yêu miền Nam
Miền Nam: chín cửa sông ra biển
Mỗi nhánh sông: Một nhánh tóc mềm

Theo em như suối về sông rộng
Sông chở tình em như phù sa
Phù sa bồi đắp tim châu thổ
Bồi lấy tim người những nhánh hoa

Theo em, mê sáu câu vọng cổ
Theo Út Trà Ôn về Trung Lương
Theo cánh ô môi vừa mới nở
Tiếng quách bánh phồng rộn rã quê hương

Theo em, ra mắt bà con vợ
Cậu Bảy, Dì Hai, em thứ Ba
Ngày xưa con gái xa cha mẹ
Ngày nay thanh niên làm rẻ xa

Theo em, tình đất, tình vương trạch
Tình của non sông, tình của em
Cám ơn người nữ vùng Châu thổ
Cho anh về gởi rẻ miền Nam.

Cảm tạ Đồng Bằng

Phà chậm. Bờ xa mờ khói quyện
Bên này bên ấy rộng trường giang
Đồng bằng bổng chốc mà thân thiết
Bởi có em là một tình nhân

Anh về xứ thấp đôi giày vệt
Áo bạc như người quá nổi trôi
May mà cuối bến, em chờ đợi
Giường chiếu em mang trải cuộc đời

Phà chậm. Đùi hiu bờ sậy ngủ
Bơ vơ thân gỗ mục lác dòng
Trở về mắt ngợp trời sông cũ
Nhớ Trường Sơn lại mến đồng bằng

Cảm tạ em. Người em Cần Thơ
Anh theo em bỏ xứ. Bao giờ
Bao giờ. Như thể tiền thân trước
Một kẻ lưu dân trở lại nhà

Có phải em là trăng thanh

Soi lên miền anh ngụ
Có phải em là trăng tỏ
Theo đời anh lên đèn
Có phải em là dòng sông
Cho anh về tắm lội
Có phải em là cây bưởi
Cho anh trèo hái bông

Có phải em là Cần Thơ
Anh về yêu châu thổ
Có phải em là đồng bằng
Thịt căng tràn vú sữa
Để một dòng chín cửa
Trải nhánh dài nuôi vựa đất miền Nam

Cảm tạ em người em Cửu Long
Em cho anh hơi thở đồng bằng
Từ trong lòng dậy nguồn ơn lượng
Của chập chùng cam khổ tiền nhân.

Gặp Em Sài Gòn

Gặp em trong chuyến xe về muộn
Trăng đã lên trên khu Hàng Xanh
Đường qua Gia Định chia trăm ngã
Có ngã nào em hiểu tình anh ?

Có phải anh ngồi không nói năng
Lòng anh như đã nói trăm lần
Mắt em là cả trời Lê Lợi
Mái tóc em: Thoảng gió Bạch Đằng

Có phải em là Gia Long
Để anh về không ngủ
Cho lòng anh hạ đỏ
Sân trường thêm băng khuâng

Có phải em là Trưng Vương
Để anh về trước cổng
Thềm màn mưa rất mỏng
Mềm sợi tóc nhớ nhung

Có phải em là lan
Trong vườn cây Bách Thảo
Có phải em là trầm
Ngải bắt hồn điên đảo
Có phải em Saigon
Kiêu sa và hoa lệ
Hồn nhiên và tươi trẻ
Mùa rộn ràng chim non

Gặp em trong chuyến xe về muện
Trăng đã lên trên khu Hàng Xanh
Sàigòn Tân Định trăm ngàn ngã
Có ngã nào em hiểu tình anh ?

(Trích Ô Cửa, Thư Ân Quán tái bản 2008). Bản gửi từ tác giả.

Phụ đính II :

Gò bồi bên kia sông

Buổi sáng vào đầu mùa hạ, chiếc cầu gỗ, được toán công binh Đại Hàn dựng tạm trên giòng sông Gò Bồi, đã bị đốt để quay phim. Không còn ai để ra bờ nhìn ngọn lửa, đang từ từ thiêu dần những mảnh ván, những cột gỗ trên giòng sông xanh. Chỉ trừ đám dân quê đang ngồi trên hai chiếc sà lúp, được thuê từ các vùng an ninh. Họ đội nón lá, mang áo quần rách rưới, bên cạnh những nồi đồng, rế mây, thúng gạo. Chỉ trừ đám lính Đại Hàn, súng cầm tay, nhìn xuống cười rộn rã. Chỉ trừ tiếng la hét của người đạo diễn, dưới một cây đa trụi lá. Máy phóng thanh cầm tay, mãi mãi rít lên những âm thanh xa lạ, nhức nhối như ánh nắng chói chan trên giòng nước. Con sông đang khóc, những giọt lệ của người dân quê đang chảy, chiếc cầu gỗ, nối giữa hai vùng đất mầu mỡ; chợ huyện, chợ Dinh, sáng chiều em buôn gạo, anh đội nón lá hút thuốc rê, vác cuốc thăm đồng, sáng chiều, toàn là nhớ trông, trông nhớ. Và cả khu nhà gạch ngói đang loi ngoi thoi thóp trên bờ cũng phải khóc. Những ngôi nhà gạch tróc mái, vỡ vụn, những bức tường loang lỗ, da thịt, còn ghi đậm những hàng chữ kháng chiến, chiến khu, còn xui giục đấu tranh giai cấp, còn hận thù, còn hoan hô, còn đả đảo và ngôi nhà thờ đạo, chỉ còn lại cái tháp chuông, và lồng sâu hun hút gió. Gò bồi, gò bồi em vác cuốc thăm đồng. Gò bồi, anh vác mo côm nếp... Gò bồi được sống lại, đột nhiên trở mình, vào cuốn phim ngoại quốc. Gò bồi bắt đầu cháy, từ chiếc cầu, từ mái nhà, từ chuồng heo. Gò bồi, bùng dậy trong tiếng lửa reo, và hơi gió nóng, trong đôi mắt hầu như thần nhiên của đám dân quê.

Người lính đã trở về chốn cũ khi chiếc cầu ván đang âm ỉ cháy. Anh nhảy xuống xe, phủ bụi đỏ, chống cây súng vào bờ đá ong. Tiếng la, truyền lệnh từ chiếc máy phóng thanh. Người chuyên viên đang sửa soạn thân cảnh đoàn người tản cư được di tản từ vùng lửa đạn qua bên bờ an ninh bằng những chiếc sà lúp của Đại Hàn. Vài ba người lính ngoại quốc đang bơi đầy xuống ra xa. Người lính đã ngồi trên đá, nghĩ lại chuyện đi, cảm thấy ớn lạnh. Con đường đỏ, đầy hố, qua một vùng thê lương. Làng xóm ở hai bên đường đã trở thành tha ma hoang phế. Những bụi tre khuất những mái nhà tranh lâu đời không người, và những kênh hồ đen thẳm. Đó là nơi ẩn dấu tốt đẹp cho những người du kích từ phía bên mặt khu qua hay những cuộc phục kích bất ngờ xảy đến trên lộ trình. Người lính đã di chuyển bộ, sau đám lính súng cầm tay, mở đường đàng trước, trong khi những toán nhỏ tiến sâu vào bên trong. Người lính đã trở về quê hương của hắn. Mười tám năm trước đây, ta đi học xách cà mèn, côm mấm thơm mùi gian khổ, dưới những trận bom của tàu bay Tây, trong ánh lửa bập bùng của ngọn đèn dầu hỏa. Mười tám năm trước đây, giấy bồi học trò, thầy dạy cho ta thế nào là cuộc đời cơ cực của những ngày kháng chiến. Anh cảm thấy run sợ. Thế mà mười tám năm đã bay qua như một làn mây khói. Anh đi vất vả, bước chân như nặng nề lê trên con đường đất đỏ, và con tim anh trở nên loạn xạ, thịnh thích trong lòng ngực. Ở từng vuông đất, từng bờ bụi, từng gốc mù u, gốc đa rậm kia. Anh đánh hơi được những kỷ niệm trong sáng của một thời ngây thơ. Buổi trưa, anh nằm dưới gốc cây mù u, nghe đàn sáo riu rít trên cành, và lũ chim tu hú vào mùa lúa chiêm, tu hú, tu hú, như đem anh vào một giấc ngủ, đầy mộng mơ, đầy thiên đường tuổi nhỏ. Anh vẫn

thấy những trái mù u, đỏ sậm; những trái mù u, đã bị những con chim sâu cắn tróc vỏ, đầy dẫy trên bờ cỏ.

Buổi chiều, anh ra đứng trên cầu gỗ, nhìn giòng sông dưới ánh hoàng hôn. Con sông tối thắm hai bên bờ, và lấp lánh một màu bạc trắng ở khúc giữa. Đàn vịt đang lội trở về, và những con trâu mình đen bóng, vẫn còn tắm nước. Đó là một hoàng hôn kỳ diệu, anh nghĩ vậy. Lần đầu tiên, anh tự dưng xúc cảm. Trời đất như trở nên buồn bã. Màu sáng le lói ở khoảng trời cao, như cố gượng một giây phút, cũng như con đường đất đỏ kia, chạy thẳng băng về quận, như điu hiu hơn trong màu nhá nhem. Anh vẫn đứng yên, trong những cơn gió ru nhẹ nhàng, gây gây lạnh da thịt anh.

Tiếng đại bác của một đồn Đại Hàn bên kia sông, bắt đầu nổ dồn, về hướng núi Bà. Những vết đạn lửa, phụt bay trên không rồi phụt tắt. Chóp nhà thờ nổi bật, thật đen, trên nền trời sẫm sẫm, và còn gợn một chút sáng đỏ dịu dàng. Chóp nhà thờ, như một người cô độc, hiện bên cạnh những cành cây khẳng khiu và xơ xác, như một bức tranh tĩnh mịch. Anh bỗng nhiên thêm những tiếng chuông chiều ròn rã trên tháp. Nhưng không, tất cả chỉ là một nỗi hiu quạnh, vô chừng, lồng trong một khung cảnh chiến cuộc kề cận, như ve vuốt từng mảnh không gian, nhu lớn vồn từng cõi không khí... Súng Đại Hàn, mỗi một lúc lại bắn dữ dội. Đạn lửa lại tiếp tục hiện, rồi tắt, hiện rồi tắt. Một toán lính Đại Hàn, bắt đầu di chuyển bên bờ sông, hình bóng mờ nhạt, nặng nề. Dưới những gốc dừa trơ trụi, là một dãy nhà ngói, nhà gạch đã bị chiến cuộc phá hủy. Những vách tường lở lói, hiện những lớp gạch màu đỏ sẫm, như da thịt bốc trần từng mảnh một, những mái ngói bị tróc, và những nền xi măng vỡ vụn từng đồng gạch. Dãy nhà thăm thê, nhìn xuống giòng sông chiều mà anh ngỡ rằng, chúng đang khóc cùng sông, cùng nước, cùng đất trời: những tàn tích của chiến tranh, binh lửa đang xảy ra trên quê hương anh.

Anh đã đứng yên, và lòng thì vô cùng xúc động. Một người lính nào đã đi qua cầu, ván run lên từng nhịp, vĩ sắt thì rên xiết dưới những bước chân. Đàn vịt đã lên bờ, trâu đã lên bờ chỉ còn lại một con sông sẫm tối, chảy giữa hai bờ tre. Chóp nhà thờ bây giờ chỉ còn một chấm nhỏ, rất mơ hồ, bên chòm cây trụi lá. Những buổi chửa nhật, biết còn những con chiên đến qui gối đọc kinh, những người con gái ngoan đạo dịu dàng bước vào cửa thánh. Biết còn những hồi chuông gọi kẻ trở về. Biết ai qua đây, cúi đầu xuống, để lắng nghe trong tâm hồn mình một hồi chuông dĩ vãng. Ở đây là đâu. Anh nhìn con đường đất đỏ, hiu quạnh, giữa một đồng khô cỏ cháy, bao la trước mặt anh, anh cứ ngỡ, ở đó, là những bụi xương rỗng đã bám đầy dặt từng hang đá, những con kỳ nhông, rục rữa, tự do trên những ngôi mộ ngàn xưa của một thời hậu chiến.

Con sông vẫn bình thản chảy, như thời gian đã trôi qua, ở đây, thời gian sẽ dừng lại vĩnh cửu, thời gian sẽ khóc cùng những mái ngói tróc lở kia, những tường vách trơ thịt, đỏ sậm kia, những lỗ đạn chi chít trên kia, và ở dưới sâu lòng đất, sẽ là những xác người nằm an giấc. Mỗi người qua đây, sẽ soi mình xuống giòng nước, cũng như một dãy phố tiêu điều đã nhìn xuống đáy sông này, để nhận rõ thế nào là một sự bất hạnh của con người... Anh thấy mơ hồ, trên con đường xa tít mù khơi, một đoàn người khăn gói, tiều tụy, bồng bế nhau léch thếch, tránh nạn ra đi. Gò bồi, ngày xưa, gò bồi, mang đất phủ sa vào từng ruộng đồng, từng vườn trái, từng ao nhà, từng nương bắp... Ở đây, có những người suốt đời làm thân viên xứ, mà khi trở lại, đi trên những cái nền đổ điêu tàn, mà ôm mặt khóc... Anh biết có một người đã trở về sau mười tám năm. Ngày hấn ra đi, vào năm 14 tuổi, và hấn trở về, thì đã 32. Ngày hấn ra đi, chân vẫn còn đi đất, đôi vai vẫn nặng trĩu những nỗi khốn khổ của ly loạn, của những ngày trốn dưới hầm, dưới biển, trong những lần Tây đổ bộ, Tây trên trời nhảy dù.

Bây giờ, anh đã trở lại. Vào mùa hè, mà đam cu đất, ngờ ngác tìm ăn. Một nỗi xúc động vô biên, đến trong hồn anh, khi anh thấy cái bóng mờ nhạt của ngôi nhà thờ, khuất sau những

chòm hoa phượng đỏ, và những cành lá sum xuê. Anh thấy rõ một phần nóc nhà thờ màu đỏ, và chiếc thập tự giá đều hiu trên nền trời chiều. Ở đó, có vẻ gì âm u và thê thiết. Ở đó, làm sao anh đến được. Chắc gì, cách con đường đất đỏ mà anh đã qua, không một bóng người du kích? Anh bước qua mỗi bước như dẫm trên bao nỗi sợ hãi, lo âu. Từ khi ra khỏi bót gác của Đại Hàn qua những hàng dây kẽm gai, những ụ cát, anh đã nhận rõ những cành phượng vĩ khô, gãy guộc, như những nanh vuốt của một con quái vật. Súng đã bắt đầu lên đạn, mở khóa an toàn, chìa về hai bên đường. Đây là một ngôi nhà gạch, đổ nát giữa một vườn rậm, sum xuê màu xanh bát ngát. Đến khúc nữa là một hồ sen, với những búp sen hồng mịn, ẩn hiện giữa đám lá, và đến một khúc nữa, là những cây đa, to lớn, tỏa bóng rợp cả một vùng. Nó nhắc lại trong lòng anh một quãng ấu thời. Nó làm anh thèm và tiếc. Nó đang trình bày trước mắt anh, như một tiếc nuôi đầm đầy nước mắt. Con đường vẫn trải dài, như thể luồn vào giữa một khu rừng hoang đường. Đường càng xa, càng trở nên xanh thẫm, mà bước chân anh cũng vẫn chưa quán quít, bối rối. Những con mắt vô hình như lưỡi dao sắc, lạnh băng, sẵn sàng nuốt da thịt. Anh đến một chiếc cầu mới sửa chữa. Những móng nền còn đúc, những tấm ván còn bắt lên, lở dở... Một công trình mây khói, anh nghĩ. Tại sao, mỗi buổi sáng, buổi chiều, con đường vẫn phải được mở đường, vẫn phải được những người lính dò mìn, và ở từng khoảng, những nỗi bất trắc, hiểm nguy sẵn sàng xảy ra. Oi, mấy chục triệu cho một công trình mây khói. Bước đi mỗi bước lòng anh như chùng xuống, như một đám mây chì xám. Nặng nề trên một bầu trời sắp mưa.

Những chùm hoa phượng đỏ, rợp trên nóc ngôi nhà thờ, đã làm anh buồn đến rơi nước mắt. Từ con đường này đến đó, chỉ cách một cánh đồng, thế mà, chẳng khác một con sông ngăn cách. Ở đó, là sự chết. Dưới bầu trời sáng mai, tuy trời rất trong, và gió hây hây thổi, mồ hôi anh đã bắt đầu thấm trên áo. Anh theo đám người đi trước, tiến xa cách đường một khoảng, và tiếp tục từng đợt, vào chiếm từng ngôi ấp nhỏ. Lũ cu đã bay tung lên, bắt gờ, đôi cánh đập hồi hả. Đám người đàn bà con gái đã lom khom dưới đồng, chẳng buồn ngược mắt nhìn đám lính đang vượt qua cánh đồng. Bước chân anh bắt đầu mỏi, và như sắp sửa lê trên ruộng đất khô nẻ. Nhưng anh vẫn đi, như ngủ, như để cái thân thể của mình trong cõi đất trời. Anh bỗng liên tưởng đến cái chết của một người bạn. Hấn bị phục kích trên con đường hấn mở mỗi ngày, vào một buổi sáng dưới chân đồi NORA. Hình ảnh một người bạn nằm sắp giữa bờ suối cạn, thân thể thì đầy vết đạn, nó gọi vào lòng anh một nỗi sợ hãi không đâu. Một nỗi sợ hãi đến lạnh mình.

Và áp cuối cùng, bọn anh đã dàn hàng ngang, la hét rền trời, chạy tông cửa, tông nhà vào... Chiến tranh là vậy. Ở đây, chiến tranh xảy ra mệt mỏi và buồn nản. Con đường đã chia ra hai miền. Háo Lễ, Nho Lâm, Tân Dân, An Cửu, và cái dãy núi Bà, u ám, trọc lóc, như vùng đất nghèo nàn, nứt nẻ mà anh đã qua, có khi nào anh trở lại. Ngôi chùa Háo Lễ Đông, Xóm đạo nhà thờ Tây, những cái hồ sen, cá trắng phơi mình trên mặt nước, những chòm hoa phượng thắm đại, ngất ngây dưới nắng kia, sẽ là những kỷ niệm đầy nước mắt. Hết rồi, buổi mai, hết rồi buổi chiều... Ra đi, tấm áo vải, rách, bạc màu trên thân thẳng bé, giữa một trời lửa đỏ, và đạn reo. Bây giờ ta trở lại, súng đạn ầm ầm, ta chạy như bay, ta cúi xuống uống hừng hực bi đong nước, ta hét ta la.

Nơi anh dừng chân, có những cơn gió nam, cuốn lốc, mang theo hơi lửa của mùa hạ, anh như một kẻ điên khùng, cởi áo, luồn ra sau nhà, ngồi dựa vào ụ rơm vàng, giữa đám tre đang kêu lên kiu kịt. Con trâu mẹ, mới sinh con, ở trong chuồng, đôi mắt lờn lên sòng sọc, và đôi sừng sẵn sàng báng về những người chung quanh. Đây là một xóm quê muộn phiền. Một xóm quê, địa đầu của một phạm vi xanh trên bản đồ hành chánh quận ở đây, đều lộ một vẻ thần thờ, không sắc, mệt mỏi rã rời. Ngay đến đứa bé, đang đứng co ro, mũi chảy lòng thòng như hai con đĩa, cũng gây cho anh một nỗi khó khăn, buồn chán.

Anh tìm vào một ngôi nhà ven con đường mới đắp, ngôi nhà của một mẹ con tản cư. Buổi trưa, nhà kín gió, nắng chói lòa ngoài khung cửa. Đám ruồi vo ve trên sân đất thịt. Hai bàn thờ phủ nhiều đồ, bất động trong góc tối. Chiếc giường tre, cũ kỹ, bên vách tường. Đằng sau nhà, bà già đang làm những tấm tranh. Bàn tay bà thành thạo đan lên, đan xuống, kẹp những cuộn rơm một cách gọn gàng. Lưng bà còm cõi, như đã chịu đựng bao nỗi đau khổ trên mình. Anh ngồi bên cạnh, hỏi thăm. Nhưng anh biết, anh hỏi cũng vô ích. Vì cuộc đời quá khứ, và hiện tại của mỗi người dân quê, là những tháng ngày, với bom với đạn, với nhà cháy, với tản cư, với chết chóc... Sự cùng khổ của dân quê, ở đâu cũng vậy. Có khác gì đâu.

Bà già, sau cùng anh mới biết là người trong xóm cũ. Dựa vào vách đất, anh nghe bà kể lại những gì sau mười tám năm anh ra đi. Những giọt lệ già, long lanh trên đôi mắt lem nhem. Mái tóc bạc phát phơ. Và cái dáng còm cõi, vẫn âm thầm trong khoảng không gian tối sáng, anh nhớ đến bài thơ của Tố Hữu.

Lão ngồi bên cửa sổ

Trong nắng nhạt chiều hôm.

Mất hết, cháy hết, phá hết... Buổi trưa bốn chiếc phản lợp, bay làm hai phía... Bà nhìn anh, hỏi: Chừng nào có hòa bình. Anh đã cúi đầu, không trả lời.

Và anh đã đi kiểm soát một vòng toán quân của mình chung quanh ấp. Khi anh bước vào nhà thứ nhất, lính bảo con nhỏ đó, chồng chết. Khi anh bước vào ngôi nhà thứ hai, lính nói con mẹ đó, chồng chết... Khi anh bước vô nhà thứ ba, cha thằng bé đó đã chết. Anh dụi mắt, thần thờ nhìn ra cánh đồng nước nề đằng sau, dài dặc đến những xóm tan hoang, che chở bằng những bụi rậm, những kênh rạch, anh nhận rõ những cánh hoa phượng ẩn hiện trên nóc giáo đường. Những nhánh hoa phượng thật lẻ loi giữa một màu xanh bát ngát.

*

Ngay ở bên cạnh ngôi nhà anh dùng làm nơi đóng quân, phía bên kia con đường mới làm này, người ta đã thấy rõ sự bất lực của ông quận trưởng. Ngôi nhà mái tôn, ba căn phòng đó, đã bị những vết đạn loang lổ, chi chít. Và vách tường, thì viết đầy khẩu hiệu, hoan hô đả đảo. Hoan hô chiến thắng anh dũng của chiến sĩ thám kích ngày 19 tháng 6. Được xóa bằng chữ Hoan hô chiến thắng anh dũng của các chiến sĩ giải phóng quân... hay đả đảo Mỹ Ngụy. Nắng đã lên gắt, và con đường cứ mỗi lúc bị những lớp bụi đỏ cuốn xoáy mịt mù, theo những cơn gió nam cuồng bạo. Anh thấy những mái tôn nhúc nhối, rợn sóng. Vào một ngày nào đó, toán áo đen từ mặt khu cách con đường không bao xa, đã bắn B.40 vào trường, để cảnh cáo toán nghĩa quân trong ấp... Và kể từ đó, toán nghĩa quân bắt đầu rút lên trên những ấp an ninh; để lại những ông thanh niên chiến đấu già nua, ốm yếu với súng trường, hay carbine M1, chiến đấu một mình. Yên lắm, ở đây yên 100%. Ông quận đã chỉ gây lên bản đồ. Những ấp ven con đường, đều được bình định. Có ấp trường, có nhân dân tự vệ. Bởi thế, quận tôi cần một con đường, để nâng cao kinh tế, để làm vòng đai quân sự, để thu hoạch khả quan những vụ lúa phì nhiêu. Quận chúng tôi bảo đảm với quý vị. Nhưng ông chưa bao giờ dám lái xe một mình đi trên con đường ông kêu gọi phát triển, nếu không có đám hộ tống hùng hậu và nếu không có chiếc trực thăng của Mỹ. Con đường được làm ra, được dành cho một ngân quỹ hùng hậu mấy chục triệu do một đơn vị công binh đảm trách. Ban đầu, vị tiểu đoàn trưởng đơn vị công binh tin tưởng thực sự... Các ông yên chí, ông quận trưởng nói, dọc theo con đường, lính chúng tôi nằm dài, để bảo vệ cho các ông làm. Yên chí. Chừng một tuần lễ sau, những phát đạn các bùm, từ các bờ bụi vô danh, những trái lựu đạn gài trên đường, dưới cống trong đêm đã làm cho ông tiểu đoàn trưởng giật mình, thót bụng. Và kết quả, nửa tháng sau, một đoàn xe bị phục kích trên đường trở về... Ông tiểu đoàn trưởng giận run, hồng hộc vào quận; kéo ông sĩ quan ban ba Chi khu... anh bảo có lính nằm đường, lính nhiều lắm, mấy trung đội Nghĩa quân, Địa phương quân anh bảo đảm với tôi như thế hả? Anh theo tôi, tìm xem có mấy tên Nghĩa quân nằm đường... Chiếc xe jeep vọt đi, ông sĩ quan ban ba, run rẩy, vào từng ấp, gọi loa, la làng, cuối cùng, vài tên Nghĩa quân, mang dép Nhật, co ro trình diện... Đ.m. tụi mày, ông đánh bỏ

mẹ, ông phạt... Những tên Nghĩa quân, mặt mày tái mét, nói: chỉ có mấy đứa em. Thế cả mấy trung đội, chỉ còn mấy móng này thôi à? Dạ. Ông tiểu đoàn trưởng cười gằn: Anh không biết Nghĩa quân ma sao... Thực nhiều lắm, nhưng ma, ma hết... anh về Qui Nhơn xem, chủ tiệm vàng, chủ tiệm đồng hồ, chủ tiệm radio, mấy tên đi xe thồ... anh tưởng vào Nghĩa quân dễ lắm sao, 50 ngàn.

Ông đại úy ban ba chi khu van lạy: Xin Thiếu tá thương tôi, tôi từ miền Nam, bị đày ra đây. Cho tôi được bình an hai chữ với vợ con... Tôi lạy Thiếu tá. Ông Tiểu đoàn trưởng la lên: Chẳng thà anh nói thế. Chứ đừng gạt chúng tôi. Các con tôi chết cũng vì anh. Đòi nào anh đi cho biết tình hình; anh chỉ nghe báo cáo... Sau đó ông Tiểu đoàn trưởng xin Bộ Tư lệnh tăng phái một đơn vị thám kích để mở đường, nằm đường cho các toán Công binh làm đường. Ông đã lắc đầu, chán ngán. Trước sau con đường này, cũng bị phá. Trước sau những chiếc cầu đúc xi măng này cũng bị sập vì mìn, và trước sau, mấy chục triệu cũng trở thành mây khói. Ông biết vậy, ông đại đội trưởng đại đội C. Công binh cũng biết vậy. Họ biết, như anh biết. Nhưng họ vẫn làm. Vì con đường đó, đã có ngân quỹ quốc gia đài thọ. Lòng anh bỗng nhiên sôi sục, anh ước ao mình trở nên một người đầy đủ quyền hành. Nhưng bao giờ, bao giờ được. Người ta đang đóng một cuốn phim trên quê hương anh, cuốn phim về một con đường hư khói, cuốn phim về nỗi thống khổ của đồng bào anh, về chiếc cầu gỗ, được đốt rụi, để anh thấy lại những giọt nước mắt của lòng mình. Con sông Gò bồi, vẫn yên chảy. Anh bỏ súng xuống, nhìn con đường mà anh bảo vệ hằng ngày, mà nghĩ đến một buổi mai nào đó, anh có thể trở về bình yên nơi chốn cũ bằng một chuyến xe lam, để thăm lại ngôi giáo đường có cần an ten cao vút, có những nhánh sứ, khô tróc vỏ nổi lên trên nền trời mây trắng. Không biết anh có về được không?./

Ở một nơi trên Trường Sơn

Suốt cả tuần, trận đánh vẫn chưa ngã ngũ. Hết đơn vị này tiếp đến đơn vị khác bị khựng lại khi tìm cách tiến qua mặc dù trước đó bom pháo dọn đường được trút xuống như mưa thác. Những hang đá chằng chịt và kiên cố ở sườn đồi, nhìn xuống con lộ dẫn vào sâu trong rừng đã khiến những cơn mưa bom, và đạn pháo binh phải chịu thua. Và đơn vị đã phải quay lui. Cuối cùng cấp trên điều động đơn vị chúng tôi đến mặt trận. Họ đã hiểu chiến thuật trận địa chiến phải bó tay trước những tên địch ngoan cố, xâm mình. Không dễ gì phải tấn công một cao điểm khi phải bò lên giữa một triền núi trống trải trước những họng súng đại liên đã chực sẵn. Và chỉ còn cách là dùng chiến thuật dụ kích. Chỉ có cách đó mới may ra làm câm họng những ổ súng tàn bạo. Người lính bây giờ là người lính cảm tử. Trước hết hẳn phải cố làm sao để nhận rõ nơi trú ẩn của địch, phải gắng định hướng chỗ đặt khẩu súng nặng bằng cách nghe trảng nổ cũng như nhìn tia đạn lửa đến từ đâu, sau đó dùng máy nhắm hồng ngoại tuyến, tìm mọi cách bò đến, lao vào, quăng lựu đạn tiêu diệt.

Đêm nay chúng tôi lại thêm một lần nữa, mặc đồ đen, ngậm dao găm, bọc đầy lựu đạn loại lân tinh. Tổ trưởng còn mang theo ống nhắm hồng ngoại tuyến. Giờ G là 3 giờ sáng. Theo kinh nghiệm chiến trường, khoảng thời gian này là khoảng lý tưởng nhất cho cuộc làm ăn đêm. Bởi lẽ bất cứ thằng lính nào cũng đã thấm mệt hay cũng đang mơ màng giấc ngủ. Và mật lệnh cho chúng tôi là hỏi Thần điều đáp Kinh Ngự.

Dĩ nhiên tôi để trung sĩ Thành làm tổ trưởng tiền sát gồm hạ sĩ Nga, hạ sĩ Y Mông và hạ sĩ Phát. Hẳn gan lì và dữ tợn. Càng nguy hiểm chừng nào, hẳn lại càng say mê, phấn khích chừng nấy.

Tôi xiết chặt tay hắn, và hắn cũng xiết chặt tay tôi như chuyền cho nhau sức mạnh. Hắn thăm thì, giọng ngọt mũi rượu đế: Có gì thì nhờ ông thầy giúp đỡ con vợ tôi. Tôi cảm động đến rưng nước mắt. Tôi biết phải an ủi làm sao để hắn cảm thấy tự tin hơn. Mục tiêu không phải để gi

thanh toán khi kẻ địch có lợi điểm hơn chúng tôi, và nhất là họ đang cố sức bảo vệ cây súng nặng. Tôi nói nhỏ: Đừng nói bậy không nên...

Tôi dẫn một tiểu đội bò lên hướng trái, và thiếu úy Phương, trung đội trưởng trung đội hai, lãnh một tiểu đội bò lên hướng phải. Toán tiền sát của trung sĩ nhất Thành thì trực diện. Chúng tôi không gặp trở ngại nào khi bò qua bãi đất trống trước khi lên đồi. Chúng tôi phải dồn cục nhau. Hạ sĩ nhất Bảy bò đầu. Tôi bò theo hần, vừa bò vừa quan sát bằng ống nhắm hồng ngoại tuyến. Trên lưng áo mỗi đứa có dấu hiệu lân tinh rất nhỏ để chúng tôi có thể dễ dàng nhận ra nhau. Qua máy nhắm, tôi có thể nhìn thấy mấy bóng đen của toán tiền sát đang lom khom vừa bò vừa chạy.

Bỗng nhiên, một tiếng nổ long trời lở đất nổi dậy, và sau đó là những tràng đạn tiểu liên, đại liên cắt xé màn đêm. Rõ ràng địch đã phát hiện chúng tôi. Tuy nhiên họ dường như không thể biết chúng tôi ở đâu. Chỉ có kẻ lợi là chúng tôi. Bởi vì chúng tôi có thể biết hang đá nào địch đang trú ẩn. Chúng tôi chỉ việc bò đến và quăng lựu đạn xuống hang đá.

Địch không mạnh như chúng tôi tưởng. Chúng tôi đã dễ dàng làm câm ổ súng nặng ngay đêm hôm ấy. Để đổi lại, trung đội phải chịu thiệt trung sĩ Thành, người hạ sĩ quan gan dạ nhất của đại đội. May mắn, hần vẫn không chết, dù cả người hần bị banh tơi tả do từ những trái lựu đạn mà địch đã gài trên lối dẫn đến hang đá. Hần đã dọn đường cho những người lính cảm tử khác tiến lên để tiêu diệt ổ súng.

oOo

Xế trưa, các đơn vị hành quân mới thật sự giải cứu được căn cứ. Những người lính địa phương quân từ những công sự ào ra ôm lấy chúng tôi mà mừng tủi. Họ như những người tiền sử, tóc râu che phủ cả mặt, chừa lộ đôi mắt trũng sâu. Họ xin chúng tôi lương khô và nước. Họ vò chụp từng bao gạo sây. Có người đi không vững. Có người vừa hút thuốc chúng tôi mời vừa kể lại chuyện chiến trường. Tôi không thể hiểu sức mạnh nào đã khiến họ đứng vững giữa trùng vây như thế, trong khi bộ binh chúng tôi phải khó khăn lắm mới chiếm được mục tiêu mặc dù được phi pháo yểm trợ hết mình.

oOo

Thiếu úy Phương lại thêm một lần bất mãn. Và tôi là nạn nhân để hần trút cơn phẫn nộ:

- Mà thấy họ đáng thương hay không. Nỗi hy sinh của đám địa phương quân này quả là quá sức tưởng tượng, nhưng bắt họ hy sinh như vậy để làm gì. Bắt họ đóng đồn, đóng bót đêm ngày, rồi đến khi địch tấn công, bắt họ tử thủ để làm gì. Ngày trước thời Mỹ còn tiếp trợ ào ào, thì không nói gì, vì khi địch tấn công, chúng ta còn có pháo binh, có trực thăng, chiến đấu cơ sẵn sàng tiếp ứng họ. Giờ đây, xin một quả đạn yểm trợ cũng không có. Như vậy bắt họ phải có mặt giữa một nơi hẻo lánh, xung quanh không có lối thoát, để làm gì chứ?

Tôi hiểu nỗi phẫn nộ của thằng bạn. Vâng, cái chiến thuật chiến lược gì mà kỳ lạ. Cái chiến thuật co cụm lại, không chủ động mà bị động. Ngày thì bung ra, mở đường, và đêm thì dồn vào trong, cùng với những hầm chìm hầm nổi. Để trở thành mồi ngon của địch. Tôi biết vậy, Phương biết vậy, những người lính trong đơn vị này biết vậy, bởi vì chúng tôi đã chứng kiến những cảnh tuyệt vọng của những đồn binh, những căn cứ được lệnh tử thủ mà chúng tôi có dịp đến giải vây.

Không phải địch đánh để mà đánh. Địch còn như mồi để viện binh đến, mà chơi thêm một lần nữa. Như lần này.

Nhưng chúng tôi chỉ biết im lặng. Chúng tôi dư biết chúng tôi chỉ là loại tép riu, loại chim sơn ca, chim sẻ. Chúng tôi không làm gì hết. Nếu có làm, thì chỉ nhắm mắt tuân lệnh để nhờ những bụi gai chó đẻ, rồi có ngày cũng được phong bốn chữ Tổ quốc ghi ơn mà thôi. Chỉ có thằng Phương mới không im lặng. Vâng, nếu đất nước này có những con người như Hà Thúc Nhơn hay Phương nắm quyền, dám ngủ đất, dám đi đầu, dám hứng cái khổ đau của đồng đội làm cái khổ đau của mình, dám làm một cuộc thay đổi cách mạng, dám để những ông lão làng về vườn, để lớp trẻ có nhiệt tình lên thay, thì đất nước chắc sẽ có cơ may...

Phương lại tiếp tục:

- Nếu địch là ma...

Tôi chọc nó:

- Thì ta là quỷ...Mày gắng vài chục năm nữa lên làm tướng thì tha hồ...

Tôi đã nghe cái điệp khúc : Nếu địch là ma ta là quỷ của hắn biết bao nhiêu lần.

Tội nghiệp cho hắn. Tại sao hắn cứ mãi phần nộ, bất mãn ở những điều ngoài tầm tay với. Tại sao hắn không chịu yên phận với cái lon thiếu úy tếp riu. Hắn là bạn cùng quê với tôi. Tôi biết hắn có bà mẹ già mòn mỏi, có người yêu xa cách, nhưng thay vì những tình cảm dành cho người thân, hắn cứ dành cho đất nước, cho quân đội. Hắn muốn làm một cuộc cách mạng, và cứ ước mơ có quyền hành.

"Địch là ma, thì ta là quỷ". Rõ ràng, hắn đã mang cái kinh nghiệm của đơn vị chúng tôi để chứng tỏ muốn thắng kẻ thù thì phải áp dụng lối đánh của kẻ thù. Địch đánh ban đêm, thì mình đánh ban đêm. Cứ vũ khí nhẹ, cứ lợi bộ băng đồng, cứ ngậm thẻ lao vào cối tối... Bất kể thù sợ hãi, lo âu thường trực. Đó là lối đánh nhà nghèo. Ngày cho lính về nhà tiếp giúp gia đình vợ con, đêm thì bung ra làm ma là quỷ...

Phượng ơi, làm sao tuổi trẻ chúng ta có tiếng nói. Tiếng nói đã bị kẻ khác nhân danh nói hộ rồi.

oOo

Giữa lúc ấy tín hiệu bay đến. Nó đến sau khi chúng tôi được tin Mặt Trời sẽ bay đến thị sát chiến trường và gắn huy chương. Cái lệnh được ban từ một trung tâm hành quân nào đó ở rất xa, nghẹn ngào và hồi hải xen giữa muôn ngàn âm thanh đàm thoại hỗn loạn trong máy khuếch đại, đầy tiếng chửi thề, những lời phẫn uất, những câu hỏi mà không có câu trả lời, những tuyệt vọng nghẹn ngào... Thật sự không ai có thể hiểu. Có lẽ chỉ trừ ông đại đội trưởng. Bởi vì ông bỏ máy ngồi yên như một pho tượng. Đầu bên kia, giọng nói uất nghẹn: Tôi là thiếu úy Minh, sĩ quan trực trung tâm hành quân. Tôi cũng như thẩm quyền, không còn biết ai để xin lệnh nữa. Người ta đã bỏ chạy hết cả rồi. Trong khi ấy ở dưới chân đồi, trên con lộ đã xuất hiện đoàn xe cộ di tản. Tin cho biết Sài Gòn đã ra lệnh bỏ cao nguyên.

oOo

Thôi còn gì để mà đánh đấm. Chỉ còn những khẩu súng M16, M60, và lựa thưa những trái lựu đạn còn sót lại. Tôi đợi ông đại đội trưởng để nhận chỉ thị. Chỉ thị gì. Người ta đã bỏ chạy hết cả rồi. Ông nói. Mặt ông đầy những vết xước rịn máu. Sợi dây ba chạc vẫn còn lủng lẳng bi đong nước và khẩu súng colt. Tôi hiểu là lòng ông cũng đứt đoạn. Vợ con ông vẫn còn kẹt ở trong thành phố. Ông họp đại đội còn lại. Trung úy đại đội phó đã tử trận trong một trận đánh cách đây không lâu, nên thiếu úy Hà thay quyền xử lý, trình diện hàng quân trước mặt ông. Giọng nói của thiếu úy Hà như nghẹn trong cổ họng. "Đại đội tập họp xong, trình diện đại úy." Rồi anh ôm lấy mặt, nước nỡ. Ông đại đội trưởng chào tay lại. Cả hàng quân đứng im phăng phắc. Những võng mô mắt hết màu sinh khí. Những chiếc mũ rừng chụp lên những đầu tóc rối bù. Những chiếc quần trận mà bụi và đất đã lấy đi hết cả màu xanh, rách toạc lộ cả vải quần lót... Trời đã trở chiều. Nắng còn sót lại làm thắm vàng cả cánh rừng bên cạnh. Ông nói kể từ giờ phút này anh em có quyền ra đi. Trước khi chia tay, xin anh em hãy cùng tôi đứng nghiêm một phút mặc niệm cho những người bạn của chúng ta đã bỏ mình. Rồi ông hô nghiêm, buồn bã. Chúng tôi cùng cúi đầu. Có những giọt nước mắt lăn trên má khô cằn, hóp sâu, bờ phờ của người lính già. Có những giọt lệ vẫn còn long lanh trên tròng con ngươi thất thần, đục lờ vì những đêm ngày căng thẳng trong lòng hỏa ngục. Có giọt lệ chưa kịp lăn, lại thêm những giọt lệ khác trào ra. Có thằng lính trẻ khóc tức tưởi khiến người lính già phải la lên: "Mày làm như con nít lên ba. Làm sao tao gả con gái tao cho mày được".

Chưa bao giờ chúng tôi cảm thấy buồn đến độ tê tái, héo úa cả ruột gan như lúc này. Súng vẫn nổ. Tiếng pháo vẫn vang dội ì ầm từ xa... Những cuộn khói vẫn còn bốc lên trên căn cứ. Những người bị thương vẫn rên rỉ. Thiếu úy Phượng ngồi ủ rũ bất động, nhìn gì vào trong phía rừng. Hôm nào hắn là con hổ, con hùm, nhưng bây giờ hắn như một con thú tuyệt vọng. Ngoài cái tình đồng đội, tôi và nó còn có tình đồng hương. Tôi biết rõ gia đình hắn. Chỉ còn một người mẹ phía sau. Còn người yêu. Hình như một cô giáo. Ở hắn, là một mẫu người trẻ dân thân. Tôi không dùng chữ yêu nước ở đây, vì hai chữ này hơi phù phiếm, chỉ từ cửa miệng đầu môi của các vị lãnh tụ hay các cơ quan tâm lý chiến. Trái lại, dân thân còn ý nghĩa gấp trăm ngàn lần.

Hắn nguyên là giáo sư, nhưng không thèm về dạy học trở lại. Hắn là nhà thơ nhưng chẳng cần tên tuổi cho dù những bài thơ của hắn quá hay, rất hợp với tuổi trẻ chúng tôi. Sau vụ y sĩ Hà Thúc Nhơn bị giết, tinh thần hắn sa sút thấy rõ. Luôn luôn chửi thề, luôn luôn phẫn nộ. Luôn luôn bày tỏ bi quan thất vọng trước guồng máy quân phiệt. Hắn cứ kể một cơn mơ. Cơn mơ có trong tay quyền hành, chinh đốn lại hàng ngũ quân đội, dẹp trừ lính ma lính kiếng, tăng thêm tiền lương cho lính tác chiến, đổi chiến thuật đánh giặc theo kiểu nhà giàu sang kiểu nhà nghèo. Ngày để lính về nhà giúp đỡ. Đêm họp lính lên đường. "Nếu địch là ma, ta là quỷ. Địch nhờ bóng đêm, ta cũng nhờ bóng tối..."

Phương ơi, bây giờ tao mới hiểu thế nào là nỗi bất mãn của mày. Phải, chúng ta không làm được gì. Ngay cả định mệnh của chúng ta cũng bị kẻ khác quyết định nữa mà. Nỗi mất mát này không phải do mày, do tao, do những người lính đang chờ đợi cái lệnh của đại bàng này. Cái mất mát do từ cấp lãnh đạo, cấp ăn trên ngồi trước, dùng câu "kỷ luật là sức mạnh" để bắt thuộc cấp phải phục tùng tuyệt đối. Không cho chúng ta nói. Không cho mày nói. Hễ nói về bất công thì bị chụp mũ vô kỷ luật. Hễ nói về cấp chỉ huy bất tài thì quân bị trừ bị ải đến khi xác bỏ ở bìa rừng. Hễ nói đến việc cứu nguy đất nước thì bị xem là điên khùng phản loạn như y sĩ Hà Thúc Nhơn ngày nào.

Đề rồi, dẫn đến nỗi mất mát vô phương cứu chữa như hôm nay.

Trời ơi, mới ngày nào, chừng như tuần trước, chúng tôi còn lái xe díp trở về, tôi còn ghé vào một động giang hồ, còn ngồi bỏ chân trên bàn cà phê nhìn thiên hạ, còn đêm say rượu trở về hậu cứ nhìn mấy thằng lính nhậu thịt nai với rượu đế, để chúng bắt cóc thêm một lần nữa. Bây giờ, thầy trò thi nhau mà chạy. Tướng cũng cuốn cờ, mà quân cũng cuốn vó. Lúc này là lúc tôi muốn bỏ tất cả. Tôi đã không còn đủ sức để gánh thêm cái trách nhiệm này nữa. Tội này ai gây nên. Lịch sử này ai gánh chịu. Những người lính của tôi, họ ít học, người gốc nông dân, người gốc Thượng, gốc Nùng, người bị bắt đi quân dịch, họ đâu có tội gì để gánh cái khối đá tảng của lịch sử. Những người có trách nhiệm bây giờ ở đâu, sao máy thì bật tâm không một lời thăm hỏi. Hay họ đã chạy trốn rồi.

Chúng tôi bây giờ chẳng khác đám con lạc bầy. Rừng ơi núi ơi, phía xa, thấy những ngọn núi chìm ẩn trong mây và sương.

Những người lính Thượng thì xì xào với nhau sau đó họ tách rời chúng tôi. Đông, người lính truyền tin rất hiểu tiếng Thượng cho tôi biết là họ muốn trở lại buôn bản của họ. Đông, Tròn đòi theo tôi và Phương. Theo để làm gì. Đi đâu. Về đâu. Giữa khu rừng già bao bọc bởi những tai ách này.

Chính lúc này, chúng tôi mới hiểu thế nào là tình đồng đội. Nó không dễ gì cảm nhận nếu thật sự ta không trải qua những giờ phút nhọc nhằn gian khổ bên nhau. Đừng nói đến tình đồng đội tình chiến hữu nếu ngài cứ ngồi chiếu trên, xem lính là nô lệ, chưa bao giờ biết thế nào là nỗi mất mát, nỗi căm hờn, thù hận, đau thương khi một người bạn bỏ chúng ta đi xa... Tình đồng đội đã bắt những người lính thấp nhất như Đông, Tròn vẫn còn theo chúng tôi, trong khi họ có thể tự lo liệu, hay bỏ đơn vị ra hàng phe địch.

Thôi thì nhắm mắt mà đi. Cần gì địa bàn để tìm hướng. Về phương đông, hay về phương tây, thì cũng vậy. Hai chân đã mỏi nhừ. Cổ họng khô đắng. Thuốc lá cũng hết. Đông cố lục trong túi quần, túi áo mới tìm được bao thuốc bẹp dí. Thầy trò chia nhau điếu thuốc quân tiếp vụ. Tròn đi trước dẫn đường. Có lẽ phải đi cả đêm để ngày mai còn phải lẩn tránh những đôi mắt phe địch. Gai nhọn đan nhau, những mũi gai như móc câu, móc vào da thịt Cả rừng vang động tiếng chim và tiếng kêu khỉ vượn. Nhớ lại những lần nhảy toán xuống rừng, đi tìm dấu địch, dù nguy hiểm nhưng cũng an tâm, vì mình biết chắc sau mình có trục thẳng tới bốt, có những điểm hẹn để trở về. Bây giờ thì trái lại, không máy liên lạc, không trái khói để làm dấu hiệu cho trục thẳng... Chỉ có những bước giày thụt thểu lo âu. Kể đi trước nín thở. Kể đi sau nín thở. Càng lúc rừng càng đen tối hơn. Những tàn cây cỏ thụ che cả những vì sao lấp lánh trên cao. Cả bọn dìu dắt nhau mà đi. Nhắm mắt đi bừa.

oOo

Ngày thứ ba chúng tôi mới thoát khỏi khu rừng già. Trước mặt chúng tôi là những rẫy bắp và xa hơn thấp thoáng những ngôi nhà tranh và nhà sàn. Chúng tôi không biết xóm Kinh hay một buôn Thượng hay là một mật khu của phe Bắc. Nhưng dù sao, những rẫy bắp kia là ân sủng sau mấy ngày đói khát trong rừng. Chúng tôi bò vào. Thì giữa lúc đó một bà lão xuất hiện. Bà há hốc mồm bên cạnh bó củi khô. Bà có mặt lúc nào chúng tôi không hề hay biết. Đông nói với tôi. Chết rồi ông thầy. Mình bị phác giác rồi. Rồi nó thì thào: Phải làm bà ta ngậm miệng. Rồi nó nhào tới, chụp lấy chiếc rựa từ bà lão. Nhưng thiếu úy Phương kịp thời ngăn lại, không cho. Hấn gần từng tiếng: "Đừng. Tao cấm mày đừng. Hãy trói bà lại rồi nhét vải vào mồm bà." Bà lão rên rĩ: "Lạy các ông tha mạng cho tôi. Tôi là dân vô tội mà." Đông chồm tới giật áo bà rồi xé. Hấn nhét vải vào miệng bà ta. Bà ú ớ, kêu oan. Rồi chúng tôi dùng áo bà ta để làm dây, trói hai tay bà lại. Sau đó chúng tôi vào trong ruộng bắp và thi nhau hái.

Lúc ấy là vào khoảng 4 giờ chiều. Chúng tôi lại tìm hướng khác mà đi. Vừa đi vừa chạy. Trời ơi, chúng tôi là dân thám kích nhưng lại không nhớ gì đến bài học của thằng lính thám kích. Chúng tôi vì quá sợ nên quên cả việc phi tang những dấu chân còn in lại trên con đường bùn đất nhão nhẹt do từ trận mưa lớn đêm qua. Kết quả là chỉ một ít lâu sau, chúng tôi nghe vang rền tiếng chân người rậm rạp lẫn tiếng nói càng lúc càng gần. Có lẽ là du kích hay là bộ đội địa phương vì tôi chỉ nghe giọng Nam Ngãi. Tiếng nói càng lúc càng rõ, như thể từ bốn phía. Tôi biết là nhiều người lắm. Và hình như họ rất quen thuộc với địa thế khu vực. Tôi như kẻ bị dồn vào cuối đường. Hết rồi, đâu là nhà, đâu là chỗ trở về, đi đâu bây giờ. Tiếng hét hò dọa dẫm càng lúc càng kinh động của đám thợ săn người. Rồi tiếng la rất gần:

"Đầu thì sống, chống thì chết."

Thôi rồi. Không còn gì nữa. Súng không có. Lựu đạn không có. Còn gì nữa mà không đứng im, giơ hai tay lên trời.

"Hãy nghe lệnh chúng tôi. Bước ra chỗ bãi đất trống. Hai tay giơ lên đầu!"

Chúng tôi làm theo.

Một tên bộ đội nhìn thấy cái hoa mai đen thêu trên cổ áo của tôi và Phương, la lên mừng rỡ: Hai tên này là sĩ quan ngụy, và nó chĩa mũi súng vào mào tang tôi. Tôi nhắm mắt chờ đợi. Tôi bình thần chờ đợi. Hình như con người trong nỗi tuyệt vọng quá sức ê chề thì cõi lòng đậm tê điếng, dửng dưng. Nhưng rõ ràng, một thằng lính khác đã chụp lấy tay thằng cầm súng rồi ngăn lại: "Đồng chí đừng bắn nó phí đạn. Hãy giao nó cho nhân dân xử."

Bây giờ nhớ lại tôi càng tin ở luật nhân quả. Chúng tôi đã tha mạng bà lão thì cũng có kẻ khác tha mạng cho chúng tôi. Và trong chốn sâu thẳm của con tim, vẫn còn có một hơi ấm của tình người. Có phải vậy không ?

Sau đó họ giải chúng tôi về nhà làng. Dân làng gồm bà lão, con nít, cả đàn bà bồng con đỏ xô ra, nhìn chúng tôi như những ác thú. Có lẽ lần đầu tiên họ mới thấy những người lính Nam quân. Họ rửa thậm tệ chúng tôi: Bọn ngụy ăn thịt người, bọn ngụy uống máu người. Vẫn là những lời rập khuôn từ Nam ra Bắc, từ con nít đến người lớn... Ai đã gây cho họ những nỗi căm thù ghê gớm như thế này. Ai đã đầu độc cả tâm hồn trẻ thơ trong trắng bằng những độc tố ác hơn ác đức như thế này. Nhìn họ, những người đàn bà chân đất, những đứa con nít trần truồng mới hiểu là cuộc đời của họ cũng tăm tối chẳng khác cái bóng tối của khu rừng già...

Nên thương họ hay ghét họ ?

Nên thương hay ghét họ, dù họ ném đá vào chúng tôi. Dù bà lão mà chúng tôi đã tha mạng, là kẻ hùng hổ hơn ai hết. Bà ta còn nói thêm. "Chúng nó còn muốn hiếp tao nữa. Chúng cời cả áo tao. Đúng là quân trẻ nít không tha, bà lão không từ." Thật sự chúng tôi đã xé áo bà để làm vải nhét vào miệng bà. Thôi thì chấp nhận. Cả người tôi bị bầm dập bởi những đòn thù, bởi những hòn đá liệng tới. Miệng mũi tôi chảy máu. Bên tôi là Tròn, Đông, Phương. Mất họ sưng vù.

Những vết máu còn đọng trên môi. Ôi, Việt Nam ơi, hãnh diện được làm người Việt Nam của Rừng Tiên Lạc Việt. Chỉ có Việt Nam mới mổ mật mổ tim, moi gan, uống máu. Chỉ có Việt Nam mới nhìn nhau bằng những con mắt chó sói, cọp beo... Chỉ có Việt Nam, mới tru tréo căm hờn, mỗi thằng trẻ bị đê ra cho một bản án tử hình khiếm diện. Sao mà đến thế kỷ 20 này, giữa lúc

loài người đang nhìn lên cao, phía mặt trăng mà khám phá rằng, chị Hằng chỉ là huyền thoại, thì ở nơi này, người ta chỉ thấy máu và máu...

Bây giờ bóng đêm đã rủ xuống. Những ngọn đuốc đã được đốt lên. Và tôi nghe tiếng radio phát lớn từ ngôi nhà làng. Những tin tức về một miền Nam đang hấp hối. Các tỉnh và thành phố đã lần lượt bị thất thủ. Trong đêm, tiếng nhạc, tiếng hát ăn mừng từ chiếc loa bắt ở nhà làng, vang dội. Quả thật vậy sao? Rõ ràng thằng Đông đang kêu rên vì vết thương. Cả mặt bị nó bị bầm. Tội nghiệp, nó là kẻ bị đánh đập nhiều nhất trong bọn chúng tôi bởi vì con mẹ già kia chỉ tay vào ngày mặt nó rồi nói như hét: "Chính thằng này đã xé áo tao.". Nó bị hết báng súng động, đến những cú đá, thoi, đánh tới tấp. Thoạt đầu nó còn đứng, hai tay che mặt, sau đó, hai đầu gối quỳ xuống, rồi máu ộc ra cửa miệng. Nhưng nó vẫn nhất quyết không chịu nhận tội: "Các ông giết tôi thì tôi xin chịu, chứ tôi đâu có hãm hiếp bà lão. Bà đáng bà nội tôi mà..." Tôi nhắm mắt lại, không dám nhìn. Sau này, ở tù, tôi đã nghe bao nhiêu lời tự kiểm từ những sĩ quan, và chính cả tôi nữa, để càng hiểu rằng, thường những tấm lòng vĩ đại cao cả đều ở từ những phận đời thấp hèn. Vua chúa lãnh tụ phải cần bầy tôi trung thành, hy sinh nhưng chắc gì vua chúa hay lãnh tụ có thủy chung hay hy sinh cùng bầy tôi của các ngài? Các ông đơn vị trưởng dùng cấp bậc để tạo quyền uy, khí phách, nhưng khi mất cấp bậc, liệu họ có còn khí phách cao ngạo bất khuất như xưa?

Trời ơi, từ lâu tôi đã nhìn những người lính như Đông là những kẻ thuộc cấp, sinh ra để tuân lệnh. Vị trí của họ là vị trí của một con tốt trong hàng ngũ, trong đám đông. Lưng họ gồng nặng ba lô gạo lương khô và súng đạn. Nhưng bây giờ, họ đã cho tôi nhìn rõ hơn thế nữa. Ai hy sinh nhiều hơn họ, ai chung thủy nhiều hơn họ, ai khí phách nhiều hơn họ. Đông ơi, chắc mày đau lắm phải không. Chúng đánh mày như vậy, báng súng AK mà tọng vào ngực như vậy, một tay lực sĩ quyền Anh hạng nặng cũng phải thổ huyết, huống hồ một kẻ nhỏ con như mày. Chắc mày oán thiếu úy Phương và tao vì không để mày giết bà lão. Nhưng mày hãy hiểu con người khác với con thú. Hồn có lương tâm. Lương tâm không thể giết một người vô tội. Nhất là kẻ ấy là một bà già.

Chừng như hả hê với những trận khảo cung, đám bộ đội địa phương bỏ đi, để lại hai thằng nhỏ chừng 13, 14 tuổi canh giữ chúng tôi. Trong đêm triền sơn, tiếng loa phát thanh từ đài Hà Nội nghe rõ mồn một. Những bản nhạc, lời ca ăn mừng tiếp tục không ngưng nghỉ sau những tin chiến thắng dồn dập. Trên sân rộng trước ngôi nhà làng, dân làng tụ tập thấp đèn, thấp đuốc, và người ta hát hò liên hoan. Thỉnh thoảng là những tràng đạn AK tiếp tục bắn lên không trung. Những tia đạn lửa xẹt đỏ ngang dọc giữa màn đêm, như những tia pháo bông.

Hình như đám bộ đội đã quên chúng tôi. Có lẽ họ đã quá say sưa phấn khích ở cuộc chiến thắng quá sức tưởng tượng đang diễn ra từng phút một. Hay cũng vì chúng tôi chỉ là những tù binh tép riu. Hay cũng vì họ bắt quá nhiều tù binh, không ai canh giữ. Chỉ có chúng tôi, với những quả tim tan nát. Chỉ có chúng tôi nhìn lẫn nhau trong bóng tối. Những trận đòn bây giờ mới thật sự thấm vào tận xương tủy. Răng buốt nhức vô cùng tận. Có lẽ một chiếc răng bị gãy cũng nên. Tôi lại khát. Tôi kêu thằng canh, xin miếng nước. Thằng bé nhìn bạn. Hai đứa xầm xì gì đó, rồi một đứa bỏ đi. Thằng còn lại nói lớn: "Tội của các ông mà còn xin được uống nước à? Cho các ông uống nước để rồi các ông đi hãm hiếp bà lão, có phải không. Lần này, chúng tôi cho các ông ân huệ đó, các ông nghe rõ không?"

Đông nhìn tôi, lắc đầu, tỏ ý bất mãn. Tôi thấy thẹn với người lính của mình. Trời ơi, cái đau của kẻ thua cuộc, là cái tủi nhục. Hết lớn rồi bây giờ đến thằng thiếu niên mà khẩu súng còn cao hơn người nó. Càng nhục mình mới càng cảm thấy mình quá hèn. Hèn. Mình không thể hèn như vậy. Đông ơi, dù khát bỏng cổ họng, tao cũng không thể hèn như vậy đâu.

oOo

Cuối cùng, tôi và Phương được giải vào một trại giam giữa rừng già. Trại nguyên là một căn cứ của lực lượng đặc biệt. Suốt ngày, qua cái loa phát thanh, chúng tôi đều nghe những tin tức về một miền Nam trong những ngày hấp hối. Cuộc chiến trước sau cũng phải chấm dứt, nhưng cái kết thúc kiểu này, quả là một vết ô nhục khó có thể quên. Nó là hậu quả của một quyết định điên rồ. Trong trại tù, tôi có dịp chung đụng với một vài vị sĩ quan cấp cao để biết rõ hơn về nỗi

ô nhục này. Tất cả bắt nguồn từ cái lệnh. Và tất cả vì nhắm mắt tuân lệnh. Thi hành trước khiêu nại sau . Không được cãi.

Nói cũng bằng thừa. Những vỏ cây rừng cũng không đủ để viết lên lòng thống hận. Nhiều khi vào buổi trưa trong rừng khổ sai, nghe tiếng chim kêu hoảng hốt, mà lòng đau nhói tận tim can. Rừng ơi. Gốc thân sao quá lớn để vai ta phải chịu như chịu khối đá tảng. Sao cứ ương ngạnh nằm lì. Chỉ tội nghiệp những ông sĩ quan già. Những ông cấp tá, một thời lấy lưng, nay lưng còng, mắt sâu, đứng nhìn những thân cây đổ xuống. Tội nghiệp cho họ. Họ chưa được huấn luyện để trả cái nợ nhọc nhằn. Bởi vậy, có người bỏ cuộc trước. Gỗ hòm là những miếng ván tạp lầy từ căn cứ, và huyết không thể đào sâu vì đất đá... Tội nghiệp, người vợ ông sĩ quan Thượng gốc Rhadé, lặn lội thăm chồng, nhưng chồng bà đã mất sau một cơn bạo bệnh. Tiếng khóc trở thành tiếng tru. Như tiếng tru của loài thú bị thất cố.

Ôi, khi người ta quá đau khổ, quá tuyệt vọng, khi nỗi đau đã quá sức chịu đựng thì tiếng khóc không còn là tiếng khóc thường tình nữa. Nó trở thành một âm thanh điên loạn, khủng khiếp, khiến người nghe phải đau nhói cả buồng tim.

oOo

Năm 1976 thì Phương và một người hạ sĩ quan người Thượng nguyên thuộc binh chủng Biệt Động quân đã trốn trại.

Sự việc này không làm tôi ngạc nhiên. Tôi đã linh cảm được điều này. Vì có lần hẳn tâm sự với tôi trong lúc lao động chung, như lời trời trăn:

"Mày đừng ngạc nhiên nếu một ngày nào đó, nghe tin tao rời bỏ nơi này. Người ta bảo trong rừng mà nghe mùi trầm hương là gặp may. Tao đã nghe rồi."

Tôi nói, không, tôi van lơn thì đúng hơn: "Mày nghĩ là có thể thoát được hay sao ? Mày nhớ lại có bao nhiêu người đã trốn, bị bắt lại và đã bị bắn. Mày đừng điên rồ. Nhớ là mày vẫn còn mẹ của mày, em của mày. Họ chờ mày."

Nhưng hẳn vẫn bỏ đi.

II

Cuối cùng, tôi cũng được thả sau bảy năm xa cách. Một thiếu úy với bảy năm khổ sai trong khi với cấp bậc tôi, đa số là ba năm! Hai chữ thám kích đã làm cho tôi trở thành một kẻ có rất nhiều nợ máu với nhân dân!

Bảy năm. Từ trại này qua trại nọ, vẫn những ngày đổ mồ hôi, và những đêm giấc ngủ đầy những ác mộng. Có khi nửa đêm, mưa rừng gào thét, tôi tỉnh giấc, nghe cả dường như tiếng hú lạnh lạnh cũng như tiếng thét Sát Sát văng vẳng ngoài bia rừng.. Rừng. Nhớ ơi những câu thơ của Phạm Cao Hoàng đến thuộc lòng:

*đất anh ở và rừng anh thờ
sáng anh đi chiều lại trở về
rừng vi vút những đêm gió thổi
bóng anh chìm với bóng hư vô
đôi khi đứng bên triền đá dựng
anh hoang mang sợ núi đèo mình
có khi thấy con chồn con cáo
anh giật lùi lòng thoáng hãi kinh
anh đi qua rừng cao quá đối
anh đi về rừng quá đối cao
anh thu mình như con sâu nhỏ
nằm rung rinh giữa đám lá rì rào
và buồn thăm ôi những chiều lặng lẽ
núi và anh thành hai kẻ đăm chiêu*

*núi ngó anh và anh ngó núi
núi đưng trời anh đưng nổi đầu hiu
đất anh ở và rừng anh thờ
quá lâu ngày nên thấy hoang mang
anh sống dở và anh chết dở
giữa núi rừng cao ngất ngàn năm*

Anh sống dở và anh chết dở. Bảy năm như vậy, vậy cuối cùng cũng đã trả nợ xong. Ngày trở về, đến thăm mẹ Phương, thấy Trang, cô em gái của Phương trong bộ quần áo cũ, bạc màu lòng tôi xót xa vô bờ. Ngày ấy, trước 1975, mỗi lần tôi về phép thăm em, em liếng thoảng, em vùi vính. Rồi em lên 16, tôi về phép, em bắt đầu e thẹn, tôi tặng em chiếc còng bạc, chiếc lược ngà voi, chiếc áo đen viền sọc vàng của người thiếu nữ Thượng. Rồi em 17, tôi không trở về, đón Tết trên đỉnh đồi máu. Rồi em bây giờ em 25, tôi trở về đây, thừa bác, thừa em. Anh trở về mà tấm áo của kẻ bị phóng tích chưa rũ hết những nhục nhằn, nhưng tấm áo của em, thì đau xót gấp trăm ngàn lần hơn thế nữa.

Mẹ Phương ôm tôi òa khóc nức nở. Tôi cố nén, nhưng nước mắt cũng phải lưng tròng. Nói gì để khỏi dối lòng, dối bác. Nói gì để mang niềm tin về một bà mẹ tội nghiệp. Vâng, tôi biết, chính tôi mới mang cho bà nỗi đau khổ mới. Bác nhìn tôi để nhớ đến Phương. Bác thấy tôi trở về để héo úa tim gan vì thằng con trai mất tích.

Trang kể từ ngày anh Phương trốn trại, công an khu vực cứ đến tra hỏi làm khó dễ liên miên. Còn mẹ em càng ngày càng tin đồng bóng, thần linh. Thầy nào, am nào, miếu nào mẹ cũng mang hương đèn đến cầu khẩn.

Trang nói đúng. Khi người ta tuyệt vọng, không còn gì để bấu víu, thì chỉ biết tìm đến những điều siêu hình.

Rồi bác bảo tôi:

Bác mới nghe có một ông thầy rất giỏi. Việt Kiều về vẫn nhờ ông ấy giúp tìm lại hài cốt của người thân. Bác mong cháu đi cùng với bác, để có thể trả lời khi ông ấy hỏi về thằng Phương. Con giúp bác nghe con....

Tôi trả lời: Dạ, cháu sẽ đi với bác. Chiều nay cháu đến để chờ bác đến chỗ ấy.

oOo

Hai bác cháu chúng tôi được ông thầy tiếp vào một buổi chiều. Ông bắt chúng tôi ngồi trước bàn thờ. Căn phòng tối mờ nồng nặc mùi nhang trầm cùng những hình hay những tượng thần và những hình Bát Quái... Sau khi hỏi mẹ Phương về ngày sinh tháng đẻ tên họ của con bà, ngày Phương bỏ trại đào thoát, ở đâu, nơi nào, ông đã ngồi tịnh một hồi, rồi ông bỗng nhiên òa lên khóc. Chắc Thần linh đã nhập vào ông. Rồi ông hét lên: Ta là Sơn thần cao nguyên trấn, ta không tìm ra hồn ma nào như người cầu xin ta giúp đỡ. Ta chỉ thấy những con thú vật kỳ lạ, nửa người nửa vượn miền Tây vực vất vưởng cứ thỉnh thoảng hú lên những tiếng thật thảm thiết...

Bây giờ, sau 10 năm ở nước ngoài, tôi trở về chốn rừng xưa. Tôi trở về không phải là một kẻ du lịch, hay là một người muốn nhìn lại một thời tuổi trẻ khốn khó của mình, mà trở về với một người khác, một nghiên cứu gia về nhân chủng học.

Suốt một ngày chúng tôi mới di chuyển khoảng chừng bốn cây số. Người dẫn đường, từng tự hào một thời là lính trinh sát Bắc Việt, trở nên buồn bã thất vọng. Nỗi ngậm ngùi đọng trên ánh mắt lời nói, đáng bộ của hắn. Mỗi lần hắn dẫn chúng tôi qua một khu vực đầy hoa dại, thì hắn lại nhắc đến những xác bạn bè và đồng chí cũ. Tôi cũng vậy, không có khác gì hắn đâu. Tôi cũng có những thằng bạn bị bỏ rơi, hay thất lạc, hay bị giết, tại chiến trường này. Chúng tôi trở lại chiến trường xưa, trong lòng mỗi thằng một tâm tư khác nhau, nhưng chung qui, vẫn là nỗi kinh hoàng còn ám ảnh từ một cuộc chiến. Chúng tôi qua đây, mới thấm thía được hai chữ phù du của kiếp người trong chiến tranh. Chiến tranh ở cùng khắp. Ngay tại một nơi heo hút như thế này, nó cũng đã có mặt. Mà sao hoa lại rộ nở cả một vùng mệnh mông như thế này. Hoa

cúc, hoa quỳ, một màu vàng rực như tấm thảm vĩ đại. Hay là Thượng đế vì động lòng những người trẻ tuổi chết trong oan nghiệt nên đã tạo riêng một nghĩa địa hoa.

oOo

Cuối cùng, chúng tôi cũng đặt chân đến khu rừng mà ông tư lệnh quân đoàn BV Hoàng Minh Thảo đã một lần quả quyết là có sự xuất hiện của người rừng.

Người hướng dẫn chỉ tay về phía Tây, nói: Đây là vùng tam biên, nơi giáp ranh ba nước Việt Kampuchia và Lào. Ở đây, ngày xưa, bộ đội chúng tôi đã dừng lại trước khi xuống miền Quảng Ngãi, hoặc về Kontum, Pleiku. Bề kính trên trăm ki lô mét, đầy đường mòn, và những hố bom do B52 trải thảm trước năm 1973. Phía ông tư lệnh nói là phía sâu vào nội địa Lào... Bởi vậy, xin các ngài hãy cẩn thận khi bước đi. Tuyệt đối tránh đụng chạm đến những vật bằng thép, có thể là những ngòi nổ chậm còn sót...

Tôi dịch lại tiếng Anh cho tiến sĩ Mano và tiến sĩ Kenny. Rồi chúng tôi cùng nhìn về hướng người dẫn đường chỉ. Lâu lắm rồi, tôi mới có dịp thấy lại những cánh rừng già bạt ngàn như thế. Cả một màu xanh thẫm, mờ nhạt in trên nền trời mây xám đục, che khuất cả một đường chân trời. Lâu lắm tôi mới bắt gặp những ngọn núi chạm trời, mây trắng như những đàn cừu trở về chuồng, chạm mình trên những đỉnh cao như đụn phái trời. Lâu lắm, tôi mới trở lại một nơi mà ngày xưa, tôi đã từng có mặt cùng bao nhiêu âu lo, kinh hãi. Nhìn thấy nó êm ả, tịch lặng như thế, nhưng thật sự không phải như vậy. Những cây cổ thụ thuộc loại quý hiếm như sao, trắc bá, mun, cẩm lai... cao ngất, thân to bằng cả hai người ôm không xuể, những sợi dây leo chằng chịt rũ xuống, hay bò trên đất như những con trăn u thịt, những đụn gò mối, những tiếng chim kêu thảng thốt vang dậy, những con suối đen ngòm, do từ rong rêu hay lá mục lâu ngày, mà khi lội qua, chúng tôi phải run lên cầm cập, không hiểu vì muỗi rừng, hay vì nước thiếu ánh mặt trời, chất chứa bao nhiêu âm khí độc địa như từ thiên cổ, hay những rừng lá thấp, che khuất cả đất đá không thấy một vết chân người. Lạc vào trong đó, khó mà tìm thấy hướng. Những tàn lá cổ thụ chất chồng nhau, xếp trên xếp dưới, che cả tầm mắt, có khoảng ánh sáng không thể xuyên, như thể chìm ngập trong bóng tối. Ngoài ra, sương mù che phủ dày đặc. Người ta muốn nhìn hướng phải trèo lên chóp cây, cao đến mấy mươi thước. Thân cây mọc lên san sát, bên những bụi gai um tùm, những sợi dây leo chằng chịt cùng những hốc đá âm u, như toát ra một vẻ thần linh đến lạnh mình. Đó là nơi mà ngày xưa người ta thả chúng tôi xuống, rình mò, để lấy những tin tức từ các đơn vị mới xâm nhập. Chúng tôi phải tự đối phó trong cô đơn. Chúng tôi chỉ biết trông cậy vào địa bàn hay máy truyền tin liên lạc. Qua ống nhòm tôi không thể nhận ra một khoảng nào trống trải, hay thừa thớt để gọi là rừng non, rừng thưa, hay rừng cỏ tranh. Trái lại, chỉ là những cánh rừng già nguyên sơ tiếp nhau như trải dài bất tận. Ở đó máy bay khó lòng nhìn thấy những gì phía dưới màu xanh bạt trùng bất tận.

Tôi hỏi người dẫn đường:

- Anh có bao giờ đến đây chưa.

- Thưa ngài, chưa. Theo tôi biết, không ai dám vào những khu rừng đầy cả.

- Tại sao?

- Tôi đã nói mà. Chính đại tướng Hoàng Minh Thảo của chúng tôi cũng đã từng đề cập vào năm 1974 mà.

- Tại vì có người rừng, phải không ?

- Vâng. Chúng tôi sợ họ thật sự. Bộ đội chúng tôi đồn nhau, họ là thần linh, họ có mặt cả ngàn năm, không ai có thể tiêu diệt họ được.

- Bộ đội các anh lại tin thần linh sao ?

- Tại sao lại không? Trong chiến tranh, người ta chết nhiều quá. Cả rừng đầy ngập oan hồn. Ngài thấy không, cái bãi trống đầy hoa dại vàng rực kia, trước đây là cả một bãi mồ. Chúng tôi nhớ có những lần phải đạp trên những lối lốt đầy xương người mà đi. Còn nữa...

Giọng nói của hắn ràn rụa xúc động:

- Còn những toán thám báo biệt kích của ngục lúc nào cũng có mặt bên chúng tôi không rời. Mỗi khi chúng phát giác chúng tôi, chúng kêu pháo đài bay B52 bay đến trải thảm. Có khi cả tiểu đoàn không còn một người sống sót.

- Thì đổi lại, các ông cũng đuổi Mỹ cút nguy nhào.

Tôi trả lời, chua chát. Nhưng tôi hiểu tôi hơi tàn nhẫn. Đáng lẽ tôi sẽ không nói những lời như thế. Với cương vị một người sinh viên tiến sĩ về nhân chủng học, tôi phải dành mọi nỗ lực để tìm tòi, khảo cứu cho dự án ra trường của tôi. Tôi phải cúi đầu, và có thể nuốt cay đắng nếu hấn vô tình xúc phạm đến hàng ngũ mà một thời tôi đã có mặt. Sự thật, qua lời thú nhận của hấn, hấn cũng như tôi. Chiến tranh như một cơn mộng dữ. Bọn bè hấn cũng như bọn bè tôi, hôm qua đã nằm ở đấy, vô danh, lạnh lẽo...

Tôi lại dịch cho hai ông bạn cùng nhóm. Họ có vẻ ngạc nhiên trước những lời tiết lộ của người hướng dẫn.

Tuy nhiên, họ cũng như tôi đều có một công việc chung phải làm. Không phải số tiền đóng góp của hội viên thuộc Hội Bảo Vệ Người Rừng dùng cho nỗi buồn xương cốt này. Chúng tôi bằng mọi giá phải đến những cánh rừng phía nam sâu trong vùng đất Lào. Chúng tôi phải có bản phạn tìm kiếm một giống sinh vật quý hiếm nhất còn sót lại trên địa cầu. Đó là *Forest people*, một họ của *Hairy Hominids*, được gọi chung là *Bigfoot*. Liệu giống loại nửa người nửa khỉ đột này còn tồn tại không. Liệu những tài liệu, những bản tin liên quan đến những "người tuyết", "người vượn", là sự thật hay không. Từ lâu nay, người ta bàn tán hơi nhiều, thậm chí trên truyền hình, người ta còn đưa ra hình ảnh chụp người rừng, trong những chương trình *Unsolved Mystery*. Tuy vậy, những cố gắng vẫn không thể chứng minh được sự có mặt của giống loại *bigfoot*, như lời phát biểu của ông Richard Greenwell, chủ tịch Cơ quan quốc tế khảo sát giống người Rừng:

"Vào những ngày thứ Hai, thứ Tư và thứ Sáu, tôi mạnh mẽ tin người Rừng là có thật sau khi đánh giá và đọc các bản tin tức. Vào những ngày thứ Ba, thứ Năm và thứ Bảy, tôi cho chuyện người Rừng là vô lý. Vào ngày Chủ nhật, tôi nghĩ."

Bởi vậy, sau khi có tin ở Việt Nam, một giáo sư đại học đã chụp được hình những dấu chân khác thường, giống như bàn chân người, nhưng to lớn hơn, để chứng tỏ rằng có một giống vật tiền sử vẫn còn sót lại trong những rừng già, chúng tôi đã tức tốc xin ngân khoản của cơ quan bảo vệ giống vật hiếm quý trên thế giới, và nhiều tổ chức tư nhân hay tôn giáo để bảo trợ chương trình khảo sát của chúng tôi. Họ rất sốt sắng, thứ nhất, sau khi họ nghe tin ở bên Trung Hoa lục địa, người ta đổ xô đi tìm bắt người rừng để lãnh thưởng. Họ lưu tâm đến sự tuyệt chủng của một chủng loại mà đến bây giờ các nhà khoa học vẫn không thể tìm ra hay xếp hạng người hay vượn.

Và nhóm chúng tôi lên đường cách đây một tuần lễ như thể một cuộc ra quân. Những dụng cụ khoa học hiện đại nhất như máy cảm nhận hơi người, máy chụp hình bằng tia laser, máy quay phim, máy truyền tin, cả trực thăng nếu cần, đều được trang bị. Riêng cá nhân tôi, tôi đã hy sinh bỏ công việc hiện tại, để tình nguyện làm một kẻ thông dịch. Hai tiến sĩ của nhóm, một trưởng đoàn, một phó trưởng đoàn đều là giáo sư đỡ đầu cho luận án ra trường của tôi, dĩ nhiên họ rất vui mừng và khuyến khích tôi không ít. Làm sao họ hiểu được tận cùng bề sâu thẳm của lòng tôi, là tôi không thể để một ngày nào đó, đất nước tôi không còn một cái gì hết. Bây giờ, không phải là thời chiến tranh, nhưng từ rừng xuống biển, tài nguyên quý giá nhất của quốc gia đã càng ngày càng vơi cạn bởi mãnh lực đồng tiền. Lại thêm những tay con buôn Đài Loan, Nhật, Hồng Kông, Tân Gia Ba... đang đứng ngoài cửa, sẵn sàng bỏ tiền ra, để gom góp hết những gì quý giá nhất, hiếm hoi quý giá nhất mà mang về nước.

Bởi vậy, chúng tôi phải góp một tay để bảo vệ giống người tiền sử. Chúng tôi phải báo động lên Liên Hiệp Quốc, cùng các nhà lãnh đạo trên thế giới. Chúng tôi phải thuyết phục họ lập một khu an toàn riêng, chẳng những là tài sản của quốc gia, nhưng còn là tài sản chung của cả nhân loại.

Năm ngày đầu tiên khi đến Việt Nam quả hết sức bận rộn cho chúng tôi. Phải gặp các viên chức trung ương, rồi địa phương, phải trao đổi ý kiến với các nhà khoa học Việt Nam, phải đọc rất nhiều tài liệu liên quan đến người Rừng, phải đi phỏng vấn một số dân thiểu số. Dù vậy, chứng liệu vẫn còn mơ hồ. Bởi khi nói đến Người Rừng, người ta chỉ nói đến những huyền thoại như chuyện ma cỏ mà tôi đã từng đọc trong tiểu thuyết của Lan Khai hay Thế Lữ ngày

trước. Họ nói đến chuyện một người bị lạc vào rừng, và bị một đàn khỉ đột bắt và con vượn cái - một chúa đầu đàn - bắt làm chồng. Họ nói về những tiếng hú lanh lảnh suốt đêm nghe từ xa lắm, và tiếng cây rung chuyển, lá rụng đầy, dù chẳng có một cơn mưa hay gió bão có mặt trên vùng. Một người lính phục viên cũng nhắc lại, anh đã nghe cả tiếng SÁT trong đêm khi đơn vị anh đóng quân dưới một cánh rừng già. Không phải một mình anh nghe mà nhiều người cũng nghe như anh.

Chỉ có bức hình chụp dấu chân người của một chuyên gia đại học mới là một chứng cứ có thể tin được. Bàn chân quá kích thước của bàn chân người. Những ngón chân in trên nền đất rõ nét, rồi mất hẳn về phía Tây. Chính bức hình này đã khiến chúng tôi phải lặn lội tìm đến, hôm nay.

oOo

Đêm ấy chúng tôi đóng trại bên con suối. Nhìn bản đồ, không nhận ra nó, nhưng rõ ràng nó là một chướng ngại cho cuộc hành trình của người muốn qua phía bên phần đất Lào. Nước chảy xiết, vang dội ầm ầm vào vách đá phía xa. Không, đúng ra nó là một ngọn thác. Không biết nó bắt nguồn từ đâu và chấm dứt từ đâu. Chúng tôi phải mang áo ấm, vì gió và sương lạnh. Hai ông tiến sĩ đã lo lắng không ít trước khung cảnh lạ lẫm. Các ông thoa thuốc trừ muỗi đầy mình, lại chụp cả cái mũ trùm đầu. Riêng tôi thì quá quen thuộc với những đêm ngủ bờ ngủ bụi như thế này. Từng là một người lính thám kích, tôi đã trải qua nhiều đêm trong rừng, biết phân biệt thế nào là tiếng động của chân người hay của loài thú, biết chỗ nào an toàn nhất khi muốn dừng chân qua đêm. Chúng tôi phải ôm tim ôm ngực chui rúc trong bụi trong lùm, sợ cả dấu chân của chính mình. Chúng tôi phải tự bảo vệ cho nhau. Chỉ có một điều, là bây giờ, không còn người nữa để ta phải bận tâm. Nếu có là những loài thú rừng như cọp, beo, trăn, rắn... Nhất là cọp. Ở xứ này, cọp có tiếng có bộ da đẹp nhất nhì thế giới. Tuy nhiên, cũng vì có tiếng, nên chúng cũng hầu như tuyệt giống.

Chúng tôi đã đốt lên bếp lửa. Máy nghe tiếng động và cảm nhận hơi người cũng bắt đầu làm việc. Vàng trắng đã nhô lên, tròn vàng vạc. Tiếng nước chảy xiết nghe rõ mồn một. Ánh trăng làm một khúc suối sáng loáng như dát bạc. Lâu lắm rồi, để chừng hai mươi lăm năm, tôi mới được dịp ngồi lại chiêm ngưỡng một đêm trong rừng mà không còn phải để trí não căng thẳng tột cùng. Tôi lại nhớ đến người con gái Thượng nào đã tắm chung cùng tôi trong một đêm trăng xa xưa. Cả thân hình của nàng lồ lộ ngực vú. Bây giờ nàng ở đâu. Còn thằng bạn tôi nữa. Không biết Phương có tìm được mùi trầm hương giữa rừng già này không. Tôi thương hẳn quá. Cuộc đời hẳn đáng lẽ phải ở một chỗ khác. Tôi đốt thuốc và rưng rưng cùng kỷ niệm. Kỷ niệm với bạn bè, đồng đội. Kỷ niệm với rừng núi. Kỷ niệm với tuổi trẻ lao lung. Cũng trái giang, trái mặng để làm thức ăn tạm trong ngày hết lương thực. Một thời đó gian khổ lắm... Mà hôm nay tôi trở về, âm thầm giấu tông giấu tích.

Người dẫn đường ngồi bên tôi. Tôi mời hẳn điếu thuốc. Tôi lại nghe hẳn kể về cuộc vượt Trường Sơn, với những đơn vị bị xóa tên, và nỗi kinh hoàng khi từng đoàn B52 xuất hiện. Những hoài niệm của hẳn đầy buồn bã. "Ngày xưa, tôi thấy những bãi hoa rừng như thế, và bây giờ, chúng vẫn như xưa. Có lẽ tươi tốt hơn là đằng khác. Các đồng chí của tôi nằm xuống, yên lặng, tức tưởi như thế đó"... "Thú thật với ngài, lâu lắm tôi không dám ăn loại cá trê. Cứ nghĩ đến cảnh chúng thi nhau rửa thịt người trong những hố bom..." Hẳn còn kể về những người bạn của hẳn đào ngũ trong chiến tranh. "Ngài không biết, tôi có một đứa bạn rất thân. Nó đào ngũ sau khi đơn vị bị trúng bom."

Người dẫn đường run đôi vai, giọng buồn buồn: "Tôi hiểu là những người B Quay này chỉ còn cách là trốn trong rừng già. Bởi vì họ không bao giờ dám trở lại Bắc. Nếu mà họ bị bắt, hoặc là họ sẽ bị xử tử hay là bị chết rục trong trại cải tạo. Không biết đến bây giờ họ có nghe chiến tranh đã chấm dứt chưa?"

Tôi nghe nỗi buồn mang mang. Thì ra, tuổi trẻ Bắc hay Nam đều có chung một mẫu số: vác cái khối đá tảng oan khiên mà từ những tham vọng, quyền lực, chủ nghĩa, trút xuống.

oOo

Khoảng hai giờ sáng tôi tự dựng thức giấc. Tôi không thể ngủ được. Sương bốc lai láng trên mặt suối, hòa lẫn cùng ánh trăng, như làm cả khung cảnh phải chìm ngập trong một giòng sữa bạc. Tiếng dội của thác từ xa, vọng về càng rõ. Hàng đàn muỗi rùng li ti trong ánh trăng kêu vo ve. Vâng, cũng con suối như thế này, tuyệt vời như thế, nên thơ như thế, nhưng, nó chính là giòng nước tai họa, đánh gục chúng tôi khi chúng tôi lội qua. Tôi nhớ đến thằng bạn đã dìu tôi đi, có khi cõng tôi, để cố trở lại điểm hẹn. Tôi nhớ đến thằng Phương...

...Và có lẽ mắt tôi hoa lên rồi. Rõ ràng trước mắt tôi, bên kia bờ suối, một đám dã thú đang hiện mặt mờ. Trong sương và trong ánh trăng, chúng như những dã nhân với thân hình đầy lông lá. Tóc phủ dài đến tận lưng. Và râu chúng tua tủa. Có con thật cao lớn như Mỹ. Có con nhỏ và thấp như người Việt Nam bình thường. Mỗi con đều mang khối vải. Loại vải rằn Biệt động quân, hay màu tro xám của phi công hay cả vải màu nylon xanh bộ đội Bắc Việt. Tôi cũng thấy cả bộ đồ đen, loại đồng phục dành riêng cho binh chủng thám kích chúng tôi khi được tung vào mặt khu địch. Chúng đứng sấp hàng như một đội quân tập hợp. Sau đó chúng vừa đập loạn xạ vào ngực chúng. Bịch. Bịch. Chúng lại nhảy, lại gào kêu the thé. Loại âm thanh gì mà tôi không thể phân biệt. Có thể là tiếng người. Hay là tiếng thú. Lẫn lộn nhau.

Tôi hối hả chạy đến lều gọi hai ông tiến sĩ trưởng đoàn và phó trưởng đoàn. Họ cùng chạy ra bờ. Nhưng họ không thấy gì. Chỉ có chẳng là một giòng trắng và tiếng ầm ầm của dòng thác từ xa dội về. Chỉ có chẳng là những thân đại thụ vươn lên như hàng quân bên kia bờ suối. Họ ngạc nhiên nhìn tôi. Tôi cố gắng thuyết phục họ, nhưng họ vẫn không tin. Ông Mano ái ngại dùm tôi:

- Xem chừng anh bị bệnh rồi đấy.

oOo

Có thật vậy không. Suốt cả nửa tháng, đoàn cũng không thể tìm ra dấu vết người rùng. Đại ngàn này quá thâm sâu, quá man dã, và quá sức bí ẩn, để chúng tôi không thể nghĩ là công trình sẽ được hoàn thành trong một tháng công tác. Ít nhất phải 6 tháng, công trình mới may ra có chút triển vọng.

Bây giờ chúng tôi phải trả lại niềm bí ẩn về lại cho rùng. Và như vậy, những câu hỏi lại tiếp tục như ông chủ tịch Cơ quan quốc tế khảo sát về Người Rùng:

"Vào những ngày thứ Hai, thứ Tư và thứ Sáu, tôi mạnh mẽ tin người Rùng là có thật sau khi đánh giá và đọc các bản tin tức. Vào những ngày thứ Ba, thứ Năm và thứ Bảy, tôi cho chuyện người Rùng là vô lý. Vào ngày Chủ nhật, tôi nghỉ."

oOo

Cách đây không lâu, vào cuối năm 1998, tôi được đọc một bản tin ngắn của hãng AFP được đánh đi từ trong nước. Bản tin cho hay chính quyền Quảng Ngãi mới đây vừa bắt giữ một người Rùng. Ông ta tên là Dương Văn En, 60 tuổi, nguyên là một hạ sĩ quan thuộc tiểu đoàn 70 Biệt động Quân Biên Phòng. Ông và hai người bạn vượt ngục vào năm 1979. Khi bị bắt, người lính VNCH, gốc Hre, đã không còn gì hết, trừ chiếc khố bằng vải rằn ri. Các phóng viên diễn tả ông như một người tiền sử nửa người nửa vượn, rất khó khăn khi nói trở lại tiếng mẹ đẻ của mình...

Quả thật vậy không? Nhưng làm sao tôi có thể thuyết phục được hai vị tiến sĩ, giáo sư của tôi về một sự xuất hiện của một chủng loại người rùng mới, chỉ có mặt tại Việt Nam, mà người ta đang nói đến ?

Làng xóm buồn thiu

1.

Đợt khi tổ tiên sát chạy đến gần cây cầu gỗ, ẩn dưới bờ mương, tôi mới bắt đầu cho tổ của trung sĩ Y Bok tiến chiếm gò mả để yểm trợ cho tổ đi sau. Bên kia cầu, cả một vùng tan hoang. Có vài ngôi nhà bị đổ nát, còn lại đồng gạch vụn thê thảm. Tiếng ông đại đội trưởng trong máy

PRC 25, dặn dò coi chừng có mảng cầu cài nhiều lắm. Tiếng máy sôi rè rè mất còn, hồi hả. Bây giờ, trung đội một của thiếu úy Hoàng cũng bắt đầu tiến lên trên đám ruộng phía trái. Một chiếc L19 đang bay đảo vòng trong bầu trời xanh lơ. Một trái khói bốc lên cách chỗ tôi khoảng chừng 100 thước. Viên sĩ quan đề lô đang điều chỉnh quả đạn hiệu chỉnh. Sau đó là tiếng rít của đạn hú trên đầu như tiếng tru tréo gọi hồn của ma trời quỷ sứ. Rồi tiếp đến là những đốm lửa tóe lên cùng với những tràng nổ long trời khiến cả thân thể tôi phải bật dậy.

Chúng tôi đang chờ đợi giờ G. Chúng tôi đang đợi chờ cái giây phút giáp mặt với sự thật, mới hiểu thế nào là giá trị của một mô đất, một bờ nương, mới tận dụng tai, mắt, mới có thể biến mình là quỷ, beo hùm, mới đâm lưỡi lê máu phun thành tia vòi mà không đau đớn, mới hét gào Sát vỡ tung cả lồng ngực để lên tinh thần, để quên sợ để cho đẹp dạ những kẻ chuyên môn ngồi trong tháp ngà, sau màn hoa mà nói về chí trai hào kiệt... Có tiếng chim hót trên chóp tre. Trời ơi, vui gì mà hót líu lo hờ chim. Ta đang căng thẳng thần kinh. Ta đang tính toán làm sao để vượt qua cái khoảng trống lạnh căng trước khi vào xóm. Ta đang cầu nguyện mọi sự bình an để ta còn về phố mà hoang đường cả phê thuốc lá. Ta đang cố nán lại phút nào hay phút nấy để pháo binh dập nát mục tiêu, để ta còn an tâm thông dong như đi dạo cảnh...

Thằng truyền tin nói bên tôi. Đại bàng nói trung đội mình chuẩn bị đợi gà cồ dứt thì bắt đầu vào. Thằng Một yểm trợ mình. Tôi nghe mà không trả lời. Đốt thêm một điếu thuốc nữa. Hơi thuốc may ra xoa dịu trí căng thẳng. Tiếng rít cắt của đạn ròn rợn và những đốm lửa tiếp tục loé lên lẫn những cuộn khói đen. Đạn dập kiểu này thì con kiến cũng không lọt huống gì người. Cám ơn viên cố vấn Mỹ. Từ ngày có ông, đại đội xin gì được nấy, pháo binh, không trợ ê hề dư dật, chẳng bù trước kia, đàn con bơ vơ bất vát...

Tôi bậm môi, ra hiệu người lính truyền tin đến gần, và lấy ống liên hợp báo cáo về Bộ chỉ huy đại đội: Phú Sơn, đây Phú Sơn Ba nghe không trả lời. Tôi báo cáo cho anh trình với thẩm quyền là các con tôi sắp vượt qua cầu... Nghe rõ trả lời. Tiếng rè rè từ ống liên hợp cất lên: Tôi nghe Phú Sơn Ba nằm trên năm. Nắng đã bắt đầu lên và cánh đồng trải dài im lặng không có dấu hiệu gì chứng tỏ địch đang ở đó.

2.

Pháo binh đã thôi bắn. Tôi đứng dậy hét lớn, tổ tiên sát viên qua cầu, chiếm mô đất trước mặt! Người đầu tiên là Hạ sĩ nhất Ký. Hấn nhồm dậy, chồm tới, một tay giữ mũ rừng, một tay cầm M16 chạy băng qua cầu. Tiếp đến là đám lính tiền sát. Rồi đến phiên tôi và người lính truyền tin. Ông trung đội phó theo tổ cuối. Không ngờ mọi sự lại yên ổn như vậy. Không có một tiếng súng nổ. Toạ độ đầu tiên đã được chiếm. Chúng tôi phải nằm để bảo vệ cho những đứa con khác và bộ chỉ huy tiếp tục qua cầu. Sau đó là mục tiêu kế, xóm nhà trước mặt. Lúc này mới là lúc quyết định. Bởi muốn đến chúng tôi phải qua cánh đồng trống. Nó là xạ trường tốt cho những cây súng trong xóm. Với vị thế như thế này chỉ có cách duy nhất là chạy, nhắm mắt mà chạy, dàn hàng ngang mà chạy, may nhờ rủi chịu. Những lúc như thế này, người trung đội trưởng phải chạy ở sau, sẵn sàng bắn vào những tên lính run sợ ở phía trước. Những lúc như thế này, không được bò, mà ưỡn ngực mà thét mà gào mà hú mà dọa.

Trời ạ, một tay trói gà không chặt, nguyên là một ông thầy dạy công dân bây giờ đang kể toàn chuyện giết nhau. Những chuyện quá buồn bã trong một đất nước cũng quá nhiều nhưng buồn bã. Không. Tôi chỉ kể về kinh nghiệm chiến trường quý giá không có trong binh thư. Chúng giúp chúng tôi tồn tại, sống sót, để tiếp tục làm thanh niên trong thời loạn. Thử tìm tất cả sách vở, có ai viết về kinh nghiệm này không. Từ việc nghe tiếng đạn nổ để xác định hướng địch. Từ việc khi xung phong đừng bao giờ bò. Chẳng thà bị cụt chân còn hơn đạn trúng vào tim. Từ việc lúc nào nên chạy lúc nào không chạy trong khi bị địch vây khốn. Từ việc nghi binh hay kể cả việc qua mặt cấp trên thay vì nằm mưa nằm gió lại tìm chỗ tốt qua đêm. Tôi đã học từ họ

những điều rất tầm thường nhất nhưng rất hữu ích nhất. Để bảo vệ tôi. Để bảo vệ lính tôi. Có lẽ mai này nếu còn sống sót tôi sẽ viết sách để đời: Làm thế nào để ra trận mà còn sống sót, để thanh niên nước tôi được nhờ thay vì để mấy ông trí thức học giả linh mục ở thành phố cứ nói hoài đến thuốc độc khai quang hay cho cây rừng còn xanh lá...

Thuốc độc khai quang. Nhằm nhờ gì ba cái loại thuốc làm rụng lá rụng cỏ. Ít ra nó cũng làm bìa rừng, bìa núi những con đèo, những con đường âm u tử địa kia được sáng sủa hơn, được an toàn hơn, để chúng tôi còn được sống sót, để quý vị được bình an khi qua đèo qua ải. Chỉ có chúng tôi và đám lính Đồng Minh mới là những kẻ bị ảnh hưởng trực tiếp nhiều nhất. Chúng tôi không la thì ai la. Nó đâu có rụng lông chân mấy ông bộ đội miền Bắc rúc sâu trong rừng già mà lại la hoảng. Nó đâu có rải xuống xóm làng đâu mà lại theo đuôi mấy tay trí thức mang kính gọng vàng. Bằng chứng là dân ta vẫn đẻ nhiều, vẫn tiếp tục sinh sản lành lặn để đóng góp bổ sung vào guồng máy chiến tranh cho đủ nhu cầu quân số. Có phải vậy không?

3.

Đại bàng ra lệnh chúng tôi chiếm mục tiêu phía trái. Đó là một khu nhà đổ nát dưới những thân dừa rũ lá mặc niệm. Tôi truyền lại lệnh cho ông trung đội phó Y Suk. Người lính Thượng gốc Ê Đê bò đến các tổ trưởng truyền lại lệnh của tôi. Tôi nhìn quanh, những người lính đang chuẩn bị với súng và lưỡi lê. Tôi hét Thám kích! Lính gào lên Sát! Sát! và chạy về phía trước. Bây giờ tôi chẳng khác một dũng tướng cũng nên. Tôi bắn ào ào xuống đất lên trời để lính phía trước không dám chùn bước. Phải làm vậy để họ chỉ biết chạy, nhắm mắt nhắm mũi mà chạy, để chúng tỏ đạn ở phía sau có thể nhắm vào họ nếu họ không hoà nhập vào đám đông. Phải làm cho cả tập thể trở thành một khối đồng nhất. Lúc này ai cũng phải như ai. Nếu không hoà nhập sẽ bị đào thải không thương xót.

Chúng tôi vừa chạy vừa bắn vừa hét. Yên tĩnh. Một nỗi yên tĩnh lạ kỳ đầy những bất trắc. Mục tiêu đã được chiếm quá dễ dàng. Có lẽ địch sợ quá nên rút đi. Hay cũng có lẽ tin tình báo là tin vịt. Hay là địch đang ẩn mình đợi chờ ở đâu đó. Đám lính ngồi dưới những bờ đất hay nép vào những vách nhà tan hoang, súng chĩa vào phía trong. Những cuộn khói từ trận pháo vừa qua vẫn còn bốc lên nghi ngút. Bên cạnh tôi, một hố pháo vừa đào. Tôi liên tưởng đến một hầm hố công sự an toàn nhất. Trên cao mặt trời chói lọi. Tôi lấy bidong nước và tu và xối trên đầu. Cảm giác bất an cứ đè nặng khiến đầu óc tôi căng thẳng. Rõ ràng cuộc chiến tranh này chúng tôi là kẻ bị thua thiệt nhất. Người ta nói nhiều đến chiến thuật lũng và diệt địch. Nhưng địch ở đâu để chúng tôi lũng và tiêu diệt? Địch là ma là quỷ. Địch cũng có thể kiểm tra cũng cùng màu da giọng nói như chúng tôi. Làm sao để lũng khi núi rừng thì bao la, đất trời thì lồng lộng, khi đối phương như ma quỷ tàng hình, ở thể thượng phong. Chỉ có bọn lính trinh sát thám kích chúng tôi mới là những kẻ khổ nhất. Họ dùng chúng tôi để nhử mồi, để dụ địch ra khỏi hang ổ, để lãnh phần thiệt đầu tiên.

Xin lỗi, tôi đang nói với tôi, bởi vì chẳng có ai để mà tâm sự, trút nỗi lòng. Quan lớn có khi nào nghe quan nhỏ đâu. Tiến sĩ có bao giờ chịu nghe kẻ bần dân ít học đâu. Nhà văn lớn có bao giờ nghĩ mình một ngày phải chịu thua nhà văn nhỏ đâu. Tôi đang hỏi cùng trời đất quê hương làng xóm tôi về giải phóng. Địch ở nơi nào hở. Tại sao tình hình lại quá chừng yên ổn như thế này, khi cả trăm quả đạn pháo binh đã đổ xuống như mưa, khi trước đây, rõ ràng chúng tôi thấy những bóng bà ba đen chạy vụt qua, để chúng tôi phải nả súng, để đại bàng phải chửi tùm lum vì nổ súng bừa bãi. Khi mà trong lệnh hành quân cho biết: *"Tin tình báo xác nhận vào khoảng một đại đội có vũ khí cộng đồng xuất hiện vào đêm... tại ấp V. Chúng sẽ dưỡng quân tại đây đồng thời sửa soạn cho một cuộc tấn công mới vào vùng của ta"*.

4.

Có tiếng xầm xì của một người lính Thượng, khi hắn hửi được mùi vị khác lạ. Hắn bảo tôi thiếu úy có cứt còn mới. Tôi cố gắng tận dụng khứu giác, nhưng chịu thua. Tôi nói với Y Muôn: Tao không nghe gì cả. Hắn quả quyết: Tui có kinh nghiệm mà thiếu úy. Cứt còn mới. Rồi hắn như con chó săn, cầm súng đi tìm bãi phân. Hắn đã tìm những bãi cứt mới ở gần đấy. Rõ ràng địch vừa mới đóng quân. Có nghĩa là tin tình báo đúng. Phải cảm ơn thằng lính Thượng của tôi. Nó thay chó săn để đánh hơi địch. Nó dạy tôi biết hơn về cái giá trị của mùi phân mùi cứt trong lúc thiên hạ thì cứ tưởng đến trắng treo đầu súng, màu áo hoa rừng, chiến sĩ của lòng em hay da ngựa bọc thây. Tôi chụp ông liên hợp báo cáo về bộ chỉ huy: "*Phú Sơn đây Phú Sơn Ba nghe không trả lời. Các đũa con tôi mới khám phá được hầm cứt còn mới...*"

Ở đầu ống, tiếng la giọng Quảng Trị của thằng truyền tin cho đại bàng: "*Thiếu úy bộ giỡn với đại bàng hay sao. Tui mà trình, ông chửi tui chết*". Tôi đâm quạu, chửi thề. "*Mày cho tao gặp thăm quyền*". Ông đại bàng lên máy, hỏi thằng bằng bạch văn: "*Cái gì đó Phú Sơn Ba ?*" Tôi nói: "*Lính tôi vừa khám phá một hầm cứt*". Ông cười ở bên kia. "*Nó ăn thì phải ỉa, đâu có lạ gì*". "*Không, cứt còn mới. Chúng tớ chúng vừa mới ở đây*". Lời giải thích của tôi có vẻ hợp lý nên ông dặn dò: "*Ừ, Phú Sơn Ba dặn các đũa con phải cẩn thận, tao cho thằng Một lên yểm trợ mày. Nghe rõ trả lời*". Tôi nói: "*Nghe năm trên năm*". Sau đó tôi ra thủ hiệu cho các đũa con tôi đều nằm xuống. Một tiếng động thật nhanh và khô kèm theo một âm thanh đổ. Tôi quay nòng súng. Tim thót mạnh. Một con heo nái với những chiếc vú dài lê trên mặt đất xuất hiện từ một bụi lau. Hạ sĩ Y Wang vừa chỉ tay vừa xầm xì. Tôi biết trong đầu nó đang nghĩ gì. Chỉ tội nghiệp cho con vật lỡ sinh tại vùng địch nên cũng mang theo cái căn nghiệp của kẻ thù.

... Binh Hà vừa tìm ra một thùng đạn K.50 dẫu trong hàng rào dâm bụi. Tôi bắt đầu cho các tổ lục soát và bố trí ra hướng bờ sông. Đàng xa là bãi cát trắng, những khóm lau đen nổi lên trên mặt nước yên tĩnh. Xa hơn nữa là dãy núi Bà Đen, hình dáng như con quái vật nặng nề đen thẫm. Tôi mở bi đông lấy một tí nước đổ vào trán và quệt lên hai con mắt mỗi một. Cái kính đã bị bụi bám đầy nhem nhuốc. Nước mát lạnh. Tôi cởi hàng cúc áo, để hứng những làn gió mát từ hướng sông thổi lại. Những người lính trung đội vẫn tiếp tục lục soát. Họ hăm hở. Trung đội Hai đã vào và lục soát những khóm nhà dọc theo con đường làng. Trung đội Một chặn đường ở cầu nằm ở bờ mương. Đại bàng lại dặn dò trong máy coi chừng lựu đạn gai. Các đũa con của trung đội Hai đã tìm ra một trái cài ở cửa hông. Tôi nói nghe năm trên năm và bảo trung đội phó dặn lính phải cẩn thận coi chừng khi vào nhà lục soát. Những cuộn khói bốc lên từ một căn nhà tranh ven đường. Các con của Hai đã đốt vì không dám gỡ lựu đạn.

Có tiếng nổ long lĩ tiếp theo. Cả một loạt tiếng nổ khác sau đó. Điều này chứng tỏ địch đã cài lựu đạn và cất dẫu đạn dưng trong nhà. Trong buổi trưa oi nồng, tiếng reo của lửa dòn dả. Vì là mái tranh nên lửa dễ dàng bắt cháy. Lửa theo gió bốc cao ngọn. Hơi nóng tấp vào da thịt tôi. Tôi lại lấy bi đông uống thêm một hớp nước. Người truyền tin ngồi bên cạnh tiếp tục nghe và báo cáo. Gia đình tôi vô sự. Hà. Anh bắt được một đũa hủ. Nó có mặt trong trận đánh năm Mậu Thân tại Qui Nhơn hả. Đàng sau nhà có tiếng hét của một người lính. Lên không. Đầu hàng đi. Tao ném lựu đạn xuống bây giờ. Tôi đứng dậy tiến về tiếng hét. Thằng Trung đang lăm le cầm trái M26 ở trên miệng hầm. Tôi la lên: Trung! Mày làm gì thế? Trung nói: Thiếu úy em nghe tiếng động dưới hầm. Tôi nạt tại sao mày biết nó là VC. Lỡ dưới hầm toàn là thường dân thì sao? Nó phân trần: Ở đây mà thiếu úy bảo là thường dân sao? Tự nhiên tôi nóng mặt. Tao ra lệnh không được quăng. Mày nghe không? Mày tưởng bắt VC dễ dàng như vậy sao? Mày tưởng chúng nó ngu ngồi dưới hầm đợi mày tới quăng lựu đạn sao?

Vâng, tôi đã quá quen thuộc với những cảnh như thế này trong suốt ba năm trời lội nát làng xóm Bình Định. Tôi đã chứng kiến những cái chết thê thảm của thường dân ở dưới hầm, vì

pháo binh hay vì lựu đạn. Chắc chắn không phải lỗi của chúng tôi. Mà là lỗi của họ. Họ là kẻ thù của chúng tôi, dù họ là đàn bà con nít, hay bô lão. Như hôm nay, những tiếng nổ long trời kia đã chứng tỏ được tâm địa của họ. Nhưng lương tâm đã không cho phép tôi xử sự như vậy. Tim họ hiểm độc nhưng họ vẫn là đàn bà ông già bà cả con nít. Và tôi nghĩ là những người bạn tôi, sau khi rời trường Thủ Đức cũng có cùng một ý nghĩ như vậy. Trách là trách chúng tôi đã không mang niềm tin về họ để họ ngang ngược bám đất bám làng, đêm đêm đi đắp mô, gài mìn giết hại chúng tôi.

Như vậy thì phải làm gì đối với đám dân bất trị? Trong trường hợp này chỉ có lựu đạn cay là cách hữu hiệu nhất. Nhưng đơn vị tôi không được trang bị loại lựu đạn chống biểu tình. Kể đến là xông khói bằng rơm hay xử dụng trái khói màu. Và cuối cùng nếu họ không chịu nghe, ngoan cố thì ráng chịu. Không còn cách gì khác.

5.

Tôi nằm trên miệng hầm, áp tai vào đất. Có tiếng rục rịch ở dưới. Tôi la: Tôi đếm từ một đến mười, đồng bào không lên chết chịu. Một hai ba bốn. Đồng bào lên không, tôi ném lựu đạn xuống bây giờ... Tôi dọa dẫm. Tôi hét lớn. Tôi muốn họ sống. Tôi đã từng thấy những đám người chui lên hầm, người đàn bà bồng đứa con sơ sinh. Tôi đã từng thấy đứa bé gái mới 7, 8 tuổi, đôi mắt tột cùng sợ hãi bên người là bọc đồ... Tôi đã thấy rất nhiều trong suốt thời gian vật lộn cùng sinh tử, gọi là đi bảo vệ quê hương. Càng lao vào cõi dữ, càng nhận ra không ai khổ hơn người dân. Họ ở giữa hai lần đạn. Họ không muốn ở phe này phe kia. Họ sợ người ta nhân danh. Họ chỉ biết bám đất bám làng, bởi vì nếu không bám thì lấy gì mà sống. Họ chấp nhận sống trong địa ngục, rúc trong hầm mỗi khi có canon pháo binh rớt xuống, sau đó lại trồi lên tiếp tục bám đất bám vườn.

Bởi vậy, tôi đã chần chừ khi đếm, khổ sở khi đếm. Đến tiếng thứ bảy, thì một mẹ đàn bà trạc chừng 40 tuổi hiện ra tối mờ cửa cửa hầm. Mẹ có bầu. Mẹ vừa trồi lên vừa chấp tay lạy: Lạy các ông, chúng con vô tội. Binh Hai hét: Còn bao nhiêu người ở dưới đó? Mẹ rên rỉ: Dạ còn chừng bảy, tám người. Gia đình của con cả, thưa ông. Tiếp đến một lũ người trồi đầu lên. Đầu tiên là hai ông già, hai người đàn bà và mấy đứa con nít. Họ mang theo những chiếc va ly thiếc, những thùng đồ hay những túi vải bố. Tôi bảo lính dồn đám người về một góc. Nắng chói lòa trên nền nhà đổ vụn và những mảnh chai phản chiếu một màu nhức nhối. Mẹ đàn bà vẫn tiếp tục kêu van: Lạy các ông, xin các ông tha con. Con là thường dân vô tội. Binh nhất Hai lên đạn rắc rắc. Mẹ lại la lên thống thiết: Các quan ơi, con vô tội. Binh Hai đá cái va ly thiếc bay đi một khoảng rồi nói: Sao mẹ có bầu. Chồng mẹ ở đâu rồi. Mẹ ta vội trả lời: Chồng con, ảnh làm làm lính Quân Cụ ở Qui Nhơn. Tôi cười. Bao giờ cũng vậy, mỗi lần hành quân qua các ngôi làng mất an ninh, không thấy đàn ông ở đâu chỉ thấy toàn đàn bà có chửa. Và khi hỏi chồng bà ở đâu, chúng tôi chỉ nghe trả lời ảnh đi lính Quân Cụ, Quân Nhu hay nằm bệnh viện. Lần này mẹ đàn bà cũng nói như vậy. Tôi bảo lính lấy dao găm cạy chiếc va ly thiếc. Nấp va ly được mở tung. Có một bộ kaki vàng. Binh Hai hét: Chồng mẹ đi lính Quân Cụ hay đi giải phóng? Hấn sắp bặt tai, thì tôi vội ngăn lại. Mẹ đàn bà nhìn tôi van lơn.

Trời ơi, trận chiến gì mà chó má như thế này, hở. Địch ở đâu. Tôi phải làm gì để mang cho họ niềm tin là chúng tôi đến để cứu họ, giúp họ, giải phóng xóm làng của họ. Tôi phải làm gì để họ nói thật khai thật về những hầm chứa vũ khí, những quả lựu đạn gài, những kẻ địch đang ẩn núp trong vùng? Tâm lý chiến đâu rồi, chiến tranh chính trị đâu rồi. Tôi không học một khoá nào về nghệ thuật lấy lòng dân, làm sao tôi có thể cạy miệng, hay biết rõ tác giả cái bầu của mẹ ta. Tôi muốn bỏ cuộc, buông xuôi, mặc lính tôi muốn làm gì thì làm. Tôi muốn tìm đến một chỗ khuất, ngồi và khóc. Mẹ tôi đó, ngồi trên sân nắng, hai tay chấp lại vái lạy khóc lóc trước bọn

lính Tây. Và bây giờ, người đàn bà này. Vẫn những cảnh tượng cũ diễn đi diễn lại mấy mươi năm không dứt. Tôi ra lệnh: Thôi hãy để yên cho mẹ. Dồn họ vào một chỗ, đợi lệnh đại bàng.

Chiếc L.19 vẫn tiếp tục rà rà trên đầu. Tôi đi về phía nhà sau. Toán lính đang lục soát trong nhà bếp. Một hũ ruốc. Một đĩa reo lên. Một người lính Thượng dứt tay vào hũ rồi bỏ vào miệng, hít hà: Ngon. Ngon. Những thùng lúa bị đổ, thóc tràn ngập xuống nền. Trên bếp, những lư nhang nằm ngổn ngang. Tôi dặn tổ trưởng coi chừng lư đạn gài. Trung sĩ Ba đáp dạ, rồi hỏi, thiếu úy chừng nào rút. Tôi trả lời chắc chiều rồi trở ra hàng hiên. Binh Hai vẫn tiếp tục hét. Mặt hấn đỏ gay. Hấn đã bắt lục trước lũ người ngoan cố. Một cô bé trạc mười ba mười bốn tuổi đang ngồi mặt cúi xuống. Binh Hai thì thào với tôi: Xem chừng con nhỏ đó mình có thể dọa được thiếu úy. Tôi ngược nhìn. Dáng dấp gầy yếu, màu da đen ngăm, đôi mắt phản chiếu nỗi buồn đến đau xót. Binh Hai cầm lược lê, đưa lược vào cổ con bé, gằn giọng: Mà chỉ mấy người đàn ông vừa chạy ở đâu? Không nói tao giết. Con nhỏ oà lên khóc. Dạ con không biết. Binh Hai vội đá vào thùng thiếc bên cạnh. Tiếng động rầm rầm. Chỉ tội cho chiếc thùng. Và cũng tội cho thằng lính của tôi. Trời ơi, chân nó chắc đau. Con bé làm sao hiểu được tấm lòng của nó. Tôi nháy mắt, như nói mày đóng kịch khéo đấy. Một đàn kiến đang bò lên bờ thành. Một hàng li ti, chấm chấm đen. Bọn mày bò biết bao giờ mới thấy mỗi. Gió từ sông mang theo mùi thúi từ nhà bên cạnh.

Đại bàng cho lệnh nghỉ ngơi ăn trưa. Tôi truyền lệnh cho trung đội phó, dặn thêm phải cho người canh gác cẩn thận đám dân bắt trị. Hạ sĩ Tròn hỏi tôi ông thầy cần nằm võng không, em tìm chỗ mát căng cho ông thầy. Tôi nói cảm ơn mày khỏi cần. Nó nói tiếp ở đây có bí bầu rau dền nhiều lắm. Ông thầy muốn loại nào em hái nấu canh luộc rau cho ông thầy dùng. Tôi nói cái gì cũng được. Bên cạnh tôi, người mang máy truyền tin đang ngủ gật, thỉnh thoảng bật dậy, trả lời nhát gừng. Một tốp lính Thượng đang ngồi quay quàn dưới bóng hàng dừa. Tôi chú ý đến hũ ruốc. Quà chiến thắng để đời đấy, phải không bọn mày. Ở một góc, hạ sĩ Hường đang ăn cơm một mình. Hấn ăn chay trường. Thức ăn của hấn là cục đường đen. Ráng ăn chay để được phước nghe mày. Phía kia, một tổ đang nấu cơm. Chiếc cà men đen ám mấy đời khê chín. Tôi nhìn họ, những người lính của tôi, lòng tự dưng dấy lên một niềm cảm động. Những người lính Việt Nam khôn khéo chịu đựng. Cần gì mà xưng tụng. Cần gì mà vinh danh. Cần gì chiến sĩ của lòng em. Những mỹ từ đầu môi chót lưỡi phù phiếm bắt nhẩn trên những tấm thân gầy yếu mà mang cả ba lô súng đạn 40, 50 ký lô, trên đôi chân như hai ống sậy mà run cầm cập đến sồn cả đá khi họ gặp phải một tay đơn vị trưởng bắt nhân, quen thói đập lính, đánh lính bằng hèo, ba ton, bạt tai đá đít, trên lon cơm mà nước mưa thay canh, mà hai que cũ thay đĩa... Những người lính thất học, con cái nheo nhóc, khi xe dừng bên chợ, bên phố, thì rũ nhau ngồi nhìn một đám người ngồi ăn nhậu hả hê, cửa lâu khoá chặt, xe díp bóng loáng có tài xế đưa đón vợ con. Những người lính Việt Nam đầy tình nghĩa thầy trò. Họ sẵn sàng hy sinh mạng sống của họ để cứu đơn vị trưởng khi gặp nạn...

6.

Đến bốn giờ chiều, chúng tôi được lệnh mang số dân làng về vùng có an ninh. Chúng tôi phải khổ tâm lắm mới bảo họ lên đường. Những thúng gạo, nồi niêu, chén bát kèm theo những tiếng khóc nức nở. Lính thúc súng vào từng người hăm dọa họ mới chịu bước. Viên cố vấn Mỹ đếm từng đầu người rồi ghi trên sổ tay. Đồng ruộng trải dài, thỉnh thoảng vài hố bom cày loang loáng nước. Đoàn người chậm chạp đi qua những thửa ruộng đất bùn. Hai bà già chống gậy mò mẫm. Đi được một đoạn bỗng nhiên lăn ra nằm trên đất, khóc rống: Bọn mày đi thì cứ đi. Tao ở lại. Tao chết cũng còn thấy nhà tao, cha mẹ tao, ông bà tao. Tao không sợ chết đâu. Tao già rồi. Người đàn bà mặc áo màu nâu đến ôm chân bà lão khóc lóc: Má không đi, con cũng không đi. Chúng tôi phải dừng lại. Làm sao có thể khuyên hai bà già cứng đầu này được. Chiếc L19 vẫn bay rà rà trên đầu. Đại Bàng thúc dục trong máy C25: Hãy đưa họ về mau. Trời sắp tối rồi. Viên trung đội phó cầu nhau: Kệ họ thiếu úy. Mình về muộn bọn nó phực kích thì chết. Tôi báo

cáo trong ống liên hợp: Xin đại bàng chờ, tôi nói mãi họ cũng không chịu đi. Nhất là mấy bà lão. Tôi bỏ máy đến bên bà lão cố năn nỉ: Xin ngoại gắng đi, có gì bọn cháu giúp cho. Nhưng bà già vẫn nằm lẩn trên đất, tiếp tục gào: Tao không đi. Tao không sợ chết. Tôi nuốt nước miếng. Cổ họng khô đắng. Trung đội hai đã bỏ cách chúng tôi xa, khuất sau đám tre của ngôi làng T.H. Trời đã về chiều. Nắng vàng hiu hắt trên những hố bom loang loáng nước. Đại Bàng lại ra lệnh mọi giá hãy đưa về vùng an ninh. Tôi trả lời: Tôi chịu thua, đại bàng.

Cuối cùng, đoàn người được chúng tôi cưỡng ép thúc sủng đưa về làng ven lộ yên ổn. Có ba bốn người ở lại không chịu đi. Đám người đứng ngồi chờ đợi. Chờ đợi điều gì, chúng tôi không cần biết. Đại bàng bảo nhiệm vụ của mình đến đây thì hết. Sơn Tây cho mấy đứa con ra lộ chờ cua đến rước. Tôi đứng trên thềm của một ngôi nhà gạch nói lớn: Bây giờ đồng bào có thể yên tâm ở lại. Đây là vùng an ninh. Có lính Cộng Hòa bảo vệ đồng bào. Đồng bào được quyền tự do đi lại. Chúng tôi cảm ơn đồng bào.

Một ông già chột giờ tay:

"Bầm quan, quan đưa chúng tôi về đây không nhà không cửa rồi quan bỏ chúng tôi lại đây chịu chết đói sao. Chúng tôi ra đi không mang theo một đồng bạc làm sao chúng tôi có cơm có gạo mà ăn."

Tôi nói:

"Đồng bào an tâm. Chính phủ sẽ lo lắng để đồng bào an cư lạc nghiệp. Chính phủ sẽ cấp nhà cho đồng bào ở, gạo cho đồng bào ăn".

Tôi nghe tiếng xầm xì nổi lên. Trong máy Đại Bàng dục sửa soạn zulu, cứ để tiểu khu lo. Tôi thấy những con mắt ngơ ngác nhìn quanh. Một đôi vợ chồng già đang tìm một góc thềm của căn nhà hoang, trải tàu dừa khô làm chiếu. Một đứa bé đang đứng ủ rũ. Chắc em đói. Trời ơi, tại sao hết bất hạnh này tiếp đến bất hạnh cứ bủa chụp xuống xứ sở này. Ngày nhỏ, tôi cũng chẳng khác gì hoàn cảnh đứa bé ấy, đêm đêm cũng nằm dưới hầm, nép dưới phán, tránh đạn, tránh pháo, tránh những gì mà thế hệ cha anh tôi đã bất lực truyền lại. Rồi bây giờ đến phiên đứa bé này. Mấy mươi năm chưa đủ động lòng những trái tim uống máu ăn thề sao. Mấy mươi năm chưa đủ hả hê cùng trò chơi chiến tranh sao?

Tôi gọi máy về đại bàng. Tôi xin đại bàng cho tôi một ân huệ. Cho tôi tập hợp hết đơn vị, nói với lính hãy trút hết gạo, hay lương khô còn dư thừa để tặng cho những người dân làng.

Viên cố vấn thấy vậy, tới bắt tay tôi, Oh your soldiers are so kind.

Ông ta lại hỏi tôi: "Tại sao họ lại có mặt tại một nơi như địa ngục như vậy. Bộ họ không sợ chết sao?"

Tôi trả lời:

"Thưa ông, nếu họ không ở đó thì họ đi đâu bây giờ?"

"Thì họ về vùng chính phủ. Chính phủ ông sẽ lo cho họ. Mỹ đã viện trợ rất nhiều cho kế hoạch này mà"

Tôi im lặng. Nói ra thì cũng thêm nhục dân tộc. Có những điều phải dấu tận lòng. Bằng chứng giờ này tiểu khu vẫn chưa cử người đến giúp đỡ đám dân bất hạnh.

7.

Trái với lệnh hành quân là các con cua sẽ đến đón chúng tôi về hậu cứ vào buổi chiều, nhưng đến giờ phút chót chúng tôi được lệnh đóng quân đêm tại làng T.H. Đại bàng chọn trụ sở áp làm bộ chỉ huy. Đến bảy giờ (giờ) các toán kích của trung đội bắt đầu đến mục tiêu. Tôi dặn trung sĩ Hoàng nếu dụng cứ bắn ba phát súng báo hiệu trước khi rút về. Tổ kích gồm những cậu lính tân binh. Tôi hơi e ngại nhưng nghĩ rằng đã là lính thì phải biết mùi. Riêng tôi thì dắt trung đội lớn vờn trong khu vực định đến đêm sẽ rút, để tổ của trung sĩ Hoàng nằm lại. Đây là lối nghi binh. Trên đường di chuyển chúng tôi gặp một ông già mặc bộ bà ba đen đạp xe đạp.

Tôi bảo lính chặn lại để hỏi vài điều cần thiết. Nhưng ông già làm như không nghe vẫn cầm cúi đạp. Thằng Hà vội lên đạp rập rập, quát: Ông đi tôi bắn tôi bắn. Lão ngừng xe. Tôi bảo binh Lợi hỏi giấy tờ, lục soát thật kỹ. Dáng dấp lão thật khả nghi. Binh Lợi hỏi giấy tờ lão đưa đầy đủ, nhưng khi đòi đưa cả bóp, lão nâng nặc không chịu đưa. Tôi nói tiền bạc ông có bao nhiêu ông cứ cất giữ, chúng tôi sẽ không đụng vào, còn bóp thì đưa tôi. Tôi chìa nòng súng dọa dẫm. Lão líu riu đưa. Nhưng mặt mày tái mét. Cuối cùng tôi tìm được một tờ giấy có đề V.N.D.C.C.H. Tôi cười, vỗ vai lão thân mật:

"Chúng cháu từ núi mới xuống để đêm nay tiêu diệt bọn ngụy ác ôn giải phóng đồng bào. Bác thấy khăn quàng cổ đỏ này không. Màu biểu thị quân giải phóng đó"

Lão ngần ngừ, rồi nói:

"Tôi không biết, không biết"

Tôi tiếp tục thuyết phục:

Bác hãy chỉ những anh chị em đồng chí ra gặp chúng cháu, để cùng nhau làm việc."

"Không. Không"

"Bọn cháu là quân giải phóng. Tại sao bác lại không tin. Bộ bác theo ngụy, tay sai của bọn đế quốc Mỹ xâm lược? Cháu hỏi lại bác tin hay không tin?"

"Tin" (Có tiếng cười khúc khích đâu đó nổi lên)

"Tốt. Bây giờ bác hãy đem xe đạp gởi ở nhà bên cạnh, rồi đi với chúng cháu"

Một chốc, lão đi ra. Chúng tôi cười. Binh Hà trầm thì: Lại gặp một tên nằm vùng. Nhưng vừa thấy chúng tôi là lão rên rĩ. Hình như lão đã biết mình bị gạt gẫm:

"Tôi vô tội. Tôi là phó ấp. Anh em lường gạt chúng tôi"

"Không. Chúng cháu là quân đội giải phóng anh hùng. Cháu hỏi bác lần chót. Bác ở với giải phóng hay bác theo Ngụy?"

"Tôi theo Ngụy!"

Cả đám lính cười rộn rã. Tôi nói với người lính ô đơ:

"Thôi để lão đi kéo tới".

Toán lính trở về dưới ánh trăng mập mờ. Tiếng dạ trùng vọng về buồn bã. Những khóm tre xòa tóc như những bóng ma quái. Tôi cảm thấy lạnh. Trong máy C25, các đứa con của trung đội Hai báo cáo bắt được một người đàn ông vừa trốn từ chân núi trở về và sắp sửa bắn một người đàn bà trong đêm lại mò lên núi.

Các đứa con báo cáo vị trí đã bị tiết lộ bây giờ xin được di chuyển về một địa điểm khác. Đàng sau tôi giọng người truyền tin vẫn tiếp tục thì thào: Các đứa con tôi đang zulu, đừng nổ súng ầu nghe bồ ...

(Thư Quán Bản Thảo, tập 2 tháng 11/2001)

[1] Viên Linh, Khởi Hành số 106 tháng 8.2005, phần giới thiệu tác giả Phạm văn Nhân qua truyện ngắn Vùng đồi.

Bệnh xá cuối năm



Trước khi vào truyện:

Chúng tôi xin đăng lại truyện ngắn Bệnh Xá Cuối năm cùng bài giới thiệu của nhà văn Mai Thảo trên tạp chí Văn số ngày 1-3-1972 để bày tỏ lòng biết ơn của một kẻ hậu sinh và xin đốt nén hương lòng kính gửi về hương hồn nhà văn quá cố.

Trần Hoài Thư

Giới thiệu của nhà văn Mai Thảo
(tạp chí Văn ngày 1-3-1972)

Trong cái số rất đông những nhà văn trẻ, những người viết mới của chúng ta hiện nay, cái số rất ít những người nổi bật lên, đã đích thực nhảy qua hoặc né thoát được vũng lầy văn chương đồng phục, là những người đã tìm được cho mình một thái độ lên đường tốt và đúng. Tôi muốn nói đến cái thái độ trầm tĩnh của người lữ hành nhận thức được con đường gai lửa, nên thận trọng trong từng bước tiến. Bởi vì muốn đi tới, còn muốn đi xa. Từ mấy năm nay, theo dõi những bước chân Trần Hoài Thư trong cõi văn chương sáng tác đặc thù của những người viết trẻ, viết dưới bóng cờ, viết bên súng trận, tôi vui mừng nhìn thấy sự trầm tĩnh đó ở Trần Hoài Thư, một Trần Hoài Thư mà hào quang chưa sáng chói bây giờ, nhưng tôi tin sau này, không lâu, là nhà văn trẻ có điều kiện hoàn thành được những tác phẩm có kích thước, có trọng lượng. Nhiều người viết trẻ của chúng ta, sai lạc và nhầm lẫn trong nhiệt tình phóng lớn, đã ném những cái nhìn trọn tròn, căng thẳng vào đời sống, thời thế, đất nước và tuổi trẻ của mình. Để chẳng thấy gì hết. Hoặc chỉ thấy khẩu hiệu chỉ thấy giáo điều. Họ không bắt gặp được văn chương. Bởi văn chương là những biển trời phía khác. Phía tôi nhìn thấy cho Trần Hoài Thư, là cái phía của những người trẻ tuổi đặt sống thành suy nghĩ, tự thành trong cô đơn một đời, xuôi chảy thuận dòng theo đồng hành và thế hệ, nhưng vẫn bảo toàn nghiêm mật được cá nhân mình. Vì biết sống và viết cách nào cũng phải bắt nguồn tự đó.

Điểm xuất phát vào hòa nhập với toàn thể ở Trần Hoài Thư do đó là chính Trần Hoài Thư. Truyện ngắn Bệnh Xá Cuối Năm sau đây của anh là một minh chứng. Khung cảnh và không khí của một bệnh xá trong những ngày cuối năm, là nơi người lính trẻ bị thương trong đoàn thiên Trần Hoài Thư khôi phục lại được con người, cá nhân mình. Người lính trẻ ở đây thể xác còn hư nhược, tâm thần còn giao động, tư tưởng còn hoài nghi. Nhưng không hề gì. Chiều hướng sống của nhân vật trong sáng tác vẫn là từ một trạng thái mê thiếp bàng hoàng đang dần dần hồi tỉnh. Vẫn là cái chết đã qua, đời sống gặp lại. Và thấy. Và nhìn. Dẫu còn bằng một trông mắt mờ, từ một xe lăn, từ một bàn mổ, từ một giường bệnh. Người đọc có thể chê trách người lính bệnh của Trần Hoài Thư trong Bệnh Xá Cuối Năm đã đề cập tới những chủ đề lớn lao như chấm dứt chiến tranh, thống nhất đất nước, đoàn viên và thương yêu hai miền, bằng một tâm

hồn quá đơn giản, thơ ngây. Người lính của chúng ta hiền quá. Hiền thật. Làm thế nào được. Dân tộc ta hiền, mãi mãi hiền, mặc dù đã hai mươi năm lâm trận. Cái tính hiền đó được biểu hiện cùng khắp trong những truyện ngắn về tiền đồn, về mặt trận, của Trần Hoài Thư, mà Bệnh Xá Cuối Năm là một.

Mai Thảo

Những ngày cuối năm, người ta bắt đầu sửa sang lại bệnh xá. Đám lính đã thay phiên quét vôi mới trên các vách tường loang lổ, cũ kỹ của trại. Họ chùi lau các ô cửa sổ, quét dọn con đường, sân trại và đốn ngã một gốc cổ thụ to lớn bên cạnh nhà vịnh biệt. Một vẻ gì mới mẻ và tươi mát đã trở về trên những mái ngói của khu điều trị sĩ quan, trại nội thương số 2, hoặc những mái tôn của trại binh sĩ. Trong thinh không, nắng mới mang theo hơi ẩm. Bầu trời thật xanh, và mây trắng là đà rất thấp, dễ chừng chạm vào đỉnh những cây cổ thụ đầy bóng lá.

Đây là lần thứ hai tôi trở lại khu bệnh xá này. Chiếc xe ambulance cũ kỹ, nệm xe hơi tả, trần xe bám đầy bụi đỏ, hú còi mang tôi vào cổng đầy hoa sứ ấy. Tôi lại bắt đầu làm bạn cùng cái giường sắt kê bên vách trại, cái mùng cũ, tấm mền, tấm drap xa xưa. Có một điều gì quá xúc động đang chiếm lấy tôi, khi tôi đứng trên bậc thềm trại cũ trong một buổi sáng mai rét buốt này. Tôi đang nhìn lại những ngày tháng cũ, như tìm ở đáy một sự dung thân tội nghiệp của đời tôi. Có phải, cuối cùng, tôi chỉ còn có nó, để giúp đỡ tôi trong những ngày quá sức bão bùng. Người bạn yêu dấu của đời tôi. Vậy tôi phải thú thật, người bạn quá thân mến ấy, đã giúp cho tôi quên đi những phiền muộn, những lo âu, những toan tính, sửa soạn ở bên ngoài. Có ai hiểu lòng tôi không? Có ai nhìn con tim tôi đang mềm yếu đấy không?

Đây là lần thứ hai, tôi được sống bằng những ngày tuyệt vời nhất của tuổi trẻ. Bom đạn, hận thù, lênh lạc, tôi đã bỏ quên ở ngoài hàng rào dây kẽm. Bây giờ, thế giới của tôi, tôi đang thu nhỏ lại trong cõi cô đơn. Tôi và cái giường sắt quen thuộc, tôi và tấm chăn áp ủ suốt ngày. Tôi và những ngày trôi qua, với những nỗi quên lãng...

Trại bệnh vàng tươi dưới ánh nắng đầu ngày. Tôi rảo mắt nhìn căn phòng điều trị cũ, để tìm một gương mặt quen thuộc. Các giường sắt đang nằm song song với nhau. Các tấm nệm được cuốn lên tự lúc nào. Các mùng gối đã mang đi đâu hết. Chỉ còn vài người co ro trong bộ đồ xanh nằm trên giường, đang nhìn một kẻ lạ. Thật sự, tôi đã xúc động vô chừng. Tôi liền tưởng đến một ngày ngưng tiếng súng đã sắp kề. Ngày hòa bình đã sắp đến. Tôi nghĩ rằng, chỉ có tôi là một kẻ cuối cùng đến với trại bệnh này mà thôi. Vâng, ở những chiếc giường sắt trống trơn ấy, là một biểu tượng của một cuộc chiến gần tàn hay sao? Là hình ảnh của một chiến trường lảng dụi hay sao? Là kết quả trung thực nhất, mà báo chí, lãnh tụ đã tiên đoán trong những ngày gần đây hay sao?

Tôi đang đứng giữa một căn phòng bệnh xá. Ngày nào, cũng những cái giường này, những người thương binh từ mặt trận trở về, tay chân bó bột, mắt mù, tai điếc đang meo meo rên rỉ. Ngày nào, những đôi mắt tốt cùng đau đớn, đang đắm lệ nhìn lên trần nhà xám xịt, hòa lẫn những tiếng khóc thương của một kẻ vừa lên bàn mổ. Vâng, ngày nào, tai tôi còn nghe rõ, tiếng cha ơi, mẹ ơi, của một người thương binh trẻ, tiếng kêu đau đớn trong đêm tối, em ơi, vợ ơi... Ngày nào, cái thế giới của xanh xao, bệnh hoạn, của khắp khênh, của tàn tạ, buồn như một chiếc xe quen đưa người về nghĩa địa. Bây giờ, thế giới ấy đã không còn nữa... Nếu có, chỉ vài ba con bệnh sốt rét, nước da tái mét đang nằm bất động trên tấm drap chờ ngày xuất viện mà thôi.

Phải hòa bình đã đến rồi không ? Phải cái giờ phút quá chừng tuyệt vời, quá mức linh thiêng ấy đã đến rồi chẳng...Cớ sao tôi đang chờ đợi nó, mỗi mòn suốt ngày trên giường bệnh. Thật sự tôi đã quá chừng mềm yếu. Tôi mong bệnh sẽ tiếp tục hành hạ. Tôi mong phổi tôi sẽ phải nám. Tôi mong mắt tôi sẽ phải nặng thêm một hai độ, tai tôi sẽ phải điếc... Rồi, sẽ trở về một cách thật bình an. Trưa nay, tôi đang nằm trên giường bệnh với bao ý nghĩ trong đầu. Nhiều lúc, tôi ngỡ tôi là một quan tài cũng nên. Tôi đang trải con tim tôi cùng cõi lòng của khu bệnh xá. Trong bốn vách tường hình chữ nhật, vàng nhạt uest màu, có những người đến và ra đi... Tôi nằm lắng tai nghe nổi mỗi mòn rã rời lẫn đi như một bánh xe trên con đường vô định. Giờ này, người yêu dấu của tôi đang ở mãi dưới một đồng bằng châu thổ. Giờ này, nàng đang trở lại căn phòng làm việc cũ của nàng, với những chồng hồ sơ, với những trang đánh máy lờ mờ. Rồi chốc nữa, nàng sẽ về lại nhà, trước tiên nhìn căn phòng, để xem cửa sổ có mở. Nàng vẫn hy vọng một ngày bất chợt tôi trở về để mở cánh cửa đã đóng từ lâu. Tội nghiệp cho nàng. Còn tôi, giờ này, đang ở mãi một nơi cao nhất của xứ sở, của lạnh lùng, của gió vu vu, của mưa thét gào...Một người bạn đã viết về tôi : rồi hẳn sẽ bắt đầu chôn chân vào một lao tù mới. Ồu đâu cũng là một bãi sinh.

Vẫn con cừu già quen thuộc. Vẫn bộ lông dày cộm rủ xuống tận đất, đầy như bản. Nó đã có mặt tại khu bệnh xá này từ bao giờ, nó vẫn kéo dài cuộc sống thật lẻ loi, tội nghiệp, thật mệt mỏi. Một con súc vật quá sức cô độc, chẳng khác một cái bóng mờ ảm đạm. Nó nằm ngủ bên hiên trại. Nó vát vơ trong khu nhà bếp. Nó đứng ủ rũ tránh cơn mưa đang giận dữ thét gào. Nó nặng nề khốn khổ mang bộ lông dày như một chiếc mai tự vạn kiếp. Nó vẫn hiện hữu; khi trong trại bệnh này, biết bao kẻ đến và đi... Nó chẳng khác một ông già trơ trọi nhất trần gian, kéo dài cuộc đời tăm tối.

Trước mặt tôi, con cừu già nua ấy đang nằm trên sàn đất đỏ sười nắng. Ngày hôm nay, trời trở ấm sau những ngày rét mướt lạ lùng. Căn phòng bệnh xá được tô điểm lại, chắc để đón mừng năm mới hoặc một phái đoàn cao cấp nào đó. Con cừu già, miệng nhai chậm chạp, đôi mắt lơ đãng nhìn những bóng thương bệnh binh chập chờn qua lại. Bên cạnh tôi, một vài thương binh trong bộ đồ xanh đang chơi cờ tướng. Họ bị sốt rét hành. Họ đã kể với tôi về những đơn vị bị chứng bệnh trên (...). Sốt rét ở vùng cao nguyên này có tiếng là ghê khiếp. Người bạn cùng phòng đã kể :

- Cậu hãy tưởng tượng một thằng như tôi, uống nước bao giờ cũng đun sôi, cũng bỏ thuốc lọc, thế mà cũng bị sốt rét...

Tiếng người bạn khác chen vào, pha trò.

- Thì vào nhà thương, thì đợi hòa bình...

- (...)

Vâng, cái ảo ảnh quyền rũ ấy, đã đến với chúng tôi như một chất ma túy. Thí dụ, buổi tối hôm nay, đài Luân Đôn, đài Hà Nội, đài Bắc Kinh, đài Sài Gòn, đã trình trọng đọc một bản tin quan trọng nhất trong những bản tin thời sự thế giới: Hai phe lâm chiến đã ý thức được sự tồn vong của dân tộc, đã đồng ý ngưng chiến kể từ ngày...Hòa bình đã về, sau hơn hai mươi lăm năm chiến tranh phi lý... Ôái, nếu đêm hôm nay, tiếng nói ấy như một lời thánh thần ban xuống giữa cõi tối tăm của bệnh xá này... Tôi đang lịm trong giấc mộng tuyệt vời ấy. Tôi đang muốn chết đi trong nỗi sung sướng điên cuồng ấy. Rồi, tôi và lũ bạn ở trong trại bệnh, sẽ dặt dìu nhau, kẻ chống nạng, kẻ băng bó đầy mình, kẻ tóc râu như con dã thú, kẻ xanh xao, ốm yếu, như một tên nghiện thuốc phiện... Chúng tôi sẽ mở cánh cửa sắt của thế giới này, trải con tim thật nhạy cảm cùng nhân loại, để làm một cuộc duyệt binh vĩ đại cùng những người đang lâm chiến. Họ ở Trường Sơn xuống, Hạ Lào qua, Cao Mên lại. Họ từ muôn nơi tụ họp lại, cùng bắt tay nhau, cùng chúc mừng nhau, cùng nghẹn ngào chào nhau. Hà Nội gặp Sài Gòn. Quảng Bình gặp Quảng Trị. Huế gặp Vinh, những thành phố miền Bắc sẽ phải thấp đèn lên, để chào mừng những ngọn đèn của miền Nam. Rồi tôi sẽ theo con tàu suốt đầu tiên, thở khói than hầm, rúc

hồi còi cao ngất để về lại quê nội của tôi. Ba tôi sẽ phải chống gậy chỉ đường ngôi mộ nội ngoại tôi, cái nền đất của ngôi nhà yêu dấu của chúng tôi...Thành phố Quảng Bình quê hương ta ơi. Tiếng hát ấy sẽ không còn tiếng hát của hận thù, của nước mắt, của bom đạn, nhưng là tiếng hát của một thành phố đang mở rộng cánh cổng đón mừng những đứa con lưu lạc trở về thăm quê cũ.

Một cơn gió lạnh thổi qua, tái tê da thịt, tôi khẽ rùng mình, và bàng hoàng đánh rơi cơn mộng. Trước mặt tôi, cách xa một hàng rào dây kẽm, một sự tấp nập hiện ra. Thì ra một phái đoàn ngoại quốc đang đến trại tù thương binh trong quân y viện. Có lẽ họ đang điều tra, hoặc đang thăm hỏi hai tên thương binh BV. Cụt chân. Tôi đứng dậy, tiến về phía khu trại tù binh. Tôi lấp ló ở ngoài sân. Hình như, hai người tù binh trước, lần tôi vào bệnh xá đầu tiên, đã đi đâu. Bây giờ, là hai người mới. Một tên bị cưa chân phải. Một tên thì băng bột cả hai chân. Cả hai đang nằm trên giường sắt. Đám người ngoại quốc bu quanh. Họ chắc hỏi về sự ước muốn trở lại quê hương của hai người tù thương binh kia. Tôi thấy hai người tù lắc đầu.(...)

Tôi đang tự hỏi, phân tích, suy luận về trường hợp hai người tù binh trong trại bệnh này. Tôi cố tìm trên gương mặt ấy, một cái gì biểu lộ một mối thù địch, ác ôn. Nhưng không, tôi chỉ thấy một đôi mắt thật buồn bã, trên gương mặt vô cùng chất phác bị may vá chằng chịt. Đôi mắt ấy, tôi nhận thấy ở bên trong những ô lưới sắt. Màu hoàng hôn le lói trên khung cửa. Nắng chiều còn sót lại, đọng thành từng mảng nhỏ trên gương mặt hần. Hần đang đứng nhìn tôi. Tự nhiên tôi muốn mời hần một liều thuốc. Tôi muốn bày tỏ sự thân thích vô hình giữa tôi và hần. Giữa những con người bất hạnh như nhau, giữa những tên thanh niên sinh ra trong một thế kỷ đen tối. Tôi muốn hỏi rõ cùng hần: Tại sao hần lại không muốn trở về quê hương, xứ sở. Tại sao hần lại ở lại để chịu đựng cái kiếp tù tội muôn đời ? Tại sao hần lại bỏ quê hương hần, trong lúc hần trở nên một kẻ anh hùng... Tôi nói trường hợp ấy cho người bạn tôi cùng phòng. Người bạn cụt một chân, trong một buổi chiều chớm lạnh.

Chúng tôi co rúm trong áo ấm. Liều thuốc mời nhau và gương mặt của bạn tôi chìm sâu trong màu sắc tàn úa của một ngày.

- Bạn nghĩ, tại sao họ lại không chịu trở về ? Tôi nhắc lại một bản thông báo cũ của chính phủ, nói lên một thắng lợi lớn về chính sách tuyên truyền.

- Chính phủ đã có lần nói rằng hơn chính mười trong số một trăm tù binh tàn phế đã không chịu trở về miền Bắc...Bạn chắc đã nghe .

- Vâng , tôi đã nghe. Nhưng tôi muốn nói một điều : Không ai muốn trở thành anh hùng với cái chân, tay đã cụt, đã cưa đầu...(...)

Rồi bạn kể thêm.

- Ngay chính trong bệnh xá này, có những thương binh không dám cho gia đình hay tin mình bị thương. Họ sợ những giọt nước mắt của kẻ còn lại. Họ sợ trở về trước cổng nhà với hai chân đã cụt.

- Vâng , chúng ta đâu có sống cho chính chúng ta. Mà còn rất nhiều sự liên hệ xung quanh chúng ta nữa. Chúng ta không phải sợ hãi, đau đớn cho chính bản thân, nhưng chúng ta sợ bà mẹ, người cha thức trắng hàng đêm, cầu nguyện hàng bữa. Chúng ta sợ những giọt nước mắt của vợ, cái kiếp hẩm hiu, đáng thương của con chúng ta.

Tôi nghĩ đến một người yêu dấu. Tôi muốn thăm thì cùng nàng về những giọt nước mắt trong đêm cuối cùng. Có phải những giọt lệ lăn dài trên hai gò má xanh xao của nàng như là một biểu tượng của một người cô phụ não nùng. Bây giờ, nàng ở thật xa, và tôi, cũng thật xa. Nàng làm sao biết, bây giờ tôi đang lưu thân giữa một cõi hiu quạnh quá chừng. Nàng làm sao biết tôi đang kéo dài những ngày chờ đợi mỗi mòn thế này.

Lại kể về một con ma bên kia nhà xác. Vị bác sĩ trưởng trại đã nhắc đến những điều mà khi bệnh nhân trong bệnh xá đã gặp phải. Một con ma thiếu nữ tên là Thúy Sương, đã về khóc lóc trong giấc mơ của hai người bạn. Kết quả, đêm nào hai người đều bị xuất tinh dầm dề. Nàng đã bị chết thảm trong một vụ nổ lựu đạn cách đây không lâu. Đêm ấy, người bạn tôi không dám ngủ ở giường cũ nữa.

Sáng mai, tôi và hai người tù binh được xe ambulance tải lên phòng ngoại thương để y sĩ khám bệnh. Tôi ngồi cạnh một người tù binh cụt chân. Dưới sàn xe, người tù binh trẻ nằm trên băng ca. Hồ sơ bệnh lý đề tên Nguyễn Thế Vinh, sinh quán tại Quảng Bình. Quảng Bình, quê nội tôi đó, và một người con của quê hương tôi đang nằm trước mặt tôi đây. Quảng Bình, thành phố quê hương ta ơi... Tôi phải nói làm sao để nói người bạn cùng chung một chuyến xe bệnh viện, cùng đồng một số phận, về một tình cảm bất chợt gặp lại trên gương mặt trẻ măng, tái xanh và hao gầy của hắn. Tôi muốn nghe hắn kể lại những gì đã xảy ra trên thành phố bên kia vĩ tuyến, một thành phố như sương như khói, một nơi chốn mà ba tôi ao ước trước khi nằm xuống, được trở về. Người vẫn thường nhắc đến những con mực nang thịt mềm và thơm, những con sò biển ngọt lịm, mùi nước mắm nồng nàn... Người thường nhắc đến, hàng năm, vào ngày giỗ ông nội tôi, về những ngôi mộ không ai dọn cỏ... Tôi ao ước được nghe hắn kể những tai ương kinh hoàng đổ xuống thành phố, sau những trận mưa bom oanh tạc liên miên... Nhưng tôi áp úng không nói được một lời. Có một sợi dây vô hình ngăn chia tôi và hắn. Hắn nghĩ gì khi nhìn tôi? Hắn nghĩ gì khi liên tưởng đến số phận của hắn? Tôi đốt thuốc, mời tên tù binh cụt chân. Tên này lặng lẽ cầm, lặng lẽ gạt đầu rồi nhìn mông lung ra ngoài khung xe lộng gió. Tôi biết làm gì hơn.

Một ngày cuối năm trở về trên bệnh xá. Một ngày buồn ghê gớm cho những kẻ không nhà, không một thân nhân. Tôi đang ngồi trên một thân cây đổ. Hoàng hôn về đem theo hơi lạnh đến sớm. Những con chim mùa xuân đang bay vờn trên bãi cỏ. Gió rì rào trên khóm lá xoan. Lũ bạn tôi vẫn ngồi bất động. Không ai nói lên một lời. Đằng sau tôi, phía trại tù binh, một tên tù binh đang đứng nhìn ra sân. Phía bên hàng rào, nhà xác đang vang lên nức nở tiếng khóc của một người đàn bà. Một người thương binh xanh xao đang cúi đầu lặng lẽ đi trên con đường đất đỏ. Hắn đang cầm một bó hoa huệ đi cắm trước bàn thờ. Một người Thượng đang kéo ống quần xanh lên, mân mê vết sẹo. Còn tôi, tôi đang mơ đến một nơi trở về, khi ngưng tiếng súng.

Sáng mai, tôi lên xe cùng hai người tù binh. Chúng tôi được di chuyển lên phòng ngoại thương để khám một lần cuối./.

Chiến tranh

Suốt cả một buổi trưa hai thằng chúng tôi mắc nạn không thể bò xuống đồi. Tư bị đạn trúng bả vai và chân. Còn tôi thì bị lựu đạn làm bể cả bắp đùi.

Lúc này mạnh ai nấy thoát. Bởi ai cũng biết rằng nếu ở lại thì chết bởi những họng súng đang sẵn mỗi từ cao điểm. Rõ ràng đây là một cuộc thí quân. Họ ra lệnh chúng tôi phải chiếm đồi với M16, và lựu đạn, trong khi địch ẩn núp trong những hang kiên cố, với lợi thế là thấy rõ chúng tôi, còn chúng tôi thì như những kẻ đui mù. Họ không hiểu chiến trường chó má này vì họ ở trên trời hay ở đằng sau. Họ làm sao hiểu chúng tôi làm sao có đủ khứu giác của lũ chó săn để có thể đánh hơi địch hay có đôi mắt thần để biết địch đang làm gì. Chúng tôi chỉ biết tuân lệnh, không cần biết địch đã dọn sẵn mìn, chờ chúng tôi có mặt là đại liên hai bên sườn nả xuống như mưa để cả bọn ngã nhào lặn lộn đủ kiểu mà bị thương mà chết. Tư ơi! Thế nào cũng có quân tiếp viện. Tôi đã cố an ủi thằng bạn trung đội trưởng trung đội bốn. Nhưng Tư cứ một

chấp lại rên rỉ. Cả hai chân tao, bụng tao bị trúng đạn. Trời ơi, tao đau quá. Tao chịu không nổi. Cho tao một viên đạn. Tao van mày hãy bắn tao đi. Nó van tôi, van một thằng bạn cùng sống chết với nó. Tôi thì bất lực. Lúc này chẳng cầu khẩn ai. Tổng Thống, Đại Tướng, Trung Tướng, Mặt Trời hay đại bàng. Họ thì ở xa quá. Chỉ có chẳng là mặt trời và những đám mây trắng bình thản trôi qua trên bầu trời. Chỉ có chẳng là một nỗi im lặng khủng khiếp. Và giữa lúc đó, tôi chỉ biết cầu nguyện. Tôi đọc mà không cần biết mình đọc để làm gì. Nam Mô Quan Thế Âm Cứu Khổ Cứu Nạn. Lạy Trời Lạy Phật. Lạy Chúa Quyền Năng. Tôi đã bất lực rồi. Tôi khinh mạn tôn giáo và những gì siêu hình. Nhưng bây giờ, rõ ràng, tôi đã bị thua cuộc.

Tư là chuẩn úy, có mặt tại đơn vị này gần một năm. Hắn sắp cưới vợ. Người hôn thê là cô giáo trường quận. Hắn cứ nhắc hoài nàng, và chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng cùng ngày vui của hắn. Có ở trong một đơn vị tác chiến, mới hiểu được tình nghĩa giữa những người trong cuộc với nhau. Phía chúng tôi sẽ đại diện nhà trai mà đại diện là những ông thượng sĩ, trung sĩ nhất già của đơn vị. Hắn làm sao biết lần xuống núi này là lần mặt vận... Cả một đơn vị chịu trận. Cứ thế chúng tôi không còn chỗ nào bầu vùi. Bởi địch quá mưu mô xảo quyệt. Họ đợi khi chúng tôi đến giữa bãi đất trống, họ mới nổ súng.

Bây giờ hắn thều thào, tiếng mắt tiếng còn:

- Minh, mày hãy nghe tao nói. Mày phải tìm cách rời khỏi chỗ này... Thế nào bọn chó má này sẽ xuống đây lục soát... Nghe lời tao, hãy tìm cách rời đây... Rồi hắn khóc:

- Nếu mày có gặp Thanh Mai, nói với nàng hãy quên tao..

Tôi nhìn hắn, nghẹn ngào. Bên cạnh hắn là xác người lính truyền tin. Chiếc máy với ống liên hợp nằm trơ vơ trên đất, tiếng máy vẫn sôi rè rè. Nó gần như trong tầm tay nhưng chúng tôi thì vô vọng. Tôi van lơn hắn:

- Tư, mày không hề gì đâu. Thế nào cũng có quân tiếp viện.

- ĐM, quân tiếp viện. Đến nước này mà mày còn nói đến quân tiếp viện. Nay Minh, trong quân đội mày là khoá đàn anh của tao... Nhưng mày là bạn tao.

- Phải tao là bạn mày.

- Mày hãy nghe tao nói. Mày là nhà văn. Tao là độc giả của mày. Mày phải sống. Mày nghe rõ chưa. Mày phải sống để mà viết lại...

Rồi hắn gào lớn:

- Phải viết lại cảnh này. Thằng Trí, thằng Luông đang nằm cạnh tao đây cũng cần mày. Thằng Trí công tao, rồi chết vì tao... Mày hãy nói cho mọi người biết về những cái chết chó má như thế này. Chết mà không được bắn một viên đạn như thế này...

- Tư. Tao xin nghe mày. Tôi đau đớn nói.

- Tao dẫu sống cũng vô ích. Hai chân tao, ngực tao, ruột tao... Chỉ còn cái đầu tao là không trúng đạn... Rồi hắn la. Không, hắn mắng tôi.

- Sao lại không chịu chạy. Mày hèn à. Điều hâu mà hèn à.

Rõ ràng, hắn thách tôi. Tôi muốn nghẹn ở cổ họng. Phải, tao không hèn đâu. Và tôi nhắm mắt, cố cầm cơn đau, trườn về phía sau. Đạn lại sủi bọt. Tôi chỉ còn cách vục sâu khoảng chừng hai thước. Một viên đạn xướt qua bả vai tôi. Máu dầm cả cánh tay áo. Tôi nhào đại xuống vục thẳm. Tôi té nhào giữa những bụi gai nhọn. Nhưng tôi quên hết cơn đau nhức. Chỉ có chẳng là bấp đùi bị tê buốt vô cùng tận. Máu càng thấm cả một ống quần. Hai tay tôi lại cố vạch bụi. Và tôi lại vò cả những bãi phân người ghê tởm. Thì ra nơi này là chỗ cầu tiêu của địch. Tôi cứ bò, rồi trườn. Lúc này, tôi chỉ nghĩ đến bản thân mình. Càng xa càng tốt. Đau cũng không bằng nỗi sợ hãi. Chính nỗi sợ đã bắt tôi quên hai cùi chỏ trầy trụa máu, và cả khúc chân như thể bị liệt đến nơi. Tôi cứ men con suối khô mà xuống. Những hòn đá cứ tiếp tục lăn theo. Và hai bàn tay tôi nhớp nháp phần màu đen đặc. Ruồi nặng giật mình bay lên tán loạn. Nhưng tôi không cần để ý.

*

Ngày hôm sau, quân tiếp viện mới lên lấy lại xác những người mắc kẹt. Tư bị bom xăng làm cháy thui như heo bị nướng. Những xác bây giờ không còn hình dạng nữa sau hàng trăm quả đạn từ căn cứ rớt xuống ngọn đồi. Địch chết vì đạn hơi ngạt. Còn ta thì bị nướng thiêu vì bom lửa. Tóc cháy quăn. Hai hàm răng trắng hếu. Những đường kẻ như háng, hay cổ bị nứt thành từng làn, mỡ vàng như sáp ong. Có xác thịt da căng ra như quả bóng. Có xác như thể một thân cây bị cháy đen.

Chúng tôi phải cực khổ để nhận diện những người tử trận. Lúc này người ta mới thấy giá trị của con người còn thua cả con chó bị xe cán.

*

Từ quân y viện, tôi chống gậy trở về đồi với cả một con tim tan nát. Có lẽ từ trước đến giờ, tôi chưa bao giờ chạm trán cùng những điều quá sức tưởng tượng như thế này. Có lẽ tôi chưa bao giờ chuẩn bị để đối phó với cảnh huống của một đơn vị tan hàng. Bởi trước đến bây giờ đơn vị tôi chỉ biết thắng chứ chưa bao giờ biết thua.

Từ dưới cổng Sư đoàn tôi gọi điện thoại lên hậu cứ. Trung sĩ nhất Phú, hạ sĩ quan hậu cứ, lái xe dodge xuống đồi đón tôi. Anh ta mừng rỡ như bắt được vàng:

- Thân nhân lên đồi nhiều lắm. Họ làm tôi muốn khùng. Có ông đỡ gánh nặng cho tôi.

- Tại sao?

- Họ đòi mạng chồng con họ. Họ nằm vạ trên sân. Ngày ông, ông phải đề phòng. Coi chừng họ xé xác ông ra đấy.

- Còn thiếu úy Mạn ?

- Ông sợ quá nên cũng chạy luôn

Xe lên đồi. Người lính gác bắt súng chào. Tôi chào lại. Nắng lóa trên mái tôn doanh trại. Tôi nói với Phú anh dừng xe xa văn phòng đại đội một tí để tôi có thể lên vào phòng tôi. Mở cửa ra. Chiếc rương bằng ván của Trinh, người lính ô đơ của tôi, nằm đấy. Nhưng chủ của nó đã đi mất, mất mà không bao giờ trở lại. Tôi thì thào một mình tôi nghe: Trinh ơi, vĩnh biệt em. Tôi đứng yên lặng. Căn phòng tối mờ. Mới hôm nào, cửa sổ lúc nào cũng mở ra, và nắng rọi vào phòng tươi thắm. Mới hôm nào tiếng nói chuyện hoặc cãi nhau ồn ào từ câu lạc bộ vọng về cũng như tiếng keng khua liên hồi cho một cuộc tập họp lên đường và Trinh vào phòng hỏi tôi ông thầy cần gì em mang theo. Và phòng cạnh là phòng của chuẩn úy Tư. Hết rồi những buổi hai thằng đèo honda xuống chợ quận. Hết rồi những lần ngồi nhậu, hấn cứ luôn luôn chối cụng ly với chúng tôi. Và cũng hết rồi cơn mơ của hấn về một người vợ hiền, một ngôi nhà dưới đồi, trong cư xá sĩ quan. Trời ơi, khi con người đang bước vào giây phút cuối cùng, tất cả cuộc đời hấn còn lại trong những câu trời trần. Hấn trời trần tôi phải nhớ lại cái cảnh cả một nửa đại đội nằm xếp hàng mà chết. Vâng, Tư ơi, tao nhớ lắm, nhớ không bao giờ quên, nhớ mà nhớ tao nói với người vợ sắp cưới là hãy quên mày, nhớ lần mày mắng tao đồ hèn không dám bỏ chạy thoát thân. Nhớ cả cảnh thằng Tánh vát thằng Hùng xuống đất rồi nói như khóc: Tao không thể cõng mày được nữa. Tao bị trúng đạn rồi. Mày hãy tha lỗi cho tao. Nhớ đến chiếc máy truyền tin vô chủ. Nhớ đến một mặt trời đỏ xuống cả khối nham thạch... Và tự nhiên hai lỗ tai tôi bỗng dựng đầu nhức không thể tả. Hình như có cả muôn ngàn âm thanh nhức buốt như đóng nện vào màn nhĩ.

Có tiếng gõ cửa. Giọng của trung sĩ nhất Phú:

- Thiếu úy tôi có thể vào được không?

- Vào đi.

- Có vợ chưa cưới của chuẩn úy Tư cần gặp thiếu úy.

Trời ơi, có ở trong hoàn cảnh này, mới tha lỗi cho nỗi mềm yếu của tôi. Tôi cố gắng không để lộ đôi mắt ràn rụa nhưng có sao tôi lại ôm mặt. Không phải tôi hận. Cũng không phải tôi đau. Những trạng thái tình cảm đã lắng rồi. Nhưng tôi không can đảm để phải kể cho một người về một người. Mà phải nói gì? Nói về một cái chết anh hùng chẳng? Nói về những lời trối trăng chẳng? Nói về cảnh một người bị thương khắp tay chân, thân thể, quên cả mình để dực tôi phải nhớ mà viết. Để cho nàng phải hãnh diện có người chồng sắp cưới hy sinh vì tổ quốc. Tôi không phải là lãnh tụ, hay chuyên gia tâm lý chiến. Cái đau khổ này. Nỗi mất mát này là có thật. Còn những mỹ từ kia thì xa vời. Nói ra lúc này thì quá bất nhẫn.

Tôi bật đèn phòng. Người vợ chưa cưới của Tư, đôi mắt quầng thâm, mái tóc ôm cả bờ vai bất hạnh trong bộ đồ đen, đã đến bên giường rồi ôm lấy chiếc gối mà áp mặt vào. Bên cạnh đầu giường là chiếc bàn có tấm hình chụp Tư và nàng lộng trong khung. Nàng khóc ầm ỨC. Khóc tức tưởi. Tôi và Phú đứng bất động. Trời ơi, tôi phải làm gì. Tôi không quen với cảnh đau khổ. Tôi sợ nước mắt của người khác. Tôi muốn biến khỏi nơi này lập tức:

Tiếng nói của nàng như kể lể, xoáy tận tim tôi:

"Anh hứa với em là anh sẽ xin phép để lo cho đám cưới, sao anh lại không xin phép? Anh ơi, hôm nay, em mang cho anh cuốn sách mà anh ưa thích"

Nàng nói như một người bị mộng du. Tôi chỉ biết cúi đầu. Phú nói thầm bên tai tôi: Tôi nói lính dọn mấy đồ đạc của chuẩn úy Tư nghe. Tôi gật đầu. Nhưng khi Phú vừa mới mở cửa ra ngoài, thì thêm một người đàn bà bỗng con chạy vào phòng. Chị là vợ của Trinh. Chị vất con xuống đất, rồi níu lấy chân tôi. Thằng bé khóc ré lên cùng với tiếng kể lể của chị:

"Thiếu úy ơi, thiếu úy tại sao không giữ gìn chồng em để anh phải chết thảm như vậy hả thiếu úy. Anh ơi, sao anh lại bỏ mẹ con em. Anh chết gì mà thảm quá hở anh"

Chị rống lên. Thằng bé cũng khóc thét. Tôi mất hết bình tĩnh. Bây giờ tôi có ý nghĩ là làm loạn. Tôi điên khùng chụp súng chạy ra ngoài, nhắm phía ngọn đồi chó đẻ và bắn cuồng điên..../.

Những cơn mơ cuối năm

(truyện trước 1975)

Bài này được tôi viết khi nằm trong bệnh xá Quân y Viện Ban Mê Thuộc (khoảng 1972) để chờ ra hội đồng giám định Y khoa. Bệnh xá có một khu riêng, xung quanh rào dây kẽm gai, dành cho tù thương binh. Chế độ ăn uống sẵn socola vẫn như thương binh VNCH. Chỉ khác là họ bị canh giữ. Chú ý về những giòng với dấu chấm: đó là câu hay chữ bị kiểm duyệt bôi đen bởi Bộ thông tin miền Nam bấy giờ. Xin được công khai cảm ơn bạn bè ở VN đã ra công sao lục và tìm ra bài này trên tạp chí Văn học số 197.

Trần Hoài Thư

Những ngày cuối năm, Đồng đã sống trong một cơn ác mộng. Trời đã sang lạnh. Cái lạnh quá sức dịu dàng, như ru anh vào một giấc ngủ. Đôi mắt lim dim, đằng sau ô lưới sắt, anh đã bắt gặp một chút gì thể thiết của quê anh. Tuy trời đã lập đông và một dấu hiệu của giao mùa đã chớm nở, nhưng anh đã ngỡ như là mùa thu. Miền núi của miền Nam đã có một thời tiết khác xa miền Bắc. Lần đầu tiên, anh đã nhận thấy sự khác biệt ấy, từ khi anh theo bộ đội vào quê hương miền Nam. Anh đã đứng lặng hàng giờ, để ngắm những đám mây trắng chằng chịt khác những bông gòn lướt thướt bay trong gió. Trước mặt anh, hàng cỏ thụ dày bóng lá, vươn cao trên con đường đất đỏ, và sau một cơn gió lớn, một trận mưa lá rụng chằng chịt khác muôn ngàn cánh bướm... anh ngỡ chừng thiên nhiên vũ trụ đang nhập vào hồn anh. Anh ngỡ chừng một mùa thu êm ái len vào từng mạch máu, số thịt của anh. Phải chăng, anh đang ngủ trong một mùa tàn đông của miền Nam, mà ngỡ đang ôm trọn cả một mùa thu xứ Bắc? Chưa bao giờ,

anh nhớ đến quê hương ghé gớm như thế. Và chính trong bốn bức tường của lao tù, cùng một khúc chân tàn phế, đã giúp anh sống trong mộng tưởng dễ dàng hơn. Anh chỉ còn dốt thời gian bằng những giấc mơ, dù anh biết sự thực đời anh bây giờ đã chấm dứt. Những giấc mơ quá đối tội nghiệp mà anh phải tự trang điểm cho cuộc sống đáng thương.

Bây giờ, anh đang đứng bên khung cửa sắt. Buổi sáng lại về chậm chạp và lười biếng; chốc nữa, khoảng 8 giờ, người quân cảnh sẽ vào mở cửa để anh và người bạn cùng trại, được tự do ra ngoài sân quân y viện. Chốc nữa, một người thương binh chánh phủ sẽ mang giúp anh một ổ bánh mì chả cùng một cốc cacao hoặc cà phê sữa. Anh sẽ gặp lại cô bé học nghề, mái tóc cúp ngắn, liếng thoảng và nhí nhảnh như con chim họa mi cùng với những dụng cụ và thuốc men điều trị vết thương của anh. Anh mỉm cười khi liên tưởng đến câu nói của cô bé như thường lệ:

- Rồi anh phải kể cho em nghe chuyện Hà nội nhé... Hà nội, Hà nội, anh phải kể làm sao để cô bé dễ thương và nhí nhảnh ấy được biết trọn vẹn một thành phố yêu dấu nhất đời anh. Anh phải nói làm sao để mang hết con tim Hà nội, đôi mắt Hà nội, vai vóc Hà nội về một người con gái đã chưa bao giờ biết. Anh phải diễn tả làm sao, khi chợt thấy một mùa thu xứ Bắc qua hơi lạnh giao mùa của một thành thị miền Nam? Cô bé đã bao lần hỏi anh về Hà nội, trong khi cô bé sẵn sóc vết thương anh, và tại sao lúc ấy, anh chỉ mỉm cười không nói năng một tiếng. Một thành phố với bao nhiêu là kỷ niệm và nhớ nhung, một thành phố mà hồn và xác nó đã lớn dậy trong máu huyết của một người tù binh tàn phế. Mỗi con đường, mỗi hàng xoan, mỗi hầm tránh bom mỗi vỉa hè, mỗi ngã tư, mỗi mái ngói đỏ, mỗi xưởng máy, mỗi ngày hội tất cả đều sống lại bão bùng chẳng khác một ngọn triều sóng khiến anh không thể nào hiểu biết nỗi suy nghĩ nỗi, phân tách nỗi. Tâm hồn Hà nội quá rộng lớn mà con tim anh thì vô biên. Anh đã không thể nào diễn đạt nhịp đập của Hà nội, hơi thở của Hà nội. Một xưởng máy những ống khói đen xì, những tiếng động cơ trong đêm khuya khoát hòa lẫn tiếng rao phở u uất bên bờ Hồ Gươm hay tiếng hát nhịp nhàng của một đám thiếu nhi trong công viên chiều chủ nhật... Có thể là một ngày trời mưa bụi một người trở về bắt gặp lại cái lãng mạn đã mất dưới những hàng sấu hay dưới trận lá bàng rơi rụng. Có thể là bát phở nóng hổi trong một quán bên đường trống gió hay những bữa ăn tập thể ở công trường nhà máy. Cũng có thể là những giờ phút kinh hoàng khi những tiếng còi hụ báo động xuất hiện trên bầu trời thành phố và những hầm phòng ngự đầy ngập người lánh nạn... anh phải nói làm sao để diễn tả hết một Hà nội yêu dấu mà anh phải lìa xa; về nỗi lòng của một người con của Hà nội ra đi

.anh phải nói làm sao những giọt nước mắt ngậm ngùi khi một đứa con của Hà nội đã bỏ lại chiến trường miền Nam xa xôi cách biệt này một phần thân thể thân yêu

Tự nhiên anh muốn rung nước mắt. Hay buổi sáng này, Hà nội đã làm anh khóc. Hay những trận mưa lá xoan trên con đường của quân y viện, cái gầy gầy lạnh của một ngày chớm mùa của miền Nam đã bắt anh liên tưởng đến một Hà nội mịt mờ.

- Đồng chí nghĩ gì thế?

Người bạn nằm trên giường đã hỏi anh như thế. Anh mỉm cười không đáp và tiếp tục nhìn ra ngoài sân quân y viện. Người bạn lại nói tiếp:

- Nhờ đồng chí mang hộ cái thùng. Tự nhiên tôi muốn đi tiểu.

Lúc ấy, Đồng mới thực sự thức tỉnh khỏi giấc mơ. Anh chụp hai cây nạng, và bước từng bước khổ cực đến bên cái thùng vệ sinh. Anh nói vu vơ.

- Giờ này họ vẫn chưa mở cửa. Người bạn cười mếu máo:

- Canh gác gì mất công chứ. Với một lũ tù binh tàn phế như mình còn sức đâu mà thoát.

- Dù sao, cũng là bổn phận của họ. Đối với họ, mình là tù binh mà.

- Theo tôi, mở cửa suốt ngày suốt đêm, tôi cũng chẳng thèm ra.

- Đồng chí bị hai chân thì đi làm sao được chứ.

Anh cười lớn.

- Họ nuôi mình kể cũng tốn cơm, tốn thuốc đấy.
- Đồng chí không biết, cơm thuốc củamà...Người bạn chợt hỏi:
- Hình như đêm qua trời mưa, phải không đồng chí...
- Có lẽ vậy. Tôi thấy sáng nay trời bắt đầu lạnh như mùa thu.

Anh đợi người bạn tiểu tiện xong, rồi xách thùng đặt ở một góc. Anh lui cui làm vệ sinh căn phòng nhỏ hẹp bằng một cái chổi cùn xơ xác. Rồi anh đến bên giường sắt, ngồi dựa lưng vào vách. Anh nhìn khúc thịt đùi bịt băng trắng hếu, lòng tự nhiên ngậm ngùi. Nó như một chứng tích đau buồn của một thời thanh xuân của anh. Anh bỗng dưng nhớ lại cái đêm kinh hoàng, khi tổ anh chạm vào mìn cơ giới lúc cả bọn tiến sát phòng tuyến địch. Tại sao lại còn sống đến bây giờ. Tại sao anh không chết ban xác như hai người bạn cùng tổ. Tại sao họ lại không ban cho anh một viên đạn ân huệ như lời khẩn cầu của anh vào đêm hôm đó. Hay tại anh sợ chết.

Vâng, anh đã thấy mình quá hèn yếu, khi anh quần quai trong vũng máu, bật ra tiếng rên rĩ giữa lúc toán quân chính phủ tiến vào lục soát. Anh chỉ còn một cách là nhắm mắt, trước những bước giày dẫm xào xạc trên đám cỏ tranh và những tiếng hét dồn dập nổi lên. Coi chừng còn địch đấy các bạn. Bắn vào chỗ nghi ngờ đi các bạn. Và những phát súng dồn dập cày nát cả một khu vực xung quanh anh. Anh hốt hoảng la không ra hơi: cứu tôi với, cứu tôi với, anh em ơi. Bây giờ, hồi tưởng lại, tóc gáy anh muốn dựng đứng và cả người toát mồ hôi lạnh. Khi ấy, trời đã bắt đầu mờ sáng và anh đã choàng tỉnh dậy sau một cơn mê thiếp. Có lẽ những giọt sương cùng những tràng nổ dồn dập khi toán quân bắt đầu dò dẫm lục soát đã đánh thức anh dậy anh đã tuyệt vọng và không còn tin tưởng ở một sự cứu thoát nào của đồng đội. Họ đã bỏ rơi anh, hay họ đã coi sinh mạng con người trong chiến tranh như loài cỏ rác. Hay họ chỉ biết những chiến công anh dũng, những sự đề cao cá nhân anh hùng bằng những cái chết thảm như đồng đội anh. Tự dưng anh ứa nước mắt. Anh cắn răng cố lết một khoảng. Cuối cùng, máu từ vết thương đổ tuôn xối xả, đã làm anh kiệt lực. Anh lại nhắm mắt chờ đợi cái chết. Anh lại thấy rõ hơn bao giờ trong đầu óc một thành phố Hà nội. Hà nội với những con đường của tuổi thơ ấu, đầy lá bàng, đầy những lá xoan, và những hàng sấu tươi mát. Hà nội với những ngày chớm thu, với những cơn gió heo may lướt thướt. Anh không còn nghĩ đến vị trí hiện hữu của anh nữa. Anh lại nhớ đến người mẹ tóc bạc như sương ngậm ngùi khóc trong căn buồng vắng trước khi anh lên đường vào Nam. Người mẹ đã không dự buổi tiễn đưa hào hùng giữa một công trường tháng tám khi đưa con trai chí khí ngót trời quì xuống nền đất công trường.....Anh lại thấy người con gái, có mái tóc chẻ hai, môi tươi hồng, trao chiếc khăn tay làm quà anh trong buổi tiễn đưa. Và một thỉnh không vang lên lời tung hô, lời thề, cùng những lời cuối cùng củakhông, bây giờ anh đã nhận ra mọi sự đều đổi khác... anh đã bị bỏ rơi một cách tội nghiệp.

“ Tại sao khi đôi mắt ta nhắm nghiền, miệng rên rĩ bắn tôi đi, và nòng súng đen ngòm chĩa vào trán ta, họ lại không bắn ta, mà cõng ta về, băng bó vết thương, mời giúp ta một liều thuốc của đế quốc”. Đó là lần đầu, anh nhận chân thế nào là cuộc chiến tranh mà anh dự phần. Đó là lần đầu, anh biết và thấy rõ thế nào là những tiếng nói của miền Nam, những tiếng vô cùng quặn rũ: bạn, mày, tao được trao đổi từ những người lính thù nghịch. Ôi thật vô cùng ngọt ngào và quặn rũ ở cái âm thanh của một xứ sở anh đến. Miền Nam, miền Nam anh em ruột thịt, miền Nam anh hùng. Hai tiếng ấy như tiếng gọi vô cùng của tuổi trẻ. Tâm hồn anh bỗng nhiên sôi sục. Châu thân anh phải bùng nóng như uống rượu say. Công viên Ba Đình. Bộ đại lễ của người chiến sĩ. Những anh hùng trong trận Điện Biên.

..... Những người bạn bỏ lại, trong chuyến vượt biên. Những hố bom sâu thẳm trên đường di chuyển. Những đơn vị mất tích trong rừng già, hoặc bị B.52 hoặc bị sốt rét của Hạ Lào gieo họa. Những đoàn quân dài dằng dặc hồi hải ngày đêm dưới những tán lá xum xê. Anh và đồng đội đã nghĩ cùng một ý nghĩ diệt Mỹ cũng như cha anh của anh đã từng diệt Tây... cũng như tổ tiên anh đã diệt Tàu... Sinh Bắc Tử Nam, những lời thề vẫn còn vang dậy... Và bây giờ, miền Nam ruột thịt đã hiển hiện trước mặt anh. Những người lính miền Nam đang đứng xung quanh anh. Trường sơn bát ngát hùng vĩ đang sừng sững sau lưng anh, anh đã tìm thấy gì khi anh trở về miền Nam này? Hay những đồng hoang cỏ cháy,

hay cũng làng thôn tiêu điều mông mênh nước bạc” Hay những rừng núi chìm ngập trong biển lửa u mê... Anh đã tìm thấy gì, khi đôi mắt anh nhắm nghiền để đợi cái chết. “ Ta đã hiểu. Chúng ta là những con cò tốt trong một ván cờ bất phân thắng bại. Một viên chuẩn úy trẻ đã nói với Đồng, khi anh được mang vào bộ chỉ huy.

“ Tội nghiệp, thằng này trẻ quá. Có lẽ nó mới vào Nam. Anh bắt gặp giọng nói chan chứa tình yêu thương anh không cảm được cơn đau đớn, bật rên.

- Hãy tiêm cho nó một mũi thuốc khỏe. Anh thì van lơn. Có lẽ anh cảm thấy quá nhục nhã, đê hèn.

- Bán cho tôi một phát đạn, cho tôi chết. .. Nhưng họ không bán anh. Viên chuẩn úy đã nói:

- Tôi biết bạn đau đớn lắm. Tôi cũng biết bạn đang sợ chúng tôi. Hay có mặc cảm là một tên hèn nhát... Nhưng dù sao chúng tôi cũng vẫn sẵn sóc bạn. Và hơn bao giờ, được muốn coi bạn là người anh em với chúng tôi. Một người Việt nam...

- Ông nói có lý. Có phải ông sẵn sóc tôi để tôi được cứu sống, để tôi trở thành một tù binh của đế quốc Mỹ?

- Bạn đã hiểu lầm. Bạn tưởng chúng tôi vui mừng thỏa mãn khi bán một người anh em miền Bắc. Chúng tôi cũng như các bạn, chưa hề gây hận thù, biết được nguyên do của hận thù cũng như cuộc chiến tranh này.Tôi mong bạn hãy để chúng tôi sẵn sóc. Nếu một mai hòa bình, bạn có thể về quê hương miền Bắc...

* * *

Khúc phim của một đêm kinh hoàng đã chấm dứt khi tiếng mở khóa lách cách của viên quân cảnh. Một người thương binh chánh phủ đã mang vào hai ổ bánh mì và một lon cacao. Hắn không quên dí thêm hai điếu Bastos xanh. Tôi mỉm cười cảm ơn. Chưa bao giờ tôi yêu miền Nam đến thế. Chưa bao giờ tôi nhận ra số phận của tuổi trẻ Việt Nam là đáng thương và tội nghiệp như thế. Có ở trong quân y viện, tôi mới ý thức được như thế nào là sự thực của cuộc chiến, những dòng nước mắt của những người trẻ tuổi, sự côi cút của một thế hệ như thế hệ chúng tôi. Đó là nơi chan chứa những nỗi bất hạnh cũng như ràn rụa những nỗi thương yêu. Vâng, trong nỗi đau khổ này, chúng tôi đều hiểu rằng chiến tranh là một tai họa khủng khiếp. Chỉ có tình thương mới thắng được hận thù. Vâng, nếu miền Bắc và miền Nam đều hiểu điều đó, thì chắc chắn chiến tranh sẽ không còn kéo dài nữa và bóng hòa bình sẽ phủ rợp trên bầu trời Việt Nam.

Chính trong quân y viện này, tôi đã tìm ra một sợi giây tương thân tương ái vô hình liên kết giữa tôi và những người thù địch. Tôi đã được họ mời những điếu thuốc đế quốc như Pall Mall, Salem hay những điếu thuốc quân tiếp vụ. Tôi cũng có dịp chống cặp nạng lê bước vào trại điều trị của họ cùng ngồi đánh cờ tướng, tán gẫu vu vơ cùng họ. Ở họ, là những khúc tay bị cưa lia, những con mắt bị đui những tai bị điếc. Nhưng ở họ, là một nụ cười tuyệt đẹp và vô tư hết sức... Tôi phải cảm ơn những ngày điều trị trong quân y viện này.

Cô bé học nghề đã vào phòng tù binh như thường lệ. Đồng mỉm cười chào, rồi trở về giường nằm. Cô bé hỏi thật nhí nhảnh:

- Anh bớt đau không?

Anh trả lời thật vui:

- Hết đau rồi cô.

- Như thế, khoảng một tháng nữa là anh lành hẳn, anh phải rời khỏi đây...

- Thì tôi khai đầu nhức trở lại...

- Bộ anh muốn nằm đây mãi hay sao?

Anh mỉm cười không đáp. Cô bé vừa cởi băng khỏi khúc đùi bị cưa của anh, vừa nói:

- Gớm trời bắt đầu trở rét...,

- Thế này mà rét... hờ cô?

Rồi anh cười:

- Như thế cô làm sao sống ở miền Bắc nổi...

- Có phải ở Hà nội lạnh lắm nhỉ?

- Vâng, những ngày cuối năm lạnh lắm.

Cô bé chợt khám phá một điều gì mới, giọng nói của cô bé vẫn còn tươi mát như giọng Hà nội trộn lẫn.

- Em vừa đọc xong một chuyện viết về cái rét Hà nội chuyện, Nhật Lá Bàng của Nhật Linh. Anh biết Nhật Linh không?

- Vâng, tôi đã đọc nhiều chuyện của ông khi còn cấp sách. Như Đoạn Tuyệt, Đôi Bạn, Hồn Bướm Mơ Tiên...

- Nhật Linh chết rồi, anh biết không?

- Có lẽ ông ta già?

- Không, ông tự tử bằng thuốc ngủ, anh không nghe ư?

- Làm sao tôi nghe được...

- Ông tự tử vào ngày 7-7-1963 để lên án chế độ Ngô đình Diệm...

- Thế ư?

- Em đọc chuyện Nhật Lá Bàng của Nhật Linh mà muốn rưng nước mắt. Có phải ở Hà nội, trời cuối năm, thật lạnh, và thật nhiều lá bàng không? Anh thấy họ nhặt lá bàng bao giờ chưa?

- Vâng, có nhiều người đêm đêm chờ gió nổi lên, rồi xách gỏ đi nhặt lá bàng. Họ mang về đốt để sưởi lạnh.

- Anh kể như Nhật Linh kể vậy,... Anh kể tiếp đi...

Cô bé thúc dục anh bằng một giọng ngọt ngào như giọng chim non.

- Cô thích Hà nội lắm sao?

- Vâng, bởi vì Hà nội là quê hương của em...Ngày em rời khỏi Hà nội, thì quá nhỏ để không nhớ một cái gì về Hà nội cả!

- Thế cô cũng sinh trưởng tại Hà nội.

- Vâng, nhưng sống ở Hà nội không được bao năm, anh ạ.

Rồi cô bé nói thật ngậm ngùi:

- Bố mẹ em cứ mong một ngày trở lại Bắc. Còn em thì mong một ngày về xem những hàng bàng của Hà nội, để được mang áo ấm trong ngày cuối năm. Còn anh, anh mong về không? Đồng bất giác thờ dài. Anh vừa nghe một kỷ niệm. Anh vừa nhớ lại thành phố thân yêu mà anh ngỡ đã xa lìa vĩnh viễn. Anh cúi đầu. Trong khi tiếng cô bé áp úng:

- Xin lỗi anh, em đã làm anh buồn

- Không, cô có làm gì tôi đâu. Cô nói đúng đấy. Nhưng tôi không còn nghĩ đến ngày về với Hà nội nữa. Số phận của tôi bây giờ...

- Em nghe nói chính phủ sắp trao trả tù binh tàn phế. Anh chắc được về...

Cô bé vừa nói vừa làm việc. Đồng để ý đến những ngón tay thon mềm và trắng muốt đang cầm chiếc băng quần dằn vào khúc thịt vừa làm thuốc của mình, mà lòng thật xúc động. Cô bé đã khiến anh nhớ lại đứa em gái anh, cũng như Hà nội của anh. Đứa em gái của anh bây giờ đang làm gì ở ngoài Hà nội hay đang xung trong đoàn cứu thương hoặc một đoàn văn công lưu diễn khắp miền Việt Bắc? Cũng có lẽ nó đã vào miền Nam cũng nên. Làm sao nó biết được anh nó đã trở thành một tên tù binh tàn phế cụt chân này. Còn cô bé này nữa. Anh đã tìm ở giọng nói vương vấn một chút phát âm của Hà nội, để liên tưởng đến một nơi chốn xa vời trong ký ức. Không, anh vẫn còn thấy Hà nội như in, như thể hôm nào anh đứng trên wagon tàu, vẫy tay chào thành phố lần cuối. Những con đường đầy bàng, sấu. Những vỉa hè đầy những hầm hố chống bom. Những ngả tư, đầy ụ phòng thủ, và nòng súng phòng không chĩa lên trời. Những nhà máy còn thờ khói lên trời xanh. Và hồ Hoàn Kiếm, vẫn còn ngủ yên trong sương mù với những rặng liễu lướt thướt... Những mái đỏ khuất trong rừng hoa giấy... Anh tự dưng muốn ứa nước mắt. Tại sao cô bé cứ nhắc đến một Hà nội mà anh muốn quên lãng. Tại sao cô bé cứ nhắc đến một cơn gió thổi qua và những lá bàng rơi rụng xuống mặt đường? Tại sao cô bé cứ làm anh liên tưởng đến một ngày trở về, với một cặp nạng khấp khểnh giữa lòng phố? Tại sao cô bé lại không thể nhìn rõ bề sâu thẳm của tâm hồn anh vào một buổi sáng buồn bã thế này...

- Anh đang nhớ Hà nội phải không?

- Vâng..anh trả lời ngượng nghịu.

- Em mong sao một ngày hòa bình, sẽ về với Hà nội.đó, em sẽ nhờ anh chỉ đường đấy...
- Vâng, tôi sẵn sàng...
- Rồi anh hỏi:
- Hình như cô vào quân y viện học nghề phải không?
- Sao anh biết?
- Tôi nghe những bạn bên trại kia bảo vậy.
- Vâng, em học ở đây đã gần một năm. Hết một năm, họ sẽ cấp cho một chứng chỉ...
- Cô làm ở đây, có lương không nhỉ?
- Không có anh. Em đi học mà.
- Tội nghiệp nhỉ? Thấy cô làm khổ cực quá...
- Nhưng dù sao, em cũng được an ủi, được giúp đỡ một phần nào những người bất hạnh trong chiến tranh...
- Cô không ghét chúng tôi chứ?
- Các anh làm gì mà em ghét... Vả lại, ở đây, ai cũng đang thương cũng tội nghiệp... Em nghĩ lỗi là do chiến tranh... anh có đồng ý với em như thế không?
- Anh gật đầu;
- Vâng, cô nói đúng.
- Cô bé nhớ ra một điều gì nên reo lên:
- Anh chờ em một tí...,
- Rồi cô bé bỏ dở cả công việc, chạy ra khỏi phòng. Một lát cô bé mang vào một gói giấy nhựt trình:
- Quà Tết của em đây... Em mời anh. Rồi nàng liến thoắng mở gói giấy.
- Này, bánh cốm, này hạt dưa, này mút gừng. Em mời anh...
- Đồng nhìn chăm mốn quà tết rồi một động lực vô hình nào đó đã khiến bàn tay anh nắm chặt bàn tay cô bé. Anh nói như khóc:
- Cám ơn cô. Tại sao cô lại tặng tôi...
- Cô bé cười thật vô tư:
- Tại em thấy anh tội. Anh ăn bánh cốm thử coi. Bánh cốm của miền Bắc đấy...

* * *

Bánh cốm của miền Bắc đấy. Những lời của người con gái nhỏ bé vẫn còn văng bên tai tôi; chẳng khác gì một dòng suối êm dịu vỗ về trong lòng căn cõi của tôi. Chưa bao giờ tôi sung sướng như vậy. Chưa bao giờ tôi thấy được cái bóng hạnh phúc quả là to lớn như vậy. Nga ơi, con chim họa mi của anh ơi. Cám ơn em đã giúp anh thấy được ý nghĩa của cuộc sống. Những người bạn thương binh nguy kia ơi, cám ơn các bạn đã giúp cho tôi thấy được tình người và nhận rõ vị trí của chúng ta trong cuộc chiến. Chúng ta không thể nào thù nghịch nhau. Chỉ có chủ nghĩa ngoại bang đã đổ xuống đầu chúng ta; bắt chúng ta lao vào con đường của thù hận phi lý ấy. Tha lỗi cho tôi, anh Hạo dù anh đã thú nhận cùng tôi anh đã bầm quả mình cơ giới ấy. Tại sao, tôi lại gặp anh trong quân y viện. Tại sao anh lại trở về cùng một số phận như tôi. Những kẻ bị chiến tranh dày dạn. Hai đứa đã nhận ra nhau khi ngồi trong xe ambulance để đi khám ở quan y viện tăng cường.

.... Ngày hôm nay, Hạo mang đến cho tôi một bao thuốc Pall Mall, và cười nói là quà tặng trong dịp lãnh lương. Tôi nhận cả hai tay. Tôi tự thấy tôi đã tiêm nhiễm đầu óc tư sản rồi. Dù sao, một điều thuốc dài có vị ngon tuyệt vời như Pall Mall này, hút vào cảm thấy khoan khoái hơn thuốc lá Nhân Dân. Hạo là người bạn thân nhất của tôi trong quân y viện này. Chúng tôi đã quên những gì của quá khứ. Chúng tôi đã thấy rõ lòng thù hận chẳng đưa con người đến đâu. Và hơn bao giờ, lòng thù hận giữa chúng tôi quả thật là phi lý. Có phải không? Tôi đã bắt đầu viết nhật ký sau một tháng quần quai cùng cơn đau đớn. Tôi vừa xin Tào một xấp giấy trắng và một cây bút nguyên tử.. Tôi tập trở lại những ngày lãng mạn cũ. Nhất là những ngày cuối năm, tôi thấy hình như một làn gió khác lạ thổi qua đời tôi, bắt tôi nghĩ miên man như thể đắm chìm trong một cơn mộng.

Nga, thì lúc nào cũng dễ thương. Cô bé ấy có đôi mắt sáng trong và thật ngây thơ như đôi mắt của đứa em gái tôi. Nga, tôi phải viết trăm ngàn lần gọi trăm ngàn lần, để khỏi nhớ nhung và nhung nhớ. Nga, con chim bé nhỏ của một thành phố xa xôi, đã bay về, mang tiếng hót trong nơi tù ngục đời tôi. Tôi phải cảm ơn nàng. Không biết, nay mai, khi rời nàng, tôi có đủ can đảm để dứt khoát với quá khứ không?

...Ngày cuối năm, giờ này thầy mẹ đang nghĩ gì ở thành phố Hà nội ấy. Hay thầy mẹ đang nhớ đến đứa con trai lưu lạc ở miền Nam. Hay mẹ đang khóc như một lần mẹ khóc trong buổi tiễn đưa con lên tàu. Hay thầy đang ngậm ngùi đốt thuốc lòn nhìn cơn mưa bụi ngoài hè phố... Con nhớ thầy mẹ lắm, Thầy mẹ ơi.. con muốn bay về cùng Hà nội, thăm lại con đường, ngôi nhà, hàng hiên, thăm lại căn phòng riêng của con, sờ mó lại tất cả những đồ đạc, bàn ghế, nhìn mái tóc của thầy mẹ đã đẫm sương. Làm sao thầy mẹ biết con đang ngồi trong trại tù binh, bên hai chiếc nạng gỗ, để nhìn cái chân tàn phế thế này.. Nếu thấy con, chắc thầy mẹ sẽ khóc ngất... Thầy mẹ hãy tha thứ lỗi cho con. Hà nội hãy dung thứ cho tôi. Tại sao tôi lại không về Hà nội như người bạn của tôi cùng chung một phòng? Tại sao tôi lại từ chối trong một buổi sáng, khi một phái đoàn hồng thập tự quốc tế đến hỏi tôi xác nhận lần cuối cùng. Được hỏi lý do tại sao, có phải vì bị bắt buộc không, tôi đã trả lời: bởi vì tôi không muốn trở thành anh hùng. Vâng, tôi đã quá chán nản với cái danh từ ấy rồi.

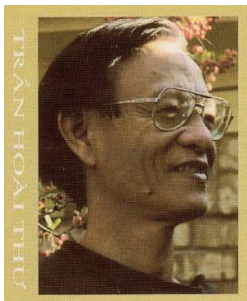
Họ đã đặt rất nhiều câu hỏi. Họ đã cố gắng thuyết phục tôi về một hiệp ước trao đổi tù binh và sự tự do lựa chọn trở về hay ở lại. Tôi chỉ nói một câu duy nhất: *tôi không muốn trở thành anh hùng*. Chắc họ cũng ngạc nhiên và những người sĩ quan của miền Nam đều phải hả dạ lắm. Nhưng họ làm sao biết được những giọt nước mắt của một kẻ tàn phế như tôi. Bây giờ, tôi không còn gì để giúp ích cho xã hội nữa. Nhất là một xã hội chủ nghĩa như miền Bắc mà lao động được xem như là cứu cánh. Tôi là kẻ bị bỏ lại, như người ta đã bỏ tôi trong đêm lợt vào phòng tuyến địch.

Lạy Thầy mẹ, hãy tha lỗi cho đứa con bất hiếu.

Hà nội quê hương của ta ơi, hãy bao dung cho ta.

Sáng nay, Nga đã không đến nữa. Hình như cô bé đã nghỉ việc. Tự nhiên buồn. Hay tôi đã yêu con chim nhỏ bé ấy? Hay tôi đã bắt gặp những gì yêu dấu của tuổi thanh xuân qua hình bóng dễ thương và nhí nhảnh ấy. Nga đã không đến. Và lòng tôi bây giờ chẳng khác một bể sâu. Tôi đã không kể về Hà Nội như đã hứa với Nga. Tôi đã không mang Hà nội như một lần Nga vùi vĩnh... Tôi muốn khóc khi nhai miếng cơm mà cô bé đã tặng làm quà Tết. Tôi nhớ những ngón tay trắng nõn đang dần tháo băng khỏi khúc đùi của tôi. Nga ơi, tại sao em lại mang tiếng hót vào cõi đời bất hạnh của anh. Bây giờ là cuối mùa đông của miền Nam, mà trời như bắt đầu vào thu ở ngoài Bắc, không có em, làm sao anh mang một thành phố ngập lá và và gió theo mây về bên ô lưới sắt?

Đêm trăng này nghĩ mát ơi đầu



Tiếng la hét cười giỡn càng lúc càng cuồng loạn trong một buổi hoàng hôn âm ỉ chiến tranh. Mặc những chuẩn bị, mặc những sửa soạn âm thầm. Mặc ứng chiến trừ bị, mặc Bắc Bình Sơn Tây Anh Dũng Non Nước, gà cồ gà mái... Chuyện ấy đã có cấp trên lo dùm. Còn nghĩ là còn nhậu. Tôi đã thực sự say rồi. Chỉ chờ đợi một trận mưa mát xanh mát vàng như mọi bận. Tôi chẳng cần bận tâm với hiện hữu. Chiến tranh, mặt trận, lệnh lạc, bóng những ngọn tháp thân yêu, những thẻ nhang trong một đêm chớm lạnh. Tôi đã hét la, cười sặc sụa, chửi tục như điên. Tôi không ý thức được nồng độ của nỗi buồn, khi nốc hết cốc này sang cốc khác. Bây giờ đầu óc tôi quay vòng vòng. Tôi tự biết mình sắp ngã. Có lẽ chỉ cần đứng dậy, là tôi sẽ cho chó ăn chề. Tôi thở hổn hển, nhắm mắt cố cầm cự cơn chóng mặt ghê khiếp. Gió ngoài đồng trống lại thổi

về vù vù. Có tiếng cười chế nhạo bên tai tôi: - Thằng này đã bỏ cuộc rồi anh em ơi. - Đúng là một con gà chết. - Uống vào nữa, con. Rồi con sẽ ngủ. Con sẽ quên. Con sẽ hết cô đơn. Thằng bạn đã vuốt mặt tôi, thậm chí như thể lờ ru. Tôi vẫn nằm ngay đơ. Lưng tôi dựa vào thằng bạn. Hắn lại đưa cốc rượu vào ngay cửa miệng tôi rồi tiếp tục vỗ về: - Này, uống thêm với tao một cốc. Một cốc cô đơn. Này có đôi mắt tinh nhân trong cốc rượu. Này có ngọn đèn yêu dấu. Tôi muốn bật khóc: - Mày đừng nhắc nữa. - Hãy làm một Phạm Thái, chỉ có rượu mới quên hình bóng của Quỳnh Như. Mắt tôi vẫn nhắm. Tôi van lơn: - Tao lạy mày. Mày đừng nhắc nữa. - Thì uống. Hắn đề tôi xuống, đổ rượu vào miệng tôi: - Cốc này, tao mừng mày còn sống trong đêm nay. Cốc này là cốc để quên Quỳnh Như của mày. Hãy quên để mà uống rượu, làm tình và đánh giặc...

*

Chúng tôi say như thế mà lệnh lại không chịu buông tha. Người ta đã không cho chúng tôi nghỉ thêm một giờ một phút. Nghề tăng phái là nghề chó má khốn nạn nhất. Người ta luôn luôn tận dụng tối đa chúng tôi. Hết trung đoàn đến tiểu khu, rồi bây giờ chi khu. Tôi được lệnh khi nằm xiêu lơ trên nền nhà. Cái lệnh đến thật không ngờ, giữa lúc chúng tôi cứ nghĩ là chúng tôi sẽ được thả về hậu cứ sau một thời gian dài tăng phái. Như vậy, lại thêm một quận lỵ bị đe dọa, hay một đồn địa phương quân nào đó bị vây hãm đang khẩn cấp đánh những tín hiệu cầu cứu về Sư đoàn. May mà tôi đã ngủ được một giấc và cái say ban đầu đã hình như từ từ tan biến. Tôi chửi thề, và nốc cả bi đông nước lạnh. Cổ vẫn còn thốc khô, và đầu óc vẫn còn choáng váng. Tôi ra hồ, nhúng cả mặt vào nước. Dưới ánh trăng mới mọc bóng của những người lính hiện mập mờ trên sân chợ. Họ bắt đầu tập hợp.

Vẫn những thủ tục quen thuộc. Tiếng gọi máy thử tần số của thằng Đông với thằng Yên, mang máy cho ông đại úy, nghe rõ mồn một. Dưới ngọn đèn điện của quận đường, những chiếc đầu chum lại trên bản đồ. Lại một cuộc làm ăn đêm.

*

Bốn chiếc xe đã đến bốc chúng tôi như dự định. Con đường quốc lộ đen hun hút, hai bên đường là ruộng đồng, và những xóm làng le lói ánh đèn. Gió lạnh thổi vào, se sắt. Tôi ngồi bên cạnh ông trung đội phó. Tôi nghe mùi rượu đế nồng nặc tỏa ra từ cửa miệng của người trung sĩ nhất gốc dân Nùng. Hai chúng tôi im lặng một lúc lâu. Chúng tôi đã quá quen thuộc những lần đi làm ăn đêm như thế này. Đã gần một năm, một thời gian quá dài để có đủ cái chai sạn của một lần ra quân. Tôi không còn có những cảm giác lo âu hay sợ hãi như ngày đầu về làm lính nữa. Bây giờ, tôi là tay lính nhà nghề. Chẳng cần thắc mắc, thao thức, băng khuâng. Bây giờ, lệnh kêu đi, là đi, lệnh kêu về là về. Lệnh dục tiến là tiến, dục lui là lui. Bây giờ đủ để biết những mảnh lói qua mặt đại đội trưởng để dẫn lính vào nhà dân ngủ thay vì phải ra ngoài đồng không, nằm trên gò huyết. Bây giờ, một chuyến đi là thấy rõ như trước mắt, những gì sắp sửa. Chốt địch phải nhỏ. Địch mạnh thì gọi xin pháo binh. Địch yếu thì nhào lên thanh toán. Có trục thẳng, sẵn sàng trên đầu, có gà cồ sẵn sàng gáy. Đằng sau xe, cả hai băng đầy người ngồi. Có kẻ đã trùm poncho vì lạnh. Những điều thuốc được đốt lên trong đêm. Gió mơn man da thịt. Chợ nhớ đến Quỳnh. Và cái khăn tay. Bỗng nhiên tôi lấy chiếc khăn màu lam mà Quỳnh đã tặng, áp vào mặt, vào môi mình, như thể hôn lên một mối tình đã mất.

*

Đoàn xe đã dừng bên một quận lỵ sau một tiếng đồng hồ di chuyển. Cả quận nghèo nàn, chết lặng từ 7 giờ tối thức dậy bừng loạn như một phiên chợ đêm.. Dân chúng như sợ hãi vì điềm dữ, bắt đầu đóng cửa gài then, và tắt đèn. Lũ chó lại tru tứ bề. Rồi giữa cõi lặng im như tha ma ấy, bỗng nhiên một tiếng loa lại vang dậy: A lô, a lô, yêu cầu đồng bào ai ở nhà nấy, không được ra đường. Anh em quân đội trở về mục đích che chở đồng bào. Xin đồng bào hãy yên tâm. Tiếng nói của ông già mắt còn trong cổ họng, rồi yếu lả trong tiếng gió. Lũ chó lại tru. Cả

thị trấn như nghẹt thở trong một bầu tai ách vô hình. Chỉ có chúng tôi bây giờ là những chúa tể trong đêm.

*

"Thiếu úy không biết, xã này là ổ Việt Cộng..."

Thằng truyền tin thì thảo với tôi.

"Tại sao mày biết"

"Em là dân địa phương mà."

"Tao thấy đâu có gì. Dân họ vẫn tốt với mình"

"Đừng tin thiếu úy à. Dân ở đây bên ngoài nói thương lính quốc gia mà bên trong sẵn sàng cắt cổ mình. Đêm đêm chúng tiếp tế đám nấu trong bưng, đắp mô, đặt mìn, cài công..."

Rồi hắn nói tiếp:

" Ngày trước, nơi này là chỗ nấu dùng quân trước khi đi tập kết ra Bắc.Đêm nào mấy ông cũng nhảy hòa bình với đàn bà con gái trong làng, rồi cho họ cái bụng chứa trước khi ra đi..."

"Để cấy giống"

Tôi cười nói với thằng đệ tử thân tín.

Có phải vậy không. Những ngôi làng chúng tôi đi qua, những người dân, ông già, bà già, con nít, chúng tôi đã gặp. Họ lạ chúng tôi. Họ khóc lóc thảm sầu. Họ làm chúng tôi không dám quăng lựu đạn xuống hầm, không dám bắn vào đám đông, không dám gọi pháo binh dập dù biết chắc kẻ địch đang chờ chúng tôi với khẩu tiểu liên Tiệp Khắc. Bên ngoài họ đau khổ khốn nạn đáng thương như thế đó, nhưng đằng sau họ, là những cán cuốc, cái búa, lưỡi dao bén sắc có thể cuốc hay bửa vào đầu chúng tôi. Không thể tin vào cái thẻ căn cước để chúng tỏ họ là dân vô tội.Rõ ràng chúng tôi phải mệt thở, phải điên khùng vì cái cuộc chiến quá kỳ lạ này. Cái cuộc chiến không có giới tuyến, không có lằn ranh, không có người khác ngôn ngữ, màu da, như Tàu, Tây để mà dễ dàng vùng lên giết quân thù. Cái cuộc chiến mà kẻ thù vô hình vô ảnh. Ma rình rập khắp nơi. Có thể là đám dân hiền lành đang gặt lúa trên đồng, hay thằng nhỏ chăn trâu. Có thể là đám đàn bà đang ngồi trước nhà nhìn bọn lính đi qua, để rồi đi báo cáo...

*

Đại bàng chấm điểm làm ăn đêm. Tôi khoan trên bản đồ bằng bút chì mờ và trở về trung đội. Bóng tối khiến đám quân mập mờ như bóng ma. Tôi soi đèn pin trên bản đồ, rồi nói với ông trung đội phó: Đêm nay mình nằm chỗ này. Tình hình có vẻ nghiêm trọng lắm, trung sĩ. Tôi nghe quận kế cận đã bị mất. Ông kêu anh em chuẩn bị zulu. Ông Tướng không nói. Ông đã biết công việc của ông. Cất đặt trực gác. Chia tổ nào đi đầu. Tổ nào đi sau. Thay mặt tôi phạt những tên lính ba gai. Lại có tiếng chó tru. Tiếng tru dội về dài buồn thảm. Tự nhiên vàng trắng lọt vào mây, và bầu trời trở nên tối mịt. Người lính tiền sát hỏi tôi, đi lối nào. Tôi bảo hướng về phía núi. Nó nhắm hướng tìm đường. Lũ chó lại thi nhau sủa. Thằng Đông truyền tin chữ: Tổ cha bọn bây, ông mà tóm được, ông nhúng ngay vào nồi nước sôi thì hết sủa. Tôi cười thầm. Lại tên này nữa. Chỉ mỗi một mình nó là thằng nhiều chuyện nhất.

Chúng tôi bắt đầu đi. Bây giờ chúng tôi chẳng khác đoàn quân ma. Trời ối. Đêm. Dưới ánh trăng, con kênh chảy xiết, nước xoáy mạnh. Người lính tiền thám ngần ngừ dừng lại. Cả toán dồn cục chờ đợi tôi. Tôi hỏi sao lại đứng vậy, rồi bỏ thằng truyền tin tiến lên đầu. "Nước chảy dữ, thiếu úy". Trong đêm ngạt thở, chỉ nghe tiếng nước chảy cuồng nộ.

*

Cuối cùng, chúng tôi cũng tìm được địa điểm làm ăn. Một gò mồi nổi lên giữa đồng không mông quạnh. Tôi thì thảo với ông Tướng: Chỗ này được trung sĩ. Hơi rượu để nồng phả vào mặt tôi. Tôi hỏi: Ông uống rượu nhiều lắm, phải không. Ông Tướng trả lời: Đâu có nghĩa lý gì, thiếu úy. Vâng. Tôi biết ông coi rượu như nước. Ông nhớ bảo chúng nó đừng ngủ gục. Phải nhớ mặt

lệnh. Ông Tướng dạ, rồi bỏ đi. Còn lại tôi cùng Đông, người lính truyền tin. Chúng tôi báo cáo về bộ chỉ huy tọa độ phục kích. Tròn đang tìm chỗ nằm để trải tấm poncho. Tôi nhìn về phía xóm. Không có một ánh đèn. Chỉ nghe đều hiu tiếng chó sủa ròi rạc. Chắc chó sủa trăng. Những khóm dứa in trên nền trời trăng sáng. Những khóm tre in thành vệt thẫm. Cánh đồng loang loáng ánh trăng. Chắc đêm nay rằm hay 16 gì đó. Gió đêm mơn man. Bóng những người lính ẩn hiện. Khung cảnh làm tôi phải xúc động muốn ghi lại trên giấy. Tôi xúc động thật sự. Những đứa con tôi, và cả tôi nữa, họ côi cút như vậy, âm thầm chịu đựng như vậy, có ai cảm thông cùng họ ? Có ai đêm nay tự hỏi giờ này họ đang làm gì, tại sao ta được bình an. Và cả Quỳnh nữa. Em làm sao biết đến giờ phút này, trong túi anh vẫn còn mang theo chiếc khăn tay màu lam của em. Không phải là em gửi về anh những nhớ nhung trên đường kim sợi chỉ, mà gửi theo lòng dạ vô tâm. Trời ơi. Tại sao ta lại chôn hoài trong con tim một nắm mộ đã tàn nhang khói. Nhìn lên trời, trăng tròn và sáng vàng vạc. Chỉ có vàng trắng mới là tình nhân của ta lúc này. Cả một không gian như sáng láng. Cả một vùng đồng không cũng sáng láng màu trắng. Và ngọn đồi trước mặt cũng vậy. Có người nói, người nghệ sĩ là kẻ rất giàu. Hắn có đất trời vô lượng, có trăng sao, có vẻ đẹp, có những thứ mà người thường không thể có. Thì ta đang có đây. Có tất cả. Còn hơn thế nữa. Có cả gian truân nhọc nhằn. Có cả niềm hãnh diện. Có cả cái kiêu ngạo. Có cả cái sống và cái chết. Nhưng ta không thể có em. Em biết không. Hỡi Quỳnh yêu dấu./.